

VƯƠNG - HỒNG - SÊN
sưu tập

Chuyện Cưới Cô nhân

NHÀ XUẤT BẢN VIỆT HƯƠNG

Từ nhà kho Quán Ven Đường

VƯƠNG HỒNG SEN *Sưu - tập*

CHUYỆN
CUỘI
CÔ NHÂN

NHÀ XUẤT BẢN VIỆT - HƯƠNG

CHUYỆN CƯỜI CÒ NHÂN, IN LẦN
THỨ NHÚT, NGOÀI NHỮNG BẢN
THƯỜNG CÒN CÓ 20 BẢN ĐẶC
BIỆT ĐÁNH SỐ TỪ 1VHS ĐẾN
20 VHS DÀNH CHO TÁC GIẢ.

Tác giả giữ bản quyền

R_2

T Ủ

Từ ngày về hưu năm 1964, ăn hết tiền dư rồi, thay đổi sống rất buồn, nhưng không lẽ chết. Năm 1966, không biết làm gì cho nên thân, tôi bèn lục mớ tài liệu săn có (xem mục-lục sách sưu khảo), tôi dọn kỹ lại làm hai tập nói về Tiếu-lâm, gọi để giết thì giờ. Đang soạn ngon tròn, có người lại bàn « tiếu-lâm khó qua lọt dây kéo kiểm duyệt », tôi bèn thôi không tiếp tục viết về Tiếu-lâm, bỏ đó, bắt tay qua loại sách khảo cứu về đồ xưa, chắc ăn hơn.

Là lay là đầu tháng chín năm rồi, có người lại nhà khuyen khich và đặt tôi viết cho kịp Tết Tân-Hợi (1971), những gì tôi biết về « tiếu-lâm từ xưa đến nay và từ Nam chí Bắc ».

Như vậy là trúng tủ thuốc của tôi, nên tôi trở lại cầm đầu viết ngày viết đêm, nối lại công việc bỏ dở từ năm 1966.

Kề ra tôi mê tiếu-lâm không phải mới đây. Bằng chứng là tôi có nhiều bộ rất xưa, ít ai để dành được như tôi, như :

- chuyện khôi hài của ông Trương-Vĩnh-Ký, in năm 1882 (38 chuyện),
- chuyện tiểu-lâm của ông Phụng-hoàng-San do ông Đinh-Thái-Sơn in năm 1912 (43 chuyện) (cuốn này nhà Thuận-Hòa ở Chợ-lớn có tái bản năm 1954),
- truyện tiểu-đàm của Phụng-hoàng-San và Dương-Diếp, in năm 1914 (50 chuyện), không kể nhiều sách khác, nhiều cuốn gắt cùi kiệu tôi đã kê trong mục lục theo sau. (Không cho tôi in lại mờ nay là mất đi những tài liệu quý, hiếm có về văn chương bình dân). Một bằng chứng khác hiển hiện hơn là năm 1924, khi còn làm thơ ký tại Trường Máy đường Đỗ-Hữu-Vị, nay là trường Cao-Thắng, tôi đã mua từ Hà-nội với giá sáu cắc bạc (0\$60), một bộ ba tập « Tiểu-lâm Annam của Thọ-An » :
- tập 1 (31 chuyện) do nhà Ích-Ký, 58 phố Hàng Giấy, in lần ba năm 1924,
- tập 2 (33 chuyện) do nhà Ích-Ký, 58 phố Hàng Giấy, in lần ba năm 1924,
- tập 3 (44 chuyện) do nhà Ích-Ký, 58 phố Hàng Giấy, in lần nhứt năm 1918.

Trên ba tập nhỏ nầy, tôi còn ghi « về đến Sài-gòn theo tàu Orénoque ngày chúa nhựt 7-9-1924, tức mồng chín tháng tám năm Giáp-tý », cách nay đã 47 năm.

Căn cứ theo bìa tập 3 ghi rõ in năm 1918, tôi tính ra đến năm 1971, sách in đã 53 năm, chủ quyền tác giả đã tiêu, ai khai thác cũng được, nên tôi đem so sánh với các bộ tiểu lâm trong Nam, để thấy hai giọng kể chuyện, gọi là góp chút ít tài liệu cho học đtròng khan hiếm sách cũ, so sánh để biết vậy thôi chứ cũng không có ý chỉ trích ai mượn của ai vì theo tôi, tiểu lâm là của bá già chư tử để lại không quyết ai là tác giả được. Cho đến đầu tháng chạp năm 1970, thì tôi dọn được trên hai trăm trang đánh máy, công việc đang xúc

tiến khả quan, tinh cờ tôi quen được một bạn nhỏ rất
dễ thương, anh Phạm Thanh Liêm làm giáo sư trường
tư, anh đưa cho xem một mớ tài liệu sốt dẻo về tiểu
lâm, trong số có một tập VĂN, tưởng niệm Phạm
Duy Tốn.

Đọc tập VĂN này, tôi bỗng giật mình vì biết được Thọ
An mà mình đang khai thác, không ai khác hơn
là nhà văn quá cố, lão tiền bối Phạm Duy Tốn, thân
sinh của anh Phạm Duy

Trích văn của một người mình không thể gặp, còn có
thể dung chép, khi mình ngay thẳng ghi tên tác giả vào
đoạn văn trích lục. Nhưng đối với một người thừa kế
đáng mến như anh Phạm Duy thì lẽ phép dạy phải
có ít lời xin sự ưng thuận trước.

Cũng may ông thần Cơ-hội theo ủng hộ, nên nhơn ghé
tòa soạn Bách Khoa, sáng sớm 14-1-1971, nhờ anh
Lê Ngộ Châu dọn đường, anh Phạm Duy ở đầu giây
điện thoại còn ngáy ngủ, tôi vừa nói, đã chấp thuận
ngay, không đợi nhiều lời. Thiệt là tử tế hết sức, tôi
cảm động quá. Tôi không dè sự việc dẽ như vậy nên
tôi chạy bay về nhà tiếp tục đánh máy cho mau rồi
cuốn sách.

Nhưng kể đó vào những giờ cướp giấc trưa, tôi đọc
kỹ những sách của anh Liêm cho mượn thì còn hai
nỗi khó chưa gỡ xong :

— cái khó thứ nhất là trong Văn nói trên, truong 34-
35, ông Vũ Bằng nói «cụ Ích-Ký bà có nhượng quyền
xuất bản Tiểu lâm Thọ An cho thày của ông».

— cái khó thứ nhì là trong tập VĂN HỌC số 112, noi
truong 23, ông Đồ Nam lại nói : «Do nhà Ích-Ký
ở phố Hàng Giấy để lại, thân phụ tôi mua được bản
quyền ba cuốn Tiểu lâm Quảng Ký của cụ Phạm Duy
Tốn».

Đến đây tôi lấy làm lo vì sao có một bản quyền về

*Tiểu lâm Thọ An mà nhường đến hai nhà ? Rồi tôi
biết thương lượng với ai cho khỏi lôi thôi mich lòng ?
Và tôi sợ nhất là mich lòng, vì chủ tâm của tôi là so
sánh, muốn xin được phép trích lục và nhứt định
không làm nghè ăn cắp.*

*Lại còn một nỗi lo khác là biết kiểm duyệt có để nguyên
cái bánh hay là cắt xén rã rời ra hết thì thà dẹp
quách đừng in, thế mà xong hơn.*

*Sau khi suy nghĩ hai đêm, tôi thấy « vạn sự khởi đầu
nan », nếu tôi chờ đến năm 1974, tiêu chủ quyền tác
giả hai cuốn 1 và 2 in năm 1924, thì lâu quá sợ Diêm
vương không cho tôi ở lại đến năm đó, nên chỉ tôi thử
thời vận bằng cách này :*

Thứ nhứt.— *Đem kiểm duyệt trước. Nếu suôn sẻ êm
thầm không cắt xén hàng nào, thì sẽ hay. Tôi xin nói
trước, đời Tây là khó mà còn cho in y nguyên. Không
lý sau mấy chục năm, ta lại nghiêm khắc hơn Tây hồi
đó hay sao ? Vả lại, tiểu lâm, theo ý tôi, thuộc về văn
chương bình dân, nếu nó tục là tại nó như vậy, cấm là
cấm làm sao ? Nếu cấm thì nên cấm luôn thơ Hồ
Xuân Hương, cắt bớt nhiều đoạn trong Kiều và xé bỏ
nhiều trang tục tĩu của nhiều tự vị, tự diễn, chỗ nào
cắt nghĩa rành rọt về mấy tiếng ác ôn đó, mấy tiếng
mà khi giảng dạy, các giáo sư thạc sĩ y khoa năng
dùng hơn ai hết, trước mặt các cô các cậu sinh viên
trường thuở, còn trong trắng như ngọc ngà.*

Thứ nhì.— *Nếu lọt khỏi kiểm duyệt mà còn nguyên
vẹn, khi ấy tôi sẽ tìm anh Phạm Duy, nhờ anh đưa
tôi đi tìm hai văn hữu kia để thương lượng. Mà
tôi dám chắc việc sau dễ làm hơn việc trước.*

*Không được thì thôi, chờ cái bánh cắt ra là tôi không
ăn. Mà tôi không đòi vì đã có bản săn có để an ủi
và lấy đọc khi nào cũng được.*

Vân Đường phủ, số mới 11 Gia Định,
đường Nguyễn Thiện Thuật, 18-1-1971
(22 tháng chạp năm Canh tuất)
ANH VƯƠNG, VƯƠNG HỒNG SÈN

Lời khai không ai hỏi

Tôi là một tên dân Việt rất tốt, chưa có tiền án.

Bà xã rất ngán tôi, vì tôi có tánh yêu đời và bất cứ thứ gì đẹp đều yêu: yêu sách vở, yêu cỗ-ngoạn, yêu ngắm đòn.

Bốn vách đều có va đập vào nhưng chưa bể, nay thêm ghiền trà: bác-sĩ cầm thì uống lén.

Ưa giêu cợt, ưa ngâm thơ tuy ngâm sai giọng, ưa ca hát tuy trật nhịp, bởi đòn không tươi ngón nên thô, biết và hiểu hát bội. Có một món ưa nhứt đời là đồ xưa, nhưng không có tiền mua. Thích hơn hết là nói tiểu lâm, từ chuyện tăm phào vô hại đến chuyện hài hước mua cười, nói trước bừa ăn, nói sau bừa ăn, nói trước khi ngủ, trong khi mót, sau khi thức dậy, có khi đào lỗ nói rồi lắp lại.

Có lúc cũng biết nói cộc, rất ba trợn, chưa biết bợ ai, không làm bộ, còn lương tâm.

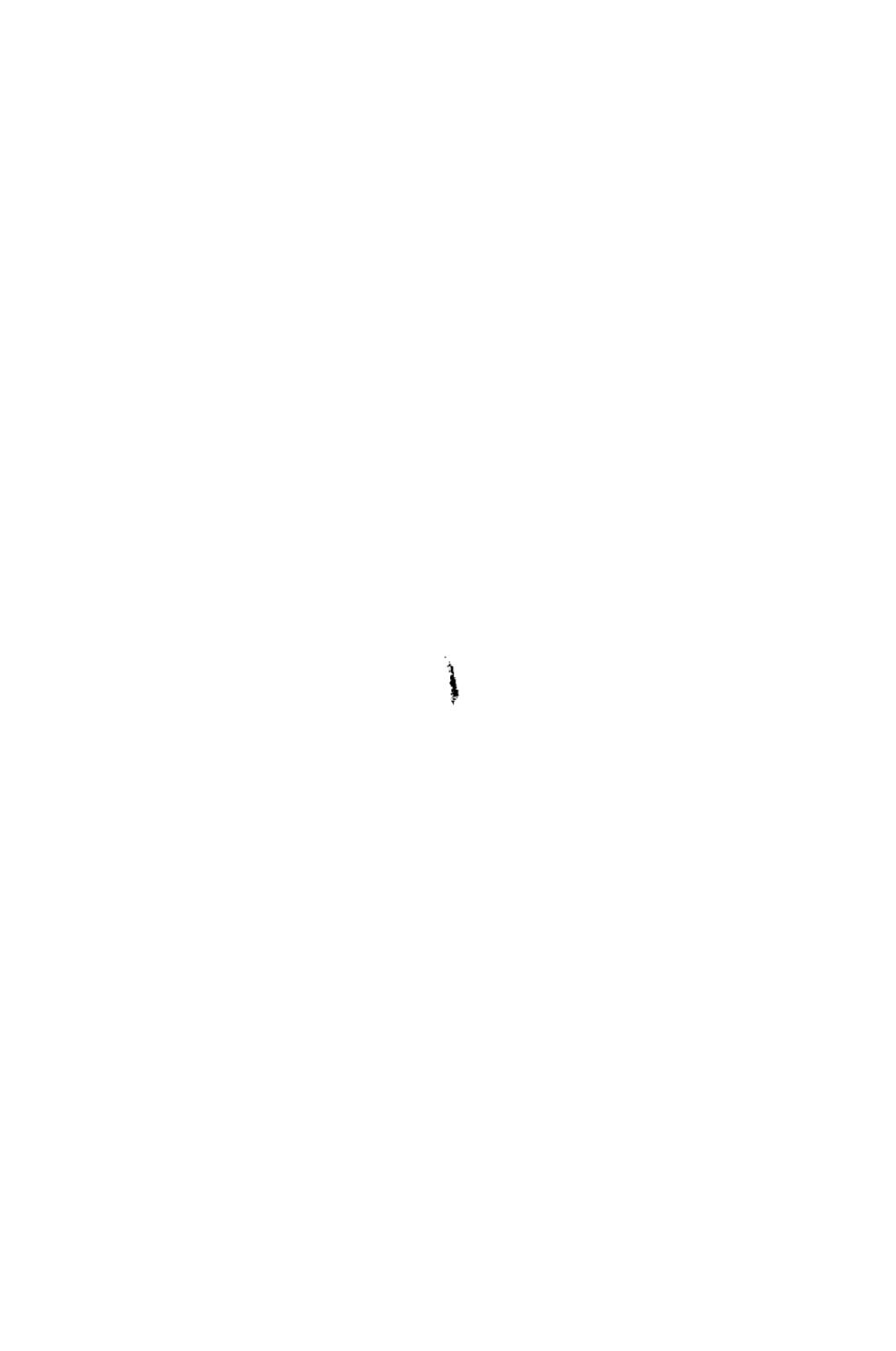
Tức khi dăn ép quá, không xì ra thì chết. Mà chưa muốn chết. Còn yêu đời và muốn thấy thăng bình, trước khi ra đi.

Viết tiểu-lâm để có tiền mua cà và miếng cơm.

Xin kiêm duyệt niệm tình đừng cắt cụt.

V. H. S.

18-1-71



Sách tham khảo:

- 1 Tiếu lâm của Phụng Hoàng San, Đinh Thái Sơn xuất bản, nhà in Phát Toán Sài gòn 1912, sách này nhà Thuận Hòa Chợ lớn in lại năm 1954
- 2 Truyện Tiếu đàm của Phụng Hoàng San và Dương Diếp, bản nhì Sài gòn 1914
- 3 Truyện Ông Ó, Bùi Quang Nho, bản 1, nhà in Huỳnh kim Danh, Sài gòn. 1913
- 4 Kho truyện giải buồn Ba Giai của Nguyễn Nam Thông, Nhật Nam xuất bản. 1934
- 5 Tú Xuất, quyển 4, Nguyễn Nam Thông soạn, Tân Dân xuất bản. 1931
- 6 Tú Xuất, quyển 5, Nguyễn Nam Thông soạn, Tân Dân xuất bản năm 1931
- 7 Ba Giai, Tú Xuất, Thế Giới xuất bản (Đồ Nam), quyển 1 (không ghi năm in)
- 8 Ba Giai, Tú Xuất, Thế Giới xuất bản (Đồ Nam), quyển 11 (không ghi năm in)
- 9 Cố tích nực cười, Nguyễn Quỳnh soạn, tác giả tự xuất bản. 1957
- 10 Tân tiếu lâm, Lò Léc Du Du I, Lạc Sinh, nhà in Phạm văn Tươi, in năm 1952

11	Cõng Quỳnh (quyển 1) Nhơn Ái, Thuận Hòa xuất bản, in năm	1957
12	Cõng Quỳnh (quyển 2) Nhơn Ái, Thuận Hòa xuất bản, in năm	1957
13	Chuyện tiểu lâm và cõi tích, Công Thành sao lục, Phạm văn Mạnh quyển 1 in năm	1950
14	Chuyện tiểu lâm và cõi tích, Công Thành sao lục, quyển 2, in năm	1950
15	Tiểu lâm Việt Nam Cử Tạ, nhà sách Khai Trí in năm	1968
16	Chuyện tiểu lâm Lý Đinh Dù, Hương Giang xuất bản (quyển 1), năm	1970
17	Tiểu lâm Giao chỉ Lý Đinh Dù, Chiêu Dương xuất bản (quyển 2) in năm	1970
18	Tiểu lâm Tân thời Lý Đinh Dù, Chiêu Dương xuất bản (quyển 3) in năm	1970
19	101 chuyện cẩm cười Tú Xê, Khai Trí in năm . .	1970
20	102 chuyện cẩm cười Tú Xê. Khai Trí in năm. .	1970
21	103 chuyện cẩm cười Tú Xê, Khai Trí in năm . .	1970
22	1001 chuyện cười Bửu Kế, nhà Khai Trí xuất bản. .	1969
23	VĂN số 169. Tưởng niệm Phạm Duy Tốn in năm .	1970
24	VĂN HỌC số 112 (Án quán Văn Học Sài gòn) . .	1970
25	Tiểu lâm An nam do Thọ An soạn, bản Ích Ký cuốn 1 in lần 3, năm	1924
26	Tiểu lâm An nam do Thọ An soạn, bản Ích Ký, cuốn 2 in lần 3, năm	1924
27	Tiểu lâm An nam do Thọ An soạn, bản Ích Ký, cuốn 3 in lần nhứt, năm	1918

Loại sách chữ Pháp:

28.	Recueil de bons mots historiques, M. Glomeau, Paris	1918
29	T.S.V.P.J.W. Bienstock et Curnonsky Ed. Crès, Paris.	1924

*Cuộc đời nghĩ chẳng là bao ;
Tôi gì hay khóc, làm sao không cười ?
Trăm năm cái cõi đời người.*

(trích cuốn G. Cordier tr. 326)

*Có ai mua cười ra mua !
Cười cay, cười ngọt, cười chua, cười bùi :
Cười buồn lại có cười vui,
Cười trăm nghìn sự mua cười ra mua !*
(trong sách Cordier, tr. 328.— Sơn Phong, sách xem tết Mậu-thìn).

*Này cười đi, này cười đi !
Đừng ngồi sỉ mặt làm chi nữa ngoài !
Người đâu như khóc than hoài !
Không cười kiếc, để cho người ta vui !*

(Cordier, sách xem tết Mậu-thìn)

*Một ánh trăng trong, trong lòng châu nước,
Một đôi mắt uớt trên mặt xinh xinh,
Mắt kia chứa mấy nhiêu tình,
Không cười kém đẹp, cô mình biết chưa ?*

* * *

*Một hột nước trong, trong lòng lá thăm,
Một tia nắng ấm tắm trọn căn nhà,
Hoa, trăng đừng úa chó tà,
Tiếng cười như đã một và lòng ta.*

1 | Chuyện Ký Viên

Ông Ký Viên, thuở còn đi học, dạo ra ngoài đồng, thấy có ba ông già chừng bảy tám mươi tuổi, tóc râu trắng bạc, lùm khum cuốc đất, công việc làm như kẻ còng trai.

Ông Ký Viên hỏi: — Ba ông tuổi tác chừng ấy, tiếp dưỡng thè nào, mà sức lực còn mạnh thè ấy?

Một ông trả lời: — *Thất nội cơ thô xú* (nghĩa là trong nhà vợ thô kém).

Một ông đáp rằng: — *Văn phan giảm số khẩu* (nghĩa là cơm chiều bớt và miếng).

Ông thứ ba đổi lại rằng: — *Dạ ngoa bất phúc thủ* (nghĩa là đêm nằm chẳng úp đầu).

Ông Ký Viên bèn nỗi ba câu ấy mà rằng: — *Chỉ tai tam tẩu ngôn, Sở dĩ thọ trường cửu* (nghĩa là: ý chỉ thay lời ba già, chỗ do sống lâu xa).

Chính là lời dạy người ta muốn hướng tuổi xa, thì phải tiết kiệm thực, viễn sắc dục, vẫn hiệp với lời Tiền Kiên ca rằng:

Thượng sĩ dị phòng,
Trung sĩ dị bị,
Phục dược bách lỏa,
Bất như độc ngoa.

Nghĩa là : Kẻ thương sĩ riêng phòng, kẻ trung sĩ riêng mèn ;
uống thuốc trăm viên, chẳng bằng nằm riêng.

Đính vân cả hai bài ca :

Thất nội cơ thô xú,
Văn phan giảm sò khầu,
Dạ ngọt bất phúc thủ,
Chỉ tai tam tầu ngôn,
Sở dĩ thọ trường cửu.

(trích “ Chuyện giải buồn ” cuốn sau,
của Ông Huỳnh Tịnh Của, bản in
Quản Hạt năm 1895, trang 5).

Lời bàn thêm.— Bài này ý vị thảm trầm, lời lẽ trang nhã, băng mấy thang thuốc bồ, đáng ghi vào đầu cuốn sách này. Chuyện gọi giải buồn, tức là để đọc cho vui. Muốn vui mà ép buộc ba điều : già không nên có vợ đẹp, già không nên rán ăn quá mức buồm tối ; rốt hết, già không nên nằm sấp mặt, (tức cấm làm cái việc đó !) (giảng như vầy đã thấy tục rồi). Nếu ai áp dụng đủ ba phương pháp này, thì khỏi đau lưng, khỏi đau bao tử, và không bao giờ mắc tim phòng !

2 | Cây đơn

Một ông về hưu đã lâu, nhân buổi chợ, định ra mua cây đơn về giống, để lấy lá làm thuốc. Cả dãy hàng cây, chỉ có một hàng có cây đơn thôi.

Ngài hỏi :

— Cây này bán bao nhiêu ?

- Ngài muốn mua ? Người ta thì bán rẻ, chứ ngài... tôi xin mười nén...
- Cây có bằng một tí, lơ trơ vài cái lá... Sao nói thách với tôi ?
- Ngày trước bất cứ to nhỏ, ngài cũng lấy mỗi lá đơn là một đồng...
- Kìa ! Lý cựu bây giờ về bán cây đấy à ?

Kim Xuyên (Văn cưỡi)

(trích cuốn *Morceaux choisis d'auteurs annamites* của ông G. Cordier, bản in Lê Văn Tân, Hà nội năm 1935, trang 322)

Thiệt là sâu sắc, miên phê bình, ngọt thanh như cam xứ Đoài.

3 | Ông điếc đi mừng tuổi

Ông vừa bước vào nhà, con chó sữa. Chủ nhân ở trong nhà nghe chó sữa vội chạy ra. Ông trách ngay chủ nhân :

Đầu năm năm mới đến nhà ông,
Đã bắt đầu ngay gấp sự rông :
Con chó cứ nhìn mình mà ngáp,
Thế thì nồng nỗi có buồn không ?

Ông kia hiểu ngay, liền ghé vào tai ông điếc mà nói to :
← Xin quan bác tha lỗi. Con chó này tôi mua ở làng Bếp
về đây, sáng hôm nay nó chưa được hút.

Ông điếc gật gù mà nói : — Thảo nào...

Sơn Phong (Sách xem tết năm Canh ngọ)
(Cordier.— *Morceaux choisis d'auteurs annamites*, Lê văn Tân, Hà nội, 1935, tr. 326).

Lẽ bái tồ đã xong, tôn sư dạy, ăn chay gấp bữa tiệc vĩ kèo, cứ nuốt ba vắt cơm lạt, rồi được phép nhúng đũa vào đồ mặn, không tội vạ chút nào, miễn người đi tới đâu thì mình đi tới đó.

Lẽ đà đù lè, từ trang này sấp sau, nói tục mới là tiểu lâm. Các bà ưa mắc cỗi, xin xếp sách đứng đọc nữa, để gấp nhau còn chào.

Gia định, Văn đường phủ, 8-12-1970.

4 | Sửa mũ mấn

Có hai anh học trò, một tên Dương Thăng, một tên Lý Diệp, rủ nhau đi thi. Trên đường thiên lý, Lý Diệp cõi ngựa chạy sau, thấy đuôi ngựa Dương Thăng gió thổi phơ đẹp lắm, bèn nói với tờ rằng: Đề tôi ra cho anh một câu đố, anh đố chơi đỡ buồn.

— Chú ra đi, tôi đố cho.

Lý Diệp ra câu đố như vậy: *Phong xuy mã vĩ, thiên điều tuyển.* (Gió đưa đuôi ngựa, ngàn lông mướt).

Dương Thăng ngoé quanh ~~ngó~~ quắt, bỗng thấy có bầy trâu đương đứng ăn cỏ dưới bầu trời mưa lún phún, liền ngụ ý đố lại rằng:

Võ sái ngưu đầu, vạn điểm sương. (Mưa rưới đầu trâu, muôn điểm sương).

Làm được hai câu như vậy, cả hai đều mừng, vừa ý ~~nghẹn~~ lắm, chắc phen này làm gì cũng đậu. Chạy được một dối xa, vừa tới một ngôi miếu cũ, bỗng thấy có một ông già tóc râu bạc phơ, có vẻ tiên phong đạo cốt, đón đầu ngựa

tay cầm quạt lông, thi lễ mà rắng : Xin hai thầy dừng ngựa lại, già muối nói một đôi điều. Hai người lật đật xuổng ngựa. Ông ấy nói rắng : Hai thầy quả bực cao tài, chuyến này đi thi ăn đậu cao. Khi nãy tôi nghe và lấy làm thích thú, một thầy ra cũng hay mà thầy đối lại cũng xứng. Mà phải chi hai thầy cho phép tôi sửa lại đôi chữ thì là hay vô cùng. Vì theo tôi hiểu, làm sao hai thầy dám chắc đuôi ngựa đếm một ngàn sợi lông, còn hột mưa đủ một muôn hột ? Hai anh học trò kinh hãi, vái dài mà rắng : Xin ông dạy giùm chúng tôi. Ông già nói : Theo ý già, thì như vầy : Câu ra : *Phong xuy mã vĩ điều điều tuyển*. (Gió đưa đuôi ngựa lông lông mướt). Còn câu đối lại thì : *Võ sai ngưu đầu diêm diêm sương*. (Mưa rưới đầu trâu diêm diêm sương). Hai người nghe rồi càng thêm kinh sợ, chắp tay hỏi : Chẳng hay ông là người gì và ở đâu ?

Ông ấy rắng : Nói thiệt, tôi là ông thần ở tại cái miếu này. Hai người nghe rồi liền lạy mà rắng : Xin ông dạy thêm, giúp hai anh em chúng tôi chuyến này đi thi cho đậu. Ông thần lấy tay khoát khoát mà rắng : Tôi nói không lẽ hai thầy lại cười, chờ nay, tôi làm ra thì không đặng, song có một điều ai làm sẵn tôi đút tay vô sửa mũ mǎn thì hay lắm !

Thuật theo Phụng hoàng San và Dương Diếp, Truyện tiểu Đàm, xuất bản năm 1914, Saigon, nhà in de l'Union, trang 5).

(*Mũ mǎn* là khăn xếp khăn ché, xưa xếp lại một vành để đội chịu tang, và có lệ mình đội cho mình ít được ngay ngắn, vì xưa không mấy có kiếng soi, nên thường đội rồi thì nhờ người khác sửa lại cho khỏi lệch. Ở đây, tác giả vô tài, chỉ ra công chép lại chuyện cũ trong sách xưa, có thêm nhurn thêm nhị một vài chỗ... Nay mượn làm bài tựa xưa để răn mình, cũng như kiểu lỗi trước.

5 | Dương phù âm trợ

Có một anh, yếu như sên, nhát như cáy, đi thi cử vũ, không đỗ. Đến sau, nhờ có thần thể, lo chạy được bồ chúc phó lãnh binh. Khi đi đánh giặc, mới trông thấy hơi bóng giặc, đã cẩm đầu ù té chạy. Giặc đuổi theo, anh ta sợ run cuống cẳng, chạy không được. Sắp sửa bị quân giặc bắt, bỗng tự nhiên nghe có tiếng bảo rằng: «Có ta đây, đừng sợ!» Anh ta ngoảnh cổ lại nhìn, thì không thấy giặc đâu nữa, mà cũng chẳng thấy ai cả. Mới chắp tay vái rằng: «Không biết ông thần nào anh linh, cứu tôi khỏi chết vậy?» Tiếng văng vẳng nói: «Ta là thần bia đây!»

— Vậy chứ tôi có công đức gì cảm động đến ngài, mà ngài cứu tôi?

— Ta cứu nhà ngươi là vì rằng: Kỳ thi vũ mới rồi, nhiều người bắn ta khô lăm; duy chỉ có một mình nhà ngươi là không nỡ bắn trúng ta mà thôi, cứ bắn ra ngoài xa cả. Bởi thế cho nên bây giờ ta già ơn nhà ngươi đấy!

(trích Tiểu lâm Thọ An, bản Ich Ký,
Hà nội, năm 1924, số 24 trương 30).

6 | Ông thần bia (Xem bài số 5 trước)

Cũng một đề tài: «Dương phù âm trợ», đây là một bài thuật theo giọng miền Nam, tôi xin chép y nguyên văn, rút trong bồn Tiểu lâm Phụng hoàng San, do nhà Phát

Toán in năm 1912 tại Sài gòn, bài ấy như vầy :

« Ông thần bia

« Có anh thi võ cử mà không đỗ, sau nhờ người đỡ đầu
đặng làm chức tẩm thường. Khi ra đánh giặc thua chạy,
bị giặc đuổi ná, xảy nghe có tiếng kêu rắng : « Có ta trợ
lực đây ! » Ngó lại thì giặc đã về hết. Anh ta chắp tay mà
vái rắng : « Chẳng hay ông thần chi cứu tôi khỏi chết ? » Tiếng
nói lại rắng : « Ta là thần bia đó ! »

Hỏi : « Tôi có đức chi mà cảm động tới ông thần bia, nên
ông cứu giúp tôi ? »

Nói : « Cái đó là ta trả ơn cho nhà ngươi, vì trong hội thi
võ, nhiều người bắn ta lăm, duy có một mình nhà ngươi
nói tay mà thôi. »

(Tiểu lâm Phụng hoàng San, nhà Phát
Toán Sài gòn in năm 1912, trang 3).

Sau đây, cũng một đề tài « tánh người hoãn dài », tôi sao
y hai bài này :

7 | Ăn nói khoan thai

(Số 29 bản Thơ An)

Ngày xưa có một người nuôi phải thằng dày tờ tính hay
lau táu, chưa đặt đít đã đặt mồm, bạ đâu nói đấy, chẳng ra
đâu đuôi làm sao cả.

Một hôm thầy mắng tờ rắng :

— Từ rày không được ăn nói hấp tấp như thế nữa. Nói
câu gì phải cho có đầu có đuôi, chứ không được nói
nhẳng nói nhít.

Một nhát, người chủ ngồi ăn thuốc lá, tàn thuốc rơi vào áo nhiều. Thằng dày tờ trông thấy mới ra đứng khoanh tay, nói thong thả rằng :

— Thưa thầy... trứng con ngài... đem ủ... nở ra... con tắm... Con tắm... kéo kén... Kén... ướm tơ... Tơ đem ra... kẻ chợ... bán... Người ta... mua về... bán lại cho... chủ khách... Chủ khách... đóng hòm... chở về Tầu... Bên Tầu... mới đem... dệt thành nhiều... Thành nhiều rồi... đóng hòm... lại chở... sang bên... An nam... Cửa hàng ta... buôn về... bán lại... Thầy mới đi mua... đem về nhà... gọi... thợ may đến... cắt áo... khâu xong... thầy mặc... thầy ngồi... ăn... thuốc lá... tàn thuốc... rơi... cháy kia kia.

Anh chủ vội vàng trông xuống, thì áo đã cháy mất một mảng to. Giận quá mảng thằng ấy rằng :

— Sao mày không bảo ngay, mà mày nói lôi thôi thế?
Nó thưa rằng : Vừa ban nãy, thầy mới dặn con phải ăn
nói cho có đầu có đuôi.

(Tiểu lâm An nam, Thụy An soạn, Ich Ký
Hà nội xuất bản, lần 3, 1924, tr. 41).

8 | Tánh người chậm lụt

(Số 13 bản Phụng hoàng San)

Mùa đông lạnh, anh kia đương vầy lửa mà hờ và uống rượu cho ấm. Xảy có người khách tới, tánh người chậm lụt lắm. Anh chủ mời ngồi uống rượu, uống được vài tuần, anh khách thủng thẳng nói rằng :

« Tôi.. có thấy.. một.. chuyện.. hồi.. mới.. vô.. tới.. bây..

giờ.. tôi.. muốn.. nói.. sợ.. tánh.. anh.. nóng.. nảy.. bắng.. không.. nói.. thì.. sợ.. thiệt.. hại.. cho.. anh.. không.. biết.. nói.. phải.. hay.. là.. làm.. thinh.. phải? »

Chủ nhà nói : « Chuyện chi anh nói phút đi mà nghe! »

Anh nói : « Tôi.. ngó.. thấy.. cái.. chéo.. áo.. anh.. nó.. chấm.. vô.. lửa! »

Anh nọ lật đật vén áo đứng dậy, thì ngón đã hết nửa cái rồi.

Anh giận mà trách rắng : « Sao anh không nói sớm? »

Anh khách trả lời rắng : « Họ.. nói.. tánh.. anh.. nóng.. thiệt.. quá.. như.. vậy! »

(Tiểu lâm Phụng hoàng San,
Saigon, bản 1912, trang 8).

* * *

9 | Tánh trầm tĩnh của người Hồng mao

(T.S.V.P. tr. 149).

Bài số 29 bản Thọ An (Hà nội) nói về *cách ăn nói khoan thai* (xuất bản lần 3 năm 1924) đối chiếu với bản Phụng hoàng San, Sài gòn in từ năm 1912 viết về *tánh người chậm lụt*, nay thấy trong quyển T.S.V.P. (Tournez s'il vous plaît)¹ in từ năm 1924, một bài như sau tả tánh trầm tĩnh của dân xứ tóc đỏ, xin đăng luôn để tiện so sánh :

« Một người Pháp tên Jules Janin, sang qua kinh đô nước

1. T. S. V. P. của J. W. Bienstock và Curnonsky, nhà Editions G. Grès, Paris, năm 1924.

Hồng mao, vào một quán rượu của một người đồng hương, ngồi thư thả uống rượu khai vị nơi một bàn nọ, mắt chăm chỉ đọc một tờ báo trải trước mặt.

Có một bợm nhậu tóc đỏ cũng đang ngồi nhăm nhí gần đó, xảy gọi tên hẫu sáng đến gần và châm rai hỏi : — Này anh, anh có biết tên họ ông chi chi đang ngồi hút xi gà và đọc báo bên cạnh lò hơ kia chăng ?

— Thưa ông, tên bồi nói, tôi không biết ạ !

Bợm nhậu ta bèn đến gần bàn tính tiền, hỏi hòa hoãn chị giữ kết, cũng y hệt câu ban nãy : « Thưa cô, cô biết danh tánh ông chi chi đang ngồi kia kia vừa hút xi gà vừa đọc nhựt trình đó đó ? »

Cô công-táp nhỏ nhẹ trả lời: rằng đó là khách chưa đến quán lần nào nên cô không biết là ai mà nói.

— Tôi cần gặp ông chủ quán, bợm nhậu ta nói.

Chợt chủ quán từ trong bếp đi ra, bợm nhậu được cô giữ kết chỉ, lại tiếp tục hỏi câu nãy giờ : — Chủ quán có thể cho tôi biết quý danh quý tánh của vị khách đang ngồi đọc báo hút xi gà đằng kia chứ ?

Chủ quán lịch sự đáp : — Thưa ông, đó là một ông khách lạ mới đến đây lần thứ nhứt, nên tôi chưa được biết tên họ, xin mời ông hỏi ngay vì đó là tốt hơn.

Chừng ấy, bợm nhậu ta bèn đến gần bàn người khách ngồi và trình trọng hỏi : — Thưa vị khách đang ngồi thường thức mùi xi gà ngon cạnh lò sưởi, có thể nào ngài cho tôi biết đại danh quý tánh ?

— Dạ thưa, anh Pháp trả lời, tôi tên là Jules Janin. Ông có chi cần dạy bảo ?

— Dạ thưa, bợm nhậu lẽ phép trả lời, tôi cần cho ông Jules Janin hay rằng cái áo ngự hàn của ông đang cháy. (Ấy phép lịch sự của Hồng mao là thế, chỉ tiếp chuyện khi biết được tên người mình muốn tiếp xúc).

Sau đây là ba bài tiểu lâm Tây, cho ta thấy tánh người đàn ông Pháp :

10 | Lửa cháy nhà

Một tên đày tờ hốt hơ hốt hải, chạy báo tin cho ông Budé, là một nhà thông thái danh tiếng, rằng có lửa cháy tại nhà, ông trả lời tinh khô :

— Hãy đi về báo cho bà chủ mi hay ! Mi phải biết, về việc gia đạo, ta không bao giờ cần biết đến !

11 | Từ hôn

Một thanh niên được nhà đại văn hào Corneille hứa gả con. Việc bắt thành, vì có việc trắc trở, anh đành từ hôn, nên đến tìm cho Corneille biết.

Nhà đại văn hào trả lời : Ấy, đừng làm rộn tôi ! Xin hãy lên lầu mà thương lượng với mụ ở nhà, coi mụ tinh sao. Mấy việc như vậy, tôi xin không biết tới.

12 | Mảng lo viết văn

Nhà văn Frédéric Morel đang mải say mê dịch cổ văn của Libanius.

Có tin nhà cấp báo, phu nhơn bình nặng từ lâu, nay muốn gấp mặt chồng trăn trối đôi lời.

— Về trước đi, Morel nói, còn hai đoạn này nữa, dịch xong là về ngay tức thì.

Một lát sau, có tin báo vội, bà đang trở mình, hấp hối.

— Cứ về đi, còn hai chữ nữa thôi. Về đi, là tôi theo kịp liền. Liền khi đó, tin báo bà đã thở hơi cuối cùng.

— Ai ta hồ hiền phụ! Tôi nghiệp dứt chưa? — Miệng nói vậy mà Morel ngồi lỳ không rời bảm dịch.

Tôi xin chép luôn ra đây ba bài văn Pháp để tiện tra cứu: Un domestique court tout effrayé dans le cabinet du savant Budé, lui dire que le feu est à la maison.

Eh bien! lui répondit-il, avertissez ma femme. Vous savez bien que je ne me mêle pas du ménage.

(Recueil de bons mots historiques, 15^e mille, 1918, Paris, M. Glomeau édit, page 150).

Un jeune homme auquel Corneille avait accordé sa fille en mariage, étant, par l'état de ses affaires, obligé d'y renoncer, vint le matin chez le père pour retirer sa parole et, arrivant dans son cabinet, lui expose les motifs de sa conduite.

— Eh! Monsieur, réplique Corneille, ne pouvez vous, sans m'interrompre, parler de tout cela à ma femme? Montez chez elle, je n'entends rien à toutes ces affaires là.

(Sách dẫn thương, trang 150).

* * *

Frédéric Morel travaillait à traduire Libanius, lorsqu'on vint lui dire que sa femme, qui languissait depuis quelque temps, était bien malade et qu'elle voulait lui parler. « Je n'ai plus, dit-il, que deux périodes à traduire et après cela, j'irai la voir ». Un second commissionnaire vint lui annoncer qu'elle était à l'extrême. « Je n'ai plus que deux mots, dit Morel, allez retourner vers elle, j'y serai aussitôt que vous. » Un moment après, on vint lui rapporter qu'elle était morte. « J'en suis très fâché, dit-il, c'était une bonne femme. » Et il continua son travail.

(Sách dẫn thương, trang 149).

13 | Nghe qua thì biết

Có một ông nhà giàu nọ đã rít róng lại thêm dốt nát, sah được một đứa con trai đã bảy tuổi đầu mà chưa cho vào trường học tập. Một người khách đến nhà chơi thấy vạy hỏi: Con ông nó cũng trọng, sao ông chưa cho đi học? — Sợ nó còn nhỏ, ông nói, vô trường học sơ học trò lớn ăn hiếp.

— Vậy thi, khách nói, ông rước thầy về nhà cho nó học.
 — Sợ nó chưa có trí, ông nói, biết học đặng hay không?
 — Có khó gì, khách tiếp, thầy sẽ tùy theo sức nó mà dạy.
 Ví dụ: Nay dạy nó chữ *NHÚT* là một, một ngang, nó thuộc rồi, qua ngày mai người ta dạy nó chữ *NHỊ* là hai, hai ngang, nó thuộc, qua bữa mốt, người ta dạy nó chữ *TAM* là ba, ba ngang; lần lần như vậy thì nó phải biết chữ.

Khách ra về, thằng con ra nói: « Thôi, cha đừng rước thầy về tốn kém, mấy chữ ấy con đã thuộc rồi. »

Người cha biếu nó viết thử chữ *NHÚT* là một đến chữ *TAM* là ba, thì nó đều viết được hết thầy. Cha nó khen giỏi rồi biếu nó viết chữ *VĂN* là muôn, nó nói để thửng thằng cho nó viết. Cha nó đi xóm một buổi, về hỏi nó viết rồi chưa? Đứa con đáp: « Thưa cha, chữ *VĂN* mất quá, con viết gần trọn nửa ngày mà mới đặng có năm trăm ngang mà thôi!

(Thuật theo bài số 3 của bản Phụng hoàng San, năm 1912).

14 | Cha dạy con

Có một ông thầy dạy đạo kia, nhơn thấy ông chủ nhà mình đang ngồi dạy học, giàu có muôn hộ cơm ăn không hết,

còn gia đạo mình thì bần hàn túng thiếu, nên có ý muốn đem con mình theo ở chung ăn học để khỏi tốn cơm nhà. Bữa nọ sẵn dịp thằng con ông chủ nhà quên mặt chữ, thầy mới nhắc khéo : Phàm học trò thì nhờ có bạn tác nó nhắc nhở nhau, và nông trí đua bơi học tập. Tôi có một đứa con, phải chi nó được ở gần, cắp xách bầu bạn với, cậu em, hầu có quên thì nó nhắc.

Ông chủ liền căn dặn sang năm thế nào thầy cũng nhớ đem trò nhỏ theo.

Thầy về thăm nhà và kêu đứa con ra dặn trước : Tao khoe mày bên ông chủ là mày học hành sáng láng, nhưng tao biết mày ngu độn hơn ai hết. Vậy tao cho mày ba chữ này mày hãy rán nhớ cho thuộc lùn đề nữa trước mặt ông chủ, tao hỏi lại thì mày phải trả lời cho thông, như vậy thì mới mong ở được. Ba chữ ấy là chữ *cơm*, chữ *mèn* và chữ *cha*. Cha con giáp lối xong rồi, đứa nhỏ học hèn lâu, thầy mới dắt qua bồ.

Cơm nước xong xả, ông chủ đem sách ra cho nó đọc thì nó không đọc được chữ nào, thậm chí chữ *nhiết* một nét ngang, nó cũng không biết !

Thầy bảo chừa cho con : Tánh nó nhát, ông hỏi nó khớp, nên trả lời không được. Vậy đê tôi viết ra đây ít chữ, thử nó đọc cho mà xem.

Nói rồi, thầy viết chữ *mèn*, hỏi nó chữ gì ? Nó đứng ngồi trân không nói. Thầy nhắc khéo : Vậy chờ ban đêm khi ngủ, mày đắp bằng giỗng gì ?

Nó cứ tinh thiệt nó nói : Đắp bằng chiếu manh !

Thầy giận viết chữ *cơm* hỏi nó, nó vẫn trợn trợn. Thầy nhắc : Vậy chờ thường bữa mày ăn giỗng gì ?

Nó đáp tinh bơ : Ăn tấm mǎn !

Thầy giận quá, viết chữ *cha*, hỏi nó : Còn chữ gì đây ? Nó lại u o ngơ ngáo.

Chán quá, thầy hỏi: Vậy chờ mẹ mày, tối ngủ với ai?
Nó đáp gọn bàng: Ngủ với ông Xã!

(Thuật lại chuyện số 5 (trương 4) bản Tiếu lâm
Phụng hoàng San, in năm 1912 Sài gòn).

15 | Thằng bé ngu tối

Có một thằng bé ngu tối quá. Mẹ nó đem gửi ở nhà ông thầy cho nó học. Thầy dạy nó câu gì, nó cũng không nhớ, bảo nó cái gì, nó cũng đều quên. Dạy mãi, mới biết được: Cái ống nhồ, cái hỏa lò, và cái cắp thiêu¹, còn ngoại già chẳng biết một tí gì nữa.

Một hôm, có ông Đè là bạn của ông thầy dạy học, đến chơi. Nó cũng không chào. Ông thầy mới mắng:

— Cụ Đè là bạn tao, thì cũng như tao. Sao cụ ấy đến chơi mà mày không chào? Thế là vô phép. Hết bạn sau mày thầy cụ ấy thì mày phải chắp tay lại mà chào: Lạy cụ Đè ạ! Nhớ chưa?

Thằng ấy xin vâng.

Từ ngày ấy, hễ nó thấy ông Đè đến, thì nó chắp hai tay lại, chào: « Lạy cụ Đè ạ! ». Bạn nào cũng thế.

Một hôm nó về chơi nhà. Mẹ nó muốn thử xem con học hành tần tơ thế nào, mới đi lấy cái điếu đem ra hỏi con rằng: — Cái này là cái gì?

Thằng bé nói: Cái ống nhồ!

1. Cấp thiêu: Việt nam tự diễn hội Khai tri viết: cấp siêu: là cái ấm con đun nước.

Mẹ nó chán quá, lại lấy cái ấm bình tích, hỏi nó : — Cái này là cái gì ?

Nó trả lời : Cái hỏa lò !

Giận lắm, lấy cái cơi trầu, hỏi nó : — Cái này là cái gì ?
Nó trả lời : — Cái cắp thiêu.

Mẹ nó điên ruột, tốc ngược váy lên, hỏi gắt rắng : — Thế thì cái này là cái gì ?

Thằng bé chắp hai tay lại, mà chào rắng : — Lạy cụ Đề ạ !

(Bài số 28 trường 40, trong Tiểu lâm An nam của Thọ An, quyển 1, Ích Ký 1924).

16 | Giấu cày

Một lão cày ruộng kia, tối buồi, vợ kêu về ăn cơm, lão nói lớn lên rắng : — Khoan đã ! Đề tao giấu cái cày đi đã rồi sẽ về. Vợ dặn : Giấu cày thì phải làm thịnh, chờ ông la lớn chúng nghe nó ăn cắp đi còn gì ? Từ rày sắp lên đừng có nói lớn như vậy nřa.

Về ăn rồi trở ra thì quả thật chúng đã lấy mất cái cày. Lão lật đật chạy về giõ miệng vào lỗ tai vợ mà nói nhỏ rắng : — Họ ăn cắp cái cày rồi mụ à !

(Bài số 17 trường 10 trong Tiểu lâm Phụng hoàng San, in năm 1912, Sàigòn).

Cùng một đề ấy, đây là bản Bắc.

17 | Ông già thật thà

Có một lão già thật thà quá. Một hôm cày ruộng ở ngoài đồng. Đến bữa cơm, bà vợ ra công đường gọi to lên rằng :

— Ông ơi, cơm chín rồi, đi về mà ăn.

Ông lão cũng nói to lên rằng :

— Ủ, đê tôi giấu cái cày vào trong bụi tre đã, rồi tôi về.

Đến khi về, vợ bảo chồng :

— Giấu cày thì cứ im mà giấu ; sao ông lại kêu rống lên thế, người ta biết, người ta có lấy mắt không ? Từ rày giờ đi, ông đừng có nói to thế nữa nhé !

Ông lão gật đầu :

— Ủ, từ rày tôi không nói to nữa.

Ăn cơm xong, ông lão giở ra đồng, vào bụi tre tìm cày thì không thấy cày đâu nữa, người ta ăn cắp mất rồi.

Vội vàng chạy về, ghé mồm vào tai vợ mà nói rằng :

— Người ta ăn cắp mất cái cày rồi, bà mày à !

(Bài số 36 tr. 6 quyển II, Tiểu lâm Thụy An, Ich Ký xuất bản năm 1924).

18 | Tưởng là gì?

Có hai bác tính hay sợ vợ, cùng ở láng giềng với nhau.

Một hôm, bác nọ, vợ đi vắng ; ở nhà giờ mưa, có vảy vợ phơi, quên không cất vào, đê mưa ướt cả. Khi vợ về, nó chửi cho một trận đênhục ; chán rồi, nó đánh cu cậu tối tăm cả mắt mũi lại.

Bác bên cạnh thấy bác kia vợ đánh chửi tệ như vậy, mới lầm bầm rằng :

— Đ... mẹ kiếp ! chẳng phải tay ông...

Vợ nghe thấy, trợn mắt lên, hỏi dồn rằng :

— Phải tay ông, thì ông làm gì hả ? Ông làm cái gì ??

— Phải tay ông, thì ông... cất trước lúc giờ chưa mưa, chứ gì !...

(Bài số 1 tr. 5 quyển I. — Tiểu lâm Thọ An, Hà nội, Ích Ký năm 1924, in lần 3).

19 | Hai anh sợ vợ

Hai thằng cha kia hay sợ vợ, ở kè một bên nhau. Bữa nọ phơi đồ, sao đê quên mưa trót đi. Con vợ nó mặc lục đục trong bếp, nhớ trực lại đồ phơi ngoài sào, thì hối nó ra mà lấy vó. Con mè nó mắng nó nhiếc, rồi nó xỉ vả nó lại vác cây nó đập cho, chạy mất.

Qua bên nhà anh kia ; ở bên nói chuyện. Người kia hỏi : Chớ giống gi, mà chỉ mắng chỉ chửi làm om bèn vậy ?

— Tôi quên đem đồ vó, nó rầy tôi.

— Tốt kiếp thì thôi, thế ! Anh đó, chớ tôi ấy thì...

Con vợ nghe nồi xung, ở trong xách cây chạy ra hỏi : Chớ tôi... thì... sao ?

Thằng chồng sợ, nói : — Không mà, tao nói : Anh đó chớ, chớ tôi, thì tôi đem vó trước hồi chưa mưa kia chớ !

(Bài số 22 trang 33 trong tập « Chuyện đời xưa » của P.J.B. Trương Vĩnh Ký, xuất bản 9è mille, tại nhà in Qui nhơn (Annam) năm 1914).

20 | Thơ cóc

Có ba ông vẫn tự đắc là mình hay thơ nôm. Một hôm, rủ nhau đi chơi chùa, đè cùng họa thơ túc cảnh. Nhưng mà đến chùa, không biết làm thơ gì; mới bảo nhau hãy đưa tiền cho ông tự đi mua rượu và đồ nhắm về đánh chén đã: — Hê rượu vào thì tự khắc thơ ra tuồn tuột! Mua về, ba ông ngồi bắt chân chữ ngũ, gật gù uống rượu, rung đùi nghĩ thơ. Chợt thấy con cóc ở trong xó, nhảy ra. Một ông mới ngâm rằng:

Con cóc trong hang,
Con cóc nhảy ra.

Ông thứ hai họa theo rằng:

Con cóc nhảy ra,
Con cóc ngồi đấy.

Ông thứ ba:

Con cóc ngồi đấy,
Con cóc nhảy đi.

Ba ông cùng vỗ đùi, cười ồ cả lên khen rằng: — Hay! hay! hay thật?

Cười chán rồi, một ông bảo rằng: — Thơ ta tuyệt cú! mà ta xuất khẩu thành chương như thế thì tôi e lắm, hai tiên sinh ạ. E rằng Thánh nhân người đã dạy: Ai mà linh khẩu lắm thì chẳng kéo chết non. Vậy ta phải nên liệu trước.

Hai ông kia lấy làm phải lắm, bèn mời ông tự ra, nói hết đầu đuôi; rồi đưa tiền nhờ mua hộ ngay cho ba cỗ ván.

Ông tự cầm tiền đi mua. Một chốc đem về bốn cái áo quan.

Ba ông hay thơ mới hỏi: — Sao lại mua những bốn cái thế? — Thưa các ngài, tôi mua thêm một cái để cho tôi, bởi vì tôi buồn cười quá, cũng đến chết mất.

(Nguyễn văn bài 38 tr. 9, quyển 2,
Tiểu lâm Thọ An, Hà nội 1924).

21 | Ba anh dốt làm thơ

Có ba anh học trò dốt, ngồi nói chuyện với nhau. Mời nói : Mình tiếng con nhà học trò, mà không có làm thơ làm phú với người ta, thì té ra mình dở lắm. Mấy người kia mời nói phải. Hè nhau làm ít câu chơi.

Anh thứ nhứt thấy con cóc ở trong hang nhảy ra, mới làm câu mở như vầy : *Con cóc trong hang, con cóc nhảy ra.*

Người thứ hai tiếp lấy : *Con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó.*

Người thứ ba : *Con cóc ngồi đó, con cóc nhảy đi.*

Lấy làm hay lắm. Rồi nghĩ lại giựt mình, vì trong sách nói : Hễ học hành giỏi, thì sao cũng phải chết. Cho nên tin như vậy mới biếu thằng tiều đồng ra đi mua ba cái hàng đất đẽ dành cho săn đó.

Tiêu đồng lăng cảng đi mua, ra ghé quán uống nước, ngồi xờ rờ đó. Có anh kia hỏi nó đi đâu ? Mua giỗng gì ? Thị nó nói : Ba thầy tôi thông minh trí huệ, làm thơ hay lắm, sợ lời sách quở, có khi không sống, nên sai tôi đi mua ba cái hòm.

— Mày có nghe họ đọc thơ ấy không ?

— Có.

— Mà có nhớ, nói lại nghe chơi, coi thử sức nó hay làm sao ?

Thằng tiều đồng mới nói : Tôi nghe đọc một người một câu như vầy :

Con cóc trong hang, con cóc nhảy ra ;

Con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó ;

Con cóc ngồi đó, con cóc nhảy đi.

Anh kia nghe tức cười nôn ruột, mới nói với tiều-đồng :

— Mày chịu khó mua giùm cho tao một cái hòm cho luôn trót thề.

Tiêu đồng hỏi : Mua làm chi ?

Lão nọ mới nói : Tao mua hờ đè đó, vì tao sợ tao cười lầm,
có khi cũng chết theo ba thầy làm thơ đó nữa.

(Bài số 49 trang 69, Truyện đời xưa của P.J.B.
Trương Vĩnh Ký, in lần thứ 9è mille, tại nhà in
Imprimerie de Qui nhon (Annam) năm 1914).

*Vìра rồi, tôi có đọc quyền 1001 chuyện cười, rất dí dỏm,—
nhà sách Khai Tri, Sài Gòn xuất bản,— tác giả, rất quen,
là nhà học giả đất Thanh kinh, ông Bửu Kế. Trong sách,
nơi trang 70, chuyện số 78, có thuật một chuyện «thơ con
cóc», bốn câu thơ như sau:*

*Trên gác treo cái chuông
Nó vốn đúc bằng đồng
Nhìn xem như cái bát
Khi đánh kêu coong coong.*

Bài 102, Mua đồ cò, không biết Vương tiên sinh nào ? Xin ân cần giới thiệu
cuốn 1001 chuyện cười, kỳ thật gồm 340 chuyện. Mong được đọc tiếp.
V.h.S. 9 - 12 - 70

22 | Bụng không

Một anh học trò gần ngày thi, lo lắng quá sức, đến nỗi
ăn không ngon, nằm không ngủ. Vợ, vì ngày xưa học trò
thi đều lớn tuổi, vợ anh thấy vậy mới nói : Tôi coi bộ anh
lo thi nó cũng khó bằng tôi lo đẻ !
Anh học trò trả lời : — Hú ! Đẻ coi vậy mà còn dễ.
Con mè cãi lại, hỏi đẻ sao mà dễ ?

Ánh nói tinh khôn : — Thú đàm bà có con săn trong bụng, nín hơi rặn thét nó phải ra, cho nên đẻ không khó khiết gì. Chứ như tôi đây, gần ngày thi mà bụng trống chử không, mới lấy gì mà rặn : Thi khó hơn đẻ.

(Phỏng theo bài số 4 Tiếu lâm Phụng hoàng San).

... Chử tao đây, ngày thi đã kè mà một chử trong bụng cũng không có, mới lấy gì mà cho ra ?

... Mầy có con săn, mầy rặn thì nó lòi ; ngặt tao không có chử nào, lấy gì cho lòi ?

(Trên đây là những câu nghe lóm và mỗi lần mỗi khác. Cho hay chuyện Tiểu lâm là kho gia tài vô tận của bình dân và của nhiều đời đẽ lại, không rõ ai là tác giả và câu ấy đã có từ lúc nào. Xưa bên Pháp, có tiếng tài ba lối lạc nhứt thời là ông Voltaire. Nhưng Voltaire tiên sanh, kè về hóm hỉnh và đáo đẽ, có khi vẫn thua thắng « Vô danh thi » xa lắc. (Il y a quelqu'un qui a plus d'esprit que M. de Voltaire, c'est M. Tout-le-monde. — Léon Treich, Histoires Gauloises, Gallimard, Paris).

23 | Không chịu thua (chuyện cờ tướng)

Một anh kia, tự phụ là cao cờ, xẩy gặp một khách cao thủ hơn, cùng nhau thử đánh ba bàn, đều thua anh khách trọn ba. Bữa sau gặp một bạn hữu hỏi thăm hôm qua đánh được mấy bàn và kết quả ra sao ? Anh ta trả lời : Chúng tôi đánh cả thảy ba bàn : bàn trước tôi không thắng, qua

bàn giữa thì ở bền không thua đến bàn sau rốt, tôi biều
huề nhưng bền không chịu.

(Tiểu lâm Phụng hoàng San,
bản 1912, bài số 7 chương 6).

24 | Chỉ nước cờ

Hai người đánh cờ tướng, bất phân thắng bại, ngặt một điều, có một anh đứng ngoài, làm tài khôn, chỉ nước hoài. Anh kia thất nước đồ quạt, đứng dậy xán một bốp tai đau điểng. Anh bị đòn vừa thối lui ít bước, nhưng chứng nào tật ấy, vừa một tay vò má tia lia, tay kia vẫn ráng chỉ mà rắng: « Không sập sĩ, bí chết đi còn gì? »

(Tiểu lâm Phụng hoàng San,
bản 1912, bài số 21, chương 11)

25 | Cờ ngoài, bài trong

Bài số 23, Chỉ nước cờ, được ông Thọ An, Hà nội, viết lại như vậy:

« Hai anh ngồi đánh cờ chiếu tướng, ăn tiền. Có một anh đứng ngoài, cứ mách bảo hão; nói làm sao, cũng không chịu nghe.

Một anh phải nước cờ bí, sắp sửa thua. Anh đứng ngoài

cứ chỉ trỏ, mách nước nọ, xúi nước kia. Anh bí cờ túc mình, đứng dậy, tát anh mách đánh « đốp » một cái. Anh mách, một tay xoa má, còn một tay cứ chỉ vào bàn cờ mà nói rằng :

— Kìa ! sao không ghênh sǐ, đè người ta chiếu tướng, thua bấy giờ ! »

(Tiểu lâm Thọ An, Ích Ký Hà nội xuất bản năm 1918, quyển 3, bài 82, trang 19).

26 | Ông đồ Nghệ làm thơ

Có một ông đồ, người xứ Nghệ, ra ngoài Bắc kỳ tìm chỗ dạy học. Đi đến một cái đình thờ Đức Thánh Quan, vào xem, trông thấy ở trong cung có tượng Ngài uy nghi ngồi giữa,— ông Châu vác ngọn đáo ; ông Bình bụng hòm ẩn, đứng hầu hai bên,— trên án có cái đinh, nắp con sấu,— ngoài sân có đôi hạc đứng chầu trên lưng rùa ; liền làm bài thơ họa cảnh, trợ trẻ ngâm rằng :

Nó biết ông chi mặt đỏ gay,
Thế mà hương hỏa bấy lâu nay !
Bên kia chú lái cầm dao quắm ;
Bên này thầy sãi bụng cái khay.
Trên án lò hương con chó đứng ;
Ngoài sân cò trăng đ. cà cay.

(Tiểu lâm Thọ An, Ích Ký, Hà nội, năm 1924, số 61 trang 42, quyển nhì in lần 3)

27 | Bốn anh học trò đặt thơ trong chùa

Bốn anh học trò đi đường, ghé vào chùa chơi. Ngồi coi ba bàn thay tượng đồ treo thờ đó, mồi rủ nhau làm ít câu thơ chơi.

Anh thứ nhứt, thấy tượng Quan Đế, thì mở rắng : *Hòn vương ăn ót mặt đỏ gay*. Người thứ hai, thấy tượng Quan Bình, thì đặt : *Bên kia Thái tử đứng khoanh tay*. Người thứ ba ngó quanh quắt, thấy tượng Châu Xương thì đặt rắng : *Thằng mèo râu ria cầm cái mác*.

Còn anh thứ bốn ngó ra, thấy con hạc đạp lưng qui, thì thêm : *Ngoài này cò quăm đạp cầy thay*.

(Chuyện đời xưa, P.J.P. Trương Vĩnh Ký, in tại Qui nhơn năm 1914, bài 50 trang 70).

Lời bàn.— Thầy đồ Nghệ, tha phuơng cầu thực, mà không bỏ tật hồn xược, làm thơ tục tĩu ; không nghe nói kiểm được sở làm. Đến nhà hiền triết, học giả cũng phạm tội bất kính. Tôi chép lấy làm ngượng tay, nhưng vì mục sưu tập, phải chép đủ. *Cò quăm là* thú cò dài mỏ mà quáu quáu (Huỳnh Tịnh Của).

Cầy thay, *Cần thay*, nguyên tiếng Miên nói trại, chỉ loại rùa lớn con. Tiếng *Cần đước*, cũng tiếng Miên, gọi con rùa. Quận *Cần Đước*, *Cần Giuộc*, đều tiếng Miên Việt-hóa ra.



28 | Chế giấm

Chủ quán kia bán rượu, thường rượu hay chua, uống không đặng. Bữa nọ có ba anh khách đi tới quán biếu dọn tiệc, nhứt là rượu phải cho ngon.

Chủ quán hỏi : Thịt b López giấm dùng được không ? Mấy anh nói : Ngon lắm !

Hỏi : Đậu hủ nấu giấm ngon không ? Khách nói : Nó săn, ngon lắm !

Hỏi : Cải b López giấm, nước lèo chế giấm dùng được không ? Mấy anh khách thấy hỏi dai, liền nói rằng : Món nào chế giấm cũng là ngon hết, hơi nào mà hỏi từ món.

Anh ta trả vô dọn tiệc, mấy anh khách ngồi lại ăn, đồ uống rượu, mùi rượu chua áy, ai nấy nhăn mày.

Hỏi : Quán ! Rượu gì chua dữ vậy ?

Chủ quán trả lời rằng : Tại khi nấy các ông nói món nào chế giấm cũng ngon hết, nên tôi mới chế trong rượu, còn hỏi làm sao ?

(Bài số 8 trang 6 trong Tiểu lâm Phụng hoàng San, bản Sài Gòn năm 1912).

29 | Phép trị rượu chua

Chủ nhà kia đãi khách, rượu chua quá, nhắm một chút, ai cũng đều nhăn mặt.

Có anh khách nói rằng : Tôi có phép trị rượu chua trả nên rượu tốt.

Chủ nhà nghe nói hỏi phǎng.

Ảnh bảy rǎng : Lót giấy cho nhiều, úp hũ rượu lên trên, lấy thuốc cứu đốt trên đít hũ bảy liều, đẽ sáng ngày mà coi.

Chủ nói : Úy ! vậy nó chảy hết rượu còn gì ?

Khách nói : Chờ thử rượu chua, đẽ mà làm quái gì ?

(Bài số 12 truong 8 trong Tiếu lâm Phụng hoàng San, bản Sài gòn năm 1912).

30 | Hùn vốn đặt rượu

Hai thǎng hùn vốn đặt rượu. Thǎng kia hỏi : Mầy chịu bao nhiêu ?

Thǎng nọ nói : Tao chịu nước, mầy chịu nếp thì đú.

Thǎng kia hỏi : Như vậy rồi đẽ nữa, chia làm sao ?

Thǎng nọ nói : Tao chẳng hơn thua làm chi, đặt xong rồi, tao chịu nước thì tao lấy ba miếng nước, còn bao nhiêu cái thì đẽ hết cho mầy !

(Tiếu lâm Phụng hoàng San, bài 28 truong 14).

31 | Uống rượu bằng chén con mà chết hóc

Có một anh tinh khí rất keo cù. Hễ nhà có giỗ, thi cứ đem

những chén « hạt mít » ra để mời khách uống rượu.
Một khi, có bạn ở xa đến chơi, anh ta phải thết cơm rượu,
cứ lối cũ giờ ra.
Người khách biết ý, đương ngồi uống rượu, tự nhiên khóc
hu hu lên. Anh kia ngạc nhiên hỏi làm sao đương vui
lại khóc ?

Người khách gạt nước mắt, đáp rằng : — Tôi uống rượu,
nhìn thấy chén, thì lại sực nhớ đến người anh em bạn thân
của tôi, ngày xưa vì uống bằng chén con như thế này, mà
phải chết oan.

— Làm sao thế ?

— Tại chén nhỏ quá, vô ý nuốt cả chén, cho nên chết hóc !
Anh chủ nhà vội vàng thay ngay chén con, mà lấy chén
nhớn đem ra.

(Trích Tiểu lâm Thọ An, Hà
nội, Ich Ký in lần 2 năm 1918,
quyển 3 số 108 trang 46).

Chén hạt mít : chén bằng cỡ hột mít, để dùng uống rượu tăm,
Có câu ca dao : « Đỗ ai đánh vồng không đưa, Ru con
không hát, tôi chưa rượu tăm ». Rượu tăm là rượu ngon.
Tăm là bọt nhỏ li ti, khi rót từ đáy nồi lên mặt.

Chén mắt trâu : lớn hơn chén hạt mít, trọng bằng mắt con
trâu, để uống trà.

Chén tốt, chén quân : chén uống trà (tốt là sĩ-tốt, quân là
quân-sĩ).

Chén tổng : do « tướng » nói trại ra. Chén lớn để pha trà
(ba quân một tổng).

Tỷ dụ : — Bộ chén trà vẽ tích « Ngưu manh » có đến hai
kiểu, (gồm ba quân một tổng), một kiểu vẽ thăng mục ngồi
lưng trâu với tay chụp nón bị gió thổi bay, không để thi ; một
kiểu khác cũng vẽ trâu và thăng chấn, kèm câu thi : « Xuân

du phương thảo, đồng vịnh ca qui ». Bộ « Xuân du.. » ký Trân ngọc, chế năm Kiên long 1736-1795; bộ khác ký « Ất ty » chế năm Thiệu trị (1845). Năm thứ 5 đời vua Thiệu trị là năm 1845 T.L.

32 | Cạo váy

Người kia biều tên thợ váy tai. Thợ váy đau quá, chịu đà không nỗi. Váy xong một bên, thợ biều day qua bên kia. Người ấy nói : Ủa ! còn lấy bên này nữa sao ? Vậy mà tôi tưởng lấy hai bên một lượt. Sao mà nó đau thấu bên này qua bên kia vậy ?

(Bài số 33 tr. 25, truyện Tiểu đàm Phụng hoàng San và Dương Diếp, in kỳ nhì năm 1914, Sài gòn).

33 | Thầy hù

Anh thầy hù mời ra nghè, cạo đầu cho người khách kia, phạm một dao thì anh lấy một ngón tay đập lại, cho máu đừng chảy, đập hết một bàn tay năm ngón mà hỏi còn phạm. Anh ta ngừng lại mà nói với khách rằng : Cái đầu của anh coi vậy mà còn non quá, nên cạo bảy giờ chưa được. Đề đợi ít năm nữa cho nó già rồi tôi sẽ cạo hết cho.

(Thuật theo bài số 9 tr. 6, Tiểu lâm Phụng hoàng San, in năm 1912 Sài gòn).

Lời bàn phụ.— Tại sao người lớp trước ở miền Nam này thường gọi những người chuyên môn cao đầu váy tai và sau nầy, làm nghề hớt tóc cao ráu, là « *thầy hù* » ? Tôi tra không thấy sách xưa hay nay nào cắt nghĩa hai tiếng này. Và « *thầy hù* » ngày xưa, cũng có nghĩa là « *người hay nói láo* ».

Trong bộ Đại Nam quốc âm tự vị Huỳnh Tịnh Của có ghi : HÙ : tiếng nhát sợ, nhứt là nhát con nít, mà giả tiếng cọp kêu :

một nghĩa khác nữa là rên rỉ : rên hù hù ;
cọp hù : tiếng cọp hộ vẫn vẫn.

Và chăng, ngoài Bắc, gọi « ráy tai » và không dùng tiếng « *thầy hù* ».

Nay trong sách không có, luôn cả hai ông bạn Trần Văn Hương và Lê Ngọc Trụ cũng bí nốt, và đây là sách tiểu lâm, nên được phép tha hồ chế biến, thêm nhurn thêm nhị. Theo tôi hiểu, sự việc như vậy, và xin đê cho tôi cắt nghĩa : hồi tôi còn nhỏ, cách nay sáu mươi năm, con nít đi học, lên tôi lớp nhứt, dọn thi tiểu học, mà đầu còn cạo trọc lóc trọc lò, nhẵn nhụi như cái gáo dừa. Tôi nói cạo là cạo bằng dao, chứ không được hớt sát như các thầy các sư ngày nay thường làm : đầy tông-đơ mà không cho đầy sát ! Các cha chú, người Nam, thì hồi đó còn đê tóc dài bới lại. Người các chú thì đê bím, thắt « *bì bì* » (đuôi sam), cạo tóc chung quanh sạch bót ; còn học trò thì cạo trọc, — chỉ có độ vài mươi người làm việc cho Tây, gọi mấy ông mấy thầy, thì tóc hớt ngắn, cho nên nhắc lại, lối năm 1910, bọn đi cạo đầu đạo từ xóm này xóm kia, dân chúng đặt cho cái tên la là, là « *thầy hù* ». Cho đến năm 1911 (Tân Hợi), dân Trung quốc làm cách mạng, lật đổ nhà Mãn Thanh, cắt đuôi bím và đê tóc hớt cụt theo kiểu Tây phương, từ ấy bọn « *thầy hù* » bớt nghề cạo đầu, và mới đổi ra nghề hớt tóc như ngày

nay vậy. Tuy bỏ nghề cạo đầu chờ vẫn giữ nghề cạo râu và váy tai, lấy cứt ráy. Thầy hù váy tai lấy cứt ráy thì khỏi nói, họ làm nhẹ nhàng khéo léo, và đang khi người được váy tê mê tâm thần,— gởi hồn trên mây,— thì thầy hù kéo lông váy ra, bịt lỗ tai lại, thòi một hơi gió thật mạnh vào tai, miệng la « hù » một tiếng sát tai, làm cho kẻ kia giựt mình như từ trên mây rớt xuống, đoạn thọc lông váy tai vào lỗ trở lại, lấy cây nhíp thép búng một cái vèo, rồi kè sát cây nhíp còn rung cho đụng cây lông váy, người được váy tơ-lo-mơ sướng cực kỳ, bởi làm cái nghề thòi tai hù lên hù xuống, cho nên thét rồi được danh hiệu là « thầy hù ». Một điều khác nữa là phần đông các thầy hù này đều là tay bán trời không chứng, ăn đồng nói tây, ăn đàng sóng nói đàng gió, bịa chuyện láo khoét không tin được,— thuở ấy chưa có nhụt báo chưa có bộ thông tin tuyên truyền, cho nên các chuyện trên xóm dưới xóm vợ ai lấy trai, con nào đẻ sảy, đồ lợp, tâm bôn, v.v.., đều do miệng thầy hù học lại, và chẳng thuở ấy, các mẹ muốn con thòi khóc cũng đem thầy hù ra dọa, khiến nên ai ai cũng ngán thầy hù, tin đồn thất thiệt cũng y, mắt con nít cũng nghi cho vã,¹ vì đó sanh ra danh từ : « *đừng thầy hù mày* » tức là « *đừng có nói láo như thầy hù, mày* », và « *thầy hù hù con nít* » tức là « *anh hót tóc cạo râu đi dọa nạt trẻ con* ».

Viết đến đây, tôi nhớ lại, lối năm 1913, tôi học lớp nhì (cours moyen) cứ mỗi tháng, mẹ tôi cho tôi ba đồng xu, tức ba phần trăm (0,03) của đồng bạc hời đời đó, để đi lại tiệm chủ Hỉa « cạo đầu cho nó mát ». Lúc ấy tôi đã chòng ngồng cái đầu, thấy gái đã biết mặc cổ, thế mà mẹ tôi không cho được năm xu (0\$05), để đi cạo cho đường hoàng, lại chỉ phát cho có ba đồng xu (0\$03) khiến cho tôi

1. Vã = va = người ấy.

bị chú Hỉa dãi vào hàng hạ cấp ! Thuở ấy, hẽ có đủ năm đồng xu lõi, thì chú Hỉa cho ngồi ghế dựa, có khăn choàng tử tế cho tóc con tóc cắt đừng rót vào kẽ áo vào thân mình, bằng với giá ba đồng xu, (phải đưa tiền trả trước), tuy chú vẫn cạo và không nói nặng nhẹ gì, nhưng cách cư xử đối đãi đã khác : cho ngồi ghế đầu, phân nửa bàn tọa ra ngoài, không có khăn choàng, và muốn tóc khỏi rót xuống áo quần và xuống gách, thì chú phát cho miếng nắp hộp thiếc cũ, chú cạo tới đâu, mình phải lẹ tay đưa miếng thiếc ra hứng, khi nào tóc rót xuống gách, khi cạo rồi, mình phải lấy chổi hốt quét sạch sẽ trước khi về, chỉ trả thiếu có hai xu mà chú hành hạ mình thế ấy, phép tắc thầy hù đời xưa là vậy. Nhiều khi, đang cạo được một phần hay phân nửa cái đầu, kịp có khách sang và gấp đến, chú Hỉa thôi cạo cho mình và biếu ra ngồi chờ đâu đó, đợi cho chú cạo đầu lấy tai cho khách xong xả rồi chú mới tiếp tục cạo cho mình. Trời đất ôi ! ai đời đầu cạo còn lại phân nửa, mà chú biếu mình « đi chơi đi » là đi chơi cái gì ? Tuy vậy, nhỡ tuổi nhỏ nên bao nhiêu cũng tha thứ, ở nhà để mẹ cạo đầu thì dao lụt rất da, hít hà còn không được, thà cho chú Hỉa làm gì thì làm... Nói chí đáng, cây dao cạo của chú Hỉa là cây dao cạo Tàu, có hình lưỡi búa, (nên cũng gọi dao cạo lưỡi búa), dày dục mà bén ngót còn hơn dao A-lo-măng ngày nay. Trong tay chú Hỉa, cây dao là một nghệ thuật thần sầu, chú kéo chạy tới đâu là tóc rót tới đó, da đầu êm ru như có thoa mỡ, nhứt là khi chú cạo tới sau ót, chú trích áo đi một đường bí quyết, vừa lạnh xương sống vừa khoái rần rần từ gót chân đến đỉnh đầu ! Nhớ lại thật là tài xứng với câu liên sau này, đã đọc đâu đây quên phút :

« Cười phấn cợt son, tô điềm tóc tai người tứ xứ,
 « Mài dao đánh kéo, mở mang mày mặt khách năm châu.

Nghĩ lại, ngày nay vật đồi sao dời, đồi càng mắc mỏ, chạy không đủ ăn. Mỗi lần hớt tóc, trả một trăm bạc mà vẫn không có cái khoái váy tai. Không bì năm 1913, với ba đồng xu lô (0\$03), chú Hỉa chạy cho một đường dao lưỡi búa nơi sau ót, cái khoái lên tận mày xanh.

Chú Hỉa và chú Sủng, đều là hai lão thầy hù ở chợ Sóc trăng, tôi từng biết mặt biết mày và từng thí nghiệm tài riêng ăn đứt nghề cao váy sáu chục năm về trước.

Bây giờ thầy đều lên chức. Vật giá đều leo thang. Thầy lên ông, ông lên cụ. Hớt tóc là một nghệ thuật. Người hành nghề ăn vận ra phết, đâu còn nhớ ông bạn đồng nghiệp «thầy hù» năm xưa. Kè về tài ba, kém việc váy tai váy lô ghèn, duy thiện nghệ cái nghề chà tay, trả một trăm, còn cho rằng nhẹ : Hạnh phúc, mày đi đâu ?

34 | Cái gì không xài nó dài ra

Năm ấy, trước đảo chánh 1945, một vị tu sĩ ngồi chờ trước tôi, tại một phòng hớt tóc ở Chợ Cũ, bên hông Tòa tạp tung. Bởi ông tới trước, nên khách kia vừa xuống thì đến phiên ông lên ghế ngồi. Anh thợ hớt tóc vừa giữ khăn định choàn, bỗng vị tu sĩ nói một câu mở đề, đề cho thấy mình là tay có trí : « Nè anh thợ ! Có phải là cái gì mình không xài thì nó mọc dài ra hoài, phải không hữ ? » Ý ông muốn ám chỉ tóc râu vô dụng mà vẫn mọc.

Nhưng anh thợ lại nghĩ khác, nên một tay cầm khăn quen giũ, một tay ôm bụng cười dài, cười ngoặt ngoéo đến bùn rún tay chơn không làm gì được. Nột ý, vị tu sĩ phát cầu :

— Tôi nói có gì lạ mà anh cười dữ vậy. Hớt đi chứ !
 — Thưa thầy tha lỗi, anh thợ thura, nghe thầy nói, con bỗng nhớ thầy là người tu hành, không xài, át nó dài lắm !
 Vị tu sĩ biết lỡ lời, đỏ mặt, nói dè che sượng : Ý cái anh này, khéo nghĩ tầm bậy tầm bà không lo mǎn việc. Ai nói vậy ! Hớt lẹ đi không ?
 Nửa đè tai nghe, nửa nhớ cái ấy của mình, nhớ kỹ đủ hết ngày nay chép lại.

VĂN ĐÈ RÂU

35 | Mặt dày

Hai anh, một anh có râu và một anh không có râu. Anh không có râu, muốn xỏ anh kia, mới đố rằng :

— Tôi đố anh, vật gì cứng nhất ?
 Anh có râu nói :
 — Đá với sắt cứng nhất, chứ gì ?
 — Không phải.
 — Đá với sắt mà không cứng, thì còn gì cứng hơn nữa.
 — Đá đẹp phải vỡ, sắt nung phải mềm !
 — Vậy thì anh bảo cái gì cứng ?
 — Râu, chứ gì !
 — Có khi nào râu lại cứng hơn sắt được ? Anh nói thế, tôi không chịu.
 — Anh thử nghĩ mà xem : như da mặt anh dày thế kia, mà nó còn dùi thẳng ra được, thì râu không cứng là gì ?
 Anh có râu hiểu là anh nọ nói xỏ mình, mới đáp rằng :

- Da mặt tôi dày thật, nhưng mà cũng không dày bằng da mặt anh.
- Sao vậy?
- Bởi vì râu cứng thế, mà cũng không dùi thủng được!

(Bài số 100 trang 35 tập 3, Tiểu lâm Thọ An, Hà nội, Ích Ký năm 1918).

36 | Mặt dày

Anh không râu đố giả ngộ chú có râu rằng: « Đố anh trong đời vật gì thiệt cứng? » Chú nọ trả lời rằng: « Đá vơi sắt là cứng chớ giống gì. » Anh kia nói: « Không phải, đá đậm phải nát, sắt nướng phải mềm. » Hỏi: « Vậy chớ giống gì cứng? » Anh kia nói: « Râu là cứng! » Chú có râu nói: « Có lẽ nào râu lại cứng hơn sắt đá? » Anh kia nói: « Anh nghĩ mà coi, da mặt anh dày cui nó dùi phủng nó ra, sao gọi rằng không cứng? » Chú có râu đáp lại rằng: « Tuy cứng thì cứng mà cũng không bằng da mặt chú mầy; vì nó dùi hoài mà không phủng nên nó không ra được! »

(Bài số 10 trang 7 tập Tiểu lâm Phụng hoàng San, in tại Sài gòn năm 1912.)

37 | Ông râu rậm

Có một ông râu rậm che kín cả miệng. Một hôm, đương đi ở ngoài đường, chợt có đứa bé trông thấy, nó mới gọi mẹ nó mà bảo rằng :

— Mẹ ơi! ra mau mà xem người không có mồm!
Rồi nó cứ vỗ tay, chạy theo mà reo lên rằng : A ! a ! a ! Ông này không có mồm
Ông râu rậm tức quá, quay mặt lại, vạch râu chửi nó rằng :
— Chẳng mồm là l... mẹ mày đây à!

(Bài số 8 tr.13, nguyên văn Tiêu lâm
Thụ An, Hà nội, Ích Ký xuất bản năm
1924 quyền nhất, in lần thứ ba).

38 | Ông già không có miệng

Chú kia râu ria um sùm không thấy miệng mồm đâu hết. Đi đường gặp thằng con nit nói chơi rằng : « *Hồ tử nghinh phong tẩu, chỉ kiến hồ tử bất kiến khẩu* » (râu ria đi ngoài gió, chính thấy râu ria miệng đâu có).

Người râu giận quá, tay nắm râu dở lên bày miệng ra, chỉ miệng mà mắng rằng : « Giống gì đây không phải miệng, vậy chờ hùm mẹ mày đây sao ? »

Thằng nhỏ bị mắng khóc chạy về mét với mẹ nó. Mẹ nó dỗ nó rằng : « Không phải đâu con. Chú nó mắng người khác da ! Thôi, con chạy theo mắng chú lại, nói mẹ có mà

ít kia, le the năm mươi sợi he, chớ không phải xồm xàm
như của chú vây đâu! »

(Bài số 40 tr. 28, Truyện Tiểu đàm Phụng
hoàng San và Dương Diếp, Sài gòn 1914)

39 | Giống ông bộ râu

Có một ông huyện đi làm quan ở xa, vợ ở nhà gần ngày sanh. Ông nóng biết tin nên sai thằng trung tín về xem bà đã ở cũ rồi chưa. Vốn thằng nhỏ có tánh ngây ngô, sợ việc đàn bà đẻ, nó không dám vào, đứng ngoài hàng rào xờ ró để nghe ngóng. Bất ngờ bà ra vườn, vén váy đi tiểu. Thằng kia trông thấy, vội vàng chạy về bẩm với ông: — Bẩm ông, bà đã ở cũ rồi.

Quan nghe mừng lật đật hỏi: — Chớ bà mày đẻ con gai hay con gái?

— Bẩm, con không tướng cô hay là cậu, nhưng con nhìn thấy giống ông lắm.

— Mày trông giống tao cái gì?

— Bẩm, giống ông ở bộ râu!

(do một người bạn Bắc thuật lại)



40 | Thầy pháp râu đỏ

Lão thầy pháp kia râu hoe hoe đỏ đỏ, cưới vợ về. Vợ nó mới chê: râu gì đỏ hoe đỏ hoét xấu quá. Thì nó, kiểm chước nói giải cho xuôi rồi đi. Vậy nó nói: Ủy! Mày đừng có khinh: râu tài đó. Râu này có biết sợ ai?

Vợ nó không hiểu được ý làm sao mà làm vậy: làm thính lừa cơ thủ tài anh va, coi thủ có thiệt hay không. Cách ít bửa kế bình tơi rước thầy đi chữa, mà nhà bình ở cuối truông ném qua bên kia kia.

Chữa chuyên xong rồi, người ta đem bánh lờ xôi chè chuối mít, lại một cái đầu heo tạ thầy. Thì thầy lấy khăn cột xách đem về.

Vợ nghe chừng anh ta về tới, mới vác gậy ra, ngồi giữa truông núp trong bụi. Anh thầy ta lọt xọt đi tới. Chị ta đập một cái sạt. Thầy thất kinh quăng gói chạy quay trở lại, không dám đi. Người vợ ra lượm lấy cái gói xách ngay về nhà, đóng cửa lại ngủ.

Một chặp, anh ta tỉnh hồn mới mò về, thì hăm hở hối mở cửa cho mau. Bước vào, cái mặt cắt không đặng một chút máu; gài cửa lại lấy cây chống thêm.

Vợ thấy vậy hỏi việc gì thất thanh đi vậy? Thì chú chàng mới nói: — Hú hồn! tao tưởng đâu chúng nó đã cắt cổ tao đi rồi! Một đảng cướp cũng được hai ba trăm nó đón nó đánh giữa truông.

- Có ở đâu nào?
- Ấy! là quả làm vậy chờ!
- Mà anh nói anh râu đỏ anh không biết sợ ai, sao mà sợ té đái ra vậy?
- Nó đong lăm mượn sợ, năm ba mươi chẳng nói gì; cái

này đâu cũng được vài trăm, không sợ làm sao ? Thôi tẩn cửa lại cho chặt rồi ngủ.

Vợ nó đi nấu nước đi pha cho chú nghỉ uống, lại có đem ra một nải chuối nữa. Nó nhìn đi nhìn lại nải chuối hoài : Mě ! chuối ở đâu mà giống chuối họ đưa mình ?

Vợ nó nói : Phải ở đâu ? Chuối sớm mai tôi đi chợ tôi mua. Khéo nhìn bá láp không !

Rồi đem dĩa xôi ra. Anh ta càng lấy làm lạ : Lạ này ! xôi này của nhà bình đem đưa tao về đây mà.

Đem lần các món ra ; anh ta hiểu không được, hỏi gắt vợ cho biết đồ ấy ở đâu mà có vậy. Thì vợ mới nói thiệt : Hồi chặng vọng tôi núp trong bụi, tôi nhát anh, anh ném gói anh chạy, tôi xách gói về đó, chờ ai ?

— Có lẽ nào ? Ăn cướp nó rượt người ta chạy sảng hốt, mà mày nói mày nhát à ?

— Thiệt không tin, tôi đem cái đầu heo, lại cái khăn anh gói cho mà coi.

Thầy thấy quả, chưng hửng, mới nói : Phải hồi đó tao biết là mày, tao đập một cây chết đi còn gì ?

(Bài số 14 trường 23-24-25, Chuyện đời xưa
P.J.B. Trương Vĩnh Ký, Qui nhơn 1914).

* * *

Giải bày. — Chuyện Tiểu lâm, luôn luôn khởi đầu thì thanh bai ý nhị, nhưng càng về khuya, càng giặc mắm muối và tránh không khỏi sự lả loi chớt nhả, một đôi khi đến sô sàng tục tĩu, một khía cạnh của con người cầm khi cụ làm ra hột cơm, gìn giữ đất nước hơn là cầm viết cầm quạt lông. Đề cho đủ hạng tuổi đọc, xin mạn phép chép luôn ra đây những bài tiếp theo. Ai có tật mau đỏ tai, xin xếp sách lại, yêu cầu đừng giả dối lấy mình, rửa người viết mà đọc trong mùng.

Trong chuyện tiểu lâm đồi chiểu này, cốt ý của người sưu tập là gom góp vào một bộ, những cách lối nói chuyện trong thiên hạ, Trung Nam Bắc, lẩn Tây Đông, cũ mới. Ai có tịch nãy biết. Nhứt định không có ý kiêu ngạo một ai, chỉ muốn duy trì những khía cạnh ngôn ngữ của ông bà ngày trước. Có rất nhiều thành ngữ, danh từ, nay đã ít nghe, rất dí dỏm nếu không ghi chép e mai một mất. Tinh hoa đất nước không phải gồm toàn hoa thơm. Có dây thúi địt mới biết dây phong lan quý ; không tốt phân rau cải không ngon.

41 | Thuốc nhuộm râu

Con nụ¹ còn trẻ. Chủ nhà đã già, cứ mua thuốc nhuộm râu cho đen, làm bộ còn trẻ để mà gạ.

Nó biết nõm, nhất định không nghe.

Chủ nhà tức quá, phát khùng, dọa nó rằng : — Rồi ông có phép xử cho mày !

Nó hỏi : — Phép gì ?

— Phép hăm đẽ cho mày bạc lông, mới gả chồng !

Con nụ bĩu môi, nói rằng : — Không cần ! Đã có thuốc nhuộm râu !

(Bài 92 trang 26, tập 3 in lần 2, Tiểu lâm Thọ An, Ích Ký Hà nội xuất bản năm 1918).

1. Con nụ : con sen, con đòi, đầy tớ gái.

Nõm : không có trong nhiều tự điển, Khai Trí, Đào văn Tập, Huỳnh Tịnh Của và nhiều bộ khác.

42 | Lấy giống râu

Có một anh thích râu ba chòm quá, mà mình thì ở cắm, ở mép, không thấy mọc một cái râu nào ; trong bụng thường phàn nàn rằng : « Thôi, số mình chẳng được thì phải cố làm thế nào cho con nó về sau có vậy ».

Một hôm, ra đường gặp một người râu ba chòm. Anh ta nhất định đón ngay về nhà để lấy giống ; làm cơm thết đãi, rồi nói thực tình rằng :

— Tôi chỉ sở nguyện được một bộ râu như của ông, mà không làm được, dành để cho con vậy. Xin ông giúp tôi việc ấy, không bao giờ dám quên ơn. Tức thì bảo vợ vào trong buồng quạt màn dải chiếu, sắp chăn gối, mời người ấy vào. Người ấy lấy làm lạ, ngần ngừ ; anh ta cầm tay lôi bừa vào bắt phải... cấy cho một ít giống râu ba chòm. Người có râu, thế-bất-đắc-dĩ, phải nề mà vào... cầy. Thoạt tiên, thấy reo lên : « Này một chòm ! » — rồi sau : « Này hai chòm ! Này ba chòm ! » — sau nữa làm luôn :

« Này bốn chòm ! năm chòm ! sáu chòm ! bảy chòm ! tám chòm ! »...

Anh nọ đứng ngoài nghe thấy, vội vàng chạy vào nói rằng : — Ấy chết ; ông làm vừa chứ, kéo cháu về sau thành ra râu quai nón mất.

(Bài 59, tr. 38, tập 2 in lần 3, Tiểu
lâm Thọ An, Ích Ký Hà nội 1924).



43 | Râu quai nón

Một hôm, một ông chánh tông râu quai nón, cưỡi ngựa đi làm thuế.

Đến một chỗ, đường nhỏ và lội, không thể nào đi ngựa được; phải dắt lên quán, để gửi nhà hàng. Nhưng mà ở trong quán chẳng thấy có ai; chỉ thấy một ông thầy bói ngồi đấy mà thôi. Ông chánh mới buộc ngựa bên cạnh mà bảo rằng: — Tôi gửi ông thầy con ngựa đây nhé! Tôi vào trong làng gần đây, chốc nữa ra tôi sẽ lấy.

— Chứ ông là ai mà lại gửi ngựa tôi?

— Tôi là chánh tông.

— À! ông chánh đấy ư? Nhưng mà tôi giữ làm sao được? Ngộ chốc nữa có đứa nào đến bảo là ông chánh, đòi ngựa thì tôi biết làm thế nào?

— Ông thầy đừng ngại, tôi râu quai nón. Bây giờ tôi đè ông sờ xem. Hễ chốc nữa tôi lại lấy ngựa, ông sờ lại, y như thế thì giả ngựa tôi; mà không, thì thôi, ông không cho lấy.

Ông thầy thuận. Ông chánh đem râu lại cho mà sờ. Sờ thấy râu tốt, khen mãi vuốt mãi lâu rồi mới buông cho ông chánh đi.

Bây giờ có một mụ mò cua sau lưng quán, nghe thấy thế, lập tâm để lấy con ngựa ấy. Nó đợi cho ông chánh đi được một lúc lâu, rồi nó lại, bịt mũi bắt chước tiếng ông chánh, mà nói với ông thầy bói rằng:

— Nào, xin ông con ngựa, nào!

— Ông chánh đấy phải không?

— Phải, tôi đây. Tôi đi làm thuế về đây.

— Vậy thì ông cho tôi xem râu, nào!

Mụ nọ lại gần, tóc ngược vẩy lên, cho ông thầy sờ râu. Ông thầy vuốt mãi, khen mãi : — Phải ông chánh đấy. Quí hóa quá ! Râu đâu mà lại có râu quí thế này.

Rồi lại vuốt râu mình mà nói rằng : — Râu tôi cũng khá, nhưng mà so với râu ông thì còn kém xa ! Ủ, ừ ! Ông này đã ăn mắm tôm ! đã đánh chén ở trong làng rồi mới ra đây ! Thế mà chẳng lấy phần cho tôi, công chình giữ ngựa từ nãy đến giờ. Tệ lầm, ông chánh nhé !

(Bài số 44, trang 19, tập 2 in lần 3 năm 1924, Tiểu lâm Thọ An, Ich ký, Hà nội).

44 | Lấy thuốc mọc râu

Có một anh không có râu, bị vợ diếc móc khò quá, phải đi lấy thuốc mọc râu.

Một hôm, mang tiền đến nhà ông lang. Chẳng may ông lang đi vắng, chỉ có bà lang ở nhà mà thôi. Bà lang thấy anh ta đến, mới hỏi rằng :

- Bác hỏi gì ?
- Thưa bà, tôi đến xin thuốc.
- Ông lang tôi đi vắng, bác lấy thuốc gì ?
- Thưa, tôi xin thuốc mọc râu.

Bà lang ngồi nghĩ một chốc, rồi nói rằng :

— Tưởng lấy thuốc gì thì tôi không dám hạ thủ, chứ thuốc này tôi đã kinh trị. Đề tôi giùm cho !

Rồi lấy một ít liên tu, gói vào giấy, đưa cho anh kia mà nói rằng :

— Phương thuốc này thì phải nội ấm, ngoại đồ mới được.
Đây tôi bắc thuốc uống; còn thuốc đồ, bác phải kiểm lấy.
 Anh kia cầm lấy thang thuốc hỏi rằng :

— Thưa bà, thuốc đồ thế nào, xin bà bảo cho.

— Bác kiểm lấy hai hòn đá cuội, lấy da bong bóng lợn
 bọc lại. Khi uống thuốc rồi, thì lên giường nằm ngửa, lấy
 túm đá cuội ấy mà giay trên mông một lúc, rồi lấy ít dầu
 vừng đỗ qua, thì mọc được râu.

Anh ta mừng quá, giả tiền thang thuốc, rồi chạy về nhà.

Một chốc, ông lang về, hỏi bà lang rằng :

— Tôi đi vắng, ở nhà có ai đến lấy thuốc không?

Bà nói : — Có, có người đến xin thuốc. Ông đi vắng, nếu
 không có tôi ở nhà khai phương cho người ta, thì người
 ta đi lấy chỗ khác.

Ông lang ngạc nhiên hỏi :

— Ai lấy thuốc gì mà bà dám bắc?

Bà lang mới kè tinh đầu lại cho chồng nghe.

Ông lang ngần ra, hỏi rằng :

— Chứ bà theo sách nào mà bắc cho người ta như thế?

Bà quắc mắt, cãi rằng :

— Chẳng phải theo sách nào cả! Khi tôi mới lấy ông thì
 tôi có tí... nào đâu? Sao ông chỉ đồ cho tôi có một ít lâu,
 mà bây giờ mọc rậm thế??

(Bài 60 trang 40-41, tập 2 in lần 3, năm
 1924 Tiểu lâm Thọ An, Ich Ký, Hà nội).



45 | Thuốc tròng râu

Người kia không râu, giận mình chẳng phải đứng trường phu, mới đi tới thầy mua thuốc tròng râu, thầy đi khỏi. Người vợ bày một phương rắng: « Có khó gì, về lấy trứng dai gà mỗi bữa chà chà hai bên mép, thủng thẳng rồi nó ra. » Người ấy về làm y như vậy, ít lâu quả có râu ra. Người ấy mừng đem đồ tới đèn ơn. Thầy mới hỏi vợ phương thuốc đó ở đâu mày thấy? Vợ rắng: « Y là ý vậy» (nghĩa là thuốc tại có ý), thiếp ngày mới gả cho phu quân, một sợi cũng không, vì bị hai hòn ngoại thận của phu quân chà hoài, chẳng bao lâu bây giờ cho đến đổi xồm xàm ra thế này...

(Bài 39 trường 27, Truyện Tiểu đàm của Phụng hoàng San và Đường Diếp, Sài gòn 1914).

46 | Trên dưới thông đồng

Một người kia râu dài khỏi bụng, người thấy đều khen rắng tốt.

Ngày kia xảy gặp một thầy tướng, anh ta biếu thầy coi tướng cho mình, cũng có ý khoe bộ râu luôn thề. Thầy tướng rắng: Tiếc thay bộ râu ông vẫn một chút!

Người ấy nói: Râu tôi dài khỏi bụng, người người đều khen tốt, sao thầy lại chê vẫn?

Thầy răng : « Phải chi nó dài thêm ít tấc nữa, cho đặng trên dưới giao thông với nhau, càng tốt hơn nữa. »

(Bài 35 trang 26 Truyện Tiếu Đàm của Phụng hoàng San và Dương Diếp, Sài Gòn 1914).

47 | Liên hữu hội

Khi đó râu nói với lông mày răng : Bọn ta sanh nhảm lúc này, người đời hay khinh bạc lầm, chi bằng hiệp lại bao bọc giúp đỡ cho nhau là sự tốt, tôi với anh tóc mai đã liền với nhau rồi vậy tôi thấy trên con mắt này có hai vị quí ông đây cũng là bức trên trước, cũng là ở nơi đầu mặt với nhau, nên tôi xin hòa hiệp với nhau một đoàn thì lấy làm sự tốt lầm, xin hai ông chờ từ. »

Lông mày răng : « Chúng tôi đều cảm ơn ông chẳng bỏ phận hèn mọn mà nghĩ đến, song chúng tôi hěm vì phận mỏng, gốc thưa, vậy sao ông không xuống dưới nhà họ Mao kia, chỗ vườn rậm cõi dựng cột cờ đó mà lập hội, chẳng là động đảo hơn !

(Bài 38 trang 27, Truyện Tiếu Đàm Phụng hoàng San và Dương Diếp, Sài Gòn 1914).

Phụ chú.— Chuyện năm xưa, trên năm mươi năm, mà như chuyện mới viết ngày hôm qua đây thôi !

Những bài tiểu lâm kẽ đến đây, như đã thấy, đều mượn qua mượn lại, và còn nhiều lầm, chép không bao giờ hết, để tránh sự nhảm chán, thêm nữa nhiều bài ở Bắc chưa được năm mươi năm, quyền tác giả vẫn còn, nên để tránh sự hiểu

lầm, tôi xin chấm dứt sự đối chiếu nơi đây, để sao lại toàn những bài trong Nam lụa rút trong các sách săn có và đã trên năm mươi năm, tức bản quyền đã thuộc về công cộng.
Đây là một bài chót về râu cho đủ bộ :

48 | Truyện người râu ba chòm, người râu rìa

Nguyên thuở xưa có một cái chùa bà, một cái chùa ông ;
 hẽ phần đàn ông có việc chi thì đến chùa ông cầu khẩn.
 Còn phật đờn bà có việc chi thì đến chùa bà cầu khẩn.
 Nên hết thảy người đờn ông khi nào muốn râu mọc ba
 chòm cho suôn sẻ xinh tốt, thì lại đến chùa ông lạy ông mà
 xin ông tròng cho, rồi về thì râu mọc ba chòm suôn tốt.
 Còn người râu rìa kia là bởi khi mình muốn tròng râu, lại
 không biết chùa ông ở đâu mà đến, bèn hỏi thăm người
 chỉ cho, thì đi lạc qua chùa bà, ngỡ là chùa ông, bèn lạy
 xin bà tròng cho.

Song le không phải chõ mặc dầu, nhưng mà bà cũng có
 phép tròng đặng, không lẽ đuổi người về, liền kêu thế nữ
 đem râu ra tròng cho người, thế nữ vung lịnh lấy râu ra
 tròng, thi đứng xa xa, biếu ngược mặt lên, thế nữ bèn vãi
 nhảm chừng vô mặt người cho rồi mà đi về đi, rồi thế nữ
 bèn chạy vô chùa, hình như mắc cở vậy.

Khi người xin tròng râu ấy về, thì râu mình mọc loạn xì
 không đặng ba chòm như những người tròng bên chùa
 ông vậy.

Nên hiều người sao râu mọc ba chòm, người sao râu rìa là vì bối đó mà ra.

(Bài 47 trang 68, Truyện đùi xưa, tác giả khuyết danh, nhà Định Thái Sơn túc Phát Toán in lần thứ ba tại Sài gòn, năm 1908).



Những chuyện hay trích trong bộ Tiểu lâm Phụng hoàng San, do Phát Toán xuất bản năm 1912 tại Sài gòn :

49 | Thơ ngựa hay

(bài số 6 trang 5)

Hai vợ chồng ông kia, nhà giàu có, sanh đặng ba đứa con gái dung nhan đẹp đẽ. Hai đứa lớn gả cho hai người văn chương, còn con gái út, có nhiều nơi coi mà nó không hứng.

Khi ấy có một tên kia nhà phú hậu, lại thêm lịch sự trai, đến cầu hôn. Ông chê nó ít học không chịu gả, còn cỏn thi đành. Bà thương con út, có ý chiêu lòng con, mới khuyên ông rằng : « Hết học thì phải hay, chờ cái lịch sự khó kiểm lăm. Nó tuy ít học, về mình dạy thêm nó phải trở nên một đứng văn chương. »

Ông nói : « Nó tuy lịch sự trai, song nó bất học, nên ăn nói không thanh nhã, mụ nói lăm töi cũng nghe theo. »

Gả cưới xong rồi, ông mới mua đặng một con ngựa hay lăm, trong lúc ăn tiệc, ông biếu ba người rề làm thơ mà khen con ngựa hay.

Người rề lớn làm như vầy :

« Mặt nước thả cây kim ; cha tôi cõi ngựa chạy như chim ;
chạy đi chạy lại, cây kim chưa chìm. »

Người rẽ giữa đặt rằng :

« Than lửa đẽ cái lông, cha tôi cõi ngựa chạy như đồng,
chạy đi chạy lại, cái lông chưa hòng. »

Ông hỏi còn thằng nhỏ sao không làm.

Nó thưa : « Hai ảnh làm, choán hết ý hết vận, nên tôi họa
chưa được, đẽ thửng thảng tôi nghĩ. »

Bả liền nói đỡ cho nó rằng : — Nó đã nhỏ, ông lại hối
lầm, nó rồi tri làm sao cho được !

Bả lật đật và bước và nói, rủi lở trôn.

Thảng nghe liền mừng mà nói rằng : « Thưa mẹ, tôi nghĩ
đặng bài thơ rồi. »

Bả biều : — Thì con viết ra, rồi đọc nghe thử.

Anh ta viết rồi đọc rằng :

« Mẹ tôi xán cái đít, cha tôi cõi ngựa chạy như hít, chạy đi
chạy lại, đít mẹ chưa khít !

Bả nghe mới nửa bài, bỏ đi xuống nhà dưới một nước.

50 | Chó ngáp

(bài II trương 7) (hay sánh với bài số 3 trong tập này).

Người điếc kia tới nhà người bạn hữu, chó thấy sủa hoài,
mà anh ta không nghe. Ngồi uống nước trà, mới chỉ con
chó mà rằng : « Con chó của anh hồi hôm nó không ngủ
hay sao ? »

Người chủ hỏi : « Sao chú biết ? »

Người điếc nói : « Nếu hồi hôm nó có ngủ, sao nãy giờ tôi
thấy nó ngáp hoài. »

51 | Kết lưỡng hữu

(Bài 14 trường 8)

Mười anh sợ vợ, lén bàn soạn với nhau ; một anh nói rằng : — Sách có câu : « Quả bất địch chúng, nhược bất địch cường » (Ít phải thua đồng, yếu phải thua mạnh). Bởi một mình nên sợ nó, chờ chúng ta kết bạn với nhau, hẽ nhứt hô bá ứng, đừng ai bỏ ai, thì nó phải sợ lại mình.

Anh khác khen rằng : Kế ấy hay lắm, song sợ lúc đó, không đồng tâm hiệp lực lấy làm khó lòng ; như muôn cuộc vuông tròn, thì phải thích huyết thè nguyễn kết làm lưỡng hữu mới chắc.

Mười anh đồng chịu, lén mua rượu tói miếu thè thốt vừa xong, ngồi lại uống rượu. Xảy thấy mười chị đòn bà xách hèo gậy xông vô ; mấy ảnh hoảng hồn đâm đầu chạy mất. Tan rồi, kiểm ra thiếu hết một anh. Kéo vào miếu, thì thấy ảnh còn ngồi xếp bằng tại tiệc. Chín người kia khen rằng : — Anh ấy có gan đóm hơn hết, phải nhượng ảnh làm anh. Chẳng ngờ lại gần coi, thì thấy ảnh đã chết cứng !

52 | Chiêm bao rủi

(Bài 15 trường 9)

Anh sợ vợ kia đương ngủ mê, vùng cười khan một tiếng, vợ kêu dậy hỏi vì cớ gì mà cười ? Anh sợ quá, cứ thiệt mà khai rằng : « Chiêm bao thấy cười vợ bé mừng quá nên cười, xin chị nó miễn chấp ».

Người vợ nói một hai không thứ.

Anh ta năn nỉ rằng : « Sự chiêm bao mộng mị, có thiệt vào đâu ».

Người vợ nói : « Chiêm bao thấy điều chi cũng thứ, chờ chiêm bao quái gở như vậy, thật không tha. » Nói rồi rút roi xốc lại.

Anh ta kinh hãi, lạy lục xin tha một phen, lại nói : « Từ rày sắp tới, tôi không dám chiêm bao như vậy nữa ! »

Còn nói : « Đêm khác chiêm bao như vậy, ai theo mà giữ kia ? »

Anh ta bẹu bạo nói rằng : « Thôi từ rày sắp lên, tôi không dám ngủ nữa ! »

53 | Coi sách (bài 16 trường 9)

Thằng con ông nhà giàu kia, làm biếng học lắm. Ông ép nó ở trong thư phòng coi sách hoài. Lâu lâu ông rình nghe nó nói rằng : « Hiều rồi ! » Ông mừng vỗ hỏi : « Con nghĩ ra câu nào đó vậy ? »

Nó nói : « Thưa cha, tưởng lại coi sách thiệt là có ích lắm, nó tỏa trí ra nhiều, bấy lâu tôi tưởng sách là chữ viết, coi cho kỹ, thiệt là chữ in ! »



54 | Ông đánh cháu

(bài số 18 trương 10)

Ông già kia sai thằng cháu nội ném bảy tuđi, đi mua một đồng xu dầu một đồng xu giấm. Nó hỏi ông dầu với giấm đựng chung lại được không. Ông biếu đựng riêng hai chén. Nó đi một hồi lâu rồi trở lại hỏi rằng :

« Đồng xu nào mua dầu, đồng nào mua giấm ? »

Ông nói : — Đồng nào cũng được, phải hỏi gì ?

Nó đi một hồi lại trở về hỏi nữa : — « Chén nào đựng dầu, chén nào đựng giấm ? » Ông tức mình giọi nó hai ba cái. Kế cha nó đi xóm về, ông học chuyện lại cho cha nó nghe. Thằng chả chẳng nói gì hết, ném dù xuống, một tay thì nắm đầu, một tay thì nó giọi đầu nó tia lia. Ông thấy vậy hỏi : « Mầy điên hay sao vậy ? » Nó nói : « Không phải điên, cha đánh con tôi dữ quá, thử coi tôi đánh con cha có được hay không ! »

55 | Làm biếng hai kiếp

(bài số 19 trương 10)

Thằng làm biếng kia, không làm một sự gì hết, tới bữa ăn cũng làm biếng ăn ; nài nỉ lầm, nó rán ăn một hai miếng rồi cũng nắm nữa. Cha mẹ nó nói : « Nếu làm biếng ăn thì sống sao đặng ? » Nó nói : « Tôi cũng làm biếng sống nữa ! » Đến khi nó chết, vua Diêm vương ghét nó làm biếng, bắt nó đầu thai làm con mèo. Nó tau rằng : « Xin cho tôi làm

con mèo mun, mà có một đúm trắng trước mũi. » Vua Diêm vương hỏi chi vậy? Nó lâu rắng: « Đặng như tôi, tôi nǎm một chõ, chuột không thấy tôi, chỉ thấy đúm trắng, nó tưởng là cơm, lại kiểm ăn, săn đó tôi cắn tôi nhai cho dễ! »

56 | Dời nhà

(bài số 20 tr. II)

Người kia tánh ra vắng vẻ, không chịu có tiếng tăm ngày ngà, mà hai căn phố hai bên đều do anh thợ rèn với anh thợ bạc ở, ngày đêm đập mãi; anh ta nghe đã điếc tai, từc mình nói rắng: « Phải hai chú thợ dời đi, tôi chịu làm tiệc mà đưa họ. »

Bữa kia, hai anh thợ tới mà nói rắng: « Anh em tôi tinh dời nhà, xin anh nhớ lời, đãi anh em tôi một bữa lên đường. »

Anh kia mừng hết sức mừng, dọn tiệc trọng thể mà đãi. Trong lúc đương ăn uống, anh chủ nhà hỏi thăm rắng: « Hai anh tinh dọn về phố nào? »

Anh thợ rèn nói: « Anh thợ bạc dọn qua căn tôi, còn tôi dọn qua căn ảnh! »

57 | Tuổi sút

(bài số 22 tr. II)

Anh lái buôn kia, ghé lầu xanh, chơi điếm. Hồi còn mấy tuổi? Nó nói: mười tám tuổi. Cách vài năm anh ta ghé lại đó chơi nữa, con ấy đã quên, ảnh hỏi thăm tuổi, nó nói mười bảy tuổi. Anh va vè buôn bán càng ngày càng lỗ, cách đôi năm, cũng ghé lại lầu xanh ấy mà chơi, hỏi thăm tuổi. Nó cũng quên ảnh đi, nó nói nó có mười sáu tuổi. Anh ta nghe nói liền khóc lên. Còn lấy làm lạ hỏi làm sao mà khóc? Ảnh nói: « Cái tuổi của mình, cũng như cái vốn của tôi, càng ngày nó càng tiêu mòn dần, nghĩ đến động lòng, không khóc làm sao cho đặng? »

58 | Rề bất lợi

(bài số 23 trang 12)

Ông nhà giàu kia không có con trai, nuôi ba người rề trong nhà. Ông mới cất nhà, dọn dẹp vừa rồi. Đêm sau thằng rề lớn đi uống rượu đâu không biết, về khuya, kêu cửa không đặng, đồ cộc đấm cửa mà thề rằng: « Cửa gì quá cửa ngực, đóng chặt cứng, xô đà không nồi! »

Cha vợ nó giận mới nói với thằng rề giữa rằng: « Tao làm cái nhà, tốt hơn bạc ngàn mà nó nói tiếng bất lợi dường ấy. » Thằng giữa trả lời rằng: « Nhà này cầu họ mua năm trăm cũng nên bán, chờ ai mua tới ngàn! »

Ông tức mình đọc lại cho thằng rề út nghe.

Thằng nhỏ nói : « Anh nói phải đa cha ! Thà bán rẻ năm
trăm, chẳng hơn đèn nữa bị hỏa hoạn thì không đáng một
đồng điếu ! »

59 | Mướn đày tờ không tiền

(bài số 24 chương 12)

Thằng điểm kia tới nói với ông nhà giàu nọ rằng : « Tôi
một thân một mình, tới xin ở làm bộ hạ ông mà nhờ hột
cơm dư, chờ tôi không ăn tiền mướn ; song tôi có ba chuyện,
một là : không biết chèo chổng ; hai là : đi ngược không
đặng ; ba là : ngó thấy cơm thì thôi ; như ông dùng đặng,
tôi xin ở với ông trọn đời. »

Ông bá hộ liền chịu.

Nó ở ít lâu, ông sai nó đi chèo ghe, nó nói : « Xin ông nhớ
lời giao khoản thứ nhứt ! »

Đến mùa làm ruộng, biều nó đi cày phu, nó nói : « Xin ông
nhớ khoản thứ nhì. »

Ông tức mình rình coi nó ăn cơm thế nào, thì thấy nó ngồi
ăn hoài không nghỉ, ông đợi mòn hơi mới bước ra mà hỏi
rằng : « Mầy giao khoản thứ ba, : « hê ngó thấy cơm thời
thôi », mà mầy ăn đã mười chén rồi, mầy hồi còn xúc nữa. »
Nó giận đèn chén cơm xuống hả miệng ra cho ông coi rồi
hỏi rằng : « Ông ngó thấy cơm chưa mà ông biều tôi thôi ? »



60 | Hai anh em làm ruộng

(bài số 25 trương 13)

Hai anh em làm ruộng chung với nhau, tới lúa chín, thằng anh nói với em rằng : « Tao lấy khúc ngọn, chia khúc' gốc cho mầy ! »

Thằng em nói : « Chia như vậy, sao cho công bình ? »

Thằng anh nói : « Sao không công ? Qua sang năm thì mày lấy ngọn, tao lấy gốc, bởi vì mầy làm em phải ăn sau. »

Thằng em cũng nghe lời.

Qua năm sau, trời sa mưa dông, thằng em thúc làm ruộng, thì anh nói rằng : « Năm nay tao coi mòi ruộng thất, thôi đẽ đất trồng khoai xong hơn ».

Nghè khoai thì củ ở dưới gốc, té ra hai năm cũng một mình ánh hưởng lộc !

61 | Không đái khách

(bài số 26 trương 13)

Người khách đến thăm người chủ, gà vịt chạy đầy sân, mà ánh than rằng : « Ngặt không có đồ ăn, không biết lấy chi đái khách một bůa. » Anh khách nói : « Tôi có con ngựa cu đó, bắt làm thịt dùng tiệc với nhau cho vui ! » Chủ nói : « Úy ! Vậy rồi anh về bộ sao thấu ? » Khách nói : « Hề gì, anh lừa gà vịt và ngỗng của anh đó, coi con nào lớn hơn hết, cho tôi mượn một con tôi cõi tôi về cũng được ! »

62 | Một món cũng đủ

(bài số 27 tr. 13)

Ông thầy dạy đạo kia, đến nhà ông chủ khai trường. Ông chủ dọn tiệc đãi, có làm một con ngỗng, và các món đồ khác ăn uống rượu nữa.

Đương ngồi ăn, thầy nói với ông chủ rằng : « Vả chăng sự ở đời là sự trường cửu, cũng phải tiết kiệm mới bền lâu được. Từ rày sắp lên, xin đừng dọn nhiều món nữa ! »

Thầy chỉ con ngỗng trong mâm mà nói rằng : « Mỗi bữa chừng một món như vậy cũng đủ dùng ».

Mỗi bữa ăn chừng một con ngỗng, rốt năm cũng đủ bán hết sự nghiệp ông chủ nhà.

63 | Hà tiện

(bài số 29 tr. 14)

Người hà tiện kia có hai đứa con trai nhỏ. Và nói chuyện với con rằng : « Đời xưa Tào Tháo đi đánh giặc tháng nắng, binh kéo ngang qua núi, nhầm đồng khô cỏ cháy không có khe suối chi, quan quân khát nước gần chết.

Tào Tháo lập trí, chỉ cụm xanh xanh dâng trước mà nói rằng : « Cha chả là me ! đi tới mau hái me ăn giải khát ! »

Quân gia nghe nói me, đều thèm chua đồ nước miếng, đỡ khát đặng một hồi. Nay nhà mình nghèo cũng nên bắt chước tích xưa : mỗi bữa ăn cơm, đem con mắm mòi treo

bên vách, và một miếng cơm, ngó nó một cái mà nuốt, là thấy cũng như ăn. »

Hai đứa con nghe lời, tòi buồi ngồi lại ăn cơm, thằng con trai bảy tuổi nó thèm con mắm mồi lăm, thấy đó mà khó ăn, nên nó ngó hai ba lần mới nuốt một miếng. Thằng em nó thấy vậy kêu cha mà mét rắng : « Coi kia, anh hai ành ăn có một miếng, mà ành ngó tới hai lần ! »

Thằng chả nói : « Đừng thèm nói, con ! Đề mặn chết cha nó cho bỏ ghét ! ».

64 | Xin nước lạnh

(bài số 30 tr. 15)

Dọn cơm khách mà thiếu hết một phần đũa, ai nấy ngồi cầm đũa mời nhau, còn anh không đũa đứng dậy mà nói với người chủ nhà rắng : « Cho tôi xin một chén nước lạnh. » Chủ nhà hỏi : « Ủa, chi vậy ? ». Anh nói rắng : « Đặng rửa tay cho sạch mà bốc đồ ăn ».

65 | Cho đủ cặp

(bài số 31 tr. 15)

Hai anh ngồi uống rượu, trong dĩa có bốn con đồng dọc nướng mà thôi. Anh kia làm một mình đã hết ba con rồi,

lại hỏi anh nợ : « Sao anh không ăn chim, đè ngồi uống rượu vã¹ vậy ? » Anh nợ trả lời rằng : « Thôi, đè anh ăn luôn cho đủ cắp ».

66 | Đòi nợ

(bài số 32 tr. 15)

Anh kia mắc nợ, nhiều chủ tới đòi, ngồi chật bàn chật ghế. Có một anh tới sau hết, phải ngồi dưới thềm. Anh chủ nhà lại nói nhỏ với y rằng : « Mai cậu lại sớm nhé ! » Người ấy ngỡ là dặn tới sớm mà trả trước cho mình, kiểm chuyện nói mở ngảng² mà về trước. Bữa sau, người ấy đến hồi rundry động, rồi hỏi chủ nhà rằng : « Anh dặn tôi đến sớm, tôi đến chừng này vừa không ? » Chủ nhà nói : « Hôm qua cậu ngồi dưới thềm, tôi lấy làm bất bình, nên tôi dặn cậu đến sớm, xin lựa một cái ghế tốt ngồi xi phan trước đi, kéo chút nữa họ tới chật hết chỗ ngồi ».

67 | Mối ăn nhà

(bài số 33 tr. 15)

Khách đến nhà hồi lâu, đúng bữa cơm mà không dọn, người chủ lén vô nhà trong, ăn ba miếng uống vài chén,

1. Ăn vã, uống vã: ăn suông, không có gì làm đồ ăn đồ uống.
 2. Nói mở ngảng: nói bê ngang ra.

rồi đi ra cầm khách. Người khách nói rằng : « Nhà anh cây cột tốt quá, ngặt bị ba con mồi nó ăn, uồng quá ! »

Người chủ nói : « Không mà ! nhà tôi có mồi ở đâu ? »

Khách nói : « Mồi nó ăn ở trong, mình thấy sao đặng ? »

68 | Mua phân

(bài số 34 tr. 16)

Người làm rẫy kia hay đi mua phân người ta, đặng đem về bô đồ cho tốt, tờ thấy thùng phân của anh nọ mới hỏi rằng : « Thùng phân đó anh ăn bao nhiêu ? »

Anh nọ nói : « Tôi dứt giá một quan, thiếu một đồng không được ».

Người làm rẫy trả một tiền rưỡi.

Anh nọ giận mà nói rằng : « Phân người ta, không phải cứt heo mà rẻ làm vậy chớ ! »

Anh làm rẫy đồ cộc, nói : « Đặt ra mua bán, có giá cao giá thấp ; phải thì bán, không phải thì thôi ; chớ tôi có ăn của anh miếng nào, mà anh làm dữ vậy ? »

69 | Chuột cắn

(bài số 35 tr. 16)

Hai anh nhà giàu với một anh nhà nghèo ngồi nói chuyện với nhau. Anh giàu kia nói : « Tôi giận ba con chuột quá chừng ! Những đồ ăn bị nó vọc hết ».

Anh giàu nọ nói : « Đồ ăn và lúa gạo, nó ăn cũng chẳng trách gì, giận nó một điều là phá áo quần, sách vở lấm ». Anh nhà nghèo cũng nói : « Chuột nhà tôi không phá quần áo, mà cũng không lục đồ ăn, giận một điều là thấy nó đói mà mình chịu không được ».

Hai anh kia hỏi : « Sao nó đói mà mình chịu không được ? »

Ảnh trả lời rằng : « Đêm nào vừa thiu thiu ngủ, nó lén lại cắn hoài, hại ngủ đà không được ».

70 | Dốt hay nói chữ

(bài số 36 tr. 16)

Người hay chữ kia, rủi có con vợ hư lấm, cùng chẳng dã, phải đánh và nói rằng : « *Sự bất đặc dĩ tao mới đánh mày, chó tao cũng biết : giáo da thi thành oán* ».

Có anh dốt kia nghe dặng, cũng về bắt vợ cúi xuống đánh mà nói rằng : « *Sự mắng bát dĩa tao mới đánh mày, chó tao cũng biết : gáo tra dài cán !* »

71 | Nói láo như bò

(bài số 37 tr. 17)

Anh chủ nhà kia hay nói láo, có thằng dày tớ lanh nói đỡ cho ảnh hoài. Bữa kia ảnh nói với người ta rằng : « Tôi bị

trận dông lớn quá chừng, đến đỗi cái giếng nó bay lại cho tới dang xóm! » Họ nói không có lẽ.

Thắng dày tờ cất nghĩa rằng : « Sự đó là thiệt ; bởi cái giếng của chủ tôi có rào chặn một hàng sơ ly, hôm đó trận dông nó trổc hàng sơ ly qua bên này, nên coi như hình cái giếng bay qua bến ».

Bữa kia anh ta uống rượu say, khoe tài với anh em bạn rằng : « Tôi vào trai gái với con vợ thắng khách ấy, rủi nó về, còn sợ đem giấu tôi trong thùng nhang ; thắng dở ra, thì thùng không, tôi đã đòn về mắt ».

Thắng dày tờ nói rằng : « Sự đó là thiệt ; hôm đó tôi có đi theo, thấy thím kia biếu chủ tôi ngòi, lấy thùng úp lại, tôi ngồi ngoài, gần bên lô chó, tôi kêu nhỏ, chủ tôi nghe, mang thùng lại dựa vách, chun lô chó mà ra. Thắng khách cầm đèn lại dở ra thì thấy thùng trống ».

Anh ta được mọi, ý có dày tờ nói dở cho, ăn quen cứ nói láo hoài.

Bữa kia người ta đập được một con chuột cống, lớn bằng con heo con, ai nấy lấy làm lạ xúm lại coi, và nói rằng : « Chuột bây lớn mà mấy người lấy làm lạ, bữa hôm tôi đập được con chuột lớn bằng con bò ».

Họ nói : « Cái đó mới là láo to đà ! »

Anh ta biếu hỏi thắng dày tờ coi.

Thắng nói rằng : « Láo bức nào tôi còn dở đặng, trừ ra có cái láo như bò, tôi dở không nỗi ».

72 | Đi làm rề

(bài số 38 tr. 17)

Có thằng kia lanh trai, đi tới nhà cha mẹ làm rề, dọn cơm ra cho nó ăn. Bởi đường xa, đi đói, anh ta ăn hết cơm trong tượng mà không dám biếu bới thêm. Sẵn dịp ông nói chuyện mua nhà, anh ta luôn dịp nói theo : « Thưa cha, bên tôi có thằng đó muốn bán một cái nhà, cây cột còn tốt, ước chừng bằng cái tượng cơm đây ». Ông ngó coi thì thấy trong tượng hết cơm, hỏi trẻ bới thêm cho nó ăn. Ăn đãng ba miếng, ông hỏi tiếp theo : « Vậy chờ nhà đó nó bán bao nhiêu a con ? »

Nó nói : « Thưa cha, khi trước nghèo, không cơm nó bán, chờ nay nó có ăn rồi, nó không chịu bán nữa ».

73 | Lò mò

(bài số 39 tr. 18)

Có người kia vợ nằm bếp mà không có mướn người nuôi ; con em vợ thấy chị mình không có ai giúp nấu nướng xong hơ, mới qua nhà chị mà nuôi giúp.

Ở trong nhà thì chật đẽ được có hai cái chồng mà thôi. Anh ta có ý muốn em vợ, mới lèn mò bò vò, rồi nghĩ biết mình làm chuyện quấy, thuở trở ra, bò tới, bò lui đói ba bụng.

Con em vợ nó thấy mà không nói, đẽ coi thử anh và làm cái gì, con mèo ngó thấy, ngắt thằng nhỏ khóc lên, rồi ru như vầy :

« Ôi, ôi ! con ôi nín bú cho no ; hỡi người quân tử, chờ bò đi đâu ?

Con em vợ thấy chị mình ru như vậy, lại biếu chị mình đưa cháu cho tôi ru cho, rồi ru như vậy :

« Cháu ôi ! hãy ngủ cho ngon ; cửa dì dì giữ, ai bò mặc ai ! Anh ta ở ngoài nghe, nột ý ứng tiếng lên, hát khạn như vậy :

« Đêm khuya gà gáy ó o, tao ngủ không đăng, tao bò tao chơi !!! »

74 | Con rắn vuông

(bài số 40 tr. 19)

Có thầy kia hay nói láo, bừa nọ đi xa có dắt theo một thằng học trò. Dọc đường, gặp một đứa chăn trâu và chạy và la, mặt mày tái lét, thất vía hồn kinh. Anh ta đón lại mà hỏi rằng : « Thằng kia ! Mày sợ giống gì dữ vậy ? »

Thằng chăn trâu nói : « Tôi bị con rắn bắng bắp chơn nó rượt tôi. »

Anh ta nói : « Dữ không, con rắn bây lớn mà sợ gì dữ vậy ? Tao mới đập một con trên xóm kia lớn quá, bè ngang bốn thước, bè dài sáu thước. »

Thằng học trò thấy thầy nó nói láo té mòi, mới ngắt thầy nó là có ý biếu thầy bớt bè ngang mà thêm bè dài.

Chẳng ngờ anh ta lại nói : « Ủa quên ! Tao nói lộn, chờ bè ngang bốn thước, bè dài năm thước ! »

Thằng học trò lại ngắt nữa. Anh ta giận mà nói rằng : « Mày ngắt hoài, làm tao bót nữa, con rắn ra vuông vức đi còn gì ? » .

75 | Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ

(bài số 41 tr. 19)

Ngày kia có bọn học trò đi học nghe sách về, phô khen đao Nho rằng : *Vạn sự tùng nho đã xuất*. Xảy đâu gặp một ông già, nắm giữa đàng, yếu liệt đang hấp hối, có con gái đứng gần bên ưu phiền phù trợ ông ấy. Các trò thấy vậy, ngừng chơn đứng lại, mà hỏi con gái ấy rằng : « Ông này giống gì chị ? » Con gái ấy thưa rằng : « Anh vợ ông này là cậu ruột chồng tôi. » Các trò nghe vậy hiểu không ra, tinh ngược tinh xuôi, tinh bên bác qua bên chú, tinh bên cô qua bên cậu, cũng không rõ ông là gì con đó ; cùng lý, thôi mới hỏi rằng : « Chị nói tréo tréo tro tro vậy ; thôi ông là giống gì chị, chị nói cho biết chút. »

Con ấy rằng : « Chớ nãy, nghe các thầy nói « *Vạn sự tùng nho đã xuất* » mà các thầy giải không ra lời ngu phụ này sao ? »

Các trò nghe thầm mật hồ thầm, lần lần lải rải đi hết.

76 | Kính mang coi sách

(bài số 42 tr. 20)

Một người nhà quê thường ngó thấy ông già bà cả mang kính mà coi sách, thì bữa kia đi tới phố hỏi mà mua kính. Lấy kính mang vô cầm sách coi thử, rồi cởi ra lắc đầu nói

kính không tốt. Người chủ phố lựa một cặp tốt nhứt trong phố đưa cho. Anh và đeo vô coi sách, cũng lột ra lắc đầu nói không tốt. Chủ phố mới nói : « Hoặc là anh không biết chữ, anh coi không dặng ấy chăng ? »

Chú nhà quê mới nói rằng : « Khéo nói thật không ? Phải tôi biết chữ tôi coi sách được thì tôi có hỏi tôi kiếm mà mua làm chi ? »

77 | Giấu đồ kẽo chúng giựt

(bài số 43 tr. 20)



Đến đây trích hết các bài hay trong tập Tiếu lâm Phụng hoàng San, bản in Phát toán năm 1912. Từ trương sau, tôi xin lục mười lăm bài in trong tập nhỏ gọi “Truyện ông Ó”, do ông Bùi Quang Nho ở Bến tre soạn và in tại nhà in Huỳnh Kim Danh, Sài gòn, năm 1913, giá bán Một cắc (0\$10), gồm mươi bảy trương, khổ giấy $0,22 \times 0,15$, nhan sách như vầy :

TRUYỆN ÔNG Ó

soạn par
BÙI - QUANG - NHO
BẾN TRE

Nouvelle édition

*

Droits réservés

*

0\$10

*

S A I G O N

Imprimerie Huỳnh - kim - Danh

1913

T Ủ A

Từ xưa tôi nay, nعرفc nào xút nào cũng vậy, đều có bảy chuyện mà nói cho vui, kêu là Truyện Đời Xưa, những chuyện cũ đã qua rồi đời trước, hoặc có hoặc không, song tại người bảy đặt chuyện ấy, lời nói khéo dễ nghe, dễ tin, ấy vậy cũng là Háo dã nhi vi chi, tôi nhơn thấy mấy ông trên trước đã dịch đã in những chuyện cũ ra bán bấy lâu, tôi nhớ lại chuyện này tuy là chuyện tầm phào song những lời nói nghe cũng tức cười, bởi có lời tục thuở nay hay kêu mấy người nói láo là cháu ông Ó, mà không ai hiểu bởi đâu mà đặt tiếng ấy, nên tôi tom g López mấy chuyện người ta nói từ tôi còn nhỏ tôi nay đãng in ra đây cho trẻ em xem chơi, xin chư vị khán quan miễn chấp, nếu có ai rõ hơn thì mặc tình bắt bẻ, tôi không dám xưng là chuyện tôi biết rõ, tôi cũng không phải là cháu ông Ó.

Tích như vầy: tại xóm dừa, bảy giờ thuộc về làng Hội Phuróc, tổng Minh Đạt, hạt Bến Tre, nguyên chõ đó thuở trước là rừng vông, thiên hạ khai phá ra mà trồng tía, như là dừa cải bầu bi khô qua, nói tắt là

các thứ hàng bông, tời nay thành danh là « xóm dưa ». Khi ấy có hai vợ chồng người kia tuổi trên năm mươi mà không con, tời đó ở ruộng rừng đặng trồng tía, vợ thì nuôi heo vịt và gà, bởi gần mé rừng có nhiều ổ biển thường xuồng bắt vịt gà của hai vợ chồng người này, nên người chồng làm bẫy-bàn mà đánh, bắt được nhiều con ó, hễ bắt được thì đem ra chợ mà bán nên con nit đắt người ấy là ông Ó, vì thế thường người An nam ta hay chỉ nghè mà kêu tên như là thợ cối, thợ rèn, thợ may, thợ chạm, v.v...

BÙI - QUANG - NHO

TIỂU SỬ TÁC GIẢ BÙI QUANG NHO

Ông Bùi Quang Nho, người tỉnh Bến Tre, quận Mỏ Cày, thuở nhỏ do binh biến xuất thân, làm cho tới thiệt thò chức quan mệt, trọn trong mười lăm năm giúp nước, công lao dày nặng, đặng thưởng ba tẩm huân chương, nên người ta hay kêu tên ngoài là quan mệt Nho.

Ngài hình trạng phì mỹ, mặt vuông râu tốt, tánh nết điềm tĩnh hiền lành, nay đã năm mươi tám tuổi, tiếng và chữ lang-sa sảo biết cũng khá, chữ quốc ngữ cũng rành, mấy năm nay mở cửa hàng tại Thành phố tỉnh Bến Tre, buôn bán các thứ truyện sách quốc ngữ, và đồ văn phòng từ bút, với đồ khi mịnh tạp dụng, bè sah ý càng ngày càng thuận lợi, cũng là trời cho có lộc trở về già, mà ngài lại hay an thường thủ phận, vẹn giữ thinh danh. Phu nhơn là Phan thị rủi đã thác, sah đặng sáu bảy người con, hiện tại nhà cửa sự nghiệp sung túc, ngài cũng phải là một người phuớc đức lão thành, mang hảo tâm hảo, gương tốt đáng khen. Thi rằng:

*Việc nhà việc nước võ gồm văn,
Trái bấy thu dư giữ dạ hăng,*

*Xông lướt xưa từng đường dao vác,
Bán buôn nay dựng cuộc làm ăn.
Tiền trăm bạc chục nhiêu người có,
Nết thẳng lòng ngay ít kẻ bằng.
Phước đức dần dần lên tuổi thọ,
Thảnh thoảng thêm hương gió hòa trăng.*

(Điếu cò hạ kim thi tập, Nguyễn Liên Phong, Sài gòn, 1915 tr. 55 tập hạ)

78 | Cho mượn trâu

(bài 1 trường 3)

Ngày kia ông Ó đi dạo trong một làng gần, thấy có người quen đương dọn đất cấy, lúc đó lối tháng chín, ông Ó mới hỏi rằng : « Cha chả ! tới ngày rày mà cấy chưa rồi sao ? » Người làm ruộng trả lời rằng : « Tôi năm nay làm ruộng nhiều mà rủi xóm tôi trâu bịnh nhiều lắm không có trâu mà làm, tôi còn vài chục công nữa mà không có trâu, phải làm tay như vậy, khổ quá ! »

Ông Ó nói : « Nhà tôi gần mé rừng nên có anh em họ gởi ít cặp trâu đặng cho nó ăn cỏ rừng vì đồng bên tôi cấy rồi hơn một tháng, phải chi anh có chỗ nhốt tôi cho mượn vài cặp về mà làm ít bữa. »

Người làm ruộng tưởng thiệt, mời ông Ó về nhà, trầu nước tử tế, rồi cho đày tờ theo ông Ó đặng bắt trâu. Nguyên chỗ rừng ấy, năm nào khi xông quanh cấy rồi thì mấy chủ trâu đem làm chuồng cầm trâu trong rừng ấy. Khi đó ông Ó về

nhà rồi nói với mấy đứa chăn trâu mượn bốn con trâu to chưa xỏ mũi, lấy dây chuỗi cột cõ giao cho mấy đứa ấy. Mà nghè trâu bầy, khi đi xa xa, nghe bầy nó nghè thì giựt dây chạy trở lại. Mấy đứa ấy về nói lại cho chủ nó hay công chuyện như vậy... Sau gặp ông Ó, người làm ruộng trách ông Ó sao nói gạt thì ông trả lời rằng : « Vậy không biết Ó xóm dưa sao ? »

79 | Nói láo gạt người hàng thịt

(Bài số 2 tr. 4)

Có một bữa kia ông Ó quá giang ghe trong xóm đi chợ đặng mua ăn, rủi ghe ấy về quên kêu ông Ó, nên ông phải kiếm ghe khác mà về, chẳng ngờ kiểm cùng chợ không có ghe quen, mới nghĩ ra một kế gạt hàng thịt đưa về nhà, bèn lại gần một thớt thịt nói với người hàng thịt rằng : « Chú bán thịt coi đắt lắm, sao không thấy xuống dưới xóm tôi mua heo ? »

Tên bán thịt nói : « Dưới ông có nhiều heo lắm sao ? »

Ông Ó trả lời rằng : « Tôi ở nhà có một bầy heo mười mấy con, trông cho có ai mua nguyên bận mới bán mà không thấy, một hai khi có ghe lại mua mà họ trả lôi thôi nên tôi chưa bán. »

Tên hàng thịt tưởng thiệt, mời ông Ó vô nhà đãi một bữa cơm, rồi cho ghe đưa ông về đặng mua heo luôn thê.

Khi về tới bến, gặp bà Ó đi xuống bến gánh nước, thì ông Ó nói rằng : « Có chú lái này muốn mua bầy heo của mình. » Bà vợ biết ý chồng, thì trả lời rằng : « Khi ông đi rồi, có

ghe lại mua xong, bắt mới rồi, nó mới lui ghe, tôi đi gánh nước đặng rửa đồ đây! »

Tên hàng heo nghe nói chung hững, phải trả về ghe không.

80 | Nói láo có sách

(bài số 3 tr. 4)

Thuở ấy có quan huyện Cái quao¹ tánh người ham vui, nghe người ta nói ông Ó nói láo hay nên cho đòi tới mà dạy ông nói nghe chơi.

Ông Ó trả lời: « Bầm ông tôi nói láo có sách, chờ không phải đặt mà nói được. Nếu ông muốn nghe, xin cho phép tôi về lấy sách đem lại nói cho ông nghe. »

Quan huyện tưởng thiệt cho ông về lấy sách, lâu ngày không thấy lại, cho đòi tới mà quở sao không đem sách tới?

Ông Ó trả lời rằng: « Bầm ông, nói láo là vậy đó, xin ông xét lại. » Quan huyện tức cười, không nói gì nữa.

1. Tôi định Cái Quao đây thuộc hạt Bến Tre xưa, hay ở gần vùng đó. Vì ngày xưa, toàn dùng ghe thuyền xê dịch hay đi bộ hay cõi ngựa, không lý là Gò Quao ở tận hạt Rạch Giá thì xa quá.

81 | Nói láo tới Huế

(bài 4 trương 5)

Khi đó có nhiều quan lớn ở Huế vô trấn Nam kỳ, đã có nghe ông Ó nói láo, nên khi về kinh (Huế), mỗi lần có đám tiệc vui thì hay nhắc chuyện ông Ó Nam kỳ nói láo hay. Thuở ấy có một ông Đông-cung, tánh ham vui nghe nói thì ước ao muốn nghe chơi, nên có nhiều quan muốn cho đẹp lòng Đông cung, khi có anh em đi trấn nhậm trong Nam kỳ thì cậy gởi ông Ó ra. Nhằm lúc có ghe bầu tải lương về kinh nên họ gởi ông Ó theo ghe bầu ra tới Huế. Ngày kia có người dắt ông Ó đem ra mắt Đông cung, nhằm lúc Đông cung đương cởi voi đi săn bắn với các quan, ngài gặp ông Ó ngoài đường thì ngài mắng, mới hỏi rằng: « Bấy lâu ta nghe các quan nói rằng ngươi nói láo hay, vậy thì nói cho ta nghe thử. »

Đông cung nói dứt lời, ông Ó trả lời rằng: « Nếu Đức Ông muốn nói cái chi thì gạy đầu tôi mới nói đặng. »

Đông cung ngẫm nghĩ một hồi rồi nói rằng: « Thôi mặc ý nhà ngươi muốn nói cái chi gạt ta mắc mớp thì nói. »

Ông Ó rằng: « Tôi nói gạt thế chi thì Đức Ông cũng phải mắc mớp, song Đức Ông đương ở nứa lừng, đầu không rời trời, chơn không dung đất thì không gạt được. » (là vì ngài đương ở trên lưng voi).

Đông cung muốn thấy tài ông nói láo làm sao nên lật đật leo xuống đứng dưới đất biếu ông Ó rằng: « Người hãy nói đi. »

Ông Ó cùi đầu xuống xin thứ tội và nói rằng: « Đức Ông dạy tôi nói láo nên tôi nói láo gạt cho ngài leo xuống đó! » Đông cung nghe nói tức cười rồi dắt về cung đặng ông nói cho gia quyến người nghe.

82 | Nói láo gạt các quan

(bài số 5 tr. 6)

Bữa nọ Đồng cung đãi yến các quan, dạy đòn Ông Ó tới nói láo cho các quan nghe. Khi ấy ai cũng muốn biếu Ông Ó nói nghe chơi.

Ông Ó làm thính một hồi không nói gì hết, các quan hỏi vì cớ nào mà ông không trả lời, mà coi bộ buồn rầu gì vậy? Ông Ó bầm rắng: « Khi tôi nghe Đồng cung đòi thì tôi lật đật chạy không coi dưới đất, không biết tôi đẹp nhắm con gì nó cắn tôi một cái tôi hất văng đâu mất, mà từ đó tới bây giờ nhức chỗ ấy hết sức, tôi nghe trong mình tê mê nên nói không được. »

Các quan tưởng thiệt, xúm lại hỏi cắn chỗ nào? Kẻ thì sai đi kêu thầy thuốc rắn, chừng ấy có thầy tới hỏi thì Ông nói: « Ấy là tôi nói láo cho các quan nghe chơi chứ không có chi hết. »

83 | Nói láo gạt quân lính

(bài số 6 tr. 7)

Mấy ngày ông Ó còn ở tại Huế, đi dạo chơi trong thành phố, mấy cậu lính hầu của các quan thấy Ông thì hỏi Ông rắng: « Nghe nói Ông ở Đồng nai ra đây có việc chi hay là đi nói pha lúng các quan nghe?

Ô trả lời rắng: « Tôi là thầy địa lý có danh trong Đồng nai, các quan ngoài này người nào có trấn Đồng nai đều biết

tôi, nên Đức Ông nghe danh tôi, ngài đòi tôi ra đây đểng
chỉ một hai cái bí nhiệm cho ngài học, vì ngài ham học địa
lý lắm. »

Mấy người ấy tưởng thiệt đồn vấy với nhau, mấy thày đội, mấy chú cai đều tới rước ông liền liền mà chủ nào ông
cũng hẹn chừng, cho tới ngày ông ra về họ theo đón đường
nắng sứ xin coi giùm huyệt mả, kẻ thì coi cho ông bà,
người thì coi cho cha mẹ. Chừng đó Ó nói dứt rắng : « Đức
Ông rước tôi ra đây đểng nói láo, tôi cũng nói láo luôn với
các cậu cho vui chờ tôi dốt đặc biết gì đâu ! »

84 | Nói láo gạt ông quan hữu trí

(bài số 7 tr. 7)

Có một ông quan già, khi trước vô trấn Đồng nai có gặp
ông Ó, nên lúc này hữu trí, ở nhà tại Huế, trong nhà vợ
con đều làm nghề dệt hàng lụa. Bữa nọ đi dạo chợ thịnh
lành gặp ông Ó đi chợ bèn kêu lại mà hỏi rắng : « Ông không
phải là người Đồng nai sao ? »

Ông Ó ngó lại thấy ông già ăn nói nghiêm chỉnh thì chào
và trả lời rắng : « Phải. »

Ông quan hỏi ông phải là ông Ó không ?

Ô thưa phải, quan hỏi vậy có chuyện chi hay là ai kêu ra
nói láo sao ? (quan này đã biết ông Ó nói láo), Ó thưa rắng :
« Không phải, cách hai năm nay trong Đồng nai để tắm trúng
lắm, vợ tôi ở nhà nó cũng trúng, nó kéo được ít yến sơ mà
bán không được, có một người lái ghe bầu ở ngoài Cửa Hòn

vô ra buôn bán quen với tôi lăm, người ấy rủ tôi ra đây chơi, trước là cho biết xứ sở người, sau tôi bán tơ luộn thè, mà hòm nay chưa bán được, nay có người đi chợ nên tôi theo vào đây chơi. »

Ông quan ấy tuy biết ông Ó hay nói láo, song thấy ông nói có lý nên tin là thiệt, bèn nói rằng : « Như thiệt vậy thì tôi cho thằng này theo ông dặng nó dắt ông đem tơ lại nhà cho vợ con tôi mua. »

Ó đi với tên gia thần ông quan, một đỗi xa rồi day lại nói với tên ấy rằng : « Thôi chú trở về bầm với quan lớn rằng, quan lớn đã biết tôi là ông Ó nói láo đó, chờ tôi có bán chi đâu ! »

85 | Nói láo trong dinh Đông cung

(bài số 8 tr. 9)

Ngày kia Đông cung hỏi ông Ó rằng : « Nhà ngươi ra đây coi nhơn vật xứ này với xứ ngươi cách thế làm ăn có khác nhau không ? »

Ó rằng : « Tôi coi dân xứ này ít làm lăm ; dân trong xứ tôi không phải vậy ». .

Đông cung hỏi : « Sao mà gọi ít làm ». .

Ó rằng : « Dân trong tôi cà cuốc cả năm, không cho chõ đất nào ở không ; còn ngoài này, bởi họ ít làm, nên đẽ đất chai hóa ra đá lâu năm nó sanh sản ra thành núi, bởi vậy xứ này núi nhiều ruộng ít. Trong tôi nếu có núi như vậy, họ đào ít năm cũng sập ! »

Đông cung nghe nói cười ngắt, rồi hỏi rằng: «Ngươi nói giỏi vậy mà có thầy dạy hay là ngươi bày đặt ra mà nói?» Ô bẩm: «Bẩm Đức Ông, dầu việc nhỏ mọn cũng phải có thầy. Thầy tôi dạy thường thường năm bảy mươi học trò; cách mươi năm nay vua bên Tàu cho rước thầy tôi qua Bắc kinh nói cho vua nghe, khi thầy tôi về, vua có ban cho thầy tôi một trăm cân vàng, lại có cho tàu đưa về, rủi thay đi dọc đường bị ăn cướp Tàu Ô giết thầy tôi lấy hết của. Sau vua Tàu hay có gởi thơ qua phủ ủy vợ thầy tôi và có phong cho thầy tôi là Tô sư nói láo. »

Nói tới đó, cả dinh Đông cung ninh không được đều cười rõ một tiếng.

86 | Từ Huế về Nam

(bài số 9 tr. 10)

Ông Ô ở tại Huế một ít lâu, Đông cung và các quan thường kẻ ít người nhiều, ông tinh về bộ kéo chò ghe bầu trở vô thì còn lâu, nên hỏi thăm đường sứ trở về. Khi đi dọc đường, thấy một thứ khoai lang lạ bèn sanh ra một kẽ để kiểm ăn về đường, mới cắt một mớ dây lang ấy, gói lại kỹ càng, mỗi khi đi tới một xóm nhà thì ghé vô xóm xin nước tưới dây lang. Người trong xóm thấy vậy thì hỏi dây gì mà gói kỹ vậy?

Ô trả lời rằng: «Khoai ngự».

Họ hỏi sao mà gọi là khoai ngự?

Ô nói: «Thứ khoai này là của vua trồng trong vườn vua. Bởi tôi có một người anh em giữ vườn vua nên lén cho tôi

ít sợi dây đây đem về làm giỗng, khoai này khác hơn khoai ta, tròng nó phải có giàn như giàn bầu, củ nó thòng xuống như bầu vậy, mà ăn củ nó cả năm.

Ai nấy thấy ông già mà nói kỹ càng như vậy thì tin thiệt, nên năn nỉ với ông mà mua lại mỗi người một hai sợi làm giỗng, ông cứ làm như vậy, nội bó dây lang mà đủ ăn về tới nhà.

87 | Câu ống

(bài số 10 tr. 10)

Ngày kia ông Ó muốn đi ra Vành Nước Trong, là vàm vô Mỏ Cày, đặng thăm bà con mà đi bộ thì đường không có, khó đi, nên ra mé sông coi chừng có ghe nào đi đặng quá giang, ra đứng ngoài mé sông một hồi lâu, có một chiếc ghe nhỏ ở Mỏ Cày đi ra vàm, tên chèo ghe biết mặt ông Ó mời hỏi rằng: « Ông làm gì đứng đó? Nói láo nghe chơi ông! »

Ông Ó bèn nói tinh tuồng rằng: « Tôi câu ống từ sorm mai tới giờ, hồi nãy đây có con cá gì lớn quá nó kéo tôi gần té xuống sông, tôi sợ đứt câu nên tôi quăng ống câu cho nó, tôi muốn kiểm xuống mà theo ngặt trong xóm tôi không có ghe xuống gì hết, nên ngồi đây mà ngó. Phải chi chú em cho tôi quá giang theo nó ra tới vàm, coi nó ra tới đâu, như may bắt được chia cho chú một phần ăn chơi. »

Tên kia hỏi: « Ông nói chơi hay là thiệt? »

Ô chỉ bụi cỏ gần mé sông mà nói rằng: « Tôi trì bụi cỏ đứt cõi đó! »

Tên nọ ghé ghe cho ông Ó xuống, trong khi ghe chèo, ông làm bộ ngó mông hoài. Lúc tới vàm mà không thấy gì hết, thì ông chắc lưỡi mà nói rằng : « Chắc nó trầm dưới bùn nào sâu, mình vô ý không thấy. Vậy chủ ghé vô nhà trước kia đãng tôi mượn chiếc xuồng nhỏ bơi trở lại kiểm coi may có gặp chẳng ? »

Khi ông bước lên bờ rồi thì nói với chủ ghe rằng : « Chủ biếu tôi nói láo nên tôi nói láo cho chủ nghe đó. »

88 | Nói láo tinh tuồng, đờn bà hoảng kinh

(bài số II tr. II)

Bữa nọ ông Ó đi chợ, có gặp một người đờn bà cùng ở một làng với nhau, gặp ông Ó thì hỏi rằng : « Đi chợ sao ông ? Nói láo nghe chơi ! » (vì ông hay nói láo thường, nên ai gặp cũng nói không sợ mích lòng).

Ông Ó day lại thấy người đờn bà biết người ấy ở xóm trên trong làng mình, bèn nói tinh tuồng rằng : « Ủa ! đi chợ sao em ? Hèn gì ở nhà thằng chồng em nó tung hoành. » (Nguyên người đờn bà ấy, chồng có tánh hay say rượu. Có vợ ở nhà thì chồng nó không dám uống rượu ; mỗi lần vắng mặt vợ thì đều say mà hễ say thì hay gây gổ đánh lộn với bợm say khác, nên Ó biết ý mà nói láo cho con vợ thất kinh, mới nói làm vậy). Con mẹ nọ nghe nói, hỏi việc gì mà tung hoành ?

Ô nói : « Tao nghe mõ om sòm, tao hỏi thăm mấy người chạy mõ về nói thằng chồng mày nó say rượu rồi đánh lộn

với người nào đó, đánh bằng cái vi tiễn¹ lõi đầu người kia ném chủ quán sợ ra la làng và đánh mõ, dân tới đã bắt ba người đóng trăng trong nhà làng, vậy em không hay sao? » Con nợ nghe thất kinh chạy về thì không có gì hết.

Ngày khác gặp ông Ó, nó trách rằng: « Sao ông ác dữ vậy? Làm cho tôi hết hồn chạy về bỏ quên đồ đạc ngoài chợ chúng lấy của tôi hết! »

Ó nói « Tại em biếu qua nói láo. Nói láo là vậy đó! »

89 | Người chết của hết

(bài số 12 tr. 12)

Có tên kia con nhà giàu, tánh hay chơi bời, khi thì theo ghe chài ghe lười, lúc lại theo bạn săn bắn. Bữa nọ đi săn với bọn săn trong rừng gần nhà ông Ó. Tên này thấy dấu heo rừng ủi thì hỏi ông Ó rằng: « Ai làm gì đào hang đào lỗ vậy ông? »

Ó rằng: « Đó là heo rừng ủi chờ gì. »

Tên kia hỏi rằng: « Heo rừng cũng như heo mình, sao đất cứng như vậy mà nó ủi được? » (là vì nó ủi lúc đất chưa khô).

1. *Cái vi tiễn*: ngày xưa ông bà ta còn xài tiễn điểu, rất bè bonen. 600 trăm đồng mới vô một quan. Muốn tiện khỏi đếm, nên chế ra cái vi, tức lấy một miếng ván dày, móc mương để lọt đồng tiễn dụng bè dày, cứ đầm một hàng là kê một quan, muốn mấy quan thì móc mấy hàng mương v.v... Tôi từng thấy cái vi tiễn, nhớ hình nó dai và đẹp như cái bàn toán Tàu. Trong ĐHQATV Huỳnh Tịnh Của cắt nghĩa: *Cái vi*: cái vỉa tiễn, đồ đẽ mà lấy mức tiền quan. *Vi tiễn* là đẽ tiễn vào vi mà lấy mức.

Ó rắng : « Trời sanh nó có một cái nǎm¹ trên mỏ nó cứng như sắt, để cho nó cạy đất kiếm ăn. »

Anh ta thuở nay tuy nghe nói heo rừng, nhưng mà chưa hề thấy, nên tưởng thiệt. Kế một lát bọn săn giết được một con heo rừng. Tên nhà giàu mừng lấy dao nhỏ trong lưng xé cái mỏ con heo mà kiếm cái nǎm, không thấy gì hết, mới hỏi ông Ó rắng : « Ông nói heo rừng có cái nǎm trước mỏ, sao tôi kiếm không có ? »

Ó trả lời rắng : « Lời tục nói « người chết, của hết. » Cái nǎm ấy là của trời cho riêng nó mà nay nó chết rồi thì của hết, còn đâu mà cậu hỏi ? »

90 | Đặt rượu bằng khoai thúi và khoai sùng

(bài số 13 tr. 13)

Tiết tháng sáu tháng bảy, mấy người làm ruộng đào khoai đặng lấy đất ấy mà cấy lúa. Có một bữa ông Ó đi thăm bà con về, trời thì gần tối mà đường về nhà còn xa, Ông tính ghé vô xóm ngủ nhờ một đêm sáng ra sẽ về. Khi ghé vô một nhà kia thấy trong nhà lớn nhỏ đều xùm nhau mà lụa khoai, mấy củ thúi mấy củ sùng thì bỏ riêng ra; còn trên bộ ván ngựa gần đó có một mâm cơm đê săn. Ông Ó muốn kiểm một bữa lót lòng, mới bày chuyện ra mà làm

1. Nǎm: đồ làm bằng sắt, hoặc bằng cây giống chiếc đũa mà giẹp một đầu, có thể mà cạy mà xoi (như nǎm cạy vú cau). Vót nǎm, rèn nǎm. ĐHQATV Huỳnh Tịnh Của).

như vậy : bèn ngồi xuống lượm mót mấy củ khoai thúi và khoai sùng, lấy khăn gói lại.

Chủ nhà thấy vậy hỏi : « Ông lượm đồ ấy làm chi ? »

Ó rắng : đem về đặt rượu.

Chủ nhà nghe nói mới hỏi làm sao mà đặt rượu gì với khoai sùng ?

Ó nói : « Tôi có học với một người chèc làm rượu Sứ quốc công. »

(Nguyên thuở ấy người khách có đem qua bán một thứ rượu đựng trong cái ve đen thui kêu là « gia bì ». Rượu Sứ quốc công mùi nó như khoai sùng). Bởi vậy nên Ó mới đặt chuyện mà nói láo. Ó rắng : « Lấy khoai sùng đâm cho nát, nhồi một cục để một đêm, rồi gia vô năm vị thuốc, lấy lá chuối gói như làm cơm rượu vậy ; ba đêm ba ngày, mở lá ra bỏ vào khạp đậy nắp cho chặt, lấy hồ dán cho kín để đủ mười lăm ngày thì cái xác khoai lăn xuống hết. Đoạn múc nước ấy mà ra chai hoặc ra bì thì ngon hết sức ; như muốn uống cho ngọt ngọt thì mỗi khạp phải bỏ vào bốn lượng đường phèn. »

Người nhà ruộng nghe nói dẽ như vậy thì ham, bèn mời ông Ó ăn cơm rồi phu với Ó lựa khoai thúi khoai sùng, lấy cối đâm một cối, nhồi cục để đó.

Sáng ngày sau, Ó nói đi chợ bồ thuốc rồi đi luôn không trở về.

Chủ nhà trông tới tối ngày không thấy trở lại, khi ấy mới hay bị gạt.



91 | Chó săn

(bài số 14 tr. 14)

Ngày nọ ông Ó đi chơi, gặp một bọn vác lưới đi săn heo rừng.

Ó hỏi thăm săn có thịt không, bọn ấy trả lời rằng: « Heo rừng có bốn bốn, mà rủi chó dở lăm, nên heo chạy hết. » Ông nói: « Nhà tôi có giỗng chó săn giỏi lăm, nội trong xóm tôi ai đi săn đều mượn chó tôi, săn rồi họ cho thịt tôi ăn không hết. »

Mấy người thợ săn này thuở nay chưa biết ông Ó nên tưởng thiệt, hỏi thăm rằng: « Chó ông giỏi vậy mà có chó con không? »

Ông nói: « con chó cái tôi nó mới đẻ năm con, ba đực hai cái. » Thợ săn hỏi: « Ước chừng ông đẻ nhin cho chúng tôi một con chó cái được không? »

Ông nói: « chó tôi thuở nay đẻ được bao nhiêu thì họ cũng nài hết. Như anh em muốn thì theo tôi về nhà, muốn con nào thì tôi sẽ đẻ cho một con chơi. »

Bọn ấy theo ông về nhà, thấy có một con chó cái ốm nhom, đầu thì đầy những ghê chốc, có ba bốn con chó con nằm một bên. Thợ săn hỏi: « Con chó này phải không? »

Ông nói: « Phải ».

Thợ săn coi biết không phải chó săn thì nói rằng: « Tôi coi tướng nó là chó cỏ chớ không phải chó săn. »

Ông nói: « Các người thấy nó xấu tướng, các người nói vậy. Đè tôi thuật chuyện nó bắt heo lăn chai cho mấy người nghe. Năm ngoái cũng lối tháng này, khi nó có chửa lứa trước gần ngày, nhằm lúc mấy người lối xóm tôi họ rủ đi săn, mỗi người cũng có đem theo một con chó. Con chó

cái tôi đây lúc đó nó đi là à ênh mà nó cũng đi theo. Khi vô tời rừng, mấy con chó kia chạy vô trước, bữa đó gặp một con heo rừng lớn hết sức, nó đánh mấy con chó kia, con thì rách ruột, con thì chết tươi tại chỗ. Khi ấy con heo đánh một cái, chó tôi bè đầu văng ra xa lắc, tôi thấy vậy nóng ruột, kéo bướng nó ra khỏi rừng, thời may con heo đã mệt rồi nên nó không theo chúng tôi. Ra được bình yên; khi ấy tôi thấy con chó tôi tuy trọng bệnh mà coi bộ còn tỉnh, nên tôi hái lá giác rừng, tôi nhai với voi ăn trầu, lấy dây choại bó lại cho nó, một lát coi hết chảy máu. Lúc ấy chúng tôi cũng đã khỏe rồi, mấy người kia rủ nhau trở vô trong rừng kiểm thây mấy con chó họ bị heo đánh đó. Chó tôi thấy họ đi nó cũng chạy theo, chẳng ngờ con heo nó vừa khỏe một chút liền đứng dậy rượt theo thợ săn. Ai nấy đều thất kinh, kẻ thì mác thông, người thì lao phụng, đỡ gạt với nó mà chạy... Không dè con chó tôi nó chuyền bụng đẻ ra sáu con, mẹ con nó đeo theo sau đuôi con heo... Thợ săn mang lo chạy một đỗi xa xa, thấy con heo không theo nữa nên họ trở lại thì thấy heo ngồi đó mà cự với mẹ con con chó của tôi. Thợ săn thấy vậy lướt vô đâm giết được con heo. Khi đó coi lại mới hay rằng trong lúc nó rượt thợ săn, nó bị mấy mẹ con con chó ở sau cắn nó đứt nhượng nên đi không được. Con chó tôi, từ bị heo đánh bè đầu, chỗ vít tuy lành rồi, mà nó sanh ghê hoài nên ai nấy cũng chê nó là chó có ghê. »



92 | Khi ông Ó về tối nhà

(bài số 15 và bài chót tr. 17 tập Bùi Quang Nho)

Anh em mắng tối thăm và hỏi rằng : « Ông ra Huế, có thấy cái chi ngộ lạ không ? »

Ó rằng : « Thiếu chi cái lạ. Tôi thấy một khẫu súng trí trước đèn vua lớn hết chỗ nói. Ngày kia có người lính quen đem tôi đi chơi, tôi thấy súng lớn tôi trầm trồ, tên lính bắc thang dắt tôi leo lên trên vị súng coi chơi, thình lình trời phát mưa lớn, chạy đi đâu không kịp, tên lính dắt tôi chạy theo lỗ ngòi vào trong lòng súng mà đụt mưa, tối tạnh mới về các người nghĩ coi súng lớn là dường nào ? »

Hỏi rằng : « Ông có gặp mặt đức vua lần nào không ? »

Ó rằng : « Tôi có đi với Đông cung ra chỗ vua ngự nhiều lần. »

Hỏi « Ông có thấy vua ăn mặc ra thế nào ? »

Ó rằng : « Đồ trào phục của vua như đồ hát bội mà đều thêu bằng vàng thiệt. Có cái mao vua mới nhiều tiền lắm. »

Hỏi làm bằng giống gì mà nhiều tiền ?

Ó rằng làm hết hai chục cân vàng !

Hỏi cha chả hai chục cân vàng thì vua đội sao nồi ?

Ó rằng : « Vậy các người không nghe hễ làm vua có quan phụ chánh ? Quan ấy theo phụ đỡ mao cho vua, sức hai ông phụ chánh, chừng năm chục cân, họ đỡ cũng nồi, lừa là hai chục cân ! »

Lời bàn. — Suốt một tập « Truyện ông Ó », mười lăm bài, tôi chấm có câu chót, gọi có chút màu sắc ; bao nhiêu kia đều là gạt gẫm tiểu xảo, đọc rồi bỏ qua, chờ hiểu theo nay là mặc tôi lường gạt, có lẽ phải ra Tòa. Nhưng đây là tập biên khảo sưu tầm, muốn cho đầy đủ, thì phải chép nốt.

Bây giờ bắt qua một lối hành văn khác của hai tác giả chung theo đúng nhan sách là :

TRUYỀN TIẾU ĐÀM

In lần thứ nhì

par

PHỤNG - HOÀNG - SAN et DƯƠNG - DIẾP
de MỎ - CÀY

Droits réservés

*

Giá: 0\$30

*

SAIGON
Imprimerie de l'Union

1914

TIÊU TỰ

Năm Ất-ty trọng thu mồng bốn
Diễn quốc âm một bốn dành rảnh.
Từng mắng : văn nhân quá thất,
Như văn phụ mẫu chi danh.
Lại rằng : bán cú phi ngôn,
Ngộ tồn bình sanh chi đức.
Khéo lời chuốc sắc ich vây nhơn.
Xin khán quan đừng chắc giận mua hòn,
Để chẳng biết đà ngôn đà quá.
Lòng chẳng chút biếm xâm chi cả,
Kiếm nhũng điều trái lạ cho vui.
Muốn làm cho đẹp đẽ lòng người,
Sau ai chịu tội trời cho vơi.
Há rằng : dám mua danh cầu lợi,
Nhắc cho tường chuyện mới tích xưa.
Chuyện dở hay kẻ ghét người ưa,
Biết sao đặng cho vừa lòng dạ.
Đã biết : vô khả vô bất khả,
Sao rằng : vi tri vi thị tri.

Cầm có khi, thi tửu cũng có khi,
 Buồn có lúc, vui cười cũng có lúc.
 Một là để ấu sanh háo học,
 Hai là cho thức giả nhàn khan.
 Cho thấy điều phải trái khôn ngoan,
 Càng thêm rõ ít nhiều chuyện vẫn.
 Chữ : mạc đám tha đảng,
 Câu : Mị thị kỳ truwong.
 Lời dại khôn ăn nói ấy lẽ thường,
 Điều vui ngộ coi chơi mà giải muộn.
 Nhứt tài tử ai ai cũng muốn,
 Bá gia thơ kẻ chuông người không.
 Truyền liếu lâm tuy là chuyện vô tông,
 Nêu Quang ký cũng nhiều điều hữu ích.
 Có lúc buồn năm bảy anh vắng tiệc,
 Nhắc rồi cười cũng thiệt là vui.
 Năm một mình buồn dở coi chơi,
 Gặp chuyện thích vui cười cũng thú.
 Dẫu cao lương chi khoái ngã khẩu,
 Bất như nghĩa lý chi khoái ngã tâm.
 Xem hiểu rồi mình lại cười thầm,
 Nên tên đặt tiếu lâm là phải.
 Ngụ bao biếm Xuân Thu còn để dạy,
 Bao biếm lời có hại chi sao ?
 Nói văn chương còn nhiều tiếng thanh thao,
 Lời thô tục tránh sao cho khỏi.
 Biết hay ăn thì hay đói,
 Người hay nói phải hay sa.
 Coi mấy chuyện đây đã in ra,
 Còn hay nữa lần thứ ba sẽ tiếp.

Lời chú.— Tuy nói vậy chứ không có in cuốn nhì.

93 | Sứa mū mǎn

(bài số 1 tr. 5)

(xem bài số 4 trong tập này).

94 | Chim đồng độc

(bài số 2 tr. 6)

Có hai vợ chồng con chim đồng độc kia đẻ ra bao nhiêu thì bị người ta hốt trứng hốt con hết, mới dắt nhau qua nói với con rắn xin làm ở gần nơi bông cho khỏi bị hại.

Con rắn nói : « Thôi, vợ chồng bay về ở với tao, ai mà dám ló đến đây ? »

Ngày nọ một đứa chăn trâu, thửa dịp con rắn đi ăn khói, leo lên bông lấy ở chim hết. Vợ chồng con chim rầu rỉ dắt nhau qua làm ở gần bên ong bầu. Từ ấy về sau, thì bình yên vô sự.

Chim mừng mà nói với ong rắn : « Tôi tưởng anh rắn là độc, nay mới biết không bằng anh. »

Con ong khoái chí nói lại rằng : « Đều nói mà nghe, thiên hạ thấy anh rắn ành hay nói khứa kháo lỗ miệng, người đều nói anh rắn độc ; chờ gâm lại cho kỹ, thì MIỆNG ANH SAO BẰNG ĐÍT TAO !



95 | Không bỏ thói cũ

(bài số 3 tr. 7)

(xem bài số 236, phần tiểu lâm Vương Hồng ở tập sau).

96 | Nghẹt lối

(bài số 4 tr. 10)

Tên học trò kia còn nhỏ, lịch sự trai, đi học. Có đứa con gái, thấy trò nọ thì muốn lầm. Thường bừa, trò đi học về, con gái đón đường mà nói rằng : « Em gặp anh đây, cũng tỵ như : « *Cửu hận phùng cam vồ* » (nghĩa nôm : nắng lâu gặp mưa ngọt).

Trò nọ không biết câu chi đổi lại, lấy làm tức mình. Bừa nọ chiều, học trò về hết, một mình anh ta lén ở lại, vào thura chuyện hết cho thầy nghe, xin thầy dạy một câu đểng đổi lại với nó.

Thầy rằng : « Có khó chi, mày nói lại với nó như vậy : « Anh gặp em đây cũng tỵ như : *tha hương ngộ cố tri* » (nghĩa là : xúi lạ gặp người quen).

Anh ta mừng lạy thầy ra về đi nghinh ngang, con mắt giáo giác, có ý kiểm con kia. Chẳng dè con kia thấy chiều nay sao không thấy anh và về một lượt với học trò, thì biết và ở lại hỏi thầy. Kể thấy anh ta đi tới coi bộ vui lầm, con nọ mới nói như vậy : « Em gặp anh đây, như :

« *Cửu hận phùng cam vồ, tha hương ngộ cố tri.* »

Anh va nghẹt lối, vì nó nói câu chyện rồi, tức mình không biết làm sao mới đổi như vậy : Anh gặp em đây, cũng tỵ như : Tử Trinh Tử viết : Đại học nãi Không thị chi di thơ nhi sơ học nhập đức chi môn dã !

97 | Dâu giọi cha chồng

(bài số 5 tr. II)

Có con kia mới về nhà chồng, vợ chồng thương yêu nhau lắm. Bữa nọ thằng chồng khuya dậy vác cày thả trâu ra đi cày, không kêu vợ dậy. Con nọ ở nhà ngủ cho đến mười giờ mới thức, ra đi rửa mặt thấy cha chồng ngồi dựa cửa ngó ra. Chị ta ngủ mới dậy con mắt ba chớp ba sáng, thấy cái lưng ồng tưởng là chồng mình, tay thì giọi miệng thì nói giõn rắng : « Xao ngủ dậy sớm, xao không kiêu người ta dời? »

Ông cha chồng bị giọi ba cái đau quá day mặt ngó lại, con dâu thấy râu ria xồm xàm mắc cở đi cho một nước, vô buồng cuống mùng gói quần áo xách ra về, không nói với ai hết. Đi ngang gặp thằng chồng đương cày, ngó lên thấy con vợ đi, liền hỏi : « Ủa! sao mày về mày? »

Con vợ trả lời rắng : « Ủ, tao dề, chừng nào cha mày chết dồi, thì tao mới dề ở dời mày! »

Thằng chồng nghe nói tưởng có khi ở nhà cha mình đánh khảo gì nó đây, cho nên nó giận nó bỏ nó về. Giận quá liền mở trâu vác cày về vừa tới sân quăng cái cày gãy tui. Người cha thấy vậy thở ra mà nói rắng : « Hú! Sớm mai bị ba giọi, bây giờ gãy lợi cái cày! »



98 | Mượn ngựa

(bài số 6 tr. 12)

Có anh nhà giàu kia dốt mà hay làm mặt hay chữ. Bữa nọ có khách đương ngồi nói chuyện. Có thày kia quen lớn, viết cái carte mượn con ngựa, sai thằng nhỏ cầm lại đưa, anh ta coi rồi bỏ vào túi mà nói với thằng nhỏ rằng : « Thôi, mày về đi, rồi tao lại đà !! »

99 | Thuốc mắc cỗ

(bài số 7 tr. 12)

Người nhà giàu kia ngậm đồng bạc chơi rủi quên nuốt mắc ngang cổ, chạy rước thày tới cho thuốc.

Thày rằng : « Có khó gì, mua một bộ bài cào về đốt đi, hòa với nước uống, còn ngoài thì lấy lá thuốc cứu đốt rồi nó ra. »

Chú nhà hỏi sao vậy ?

Thày rằng : « Dễ hiểu quá : trong bị ăn cướp đánh ra, ngoài lửa cháy vô, tự nhiên bạc nó phải lòi ra chờ gì !!! »



100 | Hỏi chõ làm

(bài số 8 tr. 13)

Bốn thầy làm việc gặp nhau mừng rỡ, bồ sua hỏi bình an mạnh giỏi, rồi một thầy hỏi rằng : « Vậy chờ bây giờ toa làm sở nào toa ? ». — Thầy nọ trả lời : « Mỏa làm Nhà Rồng^{1.} » Hỏi thầy này, nói : « Mỏa làm Sở Cọp »^{2.} Hỏi vậy còn toa làm sở gì ? — Phú-de^{3.} — Hỏi thầy thứ tư : « Còn nghe nói toa làm tòa-bố^{4.} mà làm về việc gì ? » — Trả lời rằng : « Mỏa làm bộ trâu ».

101 | Coi đầu mua nón

(bài số 9 tr. 13)

Lão thầy kia ra ngồi tiều tièn, ngó xuống coi chơi. Có anh nọ, đầu đội nón nỉ đen, đi ngang qua thầy, hỏi giả ngộ rằng : « Hai thầy nói chuyện gì với nhau đó ? » Lão thầy ngược mặt lên trả lời : « Tôi coi cái đầu nó bao lớn đặng mua cho nó một cái nón. »

(bài này tôi có thêm đôi chữ. S.)

1. Nhà Rồng là hảng tàu đi biển, Messageries Maritimes, nay còn, ở Khánh Hội.

2. Sở Cọp, tức trường Sur-phạm, Ecole Normale, xưa ở ngang Sở Thủ.

3. Phú-de là sở bắt chó điên và giữ đồ phạm pháp, xe cộ đời trước Fourrière.

4. Tòa-bố, nay gọi tòa hành-chánh.

Làm bộ trâu, tức giữ bộ sô về trâu. Cứ mỗi con vô bộ, ăn của đút một đồng bạc là đủ làm giàu, có vợ bé và cho con đi Tây.

102 | Giáo tập

(bài số xo tr. 13)

Có kẻ kia chết xuống, vua Diêm Vương nói : « Bởi vì kiếp trước, nhà ngươi xài lỏa lăm, thời kiếp này cho ngươi lên, làm chức giáo tập và cho năm đứa con trai. »

Quí sứ bẩm rằng : « Người ấy tội nặng, sao vua cho có phước dưỡng ấy ? »

Vua rằng : « Người không biết; chức nhỏ lương có mấy đồng, mà con thì nhiều, chạy không đủ cho nó ăn thì nó xé thây. »

(bài này, tôi không đòi một chữ nào và
giữ ý chấm phết. Mấy thầy xem : con nhiều
lương ít, không phải bây giờ mới có).

103 | Thầy say rượu

(bài số xi tr. 14)

Thầy kia đi dạy học, học trò hỏi : « Thưa thầy, câu « *Đại học chi đạo* » là nghĩa gì ? » Thầy giả say quở học trò rằng : « Mày nhè lúc tao đương say mà hỏi. » Tối về hỏi vợ, vợ rằng : « *Đại học* là tên cuốn sách ; *chi đạo* là chung cái đạo lý trong sách ấy. »

Sáng mai kêu trò đó mà nói rằng : « Chúng bây dại quá, hôm qua tao say lại đem vở hỏi, nay sao không hỏi đi. Cái hôm qua hỏi đó : *Đại học* là tên cuốn sách, còn *chi đạo* là chung cái đạo lý sách ấy. Tên học trò hỏi : « Thưa, *Minh minh đức* là nghĩa gì ? » Tên thầy mau mau ôm đầu mà nói rằng : « Khoan ! khoan đã ! Tao say nữa đây nè ! »

104 | Nói chữ An nam ra chữ Tây

(bài số 12 tr. 14)

Có hai thầy trò dắt nhau lên xứ thiềng thị chơi, thầy nói với trò rằng : « Mầy theo tao, tao tập nói chữ cho quen. » Đến tới chợ gặp một đám ma lớn đi, người vợ theo đưa khóc than vang dầy. Tên học trò thấy, lấy làm kỳ, hỏi thầy : « Trên này đám ma họ có hát lý vậy thầy hé ! »

Thầy sửa lại rằng : « Họ ty toai (tu,toi)! »

Đi một đỗi nữa, tới cái thành, tên học trò hỏi : « Cái chi lớn dữ vậy thầy ? »

Thầy rằng : « Lũy ! (lui).

Rồi thầy họ cõi ngựa. Trò hỏi : « Bò sao không có sừng vậy ? »

Thầy rằng : « Mã » (moi).

105 | Thầy dốt

(bài số 13 tr. 15)

Có người chủ kia rước thầy về dạy con mình học, giao với ông thầy rằng : « Như thầy nói sách sai một chữ thì bót tiền một quan ». Thầy chịu.

Bữa nọ nói sách Đại học, đến câu : « Ô hô tiền vương bất vong », thầy nói lầm rằng : « Ủ hý tiền vương bất vong », ông chủ nói rằng : « Ô hô », chứ phải « Ủ hý » đâu !

Đến nói sách Luận Ngữ, câu châm con : « Ty cõ lẽ nhi cận ư hý ». Thầy nói lầm rằng : « Ty cõ lẽ nhi cận ô hô ! » Chủ giận nói : « Ty cõ lẽ nhi cận ư hý », chứ phải « ô hô » đâu ! Thầy giận quá, bửa nọ nói lén với học trò là con chủ nhà rằng : « Cha mày nhiều chuyện lắm, nay ô hô, mai ư hý, nay ư hý, mai ô hô ; có bao nhiêu đó mà bớt tiền tao hoài. » Đến mãn năm chồng tiền công cho thầy về, toán trừ mấy chữ nói sai, thì còn có ba quan. Thầy giận rằng : « Thị hè ngôn hưng ; thị hè ngôn hưng !

Chủ nói : « Thị hè ngôn dư ! Thị hè ngôn dư !

Chủ xách hai quan tiền đem cất, còn lại có một quan.

Vợ chủ nhà ra nói : « Thôi, tuy thi nói vậy, chứ công thầy dạy con mình một năm cũng cực khổ, cho thầy phân nửa kẽo tội nghiệp.

Tên thầy nghe nói vậy mừng, chạy lại xá bà chủ mà rằng : « Phu nhơn bất ngôn, ngôn tất hữu trung ».

Chủ rằng : Sái nữa : « Phu nhơn bất ngôn, ngôn tất hữu trung ». Người chủ xách phút quan tiền đi vô luôн.

106 | Thuốc ngứa

(bài số 14 tr. 16)

Có thầy kia treo bảng bán thuốc ngứa. Có tên nọ vào mua, rồi hỏi phải làm sao ? Thầy rằng : « Có khó gì, bắt đặng con ngứa rồi vạch miệng nhét thuốc vào thì nó chết ».



107 | Đánh cha già

(bài số 15 tr. 16)

Có tên thầy ngoài Bắc vào đất Đồng nai dạy trẻ con học.
Học trò quen rồi cũng học lặng ít tiếng. Bữa nọ đương
uống trà, mới ra đổi rắng : *Chén bé.*

Trò nọ lanh, thấy đó có cái tò, mới đổi : *Bát to.*

Thầy khen hay.

Trò kia ngu ý tiếng *bát to*, mới đổi rắng : *Cha già.*

Thầy giận, bạt cho một bạt tai chui lúi, trò và đi và khóc
mà rắng : « *Bát to* kia không đánh, lại đánh *cha già !* »

108 | Ngồi lâu phải đồi

(bài số 16 tr. 16)

Tên linh kia đi thú xa, tánh hay ghen, khi ra đi, vẽ một cái
hình ngồi bên của vợ mà làm dấu.

Đi thú ba năm về, coi lại sao sái dấu, giận rầy vợ rắng :
« Uả ! hồi đó nó ở bên kia, sao bây giờ qua bên này ? »

Vợ trả lời rắng : « Thì nó ngồi một chỗ lâu, nó phải đồi
chờ sao ? »

109 | Sớm đở tối đen

(bài số 17 tr. 17)

110 | Học lội

(bài số 18 tr. 17)

Tên thầy thuốc kia tới làm thuốc rủi chết người ta, chủ nhà giận bắt trói bỏ dưới nhà dưới. Khuya lại thầy lén mở trói lội sông trốn về, mình mầy ướt hết. Bước vào nhà thấy con đương học mạch, nói với con rằng : « Con có học mạch thì phải học lội với con nghé ! »

111 | Địa lý

(bài số 19 tr. 17)

Có thầy địa lý nhỏ mới cưới vợ, tối ngủ với vợ, rờ cái mũi, nói rằng : « Đây thiệt phát long chi sơ » ; rờ hai cái vú, nói rằng : « Mừng đặng long hồ cụ toàn » ; rờ túi cái bụng, nói rằng : « Một gò bình sa rất tốt » ; rờ lòn xuống nói rằng : « Ủ, đây là kim tinh tốt dữ, có huyệt rồi. » Chừng leo lên, vợ hỏi làm gì vậy ?

Thầy rằng : « Tao coi đã đặng huyệt rồi, đê lo ban lên đặng mà tắc thi khẩu. »

Người cha nắm cách vách nghe, mừng cười lớn lên mà
rắng: « Con đã kiểm đặng huyệt tốt, làm làm sao con cũng
đè dành đến sau con chôn cha vào đó nghe con! »

112 | Chó cắn tay

(bài số 20 tr. 18)

Tên thầy kia thấy đứa học trò nhỏ cầm cái bánh bàng.
Thầy rắng: « Mày đem đây tao làm cái trăng khuyết cho
mày coi. »

Thằng nhỏ không dè đứa cầm cái bánh cho thầy, thầy day cắn
phứt hết nửa cái, rồi nói rắng: « Đè tao làm trăng lặn cho
mày coi! »

Thầy vừa há miệng cắn bánh, thằng nhỏ nóng ruột lấy tay
đập lại, lở thầy cắn nhầm tay, nó khóc. Thầy và hè tay và
đô rắng: « Thôi thôi, bữa nay tao tha mày học. Về nhà có
hỏi thì mày nói bị chó cắn nhầm tay nhé! »

113 | Mới dựng kê

(bài số 21 tr. 18)

Vua Diêm Vương đau. Sai quỉ sứ lên rước thầy thuốc, dặn
quỉ rắng: « Nhà thầy nào trước cửa không có ma là thầy
hay. »

Quỉ sứ lên đi từ sớm mai đến trưa, coi nhà thầy thuốc nào cũng nhiều ma. Thấy nhà thầy kia có một con ma mà thôi. Quỉ mừng vào hỏi thầy làm thuốc được bao lâu. Thầy rắng : « Tôi mới dựng kệ hòm qua ! »
 Ý là mới dựng kệ hòm qua mà đã giết hết một mạng, phải vài ba năm, biết là bao nhiêu ?

114 | Đừng cho thuốc người mập

(bài số 22 tr. 19)

Có thầy thuốc kia cho thuốc chết người ta. Chủ giận biều dày tờ đem ra đánh, thầy quì khóc lóc, chủ giận nói bằng không thì giải quan. Thầy sợ tội năn nỉ xin đem về chôn. Chủ cho, thầy đem về tần liệm xong rồi, nhà nghèo không tiền mướn, bắt hai đứa con và hai vợ chồng khiêng đi chôn.

Đương đi, thầy buồn mới ngâm rắng : « *Làm thuốc như vầy, nghĩ cũng bức,*

Vợ trách chồng rắng : « *Vì mình làm thuốc, vợ con cực.*
 Thằng con nhỏ rắng : « *Thây nặng đau vai cất chẳng lên,*
 Thằng con lớn rắng : « *Sau đừng cho thuốc mấy người mập !*



115 | Thầy thuốc hay

(bài số 23 tr. 19)

Một người kia vào tiệm thuốc, mua thuốc hưng dương. Uống rồi về nửa đường, thuốc mạnh nó cứng liền. Anh ta và cầm và nhảy lên nhảy xuống mà rắng : « Thiệt thầy thuốc hay ! Thầy thuốc hay thiệt !!

116 | Hết gạo

(bài số 24 tr. 20)

Có thầy kia dạy học trò mà có tánh dê. Có hai vợ chồng tên nọ cho con học, lão thầy mẹ thằng đó ngộ, ý muôn ve vãn, nói ló mòi ra, con con mẹ nọ biết, nó về nói lại với cha mẹ nó. Hai vợ chồng tính phá ông thầy chơi.

Bữa nọ thằng nhỏ thưa với thầy rắng : « Má tôi biều tôi thưa với thầy, tía tôi đi khỏi, mời thầy tôi nay qua chơi. » Lão thầy mừng, tối lớn tớn qua, ngồi uống nước mới vừa rồi, kể người chồng về kêu cửa. Lão thầy sợ quá, sờn sác không biết chạy đi đâu. Con mèo nói nhỏ với thầy rắng : « Thôi, dưới nhà dưới tôi có sẵn lúa đương xay đó, thầy xuống giả đò xay, chồng tôi về một chút rồi đi, rồi mình sẽ nói chuyện. »

Lão thầy túng phải xuống xay.

Chừng người chồng vô hỏi : « Vậy chờ ai xay lúa đó ? »

Vợ rắng : « Tôi mướn ông thầy xay lúa. »

Người chồng biều vợ châm nước uống, uống nước rồi biều

vợ : « Mày đi nấu cho tao ba hột cháo, tao ăn rồi tao đi lấy cùi. »

Vợ đi nấu cháo ăn xong rồi, kéo vợ xuống đè vợ giữa ngựa đó giỡn chơi hoài.

Lão thầy thấy gai con mắt quá phả rán mà xay cho tới sáng, hết ba chục giã lúa, rồi rút cửa sau về mắt.

Cách nửa tháng, thằng nhỏ nói : « Thưa thầy, tía tôi đi khỏi, má tôi biếu mời thầy qua chơi. »

Thầy giận mà nói rằng : « Thôi, tao biết rồi ; bên nhà má mày đà hết gạo rồi đà ! »

117 | Đi thú

(bài số 25 tr. 21)

Có người đờn bà kia, bị bụng chửa nên dòm xuống coi của mình không đặng. Khi nọ đè rồi, đầy tháng ra ngồi dựa rào mà tiêu, dòm xuống thấy..., mừng mà nói rằng : « Dữ không ! xưa rày mời thầy mặt đà ! »

Vừa có tên lính đi ngang qua nghe nói, tưởng là người ta hỏi mình, liền trả lời rằng : « Ủ, tôi đi thú Chantabouom mời về ! »¹

1. Chú. Chantabouom ở bên Xiêm-la quốc, trước chánh-phủ Pháp có trấn một mớ lính ma-tà bên ấy.

118 | Tánh không chừng

(bài số 26 tr. 21)

Có người kia nhặt con mắt, nhở đủ thứ thuốc mà không hết. Có người biếu rằng : mỗi bữa sáng ngủ dậy, ra đi tiêu, lấy nước đái rửa nó, thủng thảng rồi nó hết.

Và y lời làm theo như vậy, chừng chín mươi bữa, thì thiệt hết.

Bữa nọ, anh ta ra ngồi đái, cầm... mà nói rằng : « Mày cho thuốc con mắt tao mạnh, tao thương mày quá ! Tao muốn may cho mày một cái áo, ngọt mày khi dài khi vẫn không chừng ; tao muốn mua cho mày một cái nón, ngọt mày khi lớn khi nhỏ không chừng ! »

Có kẻ đi ngang qua hỏi : « Vậy chờ ngồi nói chuyện gì đó hử ?

Trả lời rằng : « Ta khen thầy thuốc hay chờ gì đâu ! »

119 | Thuốc rất linh nghiệm

(bài số 27 tr. 22)

Có thầy kia treo tấm bảng rằng : « ĐÂY CÓ BÁN THUỐC CON GÁI MÊ ».

Bữa nọ tên lính vào mua, tên thầy đi khỏi, người vợ lấy bán. Người lính lộn vào lưng rồi, ngoắt vợ tên thầy vào buồng..... rồi đi về.

Kế chồng về, vợ thuật chuyện lại. Người chồng giận quá, nói rằng : « Ai dạy mày lấy người ta ? »

Vợ trả lời rằng : « Nếu mình không làm như vậy, làm sao cho họ biết rằng thuốc mình linh nghiệm ? »

120 | Mau phai

(bài số 28 tr. 22)

Có người kia ở Mô Cày, có nghề chụp hình, cậy người đi nói vợ.

Cha mẹ đàng gái nói : « Đề tôi hỏi lại coi con tôi nó ưng không đã ».

Tôi lại cha mẹ kêu con gái ra hỏi rằng : « Có thày chụp hình đi nói mày đó, sao mày có ưng không ? »

Con gái ấy vùng khóc lên mà nói với mẹ rằng : « Tôi không ưng thày chụp hình đâu ! »

Mẹ hỏi sao vậy ?

Con gái rằng : « Mau phai lăm ! »

121 | Cũng chết

(bài số 29 tr. 23)

Hai đứa dắt nhau ra bờ tre, trai gái với nhau.

Con gái hỏi thẳng trai rằng : « Sao, anh thương tôi không ? »

Trai rằng : « Tao thương mày lăm chớ, như tao mà có bỏ mày, cho tao chết đi ! »

Trai hỏi lại : « Còn mày có thương tao không ? »

Còn rằng : « Tôi mới thương anh lăm chớ, như tôi mà có bỏ anh, thì cho tôi chết. »

Có ông già ngồi sông bên kia đường, nghe liền nói rằng : « Còn tao mà sông không đặng, tao cũng chết !! »

122 | Cũng một môn

(bài số 30 tr. 23)

Ông kia có ba người rề. Người rề lớn làm thợ bạc, người giữa thợ may, còn thằng rề út không biết làm nghề chi hết, ngày tối ăn chơi.

Ông giận trách rắng: « Làm thợ bạc muốn ăn bớt mẩy phân có mẩy phân ; làm thợ may muốn mẩy thước có mẩy thước ; chớ mầy du hý du thực mà thôi. »

Rề út rắng: « Chẳng cần gì ! Đẽ tôi rèn một cái mác, rồi tôi tôi khoét cửa kho họ, tôi lấy bạc trăm bạc ngàn, chớ thèm thứ một phân hai phân, một thước hai thước như hai ảnh ! »

Ông giận rắng: « Nếu nói như vậy thì là mầy ăn trộm ăn cướp người ta hé ? »

Rề út giận mà nói rắng: « Vậy chớ hai ảnh ăn bớt của người ta, hai ảnh là cái gì đó ?? »

123 | Hết trị

(bài số 31 tr. 24)

Có tên kia gánh củi đi bán, rủi đụng nhầm mình tên thầy thuốc.

Thầy giận rắng: « Mầy đui sao ? Tao muốn bạt cho mầy một bạt tai. »

Tên ấy rắng: « Ý, ý, thầy ! Thà thầy đập tôi mẩy cái thầy đập, chớ đừng có bạt tai tôi chết tội nghiệp. »

Có người hỏi sao vậy ? Nó nói: « Người đều nói hễ phạm nhầm cái tay thầy thì hết trị ! »

124 | Đòi ăn

(bài số 32 tr. 24)

Có tên kia đau bụng kiết, rước thầy đến hốt thuốc, nói với thầy rằng : « Tôi nghèo không tiền trả, xin thầy cho mạnh rồi, tôi đãi một tiệc cho vui ».

Thầy chịu, cho mạnh rồi mà nó nói dối rằng chưa.

Tên thầy giận quá, lén rình thấy anh đi sông bón, mới nói rằng : « Đó anh sông tốt quá mà không chịu mời tôi da ! »

Ánh rằng : « Thầy muốn ăn lăm sao ? »

Thầy nói : « Thi tôi sở mộ có bấy nhiêu, mà anh xấu ruột quá ! »

125 | Cạo váy

(bài số 33 tr. 25)

(xem bài số 31 trong tập này).

126 | Tá thơ ngu, huờn thơ ngu

(bài số 34 tr. 25)

Có tên kia mới mua bộ truyện hai cuốn hay lăm. Anh nọ nghe, tời mượn về coi chơi. Tên kia có ý xấu nên cho

mượn có một cuốn mà thôi. Anh nọ coi thấy chuyện đứt khúc đầu, giận không trả.

Lau quá, tên kia đến đòi, anh nọ trả lại có nửa cuốn, xé đè lại phân nửa. Tên kia hỏi sao vậy? Anh trả lời rằng: « Anh cho tôi mượn phân nửa, thì bây giờ tôi trả lại phân nửa cũng như anh vậy chớ sao! »

Tên kia tức mình về đi kiện với ông huyễn. Ông huyễn cho đòi đòi đàng tới hỏi ắt chất rồi mới xử như vầy:

Thắng cho mượn thiệt là quá dại,
Mượn rồi trả gãm lại chẳng khôn!
Hai đàng đà tới giữa nha môn,
Vậy thì nín mà nghe ông xử:
Đánh vài chục biều sau đàng có hà tiện!

127 | Trên dưới thông đồng

(bài số 35 tr. 26)

(xem bài số 46 trong tập này).

128 | Cho sống lại

(bài số 36 tr. 26)

Tên thầy kia mang tủ đi làm thuốc dạo. Cho thuốc một đứa con nít rủi chết, chủ giận biều phải đem về chôn. Tên thầy bỏ vào tủ mang đi về.

Có nhà kia kêu thầy vào làm thuốc.

Thầy vào kéo tủ ra hốt, quên kéo tuốt ngăn tủ lòi cái thây
thắng nhỏ.

Chủ nhà thất kinh, hỏi : Ủy ! Thầy con ai mà thầy đem đó ?
Thầy trả lời rằng : « Con nhà kia uống thuốc thầy nào chết
đi, bây giờ biếu tôi đem về cho thuốc cho sống lại ».

129 | Thầy thuốc đánh lộn

(bài số 37 tr. 26)

Đại phuơng mạch là thầy cho thuốc người lớn, còn *Ấu nhi khoa* là thầy cho thuốc con nít.

Tên thầy *đại phuơng mạch* nắm đầu thầy *Ấu nhi khoa* mà đánh.

Người lối xóm chạy lại can ra mà khuyên rằng : « Thôi, hai thầy cũng đồng đạo với nhau rày rà làm chi ? »

Thầy *đại phuơng* rằng : « Thị đó, mấy ông nghĩ coi ! Như thắng này mới dễ ghét dữ chớ ! Có tôi làm thuốc cho người lớn mạnh giỏi, mới sanh sản con nít ra cho nó làm, còn nó làm con nít rồi không có người lớn cho tôi làm hé !!! »

130 | Liên hữu hội

(bài số 38 tr. 27)

(xem bài số 47 trong tập này).



131 | Thuốc trồng râu

(bài số 39 tr. 27)

(xem bài số 45 trong tập này).

132 | Ông già không có miệng

(bài số 40 tr. 28)

(xem bài số 38 trong tập này).

133 | Bị mắng

(bài số 41 tr. 29)

Có tên thầy kia, người có bệnh đến rước không dám đi,
 chủ giận sai đầy tớ tới mắng. Thằng nhỏ đi một lát rồi về.
 Chủ hỏi có mắng thầy chưa ? Nó thưa chưa. Hồi sao vậy ?.
 — Nó thưa : mắc họ ở trước chửi om đó chật quá, tôi chen
 vô có đặng đâu mà mắng !



134 | Người lùn hun vợ

(bài số 42 tr. 29)

Người lùn mới cưới vợ, lúc lên giàn, hun vợ hơn một trăm cái mà chưa thôi. Vợ hỏi sao vậy? Nó nói: « Chớ để tao xuống dưới rồi, mai tao lên chưa tới đây đâu ! »

135 | Cũng là thằng đui sướng

(bài số 43 tr. 29)

Một bọn đui dắt nhau đi đường nói chuyện với nhau rằng: « Nghĩ lại trên đời, duy có mấy thằng đui sướng hơn hết. Như mấy người sáng đó, cả ngày lội lặn, sự ruộng nương cực khổ, sao bằng bọn mình, trong lòng thong thả không lo lắng thắt gì hết ».

Có mấy người làm ruộng đi sau nghe, mới giả đò quan đi, hé lén rằng: « Quan đi sao mấy thằng này không tránh đường », trả cán cuốc khô trên đầu mấy thằng ấy, rồi lén nghe, nó lại nói: « Đó thấy không mấy anh ? Đi lại cũng mấy thằng đui sướng hơn hết ! Quan đi mà không tránh. Vì chẳng vì, nó đập bụi đập bậm chút đỉnh rồi thôi, không chi mình ! Chớ phải mấy người sáng, thử coi : đã bị đánh thì chớ, mà không biết chừng còn bị ở tù nữa ða !!! »



136 | Tiếng không xa

(bài số 44 tr. 30)

Hai vợ chồng tên đui đồng ngủ. Vợ hẹn với một người gian
phu đến làm công chuyện. Chồng nghe hỏi rằng : « Tao
nghe tiếng đó ở đâu làm cái gì vậy ? »

Vợ dối rằng : « Tưởng khi ở vách bên kia họ chơi, ối
chuyện người ta, nói làm gì nà ! »

Một lát lại nghe nữa, chồng lại nói : « Tức quá ! Tao nghe
cái tiếng nói lần quẩn lối đây chờ không có đi xa đạ !

137 | Cận thị

(bài số 45 tr. 30)

Ba người cận thị đi ngang qua tiệm kia, ngó lên thấy trước
tiệm có tấm biển hiệu tiệm là SƠN LONG.

Anh đi trước nói : « Tiệm đây có bán Song Lang hé ? »

Anh đi sau nói : « Phải đâu, họ đè hai chữ Sà bông mà ! »

Hai người cãi nhau, mới nói : « Thôi đè hỏi monsieur sau
này có nhẫn lực hơn mình. » Người sau ngó lên một hồi lâu,
rồi nói rằng : « Hai anh đều lầm hết. Tôi coi trên đó có biển
giá đâu !!! »



138 | Bay nón

(bài số 46 tr. 31)

Người cặn thị kia đi lạc đường, thấy trên tảng đá có đậu một con quạ, ngỡ là người ta, kêu mà hỏi thăm đỗi ba lần, không nghe trả lời, mới lần lại gần, con quạ sợ bay đi. Người ấy rằng: « Moả (moi) hỏi đường toa (toi), toa làm hiềm không chỉ, hèn gì bị gió thổi bay nón, đáng!!! »

139 | Địt hay

(bài số 47 tr. 31)

140 | Ăn trộm địt

(bài số 48 tr. 31)

Tên ăn trộm kia đánh ngạch vào, chun trốn dưới giường, rủi lỡ trộn địt một tiếng lớn quá. Chồng nghe mắng vợ, vợ lại nói chồng, hay người rầy với nhau hoài. Tên ăn trộm nằm dưới giường, tức mình nin không đặng, nói lớn lên rằng: « Địt đó là ăn trộm địt đa! » Rồi tông cửa chạy mất.



141 | Của chǎng lìa mình

(bài số 49 tr. 32)

Một người con gái có nhan sắc lấm, có người nọ nghèo muốn cưới mà sợ nó chê. Mời mướn bà mai cho lanh lợi, chuốt ngót nói rằng mình giàu có sang trọng. Con gái ấy chịu. Chứng cưới về, vào nhà thấy nhà rách vách nát, trong nhà không có một món gì nên thản. Con gái ấy biết mình mắc mưu, khóc hoài không thôi. Người chồng mới đem vô buồng... Đương nứa cuộc rồi thôi, mà nói rằng : « Chẳng phải tôi khoe với mình tôi giàu, tôi không phải như họ đâu, có cửa se sua, chứng dọn ra cho đầy nhà ; chờ tôi thì không, của tôi có bao nhiêu đó, thì tôi ràng theo chẳng khi nào lia khỏi mình tôi, như mình có chê tôi nghèo, thôi thì đi về đi ! »

Chị ta lau nước mắt và cười và nói rằng : « Ai mà nói cái gì đâu nà !! »

142 | Dám cho thua

(bài số 50 tr. chót 33)

Có người đờn bà kia gánh hai đầu hai giỏ hai con heo đi bán.

Anh nọ đi đường có vác hai chục quan tiền, thấy heo muốn mua mà sợ tổn tiền, mới vác tiền đi sau con mẹ nọ mà nói rằng : « Phải ai cho mình hun cái chéo áo, mình cho năm quan ».

Chị nọ nghe nói, nghĩ cho hun một chút chéo áo cũng không hại gì, chịu đi.

Anh nọ hun cái chéo áo rồi mở năm quan tiền đưa, thiệt như lời.

Đi một đỗi, anh lại nói rằng : « Phải ai cho mình bóp vú một chút, mình cho năm quan ».

Chị nọ nghĩ bóp vú cũng không hại gì, chịu đi.

Anh nọ lại bóp một cái rồi cũng trao năm quan tiền nữa.

Đi một đỗi nữa, anh lại nói : « Phải ai cho mình MÚM VÔ VÀM một chút, mình cho một chục quan. »

Chị nọ nghĩ : « MÚM VÔ VÀM một chút cũng không hại gì mà dặng một chục quan, chịu đi.

Anh nọ đem vào bụi, thiệt cũng múm vó vàm rồi lấy ra, đưa một chục quan rồi ra đi như thường.

Chuyện này anh ta lại ninh nang đi trước, chị nọ đi sau, thầm đòn, lại nói rằng : « Phải ai cho vó một chút nữa, mình cho hai chục quan tiền lại. »

Anh nọ chịu, dắt vó bụi cho đi nửa chừng, rồi lấy ra vác hai chục quan tiền đi trước.

Chị nọ lót tót đi sau, chịu không dặng, lại nói rằng : « Phải ai cho vó hết troi, mình cho cặp heo này ! »

Anh nọ chịu, dắt vào bụi, cho vó thảng tay, rồi cũng lấy ra...

Chị nọ không nghe, kéo riết lại mà nói rằng : « Thôi anh làm cho thảng bửa đi, rồi về nhà tôi cho luôn con heo mẹ nó ở nhà nữa... »

(dưới bài đề « Sau sê tiếp theo », nhưng đến năm nay 1970, chưa thấy). (Hết tập « Truyện Tiểu Đàm » của Phụng hoàng San và Dương Diếp in năm 1914).

*Lời bàn và dẫn qua tập « Chuyện Vui »
của ông Trương Vĩnh Ký*

Bài số 142, đọc thấy « giựt gân hết sức ». Viết như vậy mới đúng là hài văn, chuyện tiểu lâm. Đọc đến hồi cup lạc, sôi động, kích thích đến tột độ, bỗng dứt ngang, hẹn sau sẽ tiếp, nhưng trong chờ ngót năm chục năm, từ 1914 đến 1970, mắt dê đã mỏi mòn. Muốn đọc nữa thì hết tập, như rượu trúc bầu, uống chưa đã thèm. Vì thế phải viết. Khi viết, trong tay có nhiều sách cũ, nếu sửa đổi lại rồi in ra làm của mình thì là hèn. Bởi đó, sao lục y nguyên văn. Tiếng Việt Nam, ai cho là nghèo ? Trong bài 142, mấy tiếng dùng vẫn rẻ rẽ mà mắt mò không chõ nói : mún vô vàm, cho vô chút nữa, vô hết trọi, vô thẳng tay... Cần gì dùng tiếng tục, toàn chữ thanh mà nghĩa tục vô ngắn. Nội ba chữ mún vô vàm, muốn cắt nghĩa cho thông, không phải dễ.

Tra chữ mún, Việt Nam tự điền hội Khai Trí ghi :

Mún : mím môi làm cho má phồng lên. Hiều vậy mà chưa phải vậy.

Tra ĐNQATV Huỳnh Tịnh Của, không có chữ mún. Ông viết mẩm và nói : Mẩm : mẩm vào là châm vào, mời vào. Tỷ dụ : Thuyền mời mẩm vào rạch là mũi thuyền mời châm vào rạch. Nếu vậy, tôi hiểu : chiếc ghe ngoài khơi đút đầu vô cửa sông là chiếc ghe ấy nó mún vô vàm.

Thật ra, mún, nguyên là tiếng trợ từ. Móm vào là chớm vào, ướm vào, sấp sủa vào.

Đứa trẻ mới sanh, bú vú mẹ là nó móm vú mẹ.

Mún vô vàm dẫn ta đến một thành ngữ khác là « còn ở ngoài vàm ».

Còn ở ngoài vàm là còn ở ngoài vòng, chưa có dính ăn

thua, chưa có việc gì. Ngày xưa trong Nam, ta dùng để nói về chuyện cưới hỏi.

Tỷ dụ : Chuyện ông A cưới cô B, còn ở ngoài vòm, có nghĩa là chưa thành sự thật. Nếu trình kiềm duyệt, ngày nay tôi e cây kéo bà già sẽ cắt, và dạy : còn ở ngoài vòm, nghe tục tuis.

Tra chữ vòm. Vì nghe thường quá, tưởng đâu là tiếng Việt. Rõ lại, Vòm là tiếng cơ-me Việt-hóa từ hồi Nam-tiến, gần đây. Vòm do chữ Péam của cơ-me biến ra. Tự điển cambodgien-français của ông J.B. Bernard, 1902, viết :

Péam : embouchure, confluent. Tôi dịch : vòm.

Méăt péam : port, embouchure d'un fleuve. Tôi dịch : cửa sông, vòm vì méăt là miệng.

Trong Nam có (xem tự điển Huinh tịnh Của) :

Vòm Nao, Vòm Tuần, Vòm Cổng, Vòm Tấn, đều là các ngả sông lớn thuộc Mekong, Bassac (sông Mỹ-công, sông Ba-Thắc).

Vòm Cổ Đông, Vòm Cổ Tây, là hai ngả sông lớn về cửa Lôi-rap.

Vòm Tượng là vòm lớn thuộc Biên-hòa.

Vòm Tấn ở ngang xứ Đại-Ngãi (Sóc-trăng) và tôi biết chắc : Vòm Tấn là do hai tiếng cơ-me Péam Senn, việt-hóa ra như vậy.

Bao nhiêu tiếng nói và thành-ngữ như trên, không ghi lại đây, một ngày kia không ai biết nữa và sẽ mất điền. Muốn cho dễ nhớ, có thể và không gì hay hơn là tiểu lâm. Sở kiềm duyệt có đồng ý với tôi không ? Bằng như không cho nói tục tuis, thì tôi xin kiềm duyệt luôn các bộ tự điển vì những chữ tục đều có ghi trong đó.

Nếu tự điển chứa nhiều tiếng tục mà được phép in, thì « tiểu lâm » tức là « rùng cười » cũng phải cho in đủ, không bỏ không bôi chuyện nào. Đốn những cây đại thọ, nhô bỏ

những dây thú đít, cỏ cặc chó, cây dái ngựa thì còn gì là rùng? Ai cũng biết nước mắm là không thơm. Thế mà những ai xa xứ xa nhà lâu năm vẫn nhớ mùi nó mà xin hồi hương đê nếm.

Con ngựa đực đứng ăn cỏ, cạp nhắm miếng cỏ có mùi nước đái con ngựa cái, hý mỏ lên cười lớn, ta có cầm ngựa cười chua?

Con người lương thiện, làm lụng tối ngày, không làm chánh trị, trong lúc nghỉ xả hơi, bày chuyện chọc cười cho bót khò, nếu kiềm duyệt cầm luôn thì khổn nạn cho con người ấy quá.

Ngày trước, khi còn cao giấy đê ăn cơm chánh phủ, có lúc coi về công văn « đi » và « lại » (courrier à l'arrivée et au départ). Trong sở, trước khi tôi đến, có bày ra ba tập bìa đựng giấy tờ, trên bìa có ghi chữ lớn : tập thứ nhứt « CHO VÔ » (entrée), tập nhì « CHO RA » (sortie) tức là công văn gởi vô trình quan trên và công văn xem rồi gởi ra đê phân phát cho các sở dưới tay. Còn tập thứ ba, quan trọng không kém, thì ghi « CHO RA LUÔN », lúc ấy tôi ngồi chung một phòng văn với ông Dương văn Minh, hai đứa tôi cứ cười ba danh từ này hoài..., thét ông chủ sở hỏi duyên cớ tại sao chúng tôi cười, tôi cắt nghĩa, ông cũng cười theo và từ ngày ấy, rút tôi bỏ qua sở khác cho tôi khỏi cười. Như vậy, ba chữ « cho vô », « cho ra », « cho ra luôn » muốn thanh cũng được, muốn tục cũng được, tùy theo mình hiểu và cắt nghĩa, tục ở chốn phòng the mà thanh ở chốn nha môn văn phòng, tuy nó vẫn là nó.

Tiếp theo đây, tôi xin chép y nguyên văn ba mươi tám « Chuyện vui » của nhà tiền bối trong Nam, ông Trương Vĩnh Ký. Đây là chuyện khôi hài cũ vào thời đó, ngày nay cuốn này rất khó kiếm, không chắc Thư viện Quốc gia còn tàng trữ, tôi không muốn giữ làm của riêng, xin sao lục ra đây, nhan là :

CHUYỆN KHÔI HÀI

*

PASSE — TEMPS

*

P. J. B. TRƯƠNG - VĨNH - KÝ

*

S A I G O N

Bản in nhà hàng C. Guilland et Martinon

1882

CHUYỆN KHÓI HÀI

143 | Cũng vậy
(số 1 T.V.K.)

Gần tới ba bữa tết ai nấy rộn ràng sắm sửa dọn nhà dọn cửa lăng xăng viết liền viết đối rực rỡ trong ngoài. Có một người kia kì cào, ai làm gì mặc ai, cứ thường. Tới ba mươi lấy tờ giấy quyến đem ra viết hai chữ: CŨNG VẬY, treo lên đó. Anh em chúng bạn tới thăm đầu năm, hỏi làm gì bầy hầy vậy, không dọn dẹp một chút một đindh đỏ đen ba bữa với người ta cho vui? Anh ta chỉ tấm liền ấy mà nói rằng: Ai sao tôi cũng vậy; ai có giỗng gì tôi cũng có giỗng nấy, có thua ai đâu nào?



144 | Thơ ngày tết

(số 2 T.V.K.)

Học trò đi học phương xa, ngày tết nhớ nhà, mới làm bài thơ ăn tết thế này :

Năm cũ bước qua năm mới mung,
 Bữa ba ngày tết rất thung dung ;
 Nem ngoài hàng thịt không lo gói,
 Bánh gởi các nhà khỏi mượn bung.
 Nếu bữa ba mươi đà kẻ cẩm,
 Pháo nhở hàng xóm đốt nghe chung.
 Ai đưa mai mốt thì đưa trước,
 Việc quái việc đơm cũng chẳng cùng.

145 | Tú Suất¹ lật váy bà quan

(số 3 T.V.K.)

Tú Suất là tay kè cào hay chơi lắt lở. Bữa kia, bà tông đốc đi ngang qua trước phố ; trời thì mưa lâm râm. Chúng bạn cắc cớ đố nhau, ai dám ra làm thế nào mà lật váy bà quan lớn chơi.

Anh ta chịu phóc lấy, lăng cảng trong phố bước ra, lanh chanh trật chơn bùn văng lên váy bà ấy. Lật đật chạy lại,

1. Tú Suất là con ông đốc học (Vĩnh long), nguyên là người huyện Chương Đức, tỉnh Hà Nội. Người ấy là một người trong tú hung đất Bắc.

mặt nói : *trăm lạy bà, con xin lỗi*, tay cầm khăn xách quách cái váy lên làm bộ chùi lia, ban đầu còn thấp thấp, sau càng dở lên cao. Bà quan mắt cõi lấy tay đùa xuống, nói rằng : Chả hè chi.

146 | Lấy quần chúng phơi ngoài sào (số 4 T.V.K.)

Người ta thấy nhà kia phơi cái quần nhiều đai đóa tốt lắm. Mới đỗ Tú Suất làm thế làm sao mà lấy cho được coi thử thì làm. Tú Suất bịt khăn bận áo vô, ở truồng mà đi giày, ở dưới thuyền bước lên đi ngay vô sân, rút quách cái quần mặc vô, đứng cắp tay sau lưng, nhảm cảnh chơi. Trong nhà la lên : ủa ! thày ở đâu vô lấy quần người ta mà mặc kia ?

Anh ta nghe đở mặt tía tai : ủa, cái này mời lạ cho chó ; phao vu ngang dữ này ! Trẻ bay, đi mua cơi trầu, mời lý trưởng lại đây cho tao.

Lý trưởng tới ; Tú Suất thưa : « Thưa với lý trưởng, xin phân xử cái điều nhà này phao vu cho tôi xấu hổ quá : Tôi này, danh giá này mà đi vô ăn cắp quần mà mặc hay sao, mà nó dám đè ne cho tôi thế ? Thẹn tôi quá, tôi không nghe : Mặt này mà không có quần mà mặc, phải tới đây rút quần chúng mà mặc hay sao ? Nói cái thật quá phi lý ; không phép tôi ở truồng mà tôi đi... »

Nghe nói rất lầm, chủ nhà sợ năn nỉ chịu thua đi cho rồi kéo lôi thôi khó lòng.

147 | Tú Suất giành mền ông huyền (số 5 T.V.K.)

Cũng là Tú Suất, bùa kia, đi lỡ đường trọ nhà quán. Ông huyền đâu cũng vô ngủ đó nữa. Nghè con nhà học trò làm quen với nhau mau lắm. Trò chuyện trà lá với nhau. Ai dè anh ta tiềm tâm sẵn, muốn đoạt của ông huyền mà bỏ quán xá kéo mình tay không, không có lấy một đồng dinh tay. Mời đốt đồng tiền, lừa khi ông huyền ra đi ngoài mà làm dấu nơi góc mền.

Nằm kề nhau, khuya lại giả đò ngủ mê, giục mền ông huyền mà đắp. Ông huyền tưởng cơn mê ngủ cũng để cho mà đắp. Sáng ông huyền dậy sắm ra đi. Kêu Tú Suất dậy. Va nằm đó ư ư không dậy ; « quan huyền ngài có gấp, ngài đi trước đi, tôi thong thả vậy. » Nhầm mắt ngủ lại. Ông huyền nói : « Không thì trả cái mền cho trẻ nó bỏ vô cọ vô xiềng¹ cho rồi đừng có đi cho sớm chờ. » Tú Suất nỗi xung lên : « Ủa, ngài làm quan mà ngài nói cái mồi lạ cho chờ, này ! Mền của tôi đang đắp sờ sờ, ngài nói của ngài ngài đòi, thật ngài làm bỉ mặt tôi quá. « Mền tôi có dấu của tôi đây rõ ràng... »

Cái không lại miệng, ông huyền nhịn thua bỏ đi đi.

1. Cọ : cái cọ : đồ đương bằng tre mây để đựng đồ đi dàng (H. T. Của), đồ đương bằng nang giống như cái xiềng (H. T. Của).

Xiềng : không có trong H. T. Của.

Xiềng : Siêng : panier de voyage pour provisions de bouche (Génibrel).

Siêng : thùng có nhiều ngăn và có nắp đậy để đựng đồ : hộp siêng.

(Việt ngữ chánh tả tự vị của ông Lê ngọc Trụ).

(Trên đây là lời chú thêm vào, không có trong bản Trương Vĩnh Ký).

148 | Chữ Thiên trời đầu (số 6 T.V.K.)

Lão kia hay chữ mà cà xốc, thấy con kia đè đam nhùm
nha có duyên có sắc thì hát chọc rằng :

« Thấy em cũng muôn làm quen,
« Lại sợ em có chữ thiên trời đầu.

Con kia đáp lại :

« Anh ơi, chờ nói thêm rầu,
« Chữ thiên trời đầu lại có phết vai.

149 | Thơ hòa thượng (số 7 T.V.K.)

Thằng cha học trò khó kia lý láu, nghe chùa hòa thượng
làm đám ; lết dép mo tới kiểm ăn. Mà thày ấy không ngo
ngàng gì tới, mới giận mà viết ba chữ dán cửa nhà chùa
rằng :

Thằng trọc nào thằng trọc nấy,
Trốn xâu lâu thuế tới ở đây.
Bao nhiêu xôi chuối đều nich hết,
Đã ra chó má chẳng phải thày !

Hòa thượng thấy vậy, liền biếu dọn cơm nước xôi chuối
bung ra một mâm vun chún mà đãi anh ta. Ăn no nê rồi,
anh ấy mới làm thơ khác sửa lại mà tạ, dán cửa thế này :

Hòa thượng nào hòa thượng nấy,
Tu nhơn tích đức tới ở đây.

Bao nhiêu xôi chuối đều phân phát,
Đã ra tiên bụi chảng phải thầy.

Lưỡi không xương nhiều đều lắt léo, nói xuôi cũng được,
nói ngược cũng xong.

**150 | Đổi «thần lần»
với «khí gió»**

(số 8 T.V.K.)

Từ nước Nam giao hòa lần đầu và lần sau đây với nước Phú lảng sa, các anh văn-thân nghẹnh với vua, ghét đình thần, sao có hòa với Tây.

Ông Ngụy Khắc Đản làm bồi sứ đi Tây về, ra ngõi bối chánh tỉnh Nghệ An, văn-thân cắc cớ làm câu đối dán vách thành nhạo chơi rắng :

Bố đại thần, con đại thần ! đại thần gì ? Thần lần.

Quân thấy lột đem vô, ông bố mới viết một câu mà đối lại như vậy :

Nay sĩ khí, mai sĩ khí ! Sĩ khí gì ? Khí gió.

151 | Đổi được vợ

(số 9 T.V.K.)

Anh học trò khó lịch sự bảnh bao người, đi khuyên giáo, tới nhằm cái nhà kia giàu có. Trong nhà thơ đang còn làm

Àm àm ạc ạc, cũng có thầy lang (thầy thuốc) với thầy pháp
tới đó nữa.

Con gái nhà ấy đã đúng tuổi chưa có chồng, thầy vậy thi
thương, ra nói rằng : « Thôi, đừng có đi khuyên giáo làm
chi mà xấu hổ đạo học trò, đê tôi ra cho một câu đối, ai
đối được trúng ý tôi thì tôi sẽ lấy người ấy làm chồng.

Ai nấy nghe ham chớp rợp. Xin cô ra câu đối đi. Cô ấy ra
rằng :

« Đế Nghiêu, đế Thuấn, đế Võ ; Võ, Nghiêu, Thuấn, tam đế
truyền hiền.

Chú thợ mộc hốp tốp đối lại rằng :

« Bào rà, bào tách, bào xoi ; xoi, rà, tách, ba bào phạt mộc.

Thầy pháp cũng nóng đối rằng :

« Lôi thiên, lôi tướng, lôi bồng ; bồng, thiên, tướng, tam
thiêng trừ quỷ.

Thầy chùa xen vào đối rằng :

« Bồ đề, bồ tát, bồ lương ; lương, Đề, Tát, tam Bồ cứu khô.

Thầy lang lại đối rằng :

« Huỳnh cầm, huỳnh bá, huỳnh liên ; liên, cầm, bá, tam
huỳnh giải nhiệt.

Anh học trò lịch ịch ở sau, đối rằng :

« Vương Văn, Vương Hải, Vương Thang ; Thang, Văn,
Hải, tam vương kế Thành.

Đối trúng ý, trúng đè, cô ấy chấm được.

May cha chả là may ; săn nhà săn cửa, săn cơm săn gạo ;
nhảy phóc vô đó một cái, sướng đã nên sướng !



152 | Câu đối có chí khí

(số 10 T.V.K.)

Ông huyễn kia đi dọc đường, gặp một thằng con nit đi học về. Thấy bộ mặt đứa sáng láng bảnh bảnh, mới kêu mà ra câu hỏi rằng :

« *Tự là chữ, cắt dắn đầu, chữ tử là con, con nhà ai đó ?*

Đứa học trò chí khí đổi lại liền :

« *Vu là chưng, cắt ngang lưng, chữ định là đứa, đứa hỏi ta chi ?*

Ông huyễn nghe biết đứa có chí lớn, bèn nói sau nó sẽ làm nên mà chớ. Mà thiệt như làm vậy chẳng sai.

153 | Than kinh

(số 11 T.V.K.)

Búra kia thày bồn sở làm lẽ mồ, có ông bõ than điều thứ sáu vua David than tiếng ò è dở khẹt, mà tưởng đâu là giỏi là hay lắm.

Bên nǚ, có mụ già kia khóc thút thít.

Nghe sụt sịt hỉ mũi, anh ta càng rống ò è hơn nữa.

Đến khi lẽ rồi, ra, bõ mới hỏi bà già : « Chớ sao hồi tôi than kinh, bà khóc dữ vậy bà ? »

Bà kia chẳng lành thì chớ, vọt miệng trả lời rằng : « Tôi nghe tiếng bõ ò è, tôi nghĩ tôi nhớ con bò hoa tôi nó mất đi mấy bữa rày, tôi tiếc tôi khóc. »

154 | Bé cau

(số 12 T.V.K.)

Chú linh Huế trợ trẻ, ở hầu quan lớn, đi kiếm mua cau lươi, mà không có tiền mới đi làm xăng. Đi tè vô xóm, thấy cây cau tơ tốt buồng, lại leo tuốt lên. Trong nhà thấy chạy la : « Chú này chú ngang dũ bay ! Đang giữa ban ngày chú leo chú bě cau người ta kia ! »

Hàng xóm chạy tới, một người một tiếng la dứt om sòm ;
Thằng cha này ngang quá ghê đi cà ! có xuống không ?
 Thằng lính ở trên ấy mới thả giọng trợ trẻ mà nói rằng :
« Ua, xuống thì một ngày một xuống chợ ! Mà choa cọ ăn cắp ợ mồ : Vốn choa đi hầu quan lợn kinh lược, choa gấp anh em bạn dừng lại nói chuyện, quan lợn ngài đi tuột mặt chã biệt mồ mà tìm ; choa mọi leo lên coi ni, mà móng coi thư ngài đi ngọ mồ mà theo, mần răng mà lại nói choa thì bẹ cau. Tương nói mần răng, chợ nói rựa thì choa phạt một chục. »

Tách một mép tuột xuống xung xăng đi mất.

155 | Hóc lưỡi búa

(số 13 T.V.K.)

Người trong Huế, trong Nghệ hay đi dâng bộ ngả Tam điệp ra Bắc thành. Mà các ảnh cần kiệm lắm. Tới quán hỏi mượn cái niêu nấu cơm. Sẵn có cái búa bửa củi để một bên bếp, anh ta lầm hồi ngồi coi nồi cơm, cầm cục tháo

quách lấy lưỡi gói vô trong cơm. Mụ quán ngồi rửa bát liếc thấy.

Anh ta mang gói ra đi. Mụ quán chạy theo kêu giặt giọng lại :

« *Bỏ cậu kia, trả lại đã. Cậu ăn cắp lưỡi búa tôi cậu đi.* »

Chú linh cùng quăng trả lại : « *Nơi cai mọi ực cho chợ nị!* »

quăng gói ra : « *Đẹo, mụ xet lậy mụ coi.* ». Dở gói cơm ra, có lưỡi búa : « *Vậy chờ cái chi chi đấy, đà quả tang chưa? mà còn chối lèo lèo?* »

Chú bộ hành mới nói rằng : *May nhà mụ, mà cũng phược nhà choa! phại mà mụ không cọ nọi, thì choa học lượi búa chết đi còn chi mô? Thôi, già ơn mụ, choa đi.*

156 | Cá rô cây

(số 14 T.V.K.)

Nghệ an là tỉnh rộng lớn đàng đất, lại đông dân sự hơn các tỉnh cả và nước An nam. Người xứ ấy hay co ro cỏm rỗm cằn kiệt quá. Người ta thường hay nói người Nghệ đi ra Bắc hay giắt lưng một con cá rô bằng cây khéo lăm. Hết túi quán thì chỉ xin mua ít trụ cơm mà thôi. Quán hỏi có mua đồ ăn, thịt đông, chả giò, nước mắm chi không? thì nói không, xin một chút xíu nước mắm dầm cá mà thôi. Bỏ cá cây vô dĩa lật qua lật lại, húp cho mặn miệng mà trou cơm ba miếng. Làm lận làm vậy cho khỏi tốn tiền đồ ăn. Ăn rồi giắt cá vào lưng phủi đít ra đi.



157 | Nửa trứ cờm, nửa trứ canh

(số 15 T.V.K.)

Người kia ở trong nầy ra Hà nội, tới quán trong lưng rờ
coi đà ráo túi may còn lại có một đồng tiền bể hai. Anh ta
làm điểm nói với mụ quán :

«mụ bạn cho tôi nửa trứ cờm voi nửa trứ canh.

Mụ quán xúc cho. Anh ta đồ canh vô hết, và mà ăn, nhăn
mặt lại :

«cha chà ! mǎn qua, mụ làm phược cho thêm một tí cờm. »

Trộn rồi ăn cũng chắt lưỡi :

«chùt lại lạt qua, ăn chạ vô mô, mụ làm phược cho thêm
chút canh. »

Ăn lúa ba miếng chắc bụng, vạch hầu bao¹ lấy hai miếng
tiền sứt, đưa ra : *Tịnh cho phân biệt nọ : đây này là nửa
trứ cờm, còn đây là nửa trứ canh*. Rồi bỏ ra đi liền.

158 | Yả vất

(số 16 T.V.K.)

Chú linh Huế chúng hay làm trẹo chơi. Đi đường mắc sông
mới cắc cớ ngồi xè một bên cửa ngõ chúng yả. Người ta

1. Hầu bao, Hà bao, Hồ bao : cái dây deo vào dây lưng, lưng
lắng tòn ten trước bụng, ngày xưa các quan và nhà giàu đều có, đeo
chứa trầu thuốc, giấy má v.v...

thấy la mắng om sòm : « Uả, thằng cha này hụt chết ! Ông đâu khéo tới mà yả vất không kia ? »

Nó liền day lại mà nói : « Cơ khöh thôi thê ! Ông ngoài Huế vad đây mà ya, còn kêu là ya vật. Đi mô chử mà ya cho khọi ya vật ?

159 | Ăn hàng không trả tiền

(số 17 T.V.K.)

Đời Ông Tả quân, có đem quân hoang ngoài Bắc về, lấy làm đội tùng thiện mà sửa tánh nó lại, kêu là Bắc thuận. Mà bởi các ảnh ngang lăm, nên người ngoài đặt lại kêu là Bắc nghịch.

Bà kia các ảnh nghe rao : « ai ăn bánh canh không ? » Kêu lại, xúm biều múc ; ăn no nê, quẹt mỏ bỏ đi. Con bán bánh mới hỏi : « Uả ! ăn rồi sao không trả tiền ? » Các ảnh nói ăn trột rằng : « Cơ khöh ! mấy qua nghe kêu : « ai ăn bánh canh không ? » mấy qua tưởng là bánh thi, mấy qua mới kêu mà ăn ; phải hay vậy mấy qua có ăn làm chi !

160 | Nghe trống ném ki đi về

(số 18 T.V.K.)

Cũng là bọn Bắc thuận, đi làm việc quan gánh đất đắp lũy bồi thành. Đến giờ nghe trống cho nghỉ, đứa nào đứa nấy

quăng đại, giũa chừng cũng bỏ xuôi xuống đó mà đi về. Chú cai mới la đòi đánh : « Còn một chút, không dám rán tới nơi tới chốn mà đồ ? Gấp về dữ bay ! Tao đánh lột da đi bây giờ cho mà coi ! »

Các ánh nói kì cảo rằng : « Anh chả có lẽ đánh ; việc quan có giờ có khắc. Lệnh quan cho nghỉ, chúng tôi nghỉ ; đồ đây, thong thả chiều lại gánh. Anh dám đánh thì anh đánh đi !

161 | Con học trò (đồng nhi) cứu thầy già Sáu

(số 19 T.V.K.)

Buổi kia ngoài Bắc, có thầy già Sáu kia bị kẻ ngoại bắt ngang trước cửa nhà có đạo. Chúng nó thôp ngực thầy ấy đang xăm răm lo trói. Con có đạo ở trong nhà, đâu cũng mười bảy mười tám tuổi, thấy vậy nóng ruột tính mưu cứu. Vụt đâm đầu chạy đại ra, bớp thầy ấy cho một bạt tai. « Tôi đà có biếu ấy cứ ở nhà ru con thi xong, ai bảo đi đâu mà lờ khờ thế ? » Nắm tay kéo lôi đi mất. Rồi ra nói : « Các cậu khéo nhè đưa的大 đưa khùng mà bắt làm chi ? Nó là chồng tôi, mà nó khờ dại quá. » Chúng ngờ là thật, rã ra cả, rút nhau về.

Lời chú của người chép truyện.— Đây là cảnh bắt đạo đời trước, thuở đàng xưa. Có lẽ bắt người tu không bắt người có vợ, cho nên người nầy nhận diện làm chồng để cứu nguy cho thầy Sáu già.

162 | Cứu Cụ cho khỏi bắt

(số 20 T.V.K.)

Có một mụ khác, trong nhà có trũ cũ đạo, đồ lễ, sách kinh
chi có đủ. Quan quân đâu, có ai báo, tới vây bắt.

Mụ ấy lẹ tri, nhũn cù thoát ra ngõ sau. Mụ mới vầy lửa củi
đè dưới giường nǎm; đồ lễ, chén thánh, sách vở đem liết
cả trên giang lấy chiếu trải lên ngồi đó. Mặt thì choàng hầu
ngồi rên hì hì.

Quân vô xét cùng nhà, dở cửa ra dở cửa vô nǎm bảy bận
mà thấy mụ ở giường cũ, không có vô. Mụ và rên và nói:
« Xin các cậu khép cửa lại cho tôi, kẽo nǎm bung nǎm bếp
gió máy tội nghiệp. »

Xét không được khỉ mốc gì cả, kéo nhau về mất.

163 | Anh kè kè

(số 21 T.V.K.)

Nhà kia có hai anh em đều đi tu cả hai. Người anh làm e

- sở

, người em còn làm thầy tư (bốn chức) mà yếu đuối.
Cho về đi giúp cụ anh.

Bữa kia người ta rước cụ anh đi kẻ liệt xa. Thầy em xin
đi theo : « Cụ đi, mình cũng đi với ». Anh rắng : « Sợ thầy
đi không nỗi, ở nhà thì hay ». Thầy ấy nói không hề gì.
Thôi, đi thì đi. Đi đã hơn trót nửa phần ngày, mỏi chơn
mỏi căng; vừa tới cái suối, nước trong vắt, ở trong đá
chảy ra ro re ro re; thầy em vùng nói : « Mình ở lại đây,

mình tắm một cái choi cho mát, rồi mình về thôii. Việc cù
đi thì cù đi, nỏ phải việc chi mình mà mình hòng phải đi
cho mệt xác. »

Lần kia thầy về thăm nhà. Đâu lại gặp chị nằm bếp, mà
yếu, ít sữa, lại không được sỏi cho mấy. Anh rề mời cây :
« Cậu chịu khó đi mướn giùm cho một vú chút. Ủ, biều trẻ
đưa quan tiền cột lưng. Ra đi tối ngày, ăn hết tiền, lơn tơn
về. Anh rề mừng chạy ra hỏi : « Sao, mướn được vú hay
không ? » « Ối thôii ! đi khắp cả cùng làng cùng xứ mà coi,
mà coi thì người nào người nấy đều có hai vú cả, không
ai một vú mà hòng mướn. »

164 | Thầy kiên

(số 22 T.V.K.)

Thằng kia dốt, nghèo không có chi, nghe ông nhà giàu kia
kén rề hay chữ, ai đổi cho hay nhầm ý ông thì ông gả con
cho. Đã nhiều nơi tới mà không xong. Anh ta nghe ham
cũng lướt dép mo tới. Ông ấy hỏi nó đi đâu ? Nó thưa nó
tới kén kén. Ông vừa thấy con cua ở trong thùng kiêng bò
ra ; ông chỉ mà nói rằng : « Con cua đó », đổi làm sao thì
đổi đi.

Nó không biết cái khỉ mốc chi cả, sưng đi đó. Mà phép làm
thịnh đi sao. Nó mời gio cây dù nó cầm ra mà nói rằng :
« Cây dù đây ».

Ông nhà giàu mắng cù bơ cù bắt đuôi đi : « Đồ bá láp ! dốt
đặc ! Vậy cũng lết tới làm phách ! »

Tức mình về đi tới thầy kiên lo. Thầy kiên hỏi đầu đuôi

gốc ngọn rồi nói : « Được, không hề chi ; về chạy năm chục đêm đây, mai đi với tao thì xong. »

Sáng ngày ra, thày trò dắt nhau tới.

Ông chủ thấy liền nói : « Ông đem cái thằng bá lếu đi đâu ? Nó không biết chữ nhứt là một, lừa là giỗng gì ? »

Thày kiện : « Vậy chờ nó giỏi lắm đó, ông à. Nó đổi lại cây dù, cao lắm đó. »

— « Cao làm sao mà cây dù đổi với con cua ấy, mà gọi là cao ? »

— « Ấy, ông nói vậy mới lầm, không mấy thuở gấp đứa cao trí thế ấy đâu. Ông chẳng ra nôm rắng : « Con cua đó », thì nó phải đổi nôm rắng : *Cây dù đây* ». Con cua là « *hoành hành hải ngoại* », nó đổi cây dù là « *độc lập thiên trung* ». Còn đổi làm sao hay hơn nữa ? »

Ông chủ nghe thấm thía, sau chịu đi, mà gả con cho nó.

165 | Khẳng khái

(số 23 T.V.K.)

Ông quan lão kia, người khẳng khái, ăn ngay ở thật lắm, oai cũng chả sợ mà dữ cũng chả lo, cứ ngay thẳng làm hơ. Ông thấy ông vua hay tây tà mới chuộng cũ vong, thì ông tau rắng : « Bệ hạ làm như người chất cùi ; cây nào sau thì đè lên trên, cây nào trước thì cứ đè nǎm dưới chịu ép đó hoài, không cất đầu lên được. »



166 | Cấp trí

(số 24 T.V.K.)

Người lẹ trí cái chi đều đã lượng trước đi rồi, nên thường có lâm vấp rủi ro điều gì thì cũng an tại, không hay buồn rầu, chát lưỡi, bứt đầu, bò xa bò xít thè nọ thè kia đâu : cứ giữ một mực luôn luôn. Có một lần kia có cái người lẹ trí thè ấy đi chợ mua ít cái đồ cần dùng, om đất, nồi gọ, đồ gốm, mỏng mảnh hay bề ràng rịt chặt chia, xô cây dù quảy toòng teng xăm xúi đi về. Đến chỗ kia đứt dây rớt xuống một cái bịch, bể tan bể nát ra cả. Anh ta cũng cứ lầm lũi đi mãi thế, cũng không ngó lại mà cũng không tỏ ra dấu gì tiếc chút nào ; cứ tự nhiên như thường vậy. Là vì biết dầu có làm sao đi nữa, có quay ngó lại, đứng coi đi nữa, thì cũng chẳng ít gì, việc đã rồi ; lại có khi chúng nói làm dơ đường, chúng bắt ở lại đó mà lượm miềng mà quét đi cho sạch nữa chẳng.

167 | Tú Suất đóng cũi giải nạp về tinh thành

(số 25 T.V.K.)

Tú Suất văn vật chữ nghĩa lanh nêun quan lớn tông đốc có cho vời vợi ở dạy con cháu người trong nhà. Bữa kia nhơn gần tới ngày lễ ăn mồng năm tháng năm, Tú Suất mới xin phép về nhà quê viếng mẹ già. Quan tông đốc trao cho ba

nén bạc, ít cây lụa, ít cây vải đem về làm quà (cho chác) bà con. Đi dọc đường thấy chúng đánh xóc đĩa, ngứa tay vô đánh chẳng những thua hết ba nén bạc, lại thua tới lụa tới vải nữa.

Vừa may lúc ấy có ông lãnh binh mới, tinh sai đi bắt Chiêu Lần là tướng giặc. Anh ta mới thiết kế bắt ông lãnh binh mà gỡ nợ chơi. Vậy thấy lính kéo đi tầm nã tướng giặc, liền đậm đầu chạy chun vô bụi. Lính áp lại vây bắt, anh ta ra mặt nói rằng: « Thôi, trời đã chẳng cho ta làm nên, thì phải chịu. Xin các cậu bắt thì bắt, đừng có đậm chém làm chi, ta là Chiêu Lần đây ». Đóng cùi bỏ vô, ông lãnh binh mắng điệu về tinh thành. Bữa hội hèm, khiêng cùi ra giữa sân, lính đóng hàng chầu hai bên oai nghi lắm.

Quan tòng đốc dạy mở đồ che ra coi thử mặt Chiêu Lần ra thế nào. Dở ra thấy Tú Suất, chưng hửng: « Cơ khỗ, nó nhè thắng cha Tú Suất nó bắt nó đem nộp ».

Trong ấy anh ta thút thít và khóc và bầm: « Thân lạy quan nhơn, con lĩnh ba nén bạc, lụa, vải quan lớn ban, con về dọc đường bị quân ông chánh lãnh, lấy hết bạc, lụa, vải đi cả. Ức con quá. Trăm lạy nhờ phước dư quan nhơn... »

Quan tòng đốc dạy mở Tú Suất ra mà đem lãnh binh lại, bắt chạy bạc, lụa, vải thường cho Tú Suất.

168 | Chọc con ông Tòng đốc

(số 26 T.V.K.)

Cô Hai, con ông tòng đốc kia, ngồi vỗng đi dạo phố chơi. Tú Suất ngồi chơi với anh em bạn trong phố. Anh em đố

Tú Suất dám ra chọc (gheo) cô ấy chơi. Tú Suất lớn tơn chạy ra, con mắt nheo, tay ngoắt, làm cô ấy mắt cõ sương, biều trẻ vỗng về thưa với cha, nói người ta ở ngoài phố chọc xấu hổ, bệu bạo, thút thịt.

Cho đòn trưởng phỗ, khai, bắt Tú Suất vô, quan lớn hỏi : « *già mi ợ xụ mô ? mi làm giặng chi ?* »

Tú Suất, mắt nheo, tay ngoắt, mà bầm rẳng : « Trăm lạy quan nhơn, con ở xã... tông... con là học trò...

Mỗi khi quan lớn hỏi mà va bầm lại, va cứ va làm cái miếng mắt nheo tay ngoắt mãi.

Sau quan lớn tha về, kêu cô Hai mà dứt sao việc có một chút làm tung bừng phở lở : « Vậy chờ con không thấy nó có tật làm vậy hay sao ? »

169 | Đánh phách

(số 27 T.V.K.)

Dở thì hay đánh phách. Lão kia mới học nghề võ nhom nhem biết được một hai miếng, đến đâu thì đánh phách khua mỏ rân đi đó. Bữa kia anh ta đánh ba hột cơm dǎn bụng, xách dù ra đi dạo xóm chơi. Nhảm bữa nước rồng ngập, cầu kì trôi đi hết. Tới cái rạch rộng, không biết liệu làm sao mà qua. Liền cởi quần cởi áo buộc trên đầu mà long ngang qua. Mặc quần áo lại đi xăm xúi tới nhà quen đó ; vào trầu nước, ngồi mời vụt mời nói : « Cha chả ! lâu ngày nhảy, hôm nay qua rạch nước rồng trôi cầu đi mất, làm tôi phải nhảy, dám mời đùi kinh đi đó ! » Chủ nhà biết nó nói phách mà lại nói láo, vì hồi nó lội qua

thì chủ nhà đang ở trên cây cau bẻ cau thấy rõ ràng nó tuột quần đeo đầu lội qua ; thì nói lại rằng : « Cơ khò ! vậy mà hồi nãy tôi leo hái cau, tôi thấy ai ván quần ván áo trên đầu mà lội qua, tôi nói là anh đó ấy ! »

170 | Làm bộ chị thơ làm bánh

(số 28 T.V.K.)

Con mẹ kia tói giùm đám cưới. Người ta khéo thì làm chả làm nem, mà con mè vung thì khêu đèn đánh chó. Chị ta thấy có khách, lại chõ kẽ khéo làm bánh, lấy bột trày đầy mình, ra vô làm bộ chị thơ cho người ta khen ; lăng xăng nói mình mắc coi làm bánh làm trái. Bà chủ đám nghe nói trái tai, đề một lát, mới kêu : « Chị kia, chờ cái dao cán bạc ăn trầu đầy, trẻ nó nói chị lấy ở đâu, đem lại bửa cau ăn đầy nào. »

Chị ta chối đầy : « Cơ khò ! thôi nhưng ! tôi những mắc ôm củi rửa bát không hở tay ; tôi có lấy dao làm chi mà ai lại nói tôi lấy ? »

Lời chênh ra, chúng biết, hết làm bộ thơ khéo đi chút.

171 | Thợ chạm rồng trồ phụng

(số 29 T.V.K.)

Anh kia bắt tài, có vợ rồi mà chưa có nghề gì làm ăn, đi theo bọn thợ làm tiều công mà học. Mỗi bữa đi về hối vợ dọn cơm ăn mà thường hay nói với vợ mình học đã thành tài, chạm trồ giỏi : *chạm rồng trồ phụng là tao đây*.

Con vợ lanh không nói gì ; đã nhiều phen anh ta chi tiếng ấy ra cho vợ mắng, lo ăn lo uống cho khá.

Bữa kia người vợ đi xóm lật đật chạy về hào hồn, ngồi thở ra. Thằng chồng mới hỏi : « Chờ sao vậy ? Giống gì vậy ? » « Uý ! thôi đừng có hỏi ! Chết đi bảy giờ chờ chơi ! » vợ và thở và nói.

Thằng chồng càng tức hỏi : « Giống gì thì nói chờ, làm thế gì như ma bắt vậy ? »

Vợ thở dài : « Uý cha ôi ! quan quân đang đi tìm bắt thợ chạm rồng chạm phụng, làm sao hư phạm, sái kiều sái thức của vua ; đang đi bắt ầm ầm đi đó ! Chưa lo mà vén ót đi ? Bay đầu đi chờ không phải chơi !!! »

Chú chàng nghe cũng đà thất kinh, mà vì anh ta vô can, nên mới nói rằng : « Chạm rồng trồ phụng là mấy anh thợ cái, chờ tao thì tao cứ khiêng cây xeo gỗ cho họ làm mà thôi, tao có biết chạm trồ ở đâu mà tao hòng lo ? »

Té láo ra chút.



172 | Làm xây

(số 30 T.V.K.)

Lão kia đi đường tới quán cơm ăn uống no nê, nghỉ chơⁿ
 nghỉ căng xong rồi, coi chừng coi đỗi bắt quách con ngỗng
 của mụ quán nuôⁱ, ôm ra đi ngoáy ngoáy. Mụ quán hòi ban
 đầu có hỏi tên nó rồi, nó nói tên nó là Ba Ruồi. Mụ quán
 nóng ruột cheo véo chạy ra ngoắt kêu : « Ông chú Ba Ruồi... »
 Nó lăm lủi đi mà nói lại rằng : « Chín ruồi chưa được nữa
 là ba ruồi ! » Theo van mãi, nó cứ vậy nó nói. Hai bên
 hàng xóm người ta tưởng nó là người ôm ngỗng đi bán,
 còn mụ quán là người đi theo trả mà mua, ai dè nó là
 người đồ xây thế ấy.

173 | Chó có sừng

(số 31 T.V.K.)

Có đứa con nít kia ở đất nhà quê, không biết con dê ra làm
 sao, chưa hề có thấy bao giờ, bữa nọ thấy nó đem nó đi
 ra đất dinh, tới nhà kia có nuôi hai ba con dê. Nó lúc láo
 đi coi thấy, lật đật chạy vô thura với thầy rằng : « Cha chả t^í
 chó xứ này dị cục khác chó xứ mình dữ lắm, thầy à ! »
 Thầy nói : « Nó cũng vậy thôi, có khác gì ? »
 Nó nói : « Thưa khác lắm chờ : chó này có sừng ; kia cà,
 thầy bước ra mà coi ! »

174 | Dụng mưu làm thuốc

(số 32 T.V.K.)

Có đứa con gái kia khi vươn vai làm sao trật lắt léo xuôi tay xuống không được, cứ giơ lên như vậy mãi. Thầy mẫn sủa hết sức cũng không xong.

Có một anh kia dùng léo mà chữa được, là đến biều kêu nó ra rồi giả đò coi, xỏ rò xỏ rò đàng trước ra đàng sau, đàng sau ra đàng trước; rồi thò tay giựt quần nó một cái. Nghè thứ con gái hay mắt cõi, liền quên đau mà lật đật lấy hai tay chụp quần mà vận lại, thì liền lại như trước.

175 | Thầy rờ

(số 33 T.V.K.)

Có thằng cha kia tính hay mê sặc, thấy gái muốn lầm, mà nhát không biết làm làm sao, mới tới hỏi người kia thạo việc đời, từng trải cuộc chơi. Người ấy không biết dạy nó nghè làm sao. Mà cũng bắt tử đi, vậy mới dặn nó tối có muốn đi rờ, thì kêu ảnh đi theo với, ở ngoài cho vững cho, kéo mà sợ, có điều gì thì kêu, không có làm sao...

Bữa ấy hai thầy trò dắt nhau đi. Thằng nọ chun vào rờ con kia, lở quở sao nó chụp được nắm đầu. Thằng ấy thát kinh la lên: «Thầy ôi, nó nắm đầu tôi...» Thầy ở ngoài nói rằng: «Không có hề gì. Mà giữ lấy: nó nắm mũi kia mới sợ». Con nọ nghe, buông đầu nắm mũi, nó mới giựt vuột khỏi chạy ra được. Hú via.

176 | Ông huyen với ông đồ

(số 34 T.V.K.)

Có anh học trò thi đậu ông đồ ở đâu tới xứ chỗ ông huyen nhậm, ở dạy học, mà hay làm cách thề ông đồ lầm, đờn địch chơi bởi phong lưu, ông huyen không ưa mới làm một bài thơ biếm chơi rằng :

Tú tài thi đỗ những khoa mô ?
 Làm tích trong nhà mặt tinh khô.
 Con trẻ ngất ngo kêu cậu cổng,
 Mụ già nhóc nhách gọi cha đồ.
 Ngày dài đờn phím nghe inh ôi,
 Buỗi vắng thơ ngâm tiếng àm ò.
 Ai khiến tời đây làm bậy bạ ?
 Khen cho phôi lớn quá hơn bồ.

Ông đồ nghe được thì bộ (hoa) lại như vậy :

Biền rộng minh mông dẽ cạn mô ?
 Đỗ bay một gáo múc cho khô.
 Tuy chửa vẻ vang quyền cậu cổng,
 Song đà tò rõ mặt ông đồ.
 Nhờ chút ơn Nghiêu nhuần phói phói,
 Sá chi muông Chích sửa ò ò.
 Căm loài thạc thủ lòng tham chạ,
 Đỗ khoét cho tao lúa hết bồ.



177 | Ngô thì Sĩ với ông Tán lý Thường

(số 35 T.V.K.)

Ông Thường (tán lý Thường), đời loan Tây sơn ra lầy Bắc, con nhà học trò giỏi văn chương chữ nghĩa, cũng là bạn học với ông Ngô thì Sĩ ; giận ý kẻ nịnh lại hồ vì bị nhục mà vào Gia định ở đầu thầm với vua Gia long. Vô một năm rồi về ngoài Bắc, giả chết, biều vợ con giả đò chôn cất để tang để chể cho, rồi mới vào lại làm tông vua Gia long. Khi trước ở ngoài ấy còn hàn vi đi đường gặp ông Ngô thì Sĩ là bạn học, mà khi ấy làm quan lớn, đi vỗng điều lọng lợp binh gia rần rộ (làm quan cho vua Quang trung là Nguyễn văn Huệ, nhà Tây sơn). Mặc áo rộng, đội nón tu lờ điệu học trò ; đi né tránh bên đường, lính nó nói sao có vô phép, nó bắt nó vật xuống nó đánh cho vài chục. Quan lớn mới hỏi là ai, thì bầm rắng mình là học trò ; thì Ngô thì Sĩ mới rắng : « Có phải là học trò thì ra câu đối cho mà đối ». Ra rắng :

Ai công hầu ? Ai khanh tướng ?
lúc trần ai, ai dẽ biết ai ?

Ông Thường đổi lại rắng :
Thể chiến cuốc, thể xuân thu,
gặp thì thể, thể nào thì thể.



178 | Người can đảm

(số 36 T.V.K.)

Ông tiền quân Trầm (tông Trầm), nguyên là người ngoài Bắc, bị đày vô Nam với ông Khôi. Sau giặc Khôi nồi mà bị binh trào hạ thành được, bắt đóng gông bỏ vô cùi điệu về kinh.

Người ta thấy bị mang gông, người ta xúm lại, người ta coi, thì tông Trầm bèn làm một bài thơ như vầy :

Thiên hạ ai ai có thấy không ?
 Cang thường một gánh, chả phải gông !
 Oắn oại hai vai quân tử trước,
 Nghinh ngang một cỗ trượng phu tòng ;
 Sống về đất Bắc danh thơm ngợi,
 Thác ở trời Nam tiếng hãy không ?
 Nên hư cũng bởi trời mà chờ,
 Há dẽ là ai hạiặng ông ?

Sau ngòi cùi điệu về Huế, ra tới Bình thuận, ông ấy cắn lưỡi mà chết đi.

179 | Cà xốc

(số 37 T.V.K.)

Anh kia cũng là con nhà học trò chữ nghĩa văn vật mà nghèo phải vay phải tạm của ông nhà giàu kia, giàu mà dốt, hết ít chục quan tiền, mà tới kì hạn không có mà trả, nên bị bắt tời ở xó chái xó hàng ba.

Bữa ấy có ông nhà giàu khác quen tới thăm ông chủ nhà giàu ấy. Ngồi nói chuyện, nói : « đây anh giàu có có tiếng, mà anh có vật chi quý không không biết, chờ tôi, tôi có một vật thật quý.

- Vật gì vậy, anh nói tôi nghe thử ?
- Tôi có một con gà, nó thường gáy : « giàu có kho ! giàu có kho ! »

Ông kia nghe vậy thì nói : « Tôi cũng có một con quý như vậy là con chó tôi nó sủa : « giàu hú ! giàu hú ! »

Chú học trò bị bắt nợ nghe gai lỗ tai, chạy vô xen rǎng : « Thưa với hai ông, tôi nghèo thì nghèo, tôi cũng có một cái cối đập quý lắm. »

- Quý thế làm sao mà kêu là quý, nói nghe thử ?
- Quý là hễ khi giã gạo, nhứt là khi giã lia thì nó kêu ngộ lắm.
- Nó kêu làm sao ?
- Nó kêu : « láo xược ! láo xược ! láo xược ! »

180 | Tú Suất bắt mụ nữ tu

(số 38 T.V.K., số chót tập « Chuyện khôi hài »
của ông Trương Vĩnh Ký)

Tú Suất là người lanh lợi, nói xuôi cũng được, nói ngược cũng xong. Khi ấy có nhà nữ tu có tiếng ; trong ấy có một đứa con gái lịch sự xinh tốt ; người ta ai ai cũng đồn.

Anh em bạn biết ve nàng ấy thì khó lăm, không ai ve được ; bữa ấy mới đỗ Tú Suất làm sao mà nhận mà bắt nàng ấy rã cho được.

Tú Suất chịu. Vậy mới tập trẻ hầu hạ, đứa kêu bằng chú, đứa kêu bằng bác, đứa kêu bằng cậu, đứa kêu bằng giuong, sắp đặt tử tế.

Tú Suất mới viết thơ cho người đem vào thura với bà sư cô coi nhà nữ tu ấy, mà xin bà ấy cho vợ mình lại, rằng nàng ấy tên là ấy, thật là vợ mình, vì giận hờn nhau mà bỏ mà lánh mình đi tu mà thôi. Nhứt diện xin với bà sư cô, nhứt diện đi thura với làng sở tại. Làng đòi bà sư cô biếu đem nàng ấy ra đình làng mà tra hỏi cho ra việc.

Ở trong chùa kéo nhau ra nhà làng các đứa hầu Tú Suất chạy theo: đứa kêu bác, đứa kêu thím, đứa kêu mợ, đứa kêu cô dì mà khóc cùng đường rằng: sao có bồ... (chú, bác, cậu, giuong) mà đi tu cho dành?

Làng hỏi, nàng thura một hai không có chồng, không biết người trai ấy là ai bao giờ...

Làng bắt lý rằng: sao trẻ năm bảy đứa em cháu nó khóc nó kêu nó nhìn mình... Sao nó không nhìn các cô khác?

Nên làng dạy bà sư cô giao lại cho Tú Suất đem vợ về.

Nàng ấy giãy giụa khóc la mà phải vưng phép làng mà về theo Tú Suất, không chối cãi gì được.



Lời bàn.— Đọc 38 bài trong tập “Chuyện khôi hài” như trên, in năm 1882, cách đây đã tám mươi năm, học được nhiều việc ngộ: — nhà tiền bối Trương Vinh Ký, cũng là một cây viết khôi hài thuở nay ít ai biết; trong cuốn của tôi, còn nhiều hàng viết bằng bút chì xanh đỏ, nguyên bút tích nhà học giả này, chứng minh ông muốn tái bản và có sửa đổi ít nhiều, nhưng tôi thấy không tiện ghi lại vì sợ rườm rà. Ý tôi là chép lại y nguyên văn bản in, để thấy chữ quốc ngữ cách gần một trăm năm, không thay đổi mấy; — văn quốc ngữ trong Nam, buồi phôi thai, nhứt là của ông Trương Vinh Ký, viết rất dễ dàng, y hệt như văn nói chuyện, và chứa đựng nhiều chữ thông thường, khi làm dụng thì văn trở nên nặng nề, nhưng khéo không là ở chỗ dùng đúng lúc đúng chỗ: thi, mà, thì là, đó hé, đó hữ, đó chúc, làm xầy, làm

điếm, đánh lột da,..., cơ khò thòi nhưng... — tuy trong chuyện khôi hài, nhưng ông Trương Vĩnh Ký nhắc lại những mảnh sứ vụn buồn giao thời: tích ông tòng Trăm đạo Tiền quân, chuyện ông tán lý Thường và ông Ngô thi Sĩ, chuyện Tú Suất, chuyện mấy ông ghẹ hầu mấy ông quan lớn đời xưa, và ông khéo kẽ lại những dụng cụ, từ khỉ nay không còn thấy biết nữa: cái cọ, cái xiềng, võng điều, cái nồi bung, nồi niêu, cái hầu bao, cái ruột tượng, v.v...

Ngày nay, thiểu chi người tự phụ không cần đọc văn xưa. Tôi lại sưu tầm và kiểm không có mà đọc.



Nói chuyện tiểu lâm mà không kẽ chuyện Cổng Quinh thì vẫn còn thiếu. Vậy đây là chuyện ông vua cưới Trạng Quinh cùng với năm chuyện khác, đều tuyển chọn trong những bộ sách hiếm:

181 | Ông Cổng Quinh

(bài 30 Chuyện Đời Xưa Trương Vĩnh Ký,
bản năm 1914, từ tr. 41)

Truyện ông Cổng Quinh đậu trạng, có nhiều điều pha lúng trớ trêu tức cười.

Bửa kia có một người ở xa tìm tới kinh vào chầu vua, đem dung cho người một mâm trái trường thọ. Mới đem vô,

nói chưa xong, ông Cổng Quinh lại lấy lột ăn phứt đi. Vua thấy ông làm đều vô phép, sỉ hờ cho vua, thì ngài dạy đem mà chém đi.

Ông ấy quì xuống tàu rắng : « Tâu Bệ hạ, muôn muôn tuổi. Nay tội tôi hôn hào vô lễ, mà Bệ hạ đòi chém, thì là đáng lắm. Muôn tàu Bệ hạ cho tôi nói một ít lời cho cẩn kẽ, rồi tôi sẽ ra chỗ pháp trường : trái này gọi là trái trường thọ, mà sao tôi ăn vô chưa khỏi cõi đà thấy chết ? Vậy thì nó là trái đoán thọ mới phải. »

Vua nghe được tha ông đi.

Bữa khác, vua ngự đi chơi, quân gia binh lính chầu chực hầu hạ, thiên trùng vạn điệp. Ông Cổng Quinh đi tắm ngo thẩy, lật đật chạy đút đầu vô bụi giơ đít ra. Vua ngự ngang qua thấy mới hỏi ai. Cổng Quinh quì xuống tàu : Tôi nghe ngài ngự, tôi núp không kịp, nên phải làm làm vậy ; tục nói : « hễ giấu đầu thì ra đuôi ».

Trong nội, vua có nuôi một con mèo, cồ cột cái xích băng vàng. Cổng Quinh vô ra ôm quách về nhà ; lấy xích vàng ra, cột dây nuôi ở nhà. Mà thường ông biếu đem hai dĩa, một dĩa thịt thà, chả gói ; còn một dĩa, thì cơm nguội trộn với đầu tôm xương cá ; hễ nó lại ăn dĩa đồ ngon thì đánh ; nên nó quen đi cứ dĩa đồ hèn mà ăn mà thôi.

Vua tiếc con mèo, sai đi kiểm táo tác, kiểm không ra. Người ta nói có ngó thấy Cổng Quinh nuôi con mèo giống in con mèo của vua, có khi nó đó. Vậy vua cho đòi ông Trạng tới, hỏi con mèo. Ông nói một hai không phải. Vậy ông bắt con mèo đem tới, biếu quân đem hai dĩa cơm, một dĩa đồ ngon, một dĩa đồ quấy quá : mèo của vua thi thường ăn đồ mĩ vị, ngon lành, mà của tôi đâu đồ ngon mà cho ăn, ăn những cơm nguội cơm ngăm, mắm muối quấy quá vậy thôi ; nếu nó ăn đồ ngon thì thật là của ngài, mà như nó ăn đồ hèn, thì nó là của tôi chắc.

Đem ra, thì con mèo tập đã quen, cứ lại dึง cơm nguội mà ăn, thì Cổng Quinh vỗ tay cười. Ấy! Của dân sự nghèo nàn thì nó như vậy! Ôm mèo về mất.

Bên Tàu qua đi sứ, đem dung vua một cái ve thủy tinh, liền không có miệng, mà trong có nước, xin hỏi làm làm sao mà lấy nước cho được. Vua cùng đình thần bối rối, không biết giải làm sao. Vậy đòi Cổng Quinh tới, hỏi tính làm sao. Cổng Quinh mới nói: « Tưởng là giống gì khó lăm, việc này liệu được mà ».

Vua mới giao cho anh ta đem về. Sáng ngày lợt xót vô. Vua ra lập trào rước sứ Tàu cho đặng giải việc hỏi. Ông Cổng Quinh tay xách dùi đục, tay cầm cái ve của sứ đem qua. Vua phán hỏi. Cổng Quinh quì xuống: « Muôn tàu lệnh thiên tử, Tàu hỏi làm thế nào lấy nước ra cho được? Vậy hễ muốn lấy cho được nước, thì phải đánh mới được. » Và nói và đậm bẽ cái ve đi.

Năm sau, sứ đem một con trâu có tài báng lộn ăn hết các trâu bên Tàu. Đem qua hỏi coi thủ An nam có trâu nào giỏi hơn chăng?

Vua đòi Cổng Quinh tới hỏi coi thủ tinh làm sao.

Cổng Quinh vào chầu. Vua phán: « Đó bây giờ Tàu người ta đem con trâu báng giỏi nhứt có tài, coi thủ mình có đem ra cự. Trạng tinh làm sao? »

— Muôn tàu Bệ hạ, có khó chi, đê tôi về tôi tinh. Xin sứ đê ba bůa.

Ông Trạng về biều bắt con nghé nhỏ còn bú, nhốt riêng nó ra, đừng cho bú ba bůa.

Tới ngày sứ đem trâu tiếng Tàu ra, ông Cổng Quinh dắt con nghé ra.

Vua ngự ra, sứ bộ cùng triều đình tựu tới coi. Thả trâu lớn của Tàu ra, nó hăng đứng nghinh đó. Cổng Quinh thả trâu nghé ra. Nó nhịn bú đã ba ngày, khát sữa, thấy trâu lớn

tưởng là trâu mẹ, lăng căng chạy lại xúc xúc dưới bụng nơi sau háng, trâu Tàu nhột chịu không đặng, chạy mà tránh cho khỏi kéo nó rúc nhột. Càng chạy, nó chạy theo xúc, công lung chạy miết dài.

Cổng Quinh đứng vỗ tay la : « Trâu Tàu thua rồi ! Trâu An nam ăn rồi ! Thèm đem trâu lớn đâu. Súc con nghé con, ốm tong ốm teo, mà trâu kia còn phải thua nũa là ! »

Bước qua năm sau, Tàu giận thấy mình thua trí người An nam, mới sai sai sứ đem một cây gòn đẽo bào bằng gốc bằng ngọn, lại kéo sơn đồi ba nước, mất da mất thịt cây đi hết, ở giữa có đề hai chữ : *Túc tử*. Đem qua đỗ An nam biết là tên cây gì, lấy chữ đó mà bàn cho ra tên. Lại đỗ biết đầu nào gốc đầu nào ngọn.

Các quan hiệp nghị, mời Cổng Quinh tới hỏi : « Sao, ông tính nói cái ấy đặng hay là không ?

Cổng Quinh chịu, lãnh về nhà tinh. Sáng ngày ra, vua怒, lập ban cho sứ vào chầu, Cổng Quinh vào quì xuống tâu : « Chữ *Túc* là lúa, chữ *Tử* là con. Hết là : *còn lúa con ăn con no con mập, hết lúa con mòn con gầy* : thì là cây gòn ». Còn viết nói đầu nào gốc đầu nào ngọn, thì xin xuống mé sông tôi sẽ coi. »

Vua quan cùng các sứ thấy đều xuống theo mà nghe nói. Dạy khiêng cây xuống. Ông Quinh mới thả day ngang qua sông, thì nó phải day trôi theo giọt nước ; đầu nào day trước ấy là đầu gốc.

Đến sau vua sai ông Cổng Quinh đi sứ bên Tàu. Nhằm khi có các anh tẩn sĩ mới đậu. Thấy sẵn, lại nghe tiếng Cổng Quinh giỏi văn chương chữ nghĩa lắm, vua mới mời Cổng Quinh thử chơi ít bài. Mấy tẩn sĩ có tài làm thơ làm phú lẹ, hễ nhảy lên ngựa cầm viết viết lia, nhảy xuống thì đã rồi.

Cổng Quinh cũng không sợ, chịu ra thi. Dẫn ngựa voi ra

nghiêm trang tử tế, phát viết, mực, giấy má xong rồi, nghe hiệu trống đánh một cái thùng, thì ai nấy nhảy lên ngựa. Cổng Quinh nhảy lên lấy viết huây huây ba cái lăng quăng lùi quíu rồi nhảy xuống hô : « Rồi ! »

Người ta chưa ai rời hết : đem vở lại nộp.

Quan giám khảo coi không ra, hỏi chờ Cổng Quinh viết giỗng gì lăng quăng coi không được, Cổng Quinh nói : « Chữ bên tôi thâu làm vậy đó, như ngài coi không海棠, đề tôi viết lại chữ thảo hay là chơn tự cho ngài coi ».

Vậy mời viết thơ cũ thuộc lòng cho họ coi. Họ lấy cho được thử nhứt.

Bữa kia quan thura tướng Tàu dọn tiệc, mời Cổng Quinh tới uống rượu chơi một bữa. Đàng sá đầu đó đều có đào hầm, đè gạt cho Cổng Quinh sụp mà chết, kéo đè Tàu chịu thua An nam xấu hổ ; chiếu bông nệm gấm trải liệt địa cùng đàng.

Ông thura tướng tới nhà mời và rước Cổng Quinh. Ra tới đàng có trải nệm bước xuống mời Cổng Quinh xuống đi bộ cho mát, biếu Cổng Quinh một hai đi trước ; Cổng Quinh không chịu. Nhường cho quan thura tướng rằng : « Tiên vi chủ hậu vi khách ». Quan thura tướng mời gãy lưỡi cũng không được, túng phải đi trước, Cổng Quinh khôn, cứ bước theo dấu chơn thura tướng thẳng tới nhà khỏi sụp vào đâu hết.

Ngày kia Cổng Quinh vui, muốn khuấy chơi các quan triều một bữa. Chứng mời viết thiệp cho mời các quan tối tưu tại nhà uống rượu chơi.

Mặt trời chen lặn, vồng đá các quan lải rải tới. Cổng Quinh mua rượu nhiều, ve chén bày ra bốn bàng ; còn biếu quân ở đàng sau nhà bếp cứ băm thớt hoài. Nghe băm lộp cộp lạc các hoài. Các quan trưởng có khi Cổng Quinh dọn trọng thè lầm. Chẳng ngờ cũng không thấy dọn chi.

Cổng Quinh ngồi cầm khách, cứ rót rượu mời các quan ; một chặp lại hối : « Trẻ coi lo dọn thoảng đi bậy ». Nó dạ rân. Cứ thỉnh thoảng rót rượu mời uống khan hoài ; các quan đã xoàng xoàng đi hết ; thì càng vui càng nói chuyện ỉnh sinh. Cổng Quinh lại càng rót rượu đưa cho ông này ông kia, dập thêm hoài.

Ngồi uống khan làm vậy cho đến hết nửa canh hai. Ông nào ông nấy, thoi say mèm, nằm thài lai ra đó hết. Quân hầu đi theo, thì đã cho về hồi chiều hết rồi.

Vậy ông Cổng Quinh biều quân trong nhà ra đưa các quan về, lại dạy nó tráo dinh hết, tới đâu thì biều mở cửa đem thẳng vào giường kéo ngài say đã mê mết rồi. Quân da dàn vỗng dá ra. Vỗng các ông đem lộn dinh hết.

Đến sáng ngày ra, ai nấy thức dậy ngo sao mùng mền khác lạ không phải nhà mình, xén lén ra ai về dinh nấy, biết bị Cổng Quinh khuấy chơi rồi, căm căm trong bụng giận ông Cổng Quinh.

Mà ông Cổng Quinh ngoan lăm, chạy đón các quan đang đi vô chầu, nói : « Cơ khò ! Tệ quá ! Hôm qua cầu vui uống rượu cầm chừng chờ trẻ nó dọn ăn, mà mắc bụng đói say sớm làm không ai ăn hết ; thấy các ông say tôi hối quân vỗng các ông về kéo đê khuya nhiễm mù sương có khi khốn. Té ra các ông báo tôi, thoi hôm nay thịt cá è hè ăn không hết. »

Cách năm mươi bữa, Cổng Quinh xin cẩm chợ ba bữa để cho ông phơi sách. Thiên hạ đồn Cổng Quinh phơi sách, đâu đó rủ nhau đến coi. Đến bữa ấy ông biều quân đem chiếu trải giữa chợ, cởi quần cởi áo ra nằm giữa đó. Người ta hỏi : « Ủa ! Nghe nói ngài phơi sách, mà sao ngài làm làm cái gì vậy ? ». Ông mới chỉ cái bụng ông nói : « Sách ở trong bụng, chờ sách ở đâu ? »

Ông Cổng Quinh thường hay đi đò, mà ông không có trả

tiền ; tháng kia qua tháng nọ, ông cũng không có trả. Quân đưa đò nó mới đòi ông ; ông nói : « Thời đê mai mốt tao trả cho ». Ông về mua tre mua lá, chở ra giữa dòng sông, cất lên một cái chòi, viết ba chữ dán vào đó : « *Chửi cha đưa nào coi về học lại* ».

Thiên hạ nghe ông Cổng Quinh làm gì lạ không biết, thì đua nhau tới đó mướn đò ra coi. Coi rồi vô, kẻ khác hỏi chở giỗng gì vậy ? Ai nấy đều nói : « nói không được, hãy ra đó mà coi lấy ». Đò đưa đà không lập ; lấy tiền cũng đã mê.

Dỡ chòi rồi, quân chèo đò, nó còn đòi tiền ông Cổng Quinh nữa.

Ông mới nói : « Bay mặc tao bây giờ thì có, chở mà bay lại theo đài tao nữa ? Vậy chở ai làm cho bay đẳng mổi mấy bữa đó ? Bay có biết không ? »

Chuyện Cổng Quinh còn nhiều đều dễ tức cười, mà như nói tinh những chuyện ấy, thì nó mất vui mất hay đi. Để xen chuyện này chuyện kia, nhiều thứ thì hay hơn.

TRƯƠNG - VĨNH - KÝ



Thêm ba chuyện vặt về ông Cổng Quinh. — Chuyện tích Cổng Quinh, theo ông Trương Vĩnh Ký thuật, đến đây đã kết thúc. Như lời ông nói, mặc dầu chuyện gì hay, nói mãi

cũng hóa nhảm. Tuy biết vậy, và trước khi bắt sang qua chuyện khác, tôi cũng xin chư đọc giả hãy nán lại ít phút, khoảng khắc chưa tàn điếu thuốc, chưa giập bã trầu, để cùng tôi ghi chép lại và tìm hiểu ba chuyện sau đây, cũng thuộc tích Cổng Quỳnh và do người cùi lụt Miền Nam thuật lại : và đây là lời tôi được nghe ông già bà cả kể lại :

Chuyện thứ nhứt.— Ông Cổng Quỳnh bày kế dòm mặt vua.— Ai ai cũng biết, đời xưa đời xưa, bên nước ta và bên Tàu, vua chúa không cho ai thấy mặt. Dân thường, ai rủi thấy mặt vua, thì bị tội chém đầu ! Theo tôi hiểu các ông giấu kỹ mặt mày, lẽ chánh là để giữ oai nghiêm thể thống, mà lẽ phụ, biết đâu chúng, là vì ba môi, méo miệng, chột mắt, hay súng răng ; xấu xí khó coi ! Sự thật xét ra, có nhiều ông vua rất khó tánh, nhưng có nhiều ông cũng dễ dãi bình thường, nhưng tự các quan đình thần bày chế lê nghi đê rồi các quan tự áp dụng cho mình và tuân theo răn rắt. Tỷ như khi vào chầu, thì phải mopping phải quì, muốn tâu lên vua điều gì là phải giập đầu dưới bệ rồng, mà nào thấy được long nhan ? Còn như dân chúng, loại đầu đen máu đỏ, thì ối thôi khỏi nói xa cách ngàn trùng : mỗi lần vua ngự giá xuất thành, khi du xuân, khi hành hương hay điền điệp (đi săn) thì dân phải đặt bàn hương-án trước nhà, rồi rút lui vào trong đóng cửa không dám ngó ra đường, kẻ nào lỡ chân trái bước không vào nhà kịp thì phải lánh trốn hoặc úp mặt xuống đất chờ xa giá qua khỏi mới được đi đứng bình thường, như vậy mà nhiều khi không tránh khỏi roi vọt quân hầu hoặc bị bắt bớ chẳng qua cũng vì vua sợ nạn hành thích hay không muốn ai dòm lén mặt rồng.

(Nói đến đây, xin mở một dấu ngoặc, để thuật lại một chuyện ngoài đê, bởi đây là mục tiểu-lâm, nên nói nghe chơi vô hại. Số là trước kia tôi có nghe một bức lão thành

từng ở lâu năm đất Cao-miên, quả quyết trên Nam-Vang, tục lệ phong kiến không kém và lối bốn mươi ngoài năm về trước, khi các bà công chúa, phi tần có dịp ra dạo phố, họ vẫn có nhiều cử chỉ lố bịch buồn cười, như họ xem dưới mắt họ không có ai, rủi thời đang đi chơi ngoài đường, chẳng may váy sút hay chấn tuột, họ vẫn tần ngần đứng đó chờ con tý tất đến vận xiêm y lại chờ họ không bao giờ chụp lại hay lấy tay tự mình vận chấn vận váy mình, vì chung họ không muốn dùng bàn tay ngọc của họ làm cái việc hèn hạ ấy, hai là tự nhở chí lớn họ quen nhờ cậy con đòn con ở vận quần mặc áo cho họ, ba là họ tự xem là dân chi phụ mẫu, đứa nào cả gan dòm lén bửu-bối của tao thì tội kẽ như đáng chết vì họ là cha mẹ của dân kia mà! Cũng may việc ấy, nếu quả có, thì vẫn có đâu ở trên kia kia, chờ nếu xảy ra ở chợ Bến Thành hay đường Tự-Do dưới này thì vui biết mấy, vì biết bao thuở khôi tốn tiền mà dân Sài-Gòn thấy được cái đó của con ma xứ Đế-thiên?

(Đến đây đóng dấu ngoặc lại).

Trở về chuyện Cổng Quinh, ông già bà cả miền Nam này thuật lại rằng có một bữa kia Cổng Quinh nghĩ ra một kế để nhìn tận mặt long-nhan. Ông mời vua và các quan đến nhà dùng một bữa cơm của hàng thứ dân cho biết mùi, và trong bữa cơm chỉ bày một món ăn độc nhứt của dân quèn thường dùng, ấy là món bông súng đê nguyên cọng chấm mắm, — xin đừng làm lộn với bông súng xắt vụn kiều « và rau », — và ăn theo kiều này hồi thuở đó, phải ngược mặt đưa cọng súng lên cao mà thòng vào mồm, như vậy tha hồ chiêm ngưỡng long-nhan!

Có một lần tôi mượn chuyện này ra thuật giữa một bữa tiệc gồm nhiều cây ba-xi-để tiểu lâm « ăn mặn uống đậm », không dè tôi bị sửa lung ngon lành. Ông bạn ngồi cùng bàn nói không có kiều ăn bông súng nào kỳ cục như

tôi đã tả. Theo ông, không lý Cổng Quinh mời vua dùng bữa theo kiểu dân hèn, là vì cách ăn ấy không đúng chỗ và đại chi bất hợp thời. Hoặc đó là một chuyện bịa, hoặc, như ông đã được nghe, thì đó là một bữa tiệc Cổng Quinh xin chúc mừng tuổi vua bằng cách « ăn mì trường thọ ». Và tục ăn mì chúc thọ này, ông bạn tôi tả lại, là phải nuốt mì nguyên sợi, nếu nuốt được trọn vắt thì càng hay, nhưng nhứt định không được nhai và không cho cắn, cứ để cọng mì chun tốt vào họng, nếu nhai hay cắn thì ra « đoán thọ » còn gì ! Vua yết và đã trúng kể Cổng Quinh, vì khi chúc thọ, Cổng Quinh quỳ trước mặt vua, một tay bưng tô, một tay lấy đũa gấp mì giơ lên cao thẳng tay để thấy cọng mì thật dài, dài như tuổi vua « vạn vạn tuế », và khi giơ tay lên như vậy, mặt ngược lên, tha hồ ông nhìn mặt vua từ chang mày kẽ tóc. Ông bạn dạy tôi một bài học đáng giá, không chỉ tôi cũng có tài liệu hôm nay viết trang này. Muốn cho đầy đủ, tôi xin thêm rằng cả bàn tiệc còn phần vân không biết thuyết nào là đúng, vì với cọng bông súng thì Cổng Quinh là Ý-nam, bằng như đồi là sợi mì, e một nỗi « gánh vàng đem đồ sông Ngô », chuyện tiểu lâm Việt đã hóa ra tiểu lâm chệc !

Chuyện thứ nhì.— Cổng Quinh cho ỉa mà cầm đái.— Chuyện thứ hai kể rằng có một ngày kia, đức vua có việc không bằng lòng Cổng Quinh về một chuyện chi đó nên để làm nhục ông cho bỏ ghét, bèn ra lệnh cho quân lính kéo đến « ất vía » (ỉa vắt) sao cho đầy nhà Cổng Quinh để cho ông biết xấu (sao vua khiếm nhã và ở dơ đến thế?).

Cổng Quinh biết được tin, nghĩ ra một kế, nên khi quân lính sắp sửa ngồi xuống thi hành lệnh vua, Cổng Quinh thản nhiên nói : « Lệnh vua dạy thì cứ theo lệnh vua mà thi hành, tôi không dám cãi. Nhưng ai làm quá lệnh vua và làm ướt nhà tôi thì tôi chặt đầu ! »

Tự nhiên đòn tâm lý ấy vô cùng hiệu nghiệm. Nhà Cổng Quinh vẫn sạch trơn tru, và các quân lính đều đứng dậy ra về không làm nhục chủ nhà được, vì có mấy ai trên đời này, khi đi đại mà không rỉ ra vài mớ giọt tiều.

Chuyện thứ ba.— Sự tích óng bình vôi miệng túm.— Ai cũng biết bình đựng vôi ăn trầu đều có miệng tòe lòe đỏ loét và đầy vôi ẩm ướt. Nhưng ngày nay ít ai ăn trầu và ít biết một thứ bình vôi có quai xách và có vẽ vời bên hông, khi san-thủy, khi vân-long, khi lịch Thái-công điếu Vị, miệng tum húm và nhỏ xíu, nhỏ cỡ bạc cắc kền mười đồng ngày nay mà giá trị, đối với bọn sưu tập đồ cổ, có đến bạc muôn hay ít nữa cũng bảy tám ngàn bạc mỗi cái. Cái bình vôi miệng túm ấy có sự tích ngõ ngách như sau.

Năm ấy Cổng Quinh đi sứ qua bên Tàu và khi đi ngang tỉnh Giang-Tây, ông bị bọn thợ làm đồ sứ xúc phạm sao đó đến ông nổi giận, và đè trác bọn này, ông bèn đặt chúng làm cho ông một ngàn hay năm trăm cái bình vôi có quai xách miệng túm, giao hẹn chuyền đi sứ ông sẽ ghé lấy hàng và trả tiền trót thề. Không dè ông lập tâm làm vậy cho nên bận về ông đổi đi ngõ khác, báo hại bọn thợ chờ mãi không thấy khách đặt hàng đến nhận lãnh ông vôi. Chuyện cũng không quan hệ mấy, vì không lấy thì ta đè đó, nào mắt mát gì đâu. Không dè cách sau đó ít lâu, tại tỉnh Giang-Tây xảy ra một trận lụt kinh khủng, bao nhiêu bình vôi Cổng Quinh đều trôi lèngh nghềnh theo dòng nước. Nhiều nhà bị phá sản, cửa cải trôi mất hết, nhưng nhà nào cũng vớt được thứ bình vôi này, nhờ miệng túm nước không lọt, nên nồi linh bình không chìm. Vớt được rồi không biết đè làm gì, cũng không biết ăn trầu mà hiều rằng đó là bình đựng vôi, bỏ đi thì tiếc, đè lại thì choán chỗ lâu ngày thấm mệt, đ. m. thằng nào làm ! thảm ý Cổng Quinh ở chỗ đó !

Nay tôi bắt qua lụa rút năm chuyện trong một bộ sách rất hiếm có, gồm bốn mươi hai truyện nhan là « Đối cỗ kỳ quan » của ông Đặng-lê-Nghi soạn, và nhà in Đinh Thái-Sơn tự Phát-Toán xuất bản năm 1910 (khi nào có vốn khă sẽ in lại đủ bộ).

182 | Giấu đầu ra đuôi

(bài số 10 tr. 17 ĐCKQ)

Xưa nay lời tục ngữ hay nói: « hễ giấu đầu thì ra đuôi », là cố ý nói hễ chuyện có quả, thì giấu không nhem đặng. Tông An phủ hạ, làng Long lập, gọi là chợ Đá bàn, có một người quen quán ở đâu không rõ, đến ở ngụ tại chợ Đá bàn, mà buôn bán rất nên đắt thời, chẳng bao lâu thì trở nên một vị nhà giàu, trong làng thấy anh ta có tiền thì cứ làm chức hương trợ.

Tên hương trợ này có năm đứa con, ba gái lớn, hai trai nhỏ, mà ba chị gái này đều có bóng sắc mà ngặt có tật nói ngọng hết cả ba, ngày ngày ba chị em thường lo chải gỡ mà không dám đi đâu, sợ e ra đường nói lộ ra người ta biết mình nói ngọng người ta chê cười; nội xóm đó ít ai biết. Theo tục lệ của làng, tháng mười thì « cầu an », hát một chầu cho thiên hạ xem chơi. Ba chị em rủ nhau đi coi hát. Con chị cả bèn dặn hai em rằng: Đi vô coi hát thì cứ coi hát, thấy sự gì cũng đừng nói, nếu nói ra họ biết mình có tật nói ngọng, họ đồn bụng thiên hạ chê cười. Dặn rồi ba chị em ra đi vào đình coi hát.

Trong đình đang hát tuồng « Trá hôn », lớp Trần-tử-Minh

đi học gặp cọp đem dung hòm ăn, cọp thì là đội cái đầu cọp, mình mặc áo vắn, lom xom nhảy ra đón đàng làm bộ hụt hé ; thăng hè theo cậu, ngó thấy cọp thì sợ leo cây. Con em út ngó thấy lấy làm lạ, không biết con gì, làm cái gì mà không hiểu gì hết, tức mình quá, liền hỏi chị thứ hai rằng : « i a ó àm ái i ậy ?¹ » Con chị ba nó nghe em hỏi thì giận lắm bèn nói : « I ai ã ăn ừng ói à ợ ết in ói ọng ao ày ói »². Con chị lớn nó nghe nói lộn xộn thì nỗi giận la con em thứ ba rằng : « ó ói i ặc ó ai iều ày ói ? »³ Té ra ba chị em đều nói lời mới chị nào cũng nói ngọng. Mấy người ngồi gần đều cười rộ lên, có người lại nói nhạo rằng : « ai ói ặc ai àm i ười. »⁴ Ba chị em mặc cõi bỏ ra về, ấy đó xưa nay hễ người nào có chuyện mà giấu thì sao họ cũng hay. Luận như ba chị này giấu tật ngọng thìắt phải mang tật câm.

183 | Cóc cắn bể nồi vố (bài số 22 tr. 33)

Lời tục ngữ thường nói rằng : « Nhứt chơi tiên, nhì giốn tiền ». Nghĩ lại cho túc lý, cuộc chơi bài bạc hay sanh ra nhiều điều tai họa :

1. Chị ba, nó làm cái gì vậy ?
2. Chị hai đã dặn đừng nói mà họ biết mình nói ngọng, sao mày nói ?
3. Nó nói gì mặc nó, ai biếu mày nói ?
4. Ai nói mặc ại, làm gì cười ?

Lối năm tị, năm ngọ ¹, cuộc bài bạc có công ti, ai chơi lén thì công ti nó bắt nó làm tội. Tại cầu Tam sai (Chợ lớn) có bốn năm người đòn bà có thói quen ham chơi bài lăm, mấy người rủ nhau lại nhà Ý Hai ² mà chơi bài, tới nhà ngồi nói chuyện một lát thì trời tối, liền gầy sòng, mà dặn nhau có chơi thì nói nhỏ đừng có làm om sòm mà công ti nó bắt, dặn rồi biều đóng cửa trước cho chặt đừng cho ai vào đóng. Bốn người ngồi đánh, vài người ngoài coi, còn vợ chồng Ý Hai thì chủ chứa lo nước, trầu, cau, rồi vợ chồng nằm ván bên kia mà hút, bốn người chơi tới giờ tuất (9 giờ) thì có một chị mắc tiêu quá mượn chị nọ cầm bài giùm cho mình đi tiêu, chị ta không dám ra phía trước, liền thảng lại phía sau bếp ; trời thì tối, chị ta ngó thấy gần phía sau bếp có một đống chi đèn liền đi ngay lại đó mà tiêu. (Đống đèn đó là đống ghè ống vì là vợ chồng Ý Hai là người buôn bán nước mắm.) Chị ta đi lại đống đèn đó, chị ta leo lên trên đống ghè ấy mà tiêu. Ai ngờ có một cái ghè nằm ngửa, trong ghè lại có một con cóc, chị ta tiêu nhầm ngay miệng ghè đó, con cóc ở trong ghè bị nước hâm hầm thì sờ, liền nhảy tung ra đúng nhầm chỗ... của chị nọ ngồi úp trên miệng ghè, con cóc nó cắn một miếng đau quá vì là cắn chỗ nhược da non. Chị ta thắt kinh hồn hắt phụ thể, buông quần té ngửa ra, miệng thì la oai-oái cách dì thường, hai chân thì đạp ghè, hai tay thì cào ghè kêu rộn ràng... Trong nhà ai nấy thắt kinh, ngờ là công ti đã chụp đầu chỉ nơi cửa sau, chỗ đống ghè, nên chỉ giãy giụa ghè kêu rộn ràng như vậy. Trong nhà tắt đèn tối tăm nín ho, mạnh ai nấy trốn, người thì nấp nơi két cửa, người thì chun xuống ván, người lại

1. Sách xuất bản năm 1910 là năm Canh tuất, Ất tị là là 1905, Bính ngọ là 1906.

2. Ý : tiếng Triều châu, Phước kiến xưng hô các dì. Ý Hai ta gọi Dì Hai.

chun ngồi dưới bàn thờ. Còn chị bị cóc cắn thì la rên giọng run rét, chị ta đứng dậy một tay thì xách quần một tay thì bụm chõ vít cóc cắn, chị ta lần lần lom khom đi vô nhà, vừa đi vừa rên vừa nói rằng : « Chết đi mà thôi, chị em cứu tôi bận này. » Mấy người trong nhà nghe chỉ đi vào thì ngỡ là công ti nấm đầu chỉ dắt vô nhà, chị nọ núp trong két cửa nghe chỉ đã vô gần bên mình, sợ quá lại càng ép riết vô két làm cho cây song hồng cửa nó ngã ngang ra trúng nhầm vai chị bị cóc cắn, chỉ té quỵ xuống chơi với tay mò chụp cây màvin, mò đụng chị kia ngồi trốn dưới bàn thờ ; chị trốn dưới bàn thờ đụng nhầm tay mò nấm mình thì ngỡ là người mò bắt, vụt đứng dậy mà chạy, đội cái bàn thờ, làm cho lư hương, chơn đèn, bình tích, đồ trà cùng các món trên bàn thờ đồ bể kêu lồn cồn lảng cảng. Vợ chồng Ý Hai thì ngồi nép nơi vách, cái mâm hút thì đè giữa ván, vợ chồng nghe sự dữ đã đến gần thì sợ e nó sẽ nấm đầu, nên vợ chồng mạnh ai nấy bò lết nhảy đưa ra đặng xuống ván mà trốn, bò càng bắt kẽ là mâm hút, làm cho mâm hút đồ nhầu xuống đất, đèn chụp nồi vồ đều bể hết tron, một chặp lâu nghe tiếng vắng người chồng Ý Hai lần lần mò đèn mà thắp lên, rồi coi thấy một chị đội bàn thờ, còn một chị ngồi ôm... mà rên, rồi xuống ván thì thấy hai chị ngồi dưới ván mặt mày tái lét, té đáy trong quần ướt đầm dề. Bây giờ đã an vụ công ti, mà chị nọ thì tay bụm ấy mà rên hì hì, thì chỉ nói lại đầu đuôi, song không biết con gì cắn, mà mấy chị kia xem thì nói : « Nó là sưng vun ». Chồng Ý Hai với vài người ra xem thì không thấy rắn rit chi hết, thấy một con cóc leo lên miệng ghè ngồi chom ngóm, hai tay vuốt mặt. Mấy người đè quyết là con cóc này cắn chỉ, chắc là con cóc nấm trong ghè chỉ đáy vô ghè nên nó thót ra nó cắn. Cầm đèn trở vào, hỏi chỉ lại cho kĩ đặng cho biết mà chạy thuốc. Chỉ nói rằng chỉ ngồi trên ghè mà đáy,

khi đái đặng nửa chừng thì không biết là con gì ở trong ghè thót ra cắn ngay chỗ đó. Ai nấy chắc ý là con cóc cắn, liền chạy lại lối xóm kêu cửa xin thuốc nói vụ bị cóc cắn, mà bây giờ chỉ rên la nhức lấm, người trong nhà nói con cóc vàng nó cắn thì sôi đầm, cóc nó cũng có nọc chờ chảng chơi đau. Nói rồi liền chạy xuống nhà dưới lật cái đít cối giã gạo lên, lấy cái cây cao cao chín cái rồi hốt đất cao đó bỏ vô tô nước khuấy bậy bạ một hồi, chờ lòng nước trong, lấy đem về cho uống, một lát thì êm hết nhức.

Các cuộc đã an, mấy chỉ nói chuyện lại các đều khi nãy, đều cười ngã lăn. Chỉ bị cóc cắn nói rằng : « Nay là ngày mồng hai tháng tư năm ngọ, tôi thè tôi không chơi bài bạc nữa, nếu tôi mà chơi nữa thì cho rắn cắn tôi cho chết. »

Hồi đó trời đã hùng động, ai về nhà nãy.

Thật cuộc bài bạc vui cũng lung, buồn cũng lung, cũng đáng ăn năn mà chừa cải, thì lấy làm vui hơn hết, mà lại có ích lợi, vui là đặng phu phụ hòa thì gia đạo thành, có ích là đặng ăn no ngủ yên giấc, khỏi sự mệt mỏi, khỏi lao khỏi tổn ; có lợi là khỏi tổn hao, khỏi tiêu xài vô ích, khỏi thua khiếm, khỏi rầu buồn, như vậy có phải chăng xin nghĩ lại.

ĐẶNG - LÊ - NGHI

184 | Tham thì thâm
(bài số 26 tr. 42)

Trong thế sự, ai ai cũng có lòng tham, mà việc tham có nhiều cách, nhưng mà có người tham phải, có người quấy.

Tại xứ Chợ Quán, làng Nhơn-gian¹ có một người tên T., hồi trước có làm việc làng, làm đến chức xã-trưởng, mà tâm tánh tham lam, lại thêm xuôi ngược lăm, hay câu mâu lôi phép, ở với người nội làn đều ghét, vì là hay bắt và bắt tội, đòi giải đòi nạpặng mà ăn lo ăn lót, và cứ làm như vậy xoàng-xoàng một ngày kia và bị người ta kiện phải mất chức Thôn-trưởng, rồi sau trong làng thấy và cũng lanh, nên làng cử và làm một chức nhỏ nhở để mà đốc dân canh tuần.

Ngày hai mươi mốt tháng chín nhâm ngày làng nhóm lớn, làng nhóm tới canh ba mới xong việc, rồi ai về nhà nấy, mà anh ta thì còn ở lại nơi dò làng². Cách một chập, có

1. Làng Nhơn-gian trước ở vùng Chợ Quán. Ngày trước, cái nhà lớn ở đường Hưng-đạo-vương, đè trên bảng : « villa Nhơn-gian », sau bán và đổi làm trụ-sở hội « Đức-Trí-Thê-Dục » (SAMIPIC) rồi làm Tông-hành-dinh lính Hoa-kỳ, nay là của quân đội Đại-Hàn.

2. Ở lo ti là ở gi ? Còn dò làng là điểm canh trong làng.

(Theo tôi hiểu, *lo ti* đây là *lò ti*, lò nấu rượu của công-ti, độc quyền rượu và bán rượu đòi Pháp-thuộc, nhưng không biết phải vậy hay không) *Lời phụ chú của người chép truyện*.— Thuở đàng cựu, xài tiền điếu và tiền kẽm (zinc). Theo phép xưa, cứ *sáu mươi* (60) đồng kẽm là *một tiền* rồi *mười tiền* (10) là *một quan*; và *mười quan* tiền thì gọi là *một chục*. Sức nặng của *bốn chục* là kè *một tạ*. Và cứ *hai mươi hai* đồng tiền kẽm đè một hàng dài là kè *một thước* ta.

Về thước lại chia ra có : *thước mộc* (dài bằng 22 đồng kẽm) hay là « *hắt thước* » và *thước vải* hoặc *thước may* thì do đặng 27 đồng kẽm đè khít nhau lại. Để đỡ khỏi mất công đếm lâu lắc, lại có chế ra cái *vi tiền* đè sắp tiền vào đó khỏi đếm (đã cắt nghĩa rồi bài số 87, chuyện ông Ô).

Cái khó ngày xưa là tiền không đúng cân lượng y nhau và không có tiền mẫu, mỗi lần đúc tiền là có khác chút ít, lại nữa hắt thước dài, vẫn tùy mỗi người cao hay lùn, nên cân lượng và thước ta rất phiền phức. Sách Taberd nói một thước ta là 0m48726, Phi-

một người đi ngang qua đó, chú thôn-trưởng cựu thấy liền hỏi : « Ai đi đó ? đêm khuya như vậy, đứng đó coi ! » Tên kia đứng lại. Cựu thôn-trưởng ra bắt tên kia đem về dò mà tra hỏi : « Mày là người ở đâu, đi đâu, về đâu ? » Tên kia thưa rằng : « Tôi là người ở lo ti (?) , tôi đi bạn với người ta ở Chợ Sỏi (bây giờ là Bến Thành), nay tôi về thăm nhà. »

— Còn mày cắp nắp chi trong tay đó ?

Tên kia nói : « Mười quan tiền của chủ họ trả cho tôi, tôi buộc lưng bốn quan, còn sáu quan tôi cầm đây. »

Chú thôn-trưởng cựu thấy nó có chín mươi quan thì muốn làm thế nào mà lấy choặng tiền nó. Anh ta liền làm bộ chỉ mặt tên kia mà nói rằng : « Mày nói mày đi bạn ghe cho họ mà tao xem hình mày giống là thằng ăn trộm. » Anh ta làm bộ ngó cái khăn trên đầu nó và nói nhận rằng : « Khăn đen mày bịt đó sao giống khăn tao ? Ủa ! mà cái áo ván mày mặc đó cũng giống áo tao ! » Anh ta cố ý nói nhận

→

lastre nói 0m526 ; Launay nói 0m638, Revue Indochinoise nói thước vải đo 0m644 Gia-dịnh thông-chí nói một thước là 0m44, sách nữa nói 0m424, sách khác nữa lại nói 0m434, tôi kê bao nhiêu qui vị đủ điện đầu. (Theo les Institutions annamites en Basse Cochinchine, q.2 tr.241).

Hỏi.— Truyện Kiều anh kè cũng lâu, Đỗ anh kè đặng bốn câu một tiền (60 đồng).

Trả lời.— Từ con lưu lạc quê người, Bèo trôi sóng vỗ chốc *mười lăm năm* (15).

Mười lăm năm bấy nhiêu lần, Làm gương cho khách hòng quần thử soi (15).

Những là rày ước mai ao, *Mười lăm năm* ấy biết bao nhiêu tình ? (15).

Kê từ sen ngó đào tơ, *Mười lăm năm* mới bây giờ là đây (15) (Và một sinh-viên Y-Khoa đã nói với tôi, câu 3 trên đây nên đổi là : « mười lăm năm ấy biết bao . . . vi trùng !!

làm vậy cho thằng nọ sợ mà lo lót tiền. Tên kia cúi lạy và khóc thút thít : « Tôi lạy thầy, xin thầy thương ph憍 con dân nghèo khó. »

Anh cựu thôn trưởng nạt nó : « Ế ! mày là thằng gian, rõ ràng mày ăn trộm đồ của tao, nên tao coi hai món giỗng rồi. »

Tên kia vừa khóc vừa thưa rắng : « Trăm lạy thầy, xin thầy rộng xét : áo đen giỗng áo đen, khăn đen giỗng khăn đen, thầy nói vậy tội nghiệp em quá ! »

Anh lại nạt nó : « Ế, tội nghiệp gì mày nà ? »

Rồi anh ta xem mấy quan tiền rồi nói : « Ủa ! mà mấy quan tiền đó cũng giỗng mấy quan tiền của tao ; quả thật mày là thằng ăn trộm, thôi không nói nhiều lời, tao nich trăng mày lại mai tao giải quan cho mày ở tù ».

Tên kia lạy và khóc thút thít : « Trăm lạy thầy xin thương em cùng, em không phải người gian. »

Anh ta nạt nó và nói : « Ế, ngay gian thây kệ mày, tao cứ phép ».

Tên kia vừa khóc vừa nói : « Thật tội nghiệp quá, khăn cũng nói giỗng, áo cũng nói giỗng, tiền cũng nói giỗng ; thầy ôi, tiền nào cũng như tiền nấy, tiền nào cũng xỏ bỗng chuỗi lác. »

Anh ta nói : « Thôi thôi, tao không nói sự chi hết, bây giờ tao bắt quyết mày tội đi đêm tam canh vô làng tao ; « không gian đi đâu tối, không vội đi đâu đêm ».

Tên kia nghe nói gắt lầm thì nói : « Thôi xin thầy cho tôi đi, tôi xin chịu cho thầy năm quan ».

Anh ta nói rắng : « Tao không thèm năm quan của mày đâu, tao đóng trăng mày mai tao nạp ; nếu mày muốn tao tha mày đi, thì mày phải để mười quan tiền lại cho tao thì tao thả mày đi ».

Tên kia năn nỉ hết sức mà anh thôn trưởng cựu cư việc

không nghe, tên nọ liền khóc hụt hụt trao tiền lại rồi ra đi. Anh ta đặng tiền thì mừng lắm : « Mình cố ý nhận diện nói mạo mà lấy tiền nó, chờ tiền, khăn, áo của mình ở nhà ! » Nói vậy mà sao trong bụng phát nghi, vội vã đi về nhà thì là canh tư, về nhà thấy nhà cửa mở, liền thắp đèn rồi coi, áo khăn đã mất hết, vào xem trong rương, vát¹ mười quan tiền cũng mất, lúc đó anh ta đậm chơn bức tóc nói : « Tức tôi quá, mình bắt đặng ăn trộm của mình mà lại thả đi mà ăn năm quan tiền, hồi đó mình nhìn bậy mà nhầm rõ ràng ». Anh ta nói cái này quả là trời đất phạt mình về tội tham.

Vậy từ này về sau không thèm tham bậy nữa ! Gẫm lại phận mình thuở nay, trong lòng cứ lo phượng thể mà kiểm tiền, hồi mình còn quyền chức thì mình cũng làm nhiều điều bất phải, toan bè xuôi ngược lối phải tội vạ, làm rộn ràng, đến nay mình đã hết thời mà cũng cứ giữ thói cũ, đã không tu đức mà lại còn làm việc gian, thật là trời đất qui thần ngó thấy trong lòng rõ ràng, hèn chi lời sách nói rằng : « Nhơn bất tri, thiên tất tri chi ».

ĐẶNG - LỄ - NGHI



1. *Vát tiền*.— Tra Việt-ngữ chánh-lả tự-vị của ông Lê-Ngọc-Trụ thấy ghi vát tiền, y như trên, trong tập Đặng-lễ-Nghi. Nhưng tra thêm tự-vị Génibrel thấy ghi « Vát tiền » là năm quan : cinq ligatures, tức tiền nặng và nhiều đến phải vác trên vai chờ không mang trong lồng hay xách được.

185 | Ông chảng (heo rừng lớn)

(bài số 27 tr. 45 tập nhì).

Có nghe người ta nói rằng « ông chảng », mà không biết ông chảng ra làm sao, cũng không rõ tiếng « chảng »¹ là tên riêng, hay là làm sao mà kêu « chảng ». Còn tiếng thiên hạ kêu « ông » là ông ấy có chức chi, hay là cớ chi, hay là già cả mà người kinh là ông.

Tiếng kêu « ông chảng », nguyên tích là tên của người đặt ra, tại làng Phú-sơn, có một con heo rừng lớn lăm, nó cứ ở theo mấy vườn hoang, ngày đêm gì nó cứ phá thiên hạ phải hư hại, chừng nó lớn nó đi thì cái móng nó chảng ra, nên gọi là chảng; còn tiếng kêu ông là người ta sợ nó phá nên kêu bằng ông chảng cho nó đừng phá. Những người ở làng Phú-sơn với người ở gần thì bị nó phá hư hại lăm, khấn vái bao nhiêu mặc lòng cứ việc phá, người làng Phú-sơn với mấy làng ở gần rủ nhau đi thura vụ ông chảng.

Quan đốc-phủ tại Cái-Bè là Trần-Bá-Lộc, nghe làng bầm về việc ông chảng thì quan phủ nồi giận nói rằng : « Loài thú vật phá dân sao gọi rằng ông ? Vậy thôi đê ta đòi bọn thợ săn đến dặng bàn tính việc trừ ông chảng ».

Trong hai mươi người thợ săn thì có một người tên Quản Năng là người giỏi nghề vồ lăm, thường thường đánh giết cọp như chơi ; tức thì quan phủ lựa một người đội với sáu

1. Ngoài lời giải thích trên, tra tự-vị Huinh-tịnh-Của, thấy ghi chảng là mở trét ra. Trâu chảng là trâu sừng mở trét ra, lúc lớn con lăm ; cũng nói : nhánh chảng là nhánh mở trét ra.

Bộ Khai-trí tiến-đức ghi : Chảng là mở rộng ra, soạc ra (tiếng Nam-kỳ). Nay, căn cứ theo bài trên, ông chảng là heo rừng thật lớn, gần bằng con trâu con và móng nó bét ra, nhìn theo dấu móng thì biết đó là của ông chảng.

tên lính đều là người giỏi võ nghệ, sáu người đều có đem đủ khí giải, quan phủ lại đòi mười lăm người có nuôi chó săn, giỏi, đều đem tới hiệp với bọn thợ săn với lính, quan phủ cũng đồng đi với bọn săn, đi đến làng An-mỹ, giáp ranh làng Phú-sơn.

Có người bầm với quan phủ rằng: « Mới thấy ông chảng đi vô vườn của cai tuần Thống. »

Quan phủ dạy vây xung quanh vườn, thả mười lăm con chó săn vô lục. Chó gặp ông chảng ở giữa vườn, chó săn giỏi mười lăm con áp vô xung quanh đều cắn ông chảng, mà ông chảng không sợ, vì là da dày lắm, lại có nanh dài, mấy con chó cứ việc vây ép ông chảng vô bụi gai, ông chảng bị nhiều vít lắm, phia trong thì chó, phia ngoài thì vạn săn¹; mà ông chảng lén trốn ra khỏi vòng vây, chạy tới tại sân nhà của thị Hai Trong, mà ngày đó tại nhà thị Trong thì có tên Đinh với em là tên Vàng, anh em ngó thấy heo thì nói: « Cha chả, con heo này nó bị bọn săn rượt đà mệt rồi, vậy anh em mình đâm nó chết rồi giấu đi, thì anh em mình ăn trọn phần, khỏi chia cho ai. »

Nói rồi tên Vàng² thì cầm cây thủ, còn anh là tên Đinh cầm một cây giáo tre nhảy vào đâm ông chảng. Đâm lui hui tràng qua trở lại, bị ông chảng đánh một cái mạnh quá, tên Đinh bùn rún văng giáo, anh ta lính quính bị ông chảng đánh bồi một cái nữa rất mạnh lút nanh vào đì sâu lắm, huyết lưu mãn địa, té xỉu xuống một lát thì chết. Ông chảng rượt nà theo tên Vàng, tên Vàng thấy anh mình chết thì đã kinh hãi, sợ cõi cũng phải chết như anh, liền quăng cây vừa

1. *Vạn săn*: một nhóm người cùng chung một nghề là vạn: vạn săn, vạn chài.

2. Tên Vàng thi cầm cây thủ: cầm cây thủ thế để đánh với ông chảng.

chạy vừa la làng, may gặp đặng một cây, Vàng leo lên cây la om sòn xin : cứu cứu. Vạn săn nghe la thì chạy tới thấy tên Đinh chết nằm đó máu chảy đầm dề, còn ông chảng thì đứng dưới gốc cây hầm hầm ý muốn lèn cây mà đánh tên Vàng. Quản Năng tay thì cầm giáo, miệng thì rao bảo bọn săn phải giữ cho cẩn thận, heo này say máu ngà làm dữ. Quản Năng cầm giáo nhảy vào cự với ông chảng. Năng đâm chảng, thì chảng đánh hất giáo ra, chảng đánh Năng thì Năng tràng trớ, hai đàng đánh vùi với nhau cả canh, còn ngoài thì quan phủ đốc sức cho linh với vạn săn thủ thế chờ cho chảng sơ ý thì đâm, thương thay ông chảng đã cự nhiều hiệp nên mệt l้า, sơ ý bị Năng đâm một giáo ngay bụng, đâm lút lưỡi giáo. Chảng la « ét » một tiếng té xỉu, bị cây giáo ngoáy ngoáy trong ruột một lát thì chết, hết đời ông chảng.

Con heo rừng này mập lăm ú lăm, tám người khiêng mới nồi.

Công việc vây ông chảng cho đến khi giết đặng thì không ai bị vít tích chi cả, với mười lăm con chó săn cũng chẳng tí tích chi. Trừ ra một mình tên Đinh lòng tham ăn nhiều phần nên phải chết. Hèn chi xưa nay có lời nói rằng : Tham thì thảm, đâm thì đen.

Lại cũng có lời sách rằng : *Lạc bất khả cực, cực lạc sanh ai ; dục bất khả túng, dục túng thành tai.* (Vui chơi có vui quá mà sanh ra buồn ; muôn chờ có muôn quá sanh悲哀).

ĐẶNG - LÊ - NGHI

Lời bàn của người chép truyện.— Chuyện ông chảng không thuộc mục tiểu-lâm, nhưng tôi cũng ghi lại đây để cho thấy một cách săn thú dữ buồm chưa có súng và còn săn thú bằng binh khí thô sơ. Nhiều tiếng cũ được nhắc và

phải tra tự-diễn mới hiểu nghĩa. Thuở ấy, Thủ-Đức còn có cọp ở, còn làng Phú-Sơn và An-Mỹ nầy ở đâu. Có lẽ thuộc vùng Định-Tường vì trong bài có nhắc đến ông Trần-Bá-Lộc xưa ngời trấn quận Cái-Bè. Một việc khác tôi muốn nói nơi đây là ngày nay *nanh heo rừng* rất được nhiều người tìm kiếm. Cứ xem dọc lề đường Phạm-Ngũ-Lão, mé ngang chợ Bến Thành, có đến năm sáu người đàn ông lẩn đàn bà, ngồi bán nanh thú rừng: nanh cá cúi, nanh sấu, nanh cọp, ngà voi, thanh hành nhứt là *nanh heo rừng*, lớp giữa giờ thành hình Phật đẽo cầu an, lớp đẽ nguyên, nanh nào dài và cong, đặc ruột, thì bán rất cao giá, vì theo mệ tín, nanh đặc đeo trong mình có thể hộ mạng, chẹ chở khỏi bị đao thương động đến mình. Tục này hình như do người Cao Miên, Thái và đồng bào thương truyền ra. Mấy năm trước, một cái nanh cong, dài, đặc, không tì vết, bán độ vài ba ngàn bạc; nay thời buổi phân vân, bạc mất giá mà vẫn kiếm không ra, tuy vậy có nhiều người thừa thãi dám xuất ra cả trăm ngàn mua một vật mà sự hữu dụng còn chờ thí nghiệm, là *nanh heo rừng đặc*. Tháng mười một năm 1970, tôi được mắt thấy một cái nanh heo khoanh tròn giáp vòng, có thể làm vòng đeo tay như vòng ngọc thạch bọn võ cử ngày xưa, hỏi giá cho biết, người chủ bán nói: hai trăm ngàn bạc! (Tôi ghi công mấy tháng viết tập này, kiếm không tới một phần tư (1/4) của cái nanh ấy).



186 | Bà già hóa ra nắp hòm

(bài số 33 tr. 65)

Tại xír Gò-dầu-hạ, thuộc hạt Tây-ninh, có một người tên là Tư Cội, nhà ở gần Doi-cá-bông, vợ chồng chuyên nghề cày cấy rẫy bái.

Tên Cội này có tánh hay nói phách lăm, hẽ ai nói chuyện yêu ma thì va nói lùa theo, và chửi yêu ma, lại nói cõi quần đánh ma chạy như dông.

Năm bính thìn¹ nhăm tiết tháng ba tháng tư, trời mới sa mura dông ngoài đồng ếch nó kêu vang tai, có nhiều người trong xóm đi soi ếch, có bà thị-Liệu ở xóm trên, bà cháu đi soi ếch đi ngang nhà Tư Cội kêu rủ đi. Cội lấy đèn lấy giỏ đi theo, ra tới đồng thì phân chia nhau, một người một nơi mà soi, bà cháu thị-Liệu nghe phía hố có nhiều ếch kêu thì đi lại đó mà soi. Thật chõ hố đó ếch nhiều quá, bà cháu mừng lăm, soi một lát thì gần đầy giỏ. Ngựa ở đâu không biết nó chạy tới hí om sòm, bà cháu thị-Liệu sợ ngựa đạp, lật đật chạy, ngựa nó rượt riết theo, chạy một hồi đèn đuốc tắt hết, nghe vắng vẻ, bà cháu ngồi thở dốc. Còn giỏ thì vắng nắp, ếch nhảy ra sạch trơn, bà cháu liền đi theo đèn khác mà mồi đèn của mình, lặng đi kiểm it con về sáng nấu canh, khuya rồi ai nấy về tựu nhau nồi mé triền, hỏi thăm nhiều it. Bà cháu thị-Liệu nói lại việc đi soi dưới hố bị ngựa rượt.

Mấy người kia nói: « Úy ! bà già gan thiệt, cái hố đó ếch nhiều mà ma cũng nhiều, năm ngoái nó nhát sấp tôi chạy ỉa trong quần ! ».

1. Năm bính thìn, trước năm 1910 (canh tuất) là năm 1856 Tây lịch, tức năm thứ 9 đời vua Tự Đức.

Bà già nói : « Mà tôi có biết ở đâu ! ».

Mấy người nói : « Năm nay nó làm ngựa rượt đó là nhẹ, chờ năm ngoái nó làm mè con ông thầy rượt,¹ mấy đứa tôi chạy tháo mồ hôi, đứa thì đái trong quần, đứa thì ỉa trong quần ».

Tên Cội nghe nói thì nói : « Mấy anh dở chờ như tôi, thì tôi cõi quần đánh nó biến mất ».

Nói lặp dập rồi ai về nhà nấy.

Cách hai ba ngày, có một bữa chiều trời mưa lớn lắm, rồi cứ mưa dầm hoài mà lại có hơi gió rao rao, gần tối thì thị-Liệu chạy nói : « Bà tôi biếu lại nói với bác Tư chờ bà tôi đi soi với ».

Tư Cội ừ. Con Liệu đi về một lát lâu thì trời tối, mà sao gió vụt vụt, bà cháu thị-Liệu sửa soạn đi, bà già liền phát nóng lạnh, bà già nói :

« Sao tao lạnh quá run, đè lao vào trùm một lát cho bớt lạnh rồi đi ».

Bà già thì trùm chiếu dặn con cháu một lát rồi kêu tao. Con nhỏ nằm xó ró lối ván rồi ngủ, bà già trùm chiếu ấm cũng ngủ.

Tư Cội chờ lâu quá không đặng, liền xách giỏ cầm đèn ra đi, vừa đi vừa nói : « Mưa dầm ếch nó bắt cặp nhiều lắm, họ nói dưới hố nhiều ếch lắm, mà nhiều ma, vậy thôi mình không xuống hố, mình đi dựa mé cũng có. »

Nói rồi anh ta đi đến gần mé hố, thấy ếch bắt cặp ngồi liên lién, anh ta ham quá cứ cuí đầu đi tới lượm hoài, đi lần tới giữa hố thì lượm ếch gần đầy giỏ, liền gấp bà con Liệu.

1. Ông thầy đây là cợp; vì dân chúng sợ quá nên kiêng, không dám gọi đến tên.

Côи liền hỏi : « Bà làm gì mà lâu quá tôi chờ hết sức không
đặng ? »

Bà già nói : « Tôi đi ngang kêu om thì thím nói chú đi rồi,
tôi lật đật đi theo ; mà chồ này ếch nhiều quá, tôi lượm
cũng gần đầy giỏ, mà bây giờ sao tôi lạnh quá chừng, đi
không đặng. Thôi xin chú đem giùm tôi về, chờ chịu đậm
mưa lâu quần áo ướt hết, lạnh lắm ; nếu ở lâu nữa lạnh
chết đi. »

Côи nói : « Thôi, bà ngồi đó đợi tôi lượm thêm ít cắp nữa
cho đầy giỏ rồi về luôn ».

Bà già nói : « Thôi, xin chú đem tôi về rồi chú trút nữa
giỗ ếch của tôi đó. »

Côи nghe nói thì ham liền chịu đem bà già về. Nắm tay bả
mà dắt, thì bả té lên té xuống, chơn run lấp cắp, đi cả
canh mà đâu còn đó.

Côи liền hỏi : « Vậy chờ con Liệu sao không đi với bà ? »

Bà già run rẩy nói : « Nó mắc nóng lạnh. »

Côи nói : « Báo hại khuya khoắc rồi. »

Bà già nói : « Thôi, xin chú chịu khó công tôi một đỗi lên
tới mé đồng cho dẽ đi, thì tôi rán tôi đi, tôi cho chú hết
giỗ ếch ».

Tư Côи có lòng tham, liền kè lưng cho bà già đeo cõ mà
công đi.

Ban đầu mới công thì nghe nhẹ nhẹ, lâu lâu sao nghe nặng
nặng, đi gần đến mé đồng thì nặng lung.

Côи nói : « Sao bây giờ là nặng lung lắm vậy ? »

Bà già nói : « Tại quần áo ướt, đi xa nó thấm nó nặng. »

Côи ráng đi một đỗi nữa, thì chắt lưỡi kêu trời mà nói rằng :
« Trời đất ôi, bà này bả là ma quỉ chi mà nặng dữ vậy ? »

Bà già nói : « Tôi không phải quỉ, cũng không phải yêu,
cũng không phải ma ; tôi là cây vân-vân ngâm nước lâu
năm nên nặng ! »

Cội nghe nói vậy thì trong mình đều mọc ốc, giơ tay lên mà xô bà già xuống, thì bà già đeo cưng trên lưng. Cội sợ quính, bà già thò tay rờ mặt tên Cội thì tay lạnh như đồng. Lại biếu : « Chú có sọ ma thì cởi quần mà đánh. »

Lúc đó Cội sợ quá, quăng hai giỏ ốc, quăng đèn, hai tay giơ lên xô bà già ai ngờ thò tay lên thì đụng nhầm một tấm cây. Cội sợ quá vừa la vừa chạy, mà tấm cây đó nó cũng dính trên lưng, chạy về tới nhà, Cội xô tấm cây rớt xuống một cái đui giữa sân, anh ta tông cửa chun vô nhà té ngửa nơi ván nói không ra tiếng. Vợ thắp đèn ra sân coi thì thấy một cái nắp hòm « vỏ măng », mối ăn hết nửa !¹ Vợ xách

1. Ngày nay dùng hòm đóng theo kiểu Tây phương, một ngày kia con cháu ta quên hết các danh từ cũ, nên tôi xin ghi lại đây để nhớ, các loại hòm xưa có :

- *hòm đất* : hòm đẽ mà liệm kẻ chết, cũng kêu là *hang đất* (vì tránh tiếng hòm).
- *hòm vỏ măng* : hòm nắp dày khum kbum giống cái vỏ măng (có người gọi hòm lá sen).
- *hòm nắp tráp* : hòm dày nắp bằng mà có chấn bốn gốc cùng chạy chỉ.
- *hòm mái* : hòm trệt, bằng nắp mà mỏng, làm đơn sơ.
- *hòm chun ngang* (nói hòm chun nhang là trật) : hòm không chạm trỗ, của người nghèo thường dùng.
- *hòm lèo* : hòm có chạm trỗ bốn phía mặt.
- *hòm súc* : hòm lớn mà nặng, thường đóng bằng cây qui, và gọi là *hang súc*.
- *hòm Tàu* : hòm đóng theo kiểu người Trung-hoa, và thường son mài và mạ vàng.

Trại đóng hòm thì thường gọi *trại hàng*. Đi mua hòm thì gọi « *đi nhắc hàng* ».

Hòm rương là hòm đựng tiền bạc của cải.

Hòm xe (trong Nam gọi *rương xe*) : rương có tra bánh, đầy được : rương xe giường hòm.

Hòm gương : hộp đựng gương soi mặt cùng các món đồ trang sức.

Hòm ẩn : hộp đẽ ẩn son.

đèn trở vào nhà kêu chòng, thì không ơi hữ chi hết, mở con mắt trao tráo đó mà thôi. Vợ sợ chết, hú hồn hú via cả canh mới ơi hữ, sáng ngày thiên hạ lối xóm đến thăm, có bà cháu con Liệu đến, Cội thấy mặt bà già thì sợ vụt chạy, ba bốn người bắt lại mới đặng, mà xem bộ mặt lơ láo hết hồn, cứ khi không rồi làm bộ dởm dác vụt chạy, ngày ngày có người giữ. Lối xóm biều đi rước thầy pháp đến chữa đuôi tà ma ra và truy hồn truy via mới an. Người vợ liền mướn người lên Bàu-đôi mà rước thầy pháp tên là Tân, vốn là thầy có danh. Thầy đến nơi bày bố đàn-tràng mà chữa một ngày một đêm, rồi truy hồn truy via, lại cho uống bùa uống ngải, lớp thì uống thuốc bắc, chín mười ngày mới khá mạnh.

Từ đó về sau, anh ta không dám đi đâu ban đêm, cũng không dám nói phách nữa.

Trong xóm làng có nhiều người nói : « Thằng Cội nó nhát như cheo mà hay nói phách, nên nó mắc một chuyen như vậy, sau hết nói phách. Dầu nó chết thiệt, cũng không ai thương. »

ĐẶNG - LÊ - NGHI, 1910

Dẫn.— Ban đầu, tôi định kết thúc « Phản Tiếu lâm cũ » với bài « Bà già hóa ra nắp hòm », nhưng khi chép đến đây, chẳng đặng đừng, tôi xin tiếp tục chép luôn thêm mười bốn bài nữa, lựa rút trong sách Đổi cò kỳ quan của Đặng-lê-Nghi xuất bản năm 1910, một là để lưu lại một thê văn tiểu-dàm xưa trên sáu chục năm, hai là vì tôi đãm ra bi quan không ắt gì có phương tiện xuất bản riêng một tập « chuyện cò tích miền Nam », nên thà chép luôn trong tập này những mươi bốn bài sau đây, gọi để đổi không khí, vì nói tục hoài nghe thét cũng nhảm, và nhảm thỉnh thoảng

xen kẽ năm ba chuyện về phong tục và cách sinh sống năm bảy chục năm về trước của đất Nam-kỳ Lục-Tỉnh, át cũng vô hại.

Năm bài trước trong tập Đổi cõi kỳ quan, tôi đã kể là :

- 182 giấu đầu ra đuôi, (*kiêu ngạo tật nói ngọng*),
- 183 cóc cắn bě nỗi vỗ, (*cái hại của sự cờ bạc*),
- 184, tham thì thâm, (*bắt được ăn trộm mà còn dễ cho vuột*),
- 185, ông chảng, (*chuyện săn heo rừng dời Trần-bá-Lộc*).
- 186, bà già hóa ra nắp hòm, (*chuyện ma nhát*).

Nay kể thêm mười bốn bài nữa là :

- 187, tử sanh hữu mạng (*chuyện một con cọp không ăn thịt con nit*),
- 188, ma liệng ban ngày, (*chuyện ma*),
- 189, một đêm ma nhát hai lần, (*chuyện ma ở đường qua Cầu Bông*),
- 190, ông bà bắt con cháu, con cháu bắt ông bà, (*chuyện cự với cọp*),
- 191, nàng dâu chí hiếu, (*cách cư xử dưới dời Minh-Mạng*),
- 192, cọp oán, (*chuyện hai vị anh hùng vô danh dời trước*),
- 193, cá ông cứu người, (*chuyện cá ông giúp ích chờ không hại người*),
- 194, cọp hóa ra chó, (*chuyện trớ trêu tức cười*),
- 195, nước nóng trừ bệnh điên, (*cách chữa bệnh phóng úng của thầy pháp*);
- 196, xà niêm, (*chuyện người mọc lồng hóa thú*),
- 197, trâu khôn sấu linh, (*chuyện giả sử dời Nguyễn-Ánh*),
- 198, nước gừng trị bệnh bôn đòn, (*lớn dài*) (*cách trị may rủi của người xưa*),
- 199, hồn Gia-định, xác Bắc-thành, (*chuyện thay hồn đổi xác*),

— 200, chuyện tà bắt cảm chánh, (*chuyện chưa tới số mà không hại được*),

Sau đó, sẽ bắt qua phần tiểu-lâm tân thời.

187 | Tử sanh hữu mạng

(số 11 tr. 18 tập I Đặng-lẽ-Nghi, 1910)

Làm người ở trong cõi trần thế, sống chết có số có mạng, sang hèn vinh nhục có phần.

Năm Tân mão¹, tại hạt Tây-ninh có một người tên Dung, trong nhà nghèo chí đè, lại có nhiều con, mỗi năm hế đến gần mùa lúa thì anh ta đi các nơi xa xa kiếm lúa sớm mà gặt, năm đó anh ta lên xứ Giồng-nồi mà gặt, đi có đem theo một thằng con trai nhỏ năm sáu tuổi, đặng nó mót lúa. Đến nơi cha gặt con mót đặng chín mười ngày thì hết lúa sớm, mà anh ta lại mang bệnh rét, liền tính bán lúa lấy tiền mà về. Cha con đem nhau về tới giữa truong Tầm-long thì anh ta tới cũ rét đi không đặng, bèn ngồi dựa mé đường truong mà run. Cũ lạnh làm dai lấm, trời gần tối thì hết lạnh, tới cũ nóng mè man, anh ta nằm mè bén, đặng, còn thằng con thì ngồi xắn bắn theo một bên đó, trời đã tối, mà ở giữa truong lại càng tối hơn. Có một con cọp đi tới đó hả miệng hà hơi trên đầu thằng nhỏ. Thằng nhỏ liền vỗ cha nó mà nói rằng: « Cha, cha, con bò của ai mà nó lại nó muốn cắn tôi ».

1. Năm tân mão này tính ra nhằm 1891 thứ ba đời vua Thành Thái.

Cha nó nóng mè man, nghe vậy thì nói : « Bò trâu gì thay kệ nó ! Con hãy nằm mà ngủ ».

Con cọp cứ đi qua đi lại hoài, thằng nhỏ lại kêu cha mà nói nữa : « Cha, cha ; con bò đó nó cứ đi qua đi lại hoài, tôi sợ nó cắn tôi ».

Cha nó nói : « Mày hãy vào trong lòng tao mà nằm kéo nó cắn ».

Thằng nhỏ bò vô phía trong nằm ngủ, còn cha nó mè man, cha con đều ngủ hết.

Đến sáng Dung hết cũn rét kêu con dậy đi, thằng nhỏ nói : « Hồi hôm con bò nó đi lại đây hoài mà bây giờ nó đi đâu ? » **Cha nó nghe nói thì nhớ lại, liền dòm dưới đất coi thấy dấu cọp đi qua đi lại lăm nhăm** thì nói : « Lạ này, sao con cọp này nó không ăn mình ? Nó cũng không ăn con mình ? Hay là nó thấy mình nghèo mà nó sợ ăn rồi lây nghèo cho nó ? ».

Anh ta nói láp đáp rồi cha con đem nhau đi về.

Tới nhà nó chuyện lại và hỏi thằng nhỏ thì thằng nhỏ cũng nói lại y như vậy. Ai nấy nghe nói đều sợ kinh hãi, và đều nói là chưa tới số.

188 | Ma liêng ban ngày

(số 12 tr. 20)

Thường nói rằng ma thì thuộc về âm, hoặc nó liêng hoặc nó nhát thì cứ ban đêm mà làm, chờ ban ngày thì xưa nay không có, mà con ma này nó lại liêng ban ngày. Tại làng Bình-đường, tổng An-thô, có nhà tên Chánh, bữa tối ba

mươi tháng chạp năm tị¹ chưng đồ ra rước ông bà vừa xong thì đã khuya, trong nhà ai nấy đều vui vẻ, còn trên bàn thờ thì chưng đủ mọi món, người trong nhà nghe tiếng lợp cộp trên bàn thờ thì ngó là chuột, không ai thèm ngó lên làm chi, mà những đồ chưng trên bàn thờ thi nó đem đi dời đổi bậy bạ, tên Chánh lại xem nơi bàn thờ thi thấy đồ đat sấp bậy bạ bèn la người trong nhà sao có sấp bậy bạ, rồi y sấp lại.

Sáng ngày trong nhà lo nấu cơm cúng, nấu rồi dọn đầy trên bàn thờ, vái lạy vừa xong ngó lên bàn thờ thì còn chén không, món nào cũng ăn hết sạch, lấy làm lạ lăm, liền kêu cả nhà vào nơi bàn thờ mà xem, ai nấy đều sợ, xem kỹ lại thì giữa bàn thờ có hai cái răng, ai nấy thấy răng lại càng sợ hơn nữa, nói lạo xạo một lát, lối xóm chạy tới chặt nhà mà xem.

Người bàn răng: « Răng đó là báu ngọc ». Người kia lại nói: « Khéo bảy chuyện, đó nó là ma quỉ. »

Tức thì nó liệng đá gạch đất, người đều thất kinh, mạnh ai nấy chạy. Nó liệng trúng nhầm người con trai tên Chánh một cục đá nổi cánh tay rất nặng, liệng trúng nhầm con dâu nổi bàn tròn một cục đá cũng nặng, hết thấy sợ liền ra xa xa mà đứng, nghe trong nhà nó làm rầm rầm, nó liệng ra sân đủ các món, mâm, nồi, tộ, chén, đũa, lu, vò, lúa gạo, bất kỳ món chi trong nhà nó đều liệng ra hết, không có chỗ mà tránh.

Người trong nhà đi lượm áo quần với món nào còn lại đem đi nhà khác mà ở đậu, người nhà không ai dám về nhà.

Tối lại, có sáu bảy cậu trai trai nói: « Thú ma mà sợ nó cái

1. Năm 1910, xuất bản cuốn sách là năm canh-tuất; năm ất-tị trước đó là năm 1905.

gi! » Liền cầm đèn đuốc đi vô nhà coi nó làm gì, mấy cậu mới vào tới hàng ba, thì trong nhà nó vãi tro cát vô mặt lại thổi đèn, rồi nó liêng miêng sành miêng ghè chén bát, nó liêng nà, mấy cậu sợ lỗ đầu xô nhau mà chạy vấp té kề thì trẹo chơn, người thì trẹo tay, người xé mặt, quần áo rách tanh bành, thất kinh từ đó về sau bỏ nhà, không ai dám tới.

189 | Một đêm ma nhát hai lần

(số 14 tr. 22)

Xưa nay thế sự hay nói rằng : « Yêu tinh ma quỉ ». Trưởng chắc không ai thấy rõ nguyên hình, ma yêu tinh quỉ, trong bốn loại đó xét ra cũng như một, vì nó thường hiện ra hình này hình kia, hoặc là hình thú vật, hoặc hình bụi cây bụi cỏ. Cách chừng mười ba năm nay, tại nơi cây da Ông Bồn, người đồn ma tại đó nhiều lắm, ban đêm một người không dám đi ngang qua đó.

Có một đêm kia, tôi với tên Chúc đi coi chữa bệnh nơi Bến Củi, khi ra về thì gần một giờ khuya, hai đứa đi ngang qua đó, thì nghe dưới hầm gần một bên đàng, dường như có người sàng miêng sành kêu rồn ràng¹. Tên Chúc thì nhát lắm, nghe vậy thì nhảy tời kề một bên niu áo tôi mà đi, đi gần tới thì lại nghe sàng lung mà lại có tiếng người rên...

Tên Chúc bảo tôi chạy, tôi nói : « Ai làm gì mặc ai, mình cứ việc đi, sợ gì mà chạy cho mệt. » Nói vừa dứt lời, ngó trước mặt thấy một con trâu lớn nằm ngang giữa đàng,

mà hồi đó chàng còn hẹp, hai bên thì tre, không có chỗ nào mà tránh đặng, phải đứng đứng lại, tên Chúc sợ run. Tôi liền nói với Chúc rằng : « Khó quá, trở lại thì xa lăm, còn đi tới thì đi không đặng, nếu đi ngang trên đầu, thì sừng nó báng, còn đi ngang dưới chơn thì sợ chơn nó đập, lấy làm khó tính ».

Còn con trâu thì nǎm thở ồ ồ, làm cho người dạn cũng hóa ra sợ. Tôi liền nói nhỏ với Chúc : « Thôi hai đứa mình dang ra xa xa rồi chạy tới làm trón nhảy phóng ngang qua bụng nó rồi chạy luôn ».

Chúc không chịu, nói sợ lăm, e mình phóng qua không khỏi, té nơi bụng nó thì nó sẽ ăn, chi bằng chạy trở lại thì hay. Nói rồi vội chạy trở lại, một đỗi đứng đặng kia hú kêu. Tôi nói : « Mày dại quá, mày đứng đặng một mình, như ma nó nhảy lại chụp mày thì ai mà tiếp mày ! »

Chúc nghe vậy sợ liền chạy trở lại, niu áo như trước. Rồi hai đứa đồng hè phóng ngang qua bụng con trâu, hai đứa phóng qua khỏi rồi chạy luôn một đỗi hơn một trăm thước, mà ngó lại sau lưng thì thấy con trâu hãy còn nǎm thở ồ ồ, lấy làm lạ, rán sức chạy một hồi nữa gần chợ Lò-rèn, ngó lại thì mất con trâu. Hai đứa nǎm dài trên cổ mà thở, mồ hôi ra đầm mình, một lát rồi hai đứa đem nhau đi về. Đi ra tới chỗ lăng Ông Thượng, thì ước chừng hai giờ khuya, đi tới chỗ lối mẩy cây dùa trồng theo đàng, ngó thấy một con thỏ ở bên cây trâm bên kia đàng chạy ngang qua trước mặt, tôi nói : « thỏ ! thỏ !, hai đứa vi đậm. »

Chúc nói : « Thôi đi cha ! đừng báo hại như hồi nãy nói rằng nhảy khỏi bụng trâu, ai ngờ là nó rượt theo chạy gần sút cứt trong quần, mệt le luối. »

Tôi nói : « Có khi con thỏ thật vì là họ gánh đi bán làm sút. »

Mà con thỏ dạn quá, nó chạy xa xa chừng mười thước thì

đứng đó, hai đứa nà lại rượt nó thì nó cứ thụt lui nhảy tới tràng qua tràng lại, hai đứa rượt hết sức mà bắt không đặng, cứ chụp hụt mãi, rượt bắt riết, kể bên đàng có nước có ô rô, có chun vồ nó ngồi trong ô rô ngù nghè như tiếng cọp ngù, hai đứa sợ chạy riết, chạy tới Cầu Bông đứng lại nghỉ, mới biết rằng trong một đêm nay mà bị ma nhát hai lần..

ĐẶNG - LỄ - NGHI

1.— Chuyện này cho ta thấy, cách nay chừng năm sáu chục năm (kể từ năm 1910, in sách, trở lên mười ba, mười bốn năm), thì chỗ lăng Ông Thượng cho đến Cầu Bông, đi một mình đêm khuya nơi đó, không ai dám cả, vì sợ ma nhát; một là vì không có đèn sáng, hai là đường rất nhỏ và hai bên toàn tre và bóng tối. Không biết « cây da ông Bông » là ở chỗ nào, Bến-Củi là ở đâu? Trên đường về, dựa theo câu « *nghe dưới hầm gần một bên đàng* », có phải đó là nơi ngày nay ta gọi Cầu Hang ở Gò-Vấp đó chăng? Bài này đáng chép lại vì tả cảnh Sài-Gòn năm xưa, quê nhưng rất thái bình, đi chơi khuya khoắc, lấy đêm làm ngày, và buổi ấy mới thấy giá trị của đêm trăng, không như ngày nay, con người sống máy móc quá, vật chất quá, văn minh đâu không thấy, mà hạnh phúc đâu mất rồi? Tuy biết chuyện thuộc về tưởng tượng, nhưng khắp nơi và tự cò kim, đều lấy chuyện ma làm đề tài để đi đến thơ và mộng. Chuyện ma không nên bỏ.



190 | Ông bà bắt con cháu, con cháu bắt ông bà

(số 23 tr. 36).

Thế sự thường hay nghe ông thầy, bà bông nói rằng ông kia bà nọ bắt, mà không hề khi nào thấy rõ, chờ như việc con cháu bắt ông bà thì là rõ ràng.

Làng Phong-phú có tên Giang, nhà ở kè bên mé rừng. Tên Giang này có một đứa cháu mười hai tuổi, năm ngọ¹ ngày mồng hai tháng hai, sớm mai sớm đứa cháu đi ra mé rừng mà đi đồng, cọp rình bao giờ không biết, nhảy ra chụp, đứa cháu la oái oái vài tiếng, trong nhà nghe la đều chạy ra thấy cọp tha đứa cháu chạy thẳng vô Trảng-Ông-Khê, là chỗ cọp tiếng, cả nhà không ai dám theo bồi, liền chạy đi báo với làng, tức thì làng chạy báo với quan huyện Thủ-đức, quan huyện nồi trống lên, mấy làng ở gần chạy tới, quan huyện dạy mấy làng ở gần phải nồi mõ hồi một bắt dân cho nhiều đem khai tói đi ví cọp. (Khai là đồ dùng ví cọp, người ta thường làm bằng cây cau già, chẻ miếng bằng ba ngón tay, trên đầu vặt nhọn ram lửa, bè cao quá vót, róc ruột, róc cạnh cho tử tế, sắp một lớp nǎm xuôi cách khoảng nhau chừng năm sáu phân, bè ngang chừng năm sáu thước mộc, rồi sắp một lớp nǎm ngang qua cũng cách khoảng như vậy, thì nó có lỗ vuông vuông, khoan lỗ cột dây cho chắc. Cột tẩm trên với tẩm dưới dính nhau. Khi ví khai thì hai người hai đầu, còn bốn năm người cầm giáo, mác thong đưa theo mà giữ. Cọp thấy mấy mũi giáo chém chỏm thì không dám xáp gần. Khai thì cứ kê đầu liền liền nhau như vậy giáp

1. Bính ngọ: năm 1906 dl.

vòng, khi đầy khai thì lừa người dạn mà có nghề, cầm rựa ở phía trong, chặt cây dọn cho trống mà đầy khai lần lần vô, như cọp chạy lại thì hé đầu khai cho người ấy chun ra, hé cọp chạy qua bên này thì bên kia đầy vô, nó chạy qua bên kia thì bên nọ đầy vô, cứ vậy mà làm, đầy lần lần vô cho nó tóm lại hép hép rồi sê bắn.)

Lời quan huyện truyền ra, làng nồi mõ bắt dân túc thi, người thì cầm giáo, người cầm mác, người thì khiêng khai, xem ra lao xao rộn ràng.

Quan huyện cũng đồng đi theo đốc sức cho làng. Tới nơi dân khai ra vây xung quanh trảng Ông Khê, bốn phía hương chức làng cầm khí giải đốc dân, khai cứ đầy tới mãi, gần tới giờ ngọ, thì gặp thấy đứa nhỏ, xem lại còn cái đầu, hai chơn, một cánh tay. Quan huyện cứ truyền cho làng đốc sức dân rán mà đầy khai, thay phiên nhau mà đi ăn uống, bốn bên cứ việc đầy nà khai vô là hép, lúc đó cọp nhảy ra, cả và dân đều la om: «đằng ta giữ lấy cọp ra đó!

Cọp nhảy hộ bên này, ngó thấy giáo mác chơm chớm, bỏ qua bên kia, thì bên kia cũng đưa giáo mác ra mà gìn giữ, khai đầy nà vô, thì cọp chạy lộn xộn coi nhiều mà không rõ là mấy cọp, khai đầy riết và hép thi thấy rõ là năm vị thần tiên, kẻ qua người lại, xem bộ mấy ông sơ, con mắt dòn dác, hăm hăm, khai đầy một hồi nữa, xem là ón rồi, xem lại cho kỹ thì là ba ông hai bà. Lúc này ông bà làm dữ, ông hộ đầu này, bà hộ đầu kia, nhảy hộ làm dữ một hồi không xong, rồi cứ việc ông đi qua bà đi lại, tới lui ngồi ngó ra. Chúng dân nói: «Ông tiên, bà tiên, sao không đặng vân mà về động? Hay là chư tiên có phép tang hình? Nếu trận này mà chư tiên phá không nồi, thì đời đời chư tiên không có giáng thế nữa!»

Khai dồn lại hai lớp, ông bà quyết lòng phá vây, mà

phá không nỗi. Mấy người cầm súng leo lên cây nhắm bắn xuống, hễ bắn một mũi súng thì đồng bả nhảy dựng lên chạy vòng theo xung quanh khai, hụt hé làm dữ mà nổ chí đặng, bắn riết một lát thì đồng bả đều chết vinh râu.

Hồi ban đầu thì ông bà bắt con cháu, rồi bây giờ con cháu bắt ông bà, dân làng khiêng đồng bả về dinh, để năm cho thiên hạ coi, người thì nói : « Mô Phật ! tội nghiệp mấy ông tiên ! ». Người thì nói : « Đáng kiếp, hại nhơn thì nhơn hại, đã đáng đời. » Người kêu « ông bị », người kêu ông tiên, người gọi ông thầy, người kêu là ông hùm, mà tưởng lại kêu ông bị là trúng hơn, vì là bị người ta giết !

Quan huyện lấy làm vui mừng khen làng xóm, khen dân rất có lòng lo mà trừ mối họa cho thiên hạ, mà trong cuộc ví khai đó thì người người đều đặng bình an.

Từ đó về sau, nơi trảng Ông Khê không còn bà nào ông nào hết, rất đặng khen cho người ở làng Phong Phú đã can đảm mà có lòng thương yêu người đồng hương, nên đã hết lòng mà trừ loài thú dữ.

ĐẶNG - LÊ - NGHI

(Trong bài này, ta biết được một cách ngày xưa dùng khai ví cọp rồi mới trừ bằng súng hay giết bằng một cách khác, vừa hiệu nghiệm vừa không tồn hại sanh linh. Ngày xưa, trước đây lối nứa thế kỷ, cọp có rất nhiều, thậm chí ở Thủ đức và ở vùng Chợ Quán, mà cũng có cọp vồ bắt người ăn thịt. Còn nhớ Rừng Sác, năm xưa đặt một tông là « tông ăn thịt » để cho hiều là nơi tông ấy cọp rất nhiều hẽ đến đó thì bị ăn thịt có ngày. Sau nhờ khai phá, dân đồng và súng nhiều mới dứt nạn thú dữ).

191 | Nàng dâu chí hiếu

(số 24 tr. 38).

Năm Tân tị¹ bên Tàu vua Đạo-Quang tức vị, bên An nam trào nhà Nguyễn vua Minh Mạng năm thứ hai, tại tỉnh Hưng hóa, phủ Cầm khê, huyện Hạ hòa, làng Y sơn, có một người tâm tánh từ hòa lương thiện lấm, tuổi ước chừng sáu bảy mươi, có một đứa con trai chừng hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi, đã có vợ rồi, mà con dâu này thật là một người hiền lành cung kính cha mẹ chồng cũng như cha mẹ mình, nên cha mẹ với chồng thương yêu lấm. Trong nhà có một thằng đày lợ tên là Cuội, cha mẹ nó vốn là người ở đồng lân, một ngày kia tên Cuội giận ai không biết, nên nó bỏ trốn đi mất.

Cha mẹ tên Cuội thấy con mất đã mấy ngày, thì nghi rằng chủ nhà giết con mình, liền làm trạng vào tỉnh mà kiện nhơn mạng. Quan trên cứ theo luật mà xử, nếu đày tớ tội mọi trốn mà không đi cớ với làng, ấy là giết người mà giấu thây. Quan dạy bắt hết cả nhà mà khảo kẹp, lấy làm khồ sở lấm. Khi bắt ông già bà già với chồng mà khảo tra thì ba người kêu trời than đất rất đỗi là oan, dầu kêu khóc bao nhiêu mặc lòng, quan cứ việc làm theo phép chẳng hề dung thứ. Nàng dâu thấy cha mẹ chồng với chồng chịu khảo kẹp như vậy, thì đau lòng xót dạ quá, nàng dâu bước đến lạy quan xin dung cho ba người, đề tôi khai ngay. Quan nghe nói thì nói : « Mi khai chi thì khai ngay cho ta nghe ».

Nàng liền khai rằng :

Tôi ngộ sát tôi làm tôi chịu,

1. Năm Tân-tị: năm 1821 dương-lịch.

Bởi giận cùng giết tờ thác oan.
 Sai khiến chi, tờ nói ngô ngang
 Lấy banh củi đánh nhầm chõ nhược.
 Nó thác đó tôi liền dung chước,
 Lén mẹ cha đem nó bỏ sông,
 Tôi ác nầy tôi cũng giấu chồng,
 Nay đồ bồ dám đâu yêm ần.
 Thấy khảo kẹp thiết tha mấy bận,
 Tôi mình làm mình chịu đã đành.
 Cúi trông lượng cả cao minh,
 Tha hết thảy một tôi ưng chịu.

Quan nghe lời khai thì mừng, liền biếu biện lại biện lời sao khầu của con dâu, còn ông già bà già với chồng thì tha về, nàng dâu thì đem giam vào ngục. Quan làm án gởi đến xin quan tông-trấn thương sờ xử tử con dâu đó, trong án lại có câu nói rằng : « *Đả tử phao thi, độc tánh phụ nhơn khả úy, bồn hổ ngộ sát, cố tình thảm dã tù tri* ». Quan tông trấn xem án rồi thì cũng phê y như án quan Bố đã kết. Rồi quan tông trấn thương sờ về trào.

Linh hoàng để xem án rồi chau phê trảm quyết. Án trào trở lại nơi dinh quan Bố, quan Bố thi hành, tờ chau tri phát ra các nơi, cha mẹ chồng với chồng than khóc vô cùng, cha mẹ thi thương dâu tháo, chồng thì xót xa đau đớn vì mất vợ hiền, cả nhà buồn rầu bỏ ăn bỏ uống. Kêu trời than đất xin minh oan.

Thật lòng trời rất công minh, trời không phụ người hảo tâm. Nội ngày đó thằng dày tờ tên Cuội, nó chạy về nhà nói rằng : « Tôi hôm nay đi bậy chơi mà sao hôm nay trong lòng tôi nóng nẩy lắm, đi hướng nào cũng nóng nẩy lương tâm, trừ ra đi về nhà chủ thì mới yên mà thôi. » Tức thì người chồng đem tên Cuội đến thưa với làng, làng đem tên Cuội đến quan Bố mà thưa lại, quan Bố nghe qua

lấy làm lạ, dân nàng đâu đến và hỏi rằng : « Mi là người vô tội, sao người dám chịu rằng giết người ? »

Nàng thưa rằng :

Phận phụ nữ chỉ sanh ngoại tộc,
Về nhà chồng giúp nối tông đàng,
Hệ trời xui họa nọ phải mang,
Tung phải biến cứu người tai họa.
Phận bồ liêu mất còn chẳng sá,
Cảm nhà người tuyệt tộc mà thương.
Thân liều thân cứu vẹn tai ương,
Sau kiểm vợ sanh con phung tự.
Nhà người đang an cư mọi sự.
Danh tiết này mất cũng rõ ràng.
Chẳng sá chi cốt nhục xương tàn,
Thác trọn nghĩa đã đành phận thác.

Quan Bố nghe lời nàng đâu khai, thì mới biết rằng nàng này là phận đàn bà mà tâm tánh khí khái quá, thị tử như qui gia tân, thật là nữ trung hào kiệt, liền viết khai lại tử tế, gởi về trào xin nhờ lượng cao minh phán đoán. Lời khai về tới trào, đức Minh Mạng xem rõ thì khen người đàn bà có nghĩa, đức vua liền phê cho nàng đậu bốn chữ : « NGHĨA PHỤ KHẨ PHONG ».

Trong lời chiếu chỉ nhà vua dạy quan Bố phải sơn thết bốn chữ vàng và phải bồn thân đem tấm biển đến mà treo nơi nhà nàng đâu, cho nhơn dân xem rõ mà bắt chước theo nàng đâu đó.

Còn vụ cha mẹ thân tộc của tên Cuội vu cáo thì phải lấy theo luật mà xử.

Phần quan Bố lên án cho nàng ngộ sát, thì bị giảm đắng. Rất đáng khen một người đàn bà về nhà người làm đâu, mà trong lòng lấy sự trung nghĩa mà ở, biết có cha mẹ

chồng với chồng, mà không kể thân mình còn mất, thật trong đời ít có một người đàn bà chí khí như vậy.

ĐẶNG - LÊ - NGHI.

Lời bàn.— Bài này vượt mức chuyện tiểu lâm. Sở dĩ chép ra đây, là để đời không khí. Tôi nàng đâu, ngày nay đâu có đến tử hình? Chuyện thằng Cuội bỏ nhà đi biệt, bất quá còn tùy sự điều tra của nhà chức trách, mà án chủ nhà đâu đến trám? Ngày xưa coi rẻ mạng người, và bốn chữ « Nghĩa phụ khả phong » thật không ham. Duy phải nhớ chế độ ấy đã kèm xã hội ngày xưa trong nề nếp và bền vững cho đến nay. Nay quá ư tự do thành ra như đã thấy. Gặp tiệc cưới, tiệc hỏi, sau khi tửu hứng và chuyện tiểu lâm đi đến mức cao thì nên lấy tích này làm món giải rượu thì cũng chưa lạc đà.

24 - 12 - 1970

192 | Cọp oán

(bài số 32 tr. 60, cuốn nhì).

Năm Tân dậu¹ tại tông Hàm ninh hạ, làng Gia bình, có tên Thanh, bốn mươi chín tuổi, cháu là tên Miêng, ba mươi ba tuổi, chú cháu là người quê quán ở đâu không rõ, đến ở ngũ trong làng đã ba bốn năm, chú cháu làm nghề đương

1. Tân dậu : 1861, năm thứ 14 đời vua Tự Đức, năm Hàm Phong 11 bên Tàu.

thúng, song thật là tay ăn trộm nghè, tuy là ăn trộm, mà cũng biết nghĩa lý lăm, chẳng hề động tới của người trong xóm làng của mình, ăn trộm xứ xa hoặc là khác làng, chủ cháu cũng ngăn cản không cho người gian vào phá khuấy trong xóm làng của mình ở. Người người trong làn lý đều biết chủ cháu là bợm, mà ai ai cũng thương mến, chủ cháu có tật uống rượu lớn đánh bạc to, hễ có tiền mua món kia vật nợ đem về đè dành uống rượu, mời anh em đến cả nhà, hoặc ra thai, ra đỗi, hoặc đánh cờ dẫu ăn dẫu thua cũng là phải uống rượu, người nào yếu rượu thì phải lo trốn về trước, còn người nào có sức mạnh thì ở đó mà chơi với chủ cháu họ, chơi hoài uống luôn luôn cho đến khi nào ngã thì ngủ, còn có người nào biết nghè võ thì ra nơi sân đi quờn với nhau sơ sài rồi vô uống rượu, trong xóm làng đều tưởng rằng chủ cháu họ biết chút đỉnh, chờ không gọi là giỏi. Vì là chủ cháu giỏi thì đè lòng không có lộ ra cho ai biết, có chơi thì giả bộ sút miếng sút sức, nên ai ai cũng lầm. Tháng ba năm dậu¹ chủ cháu đem nhau đến tòng Bình điền (Thú dầu một) ăn trộm lúa cả bầy trâu, lớn nhỏ mười ba con vì lúa đi theo đàng rừng sơ chủ theo dấu nên đi theo ngã lòng suối khô ở giữa rừng sâu; ban ngày thì ẩn trong rừng, ban đêm thì đi. Đã nhiều phen chủ cháu gặp cọp thì đánh chửi coi cọp cũng như một con chó dữ chờ không hề kiêng sợ. Ngày đó mặt trời vừa xuống khuất ngọn cây, chủ cháu đuổi trâu đi, thì có hai con cọp nhảy ra chụp bậy bạ làm cho trâu thắt kinh nhảy bậy, người chủ rược cọp chạy, rồi lùa trâu gom lại, chủ cháu đuổi trâu đi vừa tới cái trảng tinh những lá cây dầu tà-ben không mà thôi, khi đó thì trời đã tối thật, cọp ở đâu phía sau đi theo hù hè làm rộn ràng chạy đón đầu không cho đi, xem kỹ thì là ba con lớn hai con

1. Tân dậu : 1861.

choai choai, đều nhảy ào vô mà chụp, chú cháu liền cự một chặp lâu, người chú cầm cây giáo nơi tay đâm trúng cọp nào không biết mà gãy ngang lưỡi còn cái cán không, người cháu thì đánh với hai con kia, còn chú thì đánh với ba con nọ. Ba con nọ nó áp vào một lượt, người chú có một cái cán giáo đánh không phỉ nên bị nó vỗ nát bụng một cái nặng quá đỗ ruột, liền kêu cháu mà nói rằng : « Miêng ôi, mày phải giữ lấy, chờ cọp nó đã vớ táo lòi ruột rồi ».

Miêng nghe chú nói bèn lui lại gần chú mà hỏi « Sao vậy chú ? »

Chú nói : « Tao đâm nhầm nó khi nãy, nên cây giáo của tao đã gãy ngang lưỡi rồi. »

Người chú tuy đỗ ruột mà tay cũng còn cầm cán giáo mà cự với nó.

Miêng nói : « Chú bị trọng vit lăm, thôi chú đeo nơi lưng tôi đây, đặng tôi công chú mà lui lại nơi gốc cây lớn, để chú ngồi đó đặng tôi đánh với nó, chờ cọp này nó thù oán quyết lòng hôm nay nó ăn cháu mình. »

Miêng công chú trên lưng, tay thì đánh với cọp, chơn thì lui lẩn lẩn lại tới gốc cây lớn, để chú ngồi dựa gốc cây, lấy thế đặng một phía còn ba phía là lo giữ, mà cọp hầm hầm muốn giựt cho đặng thây người chú, song Miêng giựt gắt quá nó làm chi không đặng.

Miêng cầm roi mật cật nơi tay đánh một hơi rược cọp dang ra xa chừng ba bốn chục thước rồi chạy vô ôm chú mà khóc.

Chú nói : « Tao chưa chết đâu. Mày phải ráń mà cự với nó. Nếu mày sơ hở thì nó sẽ giựt thây tao mà xé ; loài cọp nó hay thù oán lăm. Vì thuở nay cháu mình đánh chửi nó như chó vạy, hôm nay có khi trời biếu cháu mình thôi làm nghè ăn trộm, nên trời xui cho nó rủ nhau đòng, mà hại cháu mình. »

Người cháu nói: « Xin chú chờ lo, bao giờ nó ăn đặng tôi thì mới ăn đặng chú. »

Cọp áp vò làm dữ, Miêng ra đánh một hơi rược ra xa xa. Miêng lui vò, nó áp theo, và nỗ lực đánh một hồi nữa thì cây roi của va đã gãy hai, và liền nhổ đầu Tà-ben nhổ nhở vừa tay cầm mà đánh với cọp, hẽ gãy cây này thì nhổ cây khác, cứ vậy mà đánh hoài, qua đến canh tư thì hai đàng đều mệt khát nước, cọp ngồi ngó Miêng, Miêng chống cây đứng nhìn cọp, một lát cọp lại áp vò làm dữ, Miêng cũng nỗ lực mà đánh, đánh đặng ba bốn hiệp thì xem trời đã gần sáng, cọp khát nước quá bỏ đi kiếm nước uống, lại thấy trời sáng thì sợ ban ngày Miêng sẽ đánh chết, nên bỏ đi, còn Miêng cũng khát nước lắm, hùng đồng thấy có một vũng nước đục ngầu tinh là cứt chồn cheo không mà thôi, song cũng ráng mà uống vài ba hớp thầm giọng, rồi trở lại nói với chú rằng: « Trời đã sáng rồi, mà cọp nó đã bỏ mà đi hết, chắc là nó cũng khát nước như tôi. Phải chi trời sáng thì tôi giết đặng nó, ngọt vì trời tối, cứ theo bóng đèn mà đánh mà thôi, lại mười phần mắc lo cho chú. »

Xem nơi trảng dầu đó, mấy cây nhỏ nhở gãy ngang, cây thi ngả xiêu cây thi tróc gốc, xem ra tan nát cả công đất, bởi vì lớp thi cọp càn mà gãy, lớp thi Miêng nhổ làm cây mà đánh.

Miêng đi gom trâu lại thì mất hết một con nghé nhỏ, kiểm một hồi gấp con nghé chết nằm y nguyên, xem lại thì cọp chụp đầu nó phạm nhầm tai rách nát, nên bỏ không ăn. Miêng trở lại ngó thấy chú trọng bệnh thì khóc mà nói rằng: « Chú ôi, nay mai chú phải chết, cháu dầu đem trâu này về bán lấy tiền mà ăn uống với ai? Thôi, cháu bỏ bầy trâu lại đây, cháu cõng chú về. »

Người chú nghe cháu nói như vậy thì la cháu mà nói rằng: « Nếu không dùng của người thì đem trả lại cho người, thì

hay hơn; chờ bỏ đây thì mình cũng mang tội lấy của người. »

Cháu liền nói lại rằng: « Nếu đem trả lại thì đãng đó, rồi chủ họ bắt cháu mà giải quan thì làm sao? Vốn tôi không sá chi thân tôi ở tù, thật tôi lo thân chú tôi tàn chết không yên. »

Chú nói: « Lời cháu nói cũng phải, nhưng mà chú tưởng lại chủ họ không có lòng ác như vậy đâu; mình làm ơn cho họ, thì họ cũng làm ơn lại cho mình. Vậy thôi cháu khá nghe lời chú, chịu khó lùa trâu trả lại cho chủ, rồi cháu sẽ cõng chú về nhà. »

Miêng vung lời, liền cởi áo ra bó chõ vít của cháu, rồi đem cháu lên lưng trâu, ngồi ôm cháu, chơn thi thúc con trâu đó đi lùa mấy con kia, cứ đàng thẳng mà đi trở lại nhà chủ. Đến xế qua thì tới nhà, trong nhà chủ ngó thấy trâu về thì mừng lắm, chạy ra thấy cháu lịu địu thì lấy làm lạ liền hỏi cẩn cội.

Miêng đem cháu xuống đất ngồi nơi bóng cây xoài, còn mình thì đi vào nhà chủ mà nói cẩn do cho chủ rõ.

Miêng nói với chủ rằng: « Chú cháu tôi vốn là người ăn trộm trâu của ông, lùa về đến nửa đàng thì có năm con cọp nó thù oán, xưa nay cháu tôi đánh chửi nó, nên nó ra đón đàng mà làm dữ, cháu tôi đâm nó rủi gãy lưỡi giáo, nên bị nó vỡ nhầm nơi bụng trọng bệnh, nó lại muốn bắt cháu tôi với tôi mà ăn, nên tôi đánh với nó sáng đêm, đến sáng thì nó chạy hết. Nay cháu tôi trọng bệnh, mười phần chắc chết, nên cháu tôi bảo tôi lùa trâu mà trả lại cho chủ ».

Chủ nhà nghe nói thì cảm tình thương, hối người nhà đem cơm cho cháu ăn, rồi biếu bạn bắt một đôi bò mắc vô xe bò đặng đưa cháu về, lại cho hai mươi lăm quan tiền đem yề mà lo thang thuốc cho cháu.

Chủ nhà nói : « Của đã mất rồi mà may lại còn, dầu cho năm chục cũng đáng ». Lại khen người cháu thiệt là giỏi, cự với năm con cọp cả đêm mà không tì tích.

Miêng cúi lạy chủ nhà một lạy rồi đem chú lên xe bò mà đi về, xe chạy miết, đi tới canh một thì tới nhà. Thím của Miêng nghe xe chạy ra thấy chồng trọng bệnh thì nhào lăn mà khóc.

Miêng cõng chú đem vào nhà, còn xe bò thì trở về Bình-diễn.

Người thím và đứa con gái nhỏ đều khóc van. Lối xóm nghe chạy tới thăm rất đông, kẻ đem thuốc này, người đem thuốc kia, song le nọc cọp càng ngày càng thấm vào lấy làm nhức nhối. Tên Thanh tinh cầm không đậu, liền kêu Miêng vào mà trỗi rắng : « Chú chết rồi thì cháu phải bỏ cái nghè cũ đi, hãy lo làm ăn, chú gởi vợ con lại cho cháu, hãy lo mà bảo dưỡng cho tròn chung thi. Cháu hãy lấy tiền bạc của chú chôn bấy lâu nay nơi phía chái trên, lấy đó mà làm vốn. »

Nói vừa tới đó, cọp ở đâu đến rình ngoài cửa làm dữ, muốn phá cửa vô mà bắt, người chú nghe cọp làm dữ thì giận quá lồm cồm ngồi dậy nạt một tiếng lớn rồi té ngửa ra mà chết.

Miêng giận mấy con cọp làm rộn cho chú mình chết, liền rút cây gài cửa xô cửa nhảy ra đánh cọp rỗng chạy dài, rồi trở vào ôm chú mà khóc kề thảm thiết. Mấy người lân cận nghe Miêng khóc cũng khóc theo.

Thím với người lân cận bèn hỏi Miêng các việc đầu đuôi, Miêng nói lại hết cho thím với cô bác nghe. Sáng ngày có nhiều người đi đến chỗ Miêng đánh cọp mà xem, thấy dấu qua lại tới lui cày gãy đất trầy cỏ tróc gốc, xem dấu rộng lớn gần một công đất, ai nấy đều kinh sợ, đều khen Miêng thật là tay giỏi lắm ít ai bì kịp. Từ đó về sau thiên hạ đồn

vang, có nhiều người đến xin học, kẻ chịu tiền, người chịu lúa gạo. Miêng ra công dạy người ta mà kiếm ăn đắp đõi qua tháng ngày, lo nuôi dưỡng thím với em vuông tròn. Cọp tuy là loài thú mà tâm tánh cũng khôn ngoan như người : hay thù vặt, hay oán giận, dẫu chuyện lâu đài ba năm thì cũng ghi nhớ đợi thời suy, đợi hồi biến mà làm, hễ thù oán bắt đặng người thù, thì không thèm ăn, xé thây ra mà bỏ đầu nầy một khúc, đầu kia một khúc, có khi chết rồi đem đi chôn, rồi tối lén tới moi lên mà xé. Con thú mà thù oán hơn người.

(Truyện này của Y-sanh lão-sư Duơn, vốn người ở đồng lân với Miêng thuật lại).

ĐẶNG - LỄ - NGHI

Lời bàn.— Truyện này cho ta biết :

- a) vào thuở cựu trào, chưa có súng mạnh, con người can đảm và có võ nghệ, với roi dài mác bén, vào rừng không sợ cọp chút nào ;
- b) hai chú cháu, Thanh và Miêng, quả là hai anh hùng không gặp thời, đem sức mạnh « đả hổ » dùng vào chuyện làm tướng lục lâm ; uồng và tiếc cho tài ;
- c) ngày nay đi săn cọp, với súng tân thời, là một cuộc tàn sát thú rừng ; không như thời trước, thú và người, sức mạnh tương đồng, ai lanh trí dẻo dai là hơn, và như vậy mới là thể-thao ; chờ như đào hầm làm tum, núp trốn đợi con thú tham mồi, sơ hở rồi khạc đạn xoáy vào nó thì có chi đáng gọi là phô trương can-dám hay võ-nghệ ?
- d) ngày nay ngồi bàn ăn tiệc, thuật chuyện một người với roi trường đánh lui một đám năm cọp dữ, dẫu cho chuyện thiêt, họ cũng gọi đó là « tiểu-lâm ».

193 | Cá ông cứu người

(số 34 tr. 68)

Tai thường nghe người nói đi người nói lại rằng : « Cá ông thường hay đi tuần ngoài biển, gặp ai bị chìm ghe chìm tàu thì cứu vớt, xưa nay có nghe nhiều người nói mà chẳng lấy chi làm tin, là vì người nói đi người nói lại, chẳng gọi là chắc.

Năm Canh-ti¹ có sáu người đi một chiếc ghe bầu ban đêm nhầm bửa sa mù tàu đụng nhầm chìm, nhờ cá ông đem ghe vô cõi khôi chết, sáng ngày có tàu khác chạy về Hạ-châu, ngó thấy người liền cho tam-bản vào rước chở đem bỏ nơi Hạ-châu, quan lanh-sự nơi Hạ-châu lại cho giấy gởi về Sài-gòn, tàu đến Sài-gòn thì giao mấy người đó cho quan tuần thành, quan tuần thành lại giao cho quan coi việc quản xuất tàu thuyền, đặng người cho giấy đi về quê quán. Khi linh tuần thành đem sáu người lại tại nhà giấy bảy giờ sớm mai, thì quan chưa đến, nên người trong nhà giấy với mấy thày hỏi đầu đuôi cho biết thì mấy người ấy nói rằng : « Ghe ở Cửa Lục mà ra ngoài khơi, bửa đó trời sa mù không thấy chi cả, ghe đang chạy giữa vời thì có một chiếc tàu ở đâu không biết chạy sán ngang hông chiếc ghe, rồi tàu chạy luôn, người trong ghe đều kêu cứu mà không có ai cứu, một lát lâu ghe vô nước lên tới sập, ai nấy đều lo chết mà thôi, nước ngập lần lên khỏi sập, rồi không hiểu làm sao mà ghe lại nổi lên mà vững vàng lắm, hồi đó ước chừng gần sáng, ghe vững vàng như vậy lâu rồi sao ghe lại vững lên còn xa khỏi mé nước hơn

1. Năm Canh-ti: năm 1900, năm thứ 12 đời Thành-thái.

mười thước, lúc đó trời đã hừng đông, ghe thì tan tành từ nơi từ miếng, song không mất món chi hết. Khi sáng thiêt mặt thì người trong ghe liền nói với nhau rằng : « Chuyện này có khi là ông thương mà cứu chăng ? »

Mấy người liền đứng day mặt một phía mà vái lạy ông : « Chúng tôi nhờ có ông cứu mới sống, xin ông lên voi cho tôi biết. »

Tức thì ngó thấy ngoài biển phun nước lên ngay bót như vòi rồng. Mấy người đều cùi lạy ông rồi ông lội ra một đỗi lại lên voi phun nước một lần nữa rồi đi mất. Lời mấy người nói lại rõ ràng như vậy, kể quan đến hỏi ở đâu thì họ khai rằng ở Quảng-bình. Quan liền dạy làm giấy tàu cho sáu người đi về xứ.

Gẫm lại loài cá voi là loài vô tâm vô tri mà cũng hảo tâm biết cứu người trong cơn nguy biến, ấy cũng là trời phú tánh cho nó như vậy.

Hèn chi có nhiều chỗ người ta xí đặng thây cá ông trôi thì vớt về mà thờ, làm lăng thờ kính nhang đèn luôn luôn, từ thời hương hỏa bất tuyệt, kính thờ như vậy cũng đáng lầm, thật là loài cá mà biết làm ơn cứu thiên hạ.

ĐẶNG - LÊ - NGHI

Phụ bản. — Việc cá ông cứu ghe bàu khỏi chìm, nay có thể cắt nghĩa theo khoa học được. Nguyên loại cá ông này, ngày xưa các vua ta đã phong đến chức « Nam-hải đại tướng quân », là cũng vì nhiều phen cá cứu ghe thuyền khỏi đắm. Sở dĩ có việc như vậy là vì loại cá này rất sợ biển động, vì sức nước khi bão tố sẽ nhồi nó mau mệt, nên chỉ nó tự kiểm vật gì ngoài khơi để núp theo đó mà tránh bị sóng nhồi, và nhờ vậy ghe bàu nào gặp thìắt khỏi chìm. Đến như loại tàu sắt thì cá đội sẽ mau chìm hơn

nữa, vì ghe thuyền ta lườn băng như đít thúng, nên cá đội được còng tàu sắt lườn sâu và nhọn, nên hẽ cá ông đội là có mồi lật chìm ngay. Khi nào cá ông gặp bão mà không chồ núp thì thường hay chết mệt, và ta gọi « ông lụy ». Vì bị săn lấy thịt, lấy dầu, lấy răng (fanon) cũng dùng như ngà voi, nên cá ông càng ngày càng ít, nay chỉ sống miền giá lạnh trên biển Bắc-cực.

194 | Cọp hóa ra chó

(số 36 tr. 72)

Từ năm Ất-vi cho đến năm ngọ ¹, tinh hơn mươi năm sau, nhơn dân thì an, lo việc canh nông, công thương, đâu đó đều an; mà còn mấy chồ rừng bụi thì cọp hùm còn nhiều lắm. Nhứt là phía huyện Bình-long (Hóc-môn), có chồ tục danh gọi là truồng Ô-gà, đó là chồ cọp tiếng. Mấy nhà ở gần rừng thường bị cọp ra bắt chó heo, cũng có khi bắt người ta, ngày đêm gì cũng có.

Đêm hai mươi ba tháng năm, có nhà tên Lực ở gần mé rừng, nhà va có nuôi một con chó vẹn lớn, con chó này nó đi tha về một ghè đường lớn của ai không biết, ban đầu thì nó ăn ở ngoài, lần lần ăn vô trong, thì nó ăn lần vô sâu nên nó rán sức rướn cái đầu nó lọt vô miệng cái ghè mà ăn cho hết đường, ăn hết đường rồi thì lấy đầu không ra, mang ghè mà đi bậy bạ dung giường dung ván, không biết đường nào mà đi, nó đi lại phía bếp, nó đi a vô bếp, bước chon vô bếp có lửa vùi, nóng quá nó nhảy tung lên dung nhầm cái

1. Năm Ất-vi là năm 1895; năm Bình- ngọ là năm 1906.

kệ, trên kệ đó thì đè ve chén nồi niêu đều đỗ trên lưng nó, nó ngồi là đánh nó, nên nó la tiếng ghê gớm, vì là miệng nó ở trong ghè, miệng nó la chơn thì chạy tông vách tông cửa đúng đùng. Người trong nhà thì đang ngủ, nghe làm đùng đùng mà lại có tiếng la ghê gớm, thì nói là cọp đã vô nhà ví chó mà bắt, ai nấy đều sợ không dám bước xuống đất, cứ ở đó vỗ ván vỗ vách mà đuổi cọp, người thì la làng, mấy nhà ở gần nghe la làng và nghe đuổi thì chắc là cọp vô nhà đó rồi, nên họ cũng la tiếp theo, tiếng la tiếng đuổi làm um sùm cả xóm, la dồn đến dinh quan phủ cũng nghe, quan phủ liền truyền cho lính sáu bảy người cầm súng, lại bắt dân canh nơi dò làng, với những người đàn ông ở gần đi theo cho đồng, thấy đều cầm giáo mác thông, daoathom, cây, roi, người thì cầm đuổi người thì cầm đèn, xem lao xao lỗ xổ rất nên là vui, đồng đi đến nhà tên Lực, truyền vây xung quanh nhà, lại dặn rằng: «Tiền hậu ta hữu phải ráн mà giữ cho cẩn thận.».

Trong nhà cũng còn la còn đuổi, còn con chó thì mắng đầu trong ghè, nghe la nghe đuổi thì càng sợ, lại càng chạy tuồng vách phen rầm rầm, tiếng la trong ghè lại càng ghê gớm hơn.

Linh với dân làng vây ở ngoài nghe trong nhà rầm rầm thì chắc là cọp còn trong nhà, nên đèn đuổi gươm giáo nghiêm giữ vô sát vách, có người hỏi rằng: «Cọp đâu? Cọp đâu?» Người trong nhà nói: «Cọp còn trong nhà đây.»

Mấy người dạn đều tóc cửa cái cửa mạch, đuổi đèn roi vô nhà sáng trưng, mà xem thì không thấy cọp, thấy con chó vện lớn mang ghè vừa chạy vừa la, anh dân kia cầm cây nơi tay đứng thủ, con chó không thấy gì hết, chạy đâm sầm vô mình ảnh, ảnh hoảng đánh một cây vô đầu bề ghè, con chó thấy người thì đồng, lại thêm đèn đuổi, nó hoảng hồn quít đuổi chạy mất.

Tức thì nghe lặng trang không có gì hết. Dân cùng lính đều vô nhà rồi đèn đuốc mà xem cho kỹ, thật là không có dấu cọp, mà người trong nhà kẻ thì la người thì的大 trong quần đầm dề, mặt mày thì biến sắc, một lát tinh hồn lại ra hỏi căn cội, thì nói rằng : « Đang ngủ mà nghe làm rầm rầm lại có tiếng la ghê gớm, chạy tuông vách này dung cửa kia thì ngỡ là ông thầy đã chun vào nhà bắt chó, nên phải la làng xóm xin tiếp ! »

Những người cầm đèn đuốc cầm khí giải đều ngó mặt nhau lơ láo, thè thốt mẹ mụ om sòm, « báo hại làm chi bắt nhơn vậy, đã mất giấc ngủ lại mất công. Các người làm thói đó, sau có chuyện gì ai thèm tiếp. »

Chủ nhà nói : « Cơ khồ nhưng, đang ngủ mà nghe dùng dùng có biết gì đâu, ngỡ là ông thầy, mà lại ban đêm tối tăm không thấy, chó ai muốn làm chi vậy cho mất công các ông, lại nhà cửa nồi niêu của tôi đều xê xài hư bẽ hết ». Nói lôi thôi một hồi, rồi ai về nhà nấy mà ngủ, ra đàng nói đi nói lại cười sùng sục, đi đàng hai bên xóm hỏi thăm « có ví đặng ông bị hay không ? ».

Trả lời rằng : « Bị gì ? Bị ỉa bị đái trong quần đầm đề, đến đó mà coi, bị, bây giờ mệt về ngủ, ai hơi nào mà nói ».

ĐẶNG - LÊ - NGHI

(Đây mới quả là một chuyện thật biến ra chuyện tiểu-lâm, đánh dấu một thời đại, Hoc-môn còn cọp đến viếng, và truồng Ô-gà hiện ở chỗ nào ?)



195 | Nước nóng trừ bệnh điên

(số 37 tr. 74)

Năm Quý-dậu¹ tại Giếng Mạch (Tây-ninh), có nhà thợ mộc tên Lại, vốn người ở đâu không biết, đến ở ngụ đó mà làm ăn đã ba bốn năm, gia thế tầm thường không dư không thiếu, thợ mộc này có năm đứa con đã lớn bốn trai một gái út tác chưng mười tám mười chín tuổi, tên là Lợi, lịch sự, vợ chồng anh thợ cung nó lắm.

Ngày mồng tám tháng mười, trong làng có cầu an cúng thần, bữa đàng cả thị Lợi đi coi cúng, con trai lứa lứa nó áp chọc ghẹo bọn con gái lứa lứa, việc làng cúng gần mãn thì bọn con trai rủ nhau về trước núp trong bụi làm ma mà nhát mấy chỉ, lại phán nhau từ khúc mà nhát, đứa thì làm ma liệng, đứa thì làm ma lết, đứa thì bỏ tóc xả làm ma bò.

Khi làng cúng rồi thì ba bốn chị gái rủ nhau về một đàng với nhau, đi tới lối bụi rậm thì ma nó liệng, nó vãi cát ào ào, mấy chỉ hết hồn xô lẩn nhau mà chạy, chạy tới khúc khác thì lại bị ma bò ra đầu xờm xợp, mấy chỉ lại càng sợ hơn nữa, chị nào chị nấy té té trong quần, chạy tới một đỗi nữa, lại gặp con ma lết, vừa lết vừa rên, mấy chỉ sợ quính xô đùa nhau mà chạy, thị Lợi cũng chạy rủi vấp té nằm dài, con ma lết nó lết lại dòm vô mặt, thị Lợi sợ quá chết giặc. Mấy con ma thấy chết giặc thì sợ tội lây tới mình đều bỏ chạy. Mấy người lớn ở sau đi tới thấy sự làm vậy thì la lên, có người chạy về kêu vợ chồng thợ Lại, vợ chồng ra đó khiêng về kêu gọi hú hồn hú vía, một chặp

1. Năm Quý-dậu là năm 1873 Tây-lịch, đời Tự-Đức năm thứ 26.

lâu mới nói đặng, từ đó về sau thì hóa điên, cứ nói làm xàm rồi chạy bậy bạ, khi thì cầm roi, cầm dao rượt người ta, hễ nghe nói có thầy pháp đến chữa bệnh cho nó thì nó thường vác cây hoặc xách dao rượt thầy chạy mờ, có nhiều thầy nói rằng cao tay ăn mà cũng bị nó rượt mãi. Vợ chồng anh thợ râu rẽ quá sức, vái van cầu khẩn cho con gặp thầy nào hay mà chữa cho lành bệnh, dầu tốn phí bao nhiêu cũng không sợ, có người lại biếu đem vô chùa đặng thầy tụng kinh giải tà cho nó thì nó hết điên. Vợ chồng anh thợ đem nó vô chùa đặng thầy tụng kinh, ai ngờ là thị Lợi vào chùa cứ đi bậy bạ leo lên bàn rinh Phật xuống mà nói chuyện, hỏi bậy bạ Phật cứ làm thinh thì lại quăng né, lấy mõ lấy chuông đem bỏ bậy bạ, khi thì vò dầu mẩy thầy mà cười; thầy chùa tính không xong bèn biếu vợ chồng anh thợ đem nó về kéo nó phá lăm.

Qua bữa sau có một bọn các lái đi mua trâu bò, đi tới đó thì đóng trâu bò lại cho ăn và vô nhà mượn nồi xin cho nấu nhò cơm.

Nội bọn có bốn người, mà có một người tên là Tiến, trong bọn thường kêu là Tiến-lác, vì là mình và tinh những lác không, và có tánh hay nói lối, lại có tánh hay ưa ai khen hay, khen giỏi thì ráo súc mà làm.

Vợ chồng anh thợ nói: « Mấy người hỏi nấu nhò cơm thì tôi không xấu ruột, mà ngặt một điều nhà tôi có một đứa con gái điên, sợ e nó làm bậy bạ mich lòng anh em. » Mấy người các lái nói: « Hè chi mà ngại, ai chấp trách chi người điên khùng. Nó đánh ai nấy chịu. »

Mấy người cũng luôn miệng nói chơi: « Bọn tôi đây có một ông thầy cao tay ăn lăm, ông thường chữa bệnh điên hoài. »

Chủ nhà nghe nói thì hỏi phǎng, mấy người kia chỉ nói: « Đây ông này, kêu là ông thầy Tiến. »

Chủ nhà nói : « Nếu thầy có phương thể nào mà cứu con tôi thật thì ơn như tái sinh nó. »

Tiến-lác nghe hùng chí, liền nói : « Đè đúng đinh tôi ăn cơm rồi sẽ hay. »

Một lát cơm chín dọn ra ăn, thì con điên đi láng cháng xung quanh mà coi ăn, song không dám nói ông thầy sợ nó đánh họ hỏng ăn, khi ăn rồi thì con điên cứ lườm lườm ngó muỗn làm dữ.

Tiến-lác vô bếp chum nước, siêu nước gần sôi. Con điên cứ lườm lườm. Cha mẹ nó liền nói : « Con hãy đi ra, kẻo ông thầy đó ông bắt ăn chết giờ. »

Con điên nghe nói ông thầy thì vói rút cái dao mà chém, cầm dao xốc nà vô kề. Thầy Tiến ngó ngoài lại thấy thì sợ nó chém liền chỉ trong mặt mà nói : « Mày chết ! » Nó giơ dao xốc vô. Tiến sợ quính, không có chi mà đánh, liền thò tay nhắc siêu nước nóng gần sôi đậm vô mặt con điên một cái tá hỏa, mặt mày đều phỏng hết, mở con mắt không ra. Con điên quăng dao té ngửa nằm ngay đơ dưới đất chết giấc cả canh. Tiến nói : « Không hề chi đâu mà sợ. Đè tôi bắt ăn thâu hồn nó lại. » Rồi làm bộ giơ tay ra, miệng đọc lâm dâm hút một cái, rồi biều khiêng nó lên giường. Một lát thì thị Lợi tỉnh lại mà coi bộ lơ láo, mà ngồi đâu ngồi đó không chạy nữa.

Mấy người các lái bèn kiểu chủ nhà lùa trâu bò đi, chủ nhà năn nỉ cầm lại đặng đèn ơn cho ông thầy.

Mấy người nói : « Anh em tôi là việc buôn bán có giao ước với họ, nếu ở trễ ngày thì không đặng. Thôi anh em tôi còn lên nữa. »

Chủ nhà bèn hỏi : « Mà mấy ông ở đâu ? Làng nào ? Xin nói cho tôi biết, phỏng đi đâu ghé nhà thăm. »

Mấy người lái bèn nói rằng : « Anh em tôi ở gần chùa Đá

Ong, lối chợ Trảng đi vào ; nếu vô chùa đó hỏi tên Tiển thì có. »

Chủ nhà liền lấy trao ra năm sáu quan tiền đặng đi đàng uống rượu.

Mấy người ra đàng, rồi nói với nhau mà cười, hỏi anh Tiển-lác sao mà làm bất tử vậy ?

Tiển nói : « Tôi tinh đê ăn cơm rồi sẽ bày chuyện biếu làm gà vịt cúng, đặng anh em mình ăn uống chơi rồi làm dối-dá mà đi, ai ngờ là nó xốc vào đánh chém, tôi sợ quá nên lấy siêu nước nóng đánh bậy vô mặt nó cho nó sợ, sao thời may tà ma nó lại sợ mà xuất ra khỏi mình, cũng là may. »

Còn thị Lợi từ đó về sau hết bệnh điên. Vợ chồng thợ Lại nghĩ càng cảm ơn thầy Tiển vô cùng, liền mua một con heo với tiền bạc, bỏ lên xe bò, vợ chồng anh thợ với thị Lợi đồng đi đến chùa Đá Ông, tìm tới nhà thầy Tiển, đem heo làm thịt cúng tồ, lại đem mười đồng bạc tạ ơn, biếu thị Lợi lạy thầy đèn ơn, xin lỗi.

Vợ chồng anh thợ xin thầy mời ba ông lái kia tới uống rượu cho cháu nó lạy cho luôn, cũng là nhờ ơn mấy ông điềm chỉ, công việc xong rồi, vợ chồng với con, từ tạ thầy mà về xứ.

Truyện này cũng đáng làm gương cho mấy cô mấy chị chẳng nên đi đêm, chẳng nên đi coi đám đông đảo mà bị sự khổn nạn, làm cho cha mẹ buồn rầu điều ấy vô ích mà lại bị rủi ro.

Xin khuyên mấy người rắn mắt đừng có chơi rắn mắt mà người ta phải bị thiệt hại tội nghiệp tổn hao.

ĐẶNG - LÊ - NGHI

(Bài này tôi xin miễn phê bình và lấy
đoạn sau thay cho lời bàn và kết luận).

196 | Xà niên

(số 38 tr. 77)

Tai thường nghe người nói con xà-niên, vốn nó là người ta mà có cầm ngải, hễ khi nào muốn đi vào rừng bắt thịt, thì ngậm ngải mà đi, trước khi ngậm ngải mà đi, thì dặn người ở nhà hễ thấy xác thịt về thì người nhà phải cầm chồi quét nhà ra đón, đánh lên đầu ba cái đặng cho ngải nó xuất ra khỏi mình, nếu không làm như vậy, đè lâu ngải nó lâm vô mình thì phải điên. Nghe người tuổi tác nói rằng : « Con xà-niên nguyên tích trước có vợ chồng chú kia nhà ở gần rừng, người vợ có cầm ngải, hễ vài ba ngày thì đi bắt thịt một lần mà mỗi lần đem thịt về thì chồng chạy ra lấy chồi đánh ba cái tức thì ngải nó ra khỏi mình thi đặng bình an. Có một lần vợ đi bắt thịt, chồng ở nhà uống rượu với anh em, say ngủ mê, vợ đem thịt về thì không hay, nên không có dã ngải đặng ; người vợ lâm ngải liền bỏ chạy vào rừng đói khát ăn lá cây củ cỏ, lâu ngày mọc lồng ra xồm xàm cả mình, lòng cũng biết thương cha mẹ chồng con, nên ban đêm thi nghe tiếng kêu « chau ôi », ban đầu thì đi hai chon lâu lâu thì khòm, rồi lần lần bò quí xuống bốn chon, như con thú. Ấy là lời người trên trước nói vậy song không đủ cơ mà tin.

Có chuyện như vậy :

Thợ Triều là người ở tại bến Kéo, có quen với tên Sâm, tên Hậu, tên Nhạn, vốn là người ở Rạch-Rề, cả thảy đều là thợ rừng, thường hay đi vào rừng cốt cây mà bán, trong bốn người thợ này thì có một tên Sâm, hình cao lớn, sức lực mạnh lắm, lại trong mình thạo nghề võ, có nhiều khi đi cốt cây gấp cọp đón đàng thì đè một mình Sâm cự mà thôi. Một ngày kia bốn người đi vào rừng cốt cây cột nhà,

vào tới rừng liền phân nhau đi mỗi người mỗi phía xa xa nhau kiểm cây mà đốn, lai dặn khi nào có muốn kêu tựu thì phải hú hòi, dặn dò rồi thì mỗi người đều đi mỗi phía mà đốn cây.

Tên Sám kiểm dặng một cột lớn chừng năm sáu tay, liền tra rìu vào đốn; đốn một hòi lâu cây ngã, Sám bẻ thước đo cho đúng thước rồi sẽ trảy ngọn. Bẻ thước đo xong rồi, thì va ngồi nơi gốc cây ăn trầu hút thuốc, nghỉ một chút rồi sẽ chặt ngọn. Đang khi ngồi ăn trầu thì nghe tiếng đi ào ào đẳng xa, và liền đứng dậy mà coi, thì nó đi xốc lại gần, và nhìn sững không hiểu nó là con thú gì mà dị vậy, đầu mặt minh mầy lông lá lồm xồm mà coi giống hình người mà sao lại đi bốn chân. Con quái đó nó xốc nà vò muốn cắn, Sám sợ liền thụt lui lại lấy cái rìu đậm vò cây sút cái chén với lưỡi rìu rót ra còn cái đầu rìu không, quyết lòng đánh với nó chờ không chạy. Con thú nhảy tới chụp, Sám trèng qua trớ lại, đánh một hòi lâu chừng giập bã trầu thì con thú té chết, Sám mệt buông đầu rìu nói : « Mồ cha tám kiếp loài thú dữ, muốn cắn tao nên phải chết. »

Nói vừa dứt lời thì con thú đó run rẩy cả mình, tay chơn chuyền trớ, Sám ngồi nhìn sững, một lát nó sống lại chὸn vὸn đứng dậy nhảy xốc vὸi mình, con mắt lườm lườm làm dữ, va lấy đầu rìu đánh với nó một hòi rất lâu, Sám cũng mệt mà con thú cũng mệt, Sám ráng sức mà đánh với nó một hòi nữa, con thú bị va đánh nhiều cái nặng té nhào xuống nằm kè bên gốc cây mà chết.

Sám nói : « Khi nây đánh chết rồi sống lại làm dữ, bây giờ đè tao dỡ cây cột nây lên đè mầy. » Nói rồi ráng sức dỡ hỏng cây cột lên gác đầu cây lên mình con thú. Rồi bỏ đi ra ngoài mé rừng, hú hòi kêu mấy anh kia tựu lại mà coi con thú. Va hú vài ba chặp thì mấy anh kia nghe đi ra mé

rừng gặp nhau. Sâm liền nói lại từ đầu chí đuôi cho ba anh kia nghe sự con thú quái lạ như vậy, dắt mẩy ảnh vò chõ đó coi : « Tôi đã đánh chết dở cây đè nó đó. »

Ba người đi theo Sâm vò tới đó thì con thú sống lại bao giờ không biết đi mất. Sâm dùng mình lấy làm lạ sao con đó có sức mạnh quá như vậy.

Thợ Triều, thợ Hậu nói rằng : « Nó là con xà-niên, nó có cầm ngải nên nó mạnh lắm. »

Bốn người cãi lẫy với nhau mà không biết có phải con xà-niên hay là không.

Tưởng lại mỗi xứ đều có thú lạ. Như bên phương Tây có thú đầu người ta mà mình ngựa, Tây kêu là *Centaure* (săn-tô) đó cũng lạ, như con *Sirène* (xi ren), đầu và tay là người đàn bà mà khúc dưới là cá, có vảy có đuôi. Hai con này cũng đối với xà-niên đời xưa.

ĐĂNG - LỄ - NGHI

Lời bản của người chép truyện. — Ông Đ.L.N. quên nói rõ hai con thú của Tây kề nơi trên, vốn trong chuyện thần thoại, và không có trên thế gian. Con xà-niên đây cũng vậy. Thuở xưa, đường giao thông không có, sử-địa học, khoa-học và vạn-vật học đều mơ hồ, chuyện ngải chuyện bùa lại thạnh hành, nên chuyện người biến ra thú, vẫn được thuật lại và vẫn tồn tại trong trí óc bợm nhậu, là nhóm giàu tưởng tượng hơn ai cả. Đây là một đề tài tha hồ cho ta khai thác : chuyện con xà-niên. Ông Đ.L.N. tả rành rọt thợ Sâm khiêng cây cột mới đốn đè trên mình con xà-niên này, mà ông quên nói nó giống đực hay giống cái ? Những ai sau này có dịp nói tiếu-lâm « chuyện con xà-niên » trong bộ Đối-cỗ kỳ quan của ông Đăng-lễ-Nghi, in năm 1910, xin nhớ bồ túc cho vậy.

Về danh từ « xà-niên », tôi nghi nó không phải tiếng Việt, có lẽ một do thần-thoại chàm của nhóm ngâm ngái tìm trầm, hai do chuyện tiểu-dàm của người Cao-miên là xứ bùa ngải và khỉ đột, giả-nhơ.

197 | Trâu khôn sấu linh

(số 39 tr. 79)

Xưa nay tai thường nghe nói rằng : « Loài thú vật thì là vô tâm vô trí, không biết nghĩa sanh thành tạo hóa, không biết gì hết thảy. » Có lời ông Hàn-văn Công nói rằng : « *Ngươi bất thông cổ kim, ngươi mã nhi cảm cự* » (Người mà không biết việc xưa nay thì như trâu ngựa bận quần áo). Như lời thánh-nhơn nói vậy thì e làm chăng ? Nói rằng trâu ngựa là loài thú không biết gì hết. Con trâu nó có trí khôn, đi đâu xa, ban đêm trở về đều biết ngõ mà vào. Con ngựa cũng có trí khôn, cũng biết nghĩa mẹ con, chẳng hờ khi nào mà con ngựa con nó nhảy ngựa mẹ.

Năm Quý-mão¹ chúa Nguyễn Ánh đang đánh giặc với Tây-sơn, đặng lo phục quốc. Tháng tư, chúa tôi ở tại Bến-Lức. Giặc Tây-sơn Nguyễn-văn-Huệ, Nguyễn-văn Lữ nghe chúa ở tại Bến-Lức, liền đem binh tới đánh, binh chúa thua chạy tản bậy, giặc rượt chúa chạy bộ tới Rạch-Chanh, ý chúa muốn lội qua bên kia sông cho khỏi giặc, mà lại Rạch-Chanh có nhiều sấu nên chúa không dám lội, chúa vừa

1. Năm Quý-mão âm-lịch : năm 1783 dương-lịch, năm thứ 6 đời vua Thái-Đức (Tây-sơn) và năm thứ 4 đời vua Quang-Trung.

thấy một con trâu nằm dựa mé sông, chúa liền lèn lưng trâu biều nó đưa ngang qua sông, trâu liền chở chúa lội ra xa xa, nước chảy mạnh quá, trâu hụt chør lội không nổi, liền chìm xuống mà trôi, tức thì có một con sấu lớn trừng lên, chúa ngó là nó trừng lên mà gắp mình, ai ngờ là sấu kề lưng lại rước, chúa liền lèn lưng sấu lội ra giữa vời, giặc rượt theo tới mé sông, mắc sông giặc không có ghe mà chèo theo. Con sấu nó lội riết qua bên kia sông, đến bên mé thì cắp vào bờ cho chúa bước lên, chúa liền đạp bộ chạy về Mỹ-Tho, kiếm ghe chở mẹ với vợ ra hòn Phú-quốc.

Ấy đó trong sử ghi chép rành rành. Thật là con trâu tuy là loài thú, song cũng có tri khôn, con sấu cũng là loài thú, cũng biết cứu người.

Đó là việc nay, còn như việc xưa, ngựa cũng biết cứu chủ, như ngựa Đích-lô cứu Lưu-Bị nơi Đàm-Khê. Khi binh của Thái-Mạo rượt, Lưu-Bị chạy tới mé bưng thì Lưu-Bị sợ giặc, giục ngựa nhảy xuống bưng mắc lầy đứng sững. Bị ngó ngoài lại thấy giặc theo đã gần thì nói : « Ngựa này hại ta ». Lưu-Bị liền giơ roi mà hô rằng : « Đinh-lô, Đích-lô, kim nhựt phóng ngô ». Nói vừa dứt lời, con ngựa nhảy một nhảy bay khỏi bưng và khỏi sông.

ĐẶNG - LÊ - NGHI

Phụ chú. — Chuyện này, tôi không muốn bàn nhiều : vua Gia-Long và nhà Nguyễn đã lui vào dĩ vãng. Duy trong một buổi trà dư tửu hậu nào đó, nếu các bạn muốn hiểu thêm lịch sử nước nhà và gây thêm hào hứng cho một cuộc nói tiếu lâm có điền, thì tôi xin góp chút ít tài liệu : *Thứ nhứt.* — Về tích Gia-Long tầu quốc, hay tích Gia-Long chạy giặc Tây-sơn, thì tích « Trâu khôn sấu linh » này xảy

ra vào năm Quý mão, tức năm 1783 Tây lịch, và xảy ra tại khúc Rạch Chanh trong Nam kỳ, đúng vào năm thứ 6 đời vua Thái Đức và năm thứ 4 đời vua Quang Trung nhà Tây Sơn.

Về sau vua Thiệu Trị, để kỷ niệm một đoạn sử của tổ tiên, có đặt lò sứ Trung hoa làm ra ba kiều chén trà như sau : a) một kiều vẽ một người lữ khách đứng bên kia cù lao ngóng trông một chiếc thuyền con ở bên này sông qua rước về đất liền, và có câu thi :

« Ngự gia độ hoàng gia,
« Âm tinh ngộ Đế tinh

dịch :

Ông chài chở ông vua,
Sao Âm gặp sao Đế

Ký hiệu « Ngoạn-Ngọc » (Bibelot de jade)
hay là « Nhã-Ngọc » (Beau comme jade)

b) một kiều nữa cũng vẽ na ná như trên, nhưng mà câu thi đồi lại :

« Bình kiều nhơn hoán độ,
« Xanh xuất tiều chu lai.

dịch :

Ngang cầu khách kêu đò,
Thuyền nhỏ chèo ra tối.

Ký hiệu : Ngoạn-Ngọc, hoặc là
« Kim Tiên kỳ ngoạn »

c) một kiều thứ ba, đơn sơ hơn, nhưng rất khó kiểm hơn, vẽ tích trên, nhưng không có đề thi và ký hiệu « Chánh ngọc » (vrai jade).

Ba bộ chén này, nay trong Nam còn sót lại những dĩa lè bô, nhưng kiếm được một hay hai đem về treo trong nhà chơi, ít nữa người ta cũng nói mình biết điệu và có chút gì hiểu cỗ hay tòn cỗ, — chuyện bảo hoàng hay suy tôn nhà Nguyễn là ngoại vấn đề, xin miễn luận.

Thứ nhì. — Về một tích khác « trâu mẹ kiếm con rống lên và ruồng trong một đêm biển một khúc rừng ra một sông lớn, tên gọi nôm na là « *sông Bến Nghé* », hay bến nước *Ngưu Tân*, hoặc bãi sông *Ngưu Chử*, ấy thiệt là ta đồi một điền tích cơ-me ra điền Nam, và chế ra một huyền thoại để phui pha một tang án cũ. Kỳ thật *sông Bến Nghé*, cơ-me đặt tên từ trước là *Kompong Speu* (*kompong* là vũng, *speu* là con sấu), và con sấu hay nữa con trâu đều rống như nhau, ban đêm hay ở trong rừng sâu, nghe tiếng rống, khó phân biệt tiếng nào là tiếng sấu, tiếng nào là tiếng trâu vậy. Từ *speu* đồi là *kra-bey*, từ sấu đồi ra trâu, ở đây là chuyện tiểu lâm, nói để nghe chơi, xin ai kia đừng viện tích này mà đòi gia tài của chúng tôi nghé!

Thứ ba và chót hết. — Vùng Nam kỳ Lục tỉnh, thuở đàng cựu, trên rừng là cọp, dưới nước là sấu, rất nguy hiểm. Ngày nay được làm vầy, xin chờ quên công lớn của những người kỳ cựu có công khai phá.

198 | Nước gừng trị bệnh bôn đòn (lớn dài)

(số 40 tr. 81)

Xứ Giồng-Vấp, làng Lộc-giang, có nhà tên Mầu, làm nghề

rầy bái ruộng nương, và biết nhiều mặt thuốc nam, và cũng trị nhiều bệnh lành đỗi, nên trong xóm làng kêu và là thầy Mầu. Tuy là làm thuốc nam mà iồ dài cũng khá, hễ làm bệnh nào thì lành bệnh nấy, nên và có tiếng đồn rằng thầy có tài, lăm chỗ này rước chỗ kia rước.

Xóm trên có người tên là Đa, khi trước có làm trùm một năm, sau thôi làm trùm, mà trong làng cũng quen kêu là trùm Đa, trong nhà khá có ăn, có trâu bò, ngày nọ và bị ăn trộm lúa hết hai con trâu, và theo dấu rồi và chạy nhào theo trâu, chạy từ hừng đông cho đến đứng bóng thì mới gặp trâu, mấy người ăn trộm sợ chạy vào rừng, Đa lùa trâu về. Đi tới nửa đêm mới đến nhà, sáng ngày ra thì và phát bệnh lớn dái, vợ con lo chạy thuốc kia thuốc nọ thoa bóp mà không hết, rước thầy ngải, thầy Mèn đến làm cũng không hết, trong nhà liền nhớ lại có thầy Mầu ở xóm dưới, tính sai người đi rước.

Trùm Đa nói: « Tao nghe thầy Mầu trị bệnh máu cho đàn bà thì giỏi, mà các bệnh khác, tao e và làm không hết, sợ e làm bậy tốn tiền vô ích. »

Người vợ nói: « Người ta làm thầy thì lẽ nào không trị bệnh đặng, việc thuốc vốn là phước chủ may thầy. »

Người chồng làm thịnh, vợ liền sai người đi rước thầy Mầu tới. Thầy vô coi rồi ra nói rằng: « Bệnh của anh đây, nó muốn làm bôn đòn, nếu nó làm bôn đòn thì vô phương trị. »

Người vợ nói: « Như bệnh đó thì thầy liệu thể nào? Uống mấy thang mà xopalà mạnh? »

Thầy nói: « Đôi ba thang thì xopalà, mà đều có thuốc khác trị mới là mau, ở đây cũng có đem theo mà không đủ. » Chủ nhà nghe nói xopalà mau thì mừng vì là mấy bữa rồi nó làm tức chịu không đặng. Thầy cõi ý kiểm chuyện nói đặng đi lo tìm phương rồi sẽ cho, nhưng mà chủ cứ theo nǎn

nỉ xin có phương nào thì cho bây giờ đặng cho nó bớt tức.
Anh thầy ngâm nghĩ liền hỏi chủ vậy chờ ở nhà có gừng
già hay là không?

Chủ nhà nói có, liền biếu đao cho nhiều bỏ vô cối đâm cho
nát, chế vô chút nước, rồi đem vắt lấy chừng hai phần
chén nước đem đây tôi hòa với thuốc của tôi rồi đem vào
thoa nội trong một lát thì xẹp bớt.

Chủ nhà làm y như lời, đem chén nước gừng giao cho anh
thầy, anh thầy làm bộ day mặt vô vách, dở cái đãy lấy
một nhúm thuốc nát bỏ vào miệng nhai rồi nhô vào chén
cả và cái và nước, liền trao cho chủ nhà biếu đem vào lấy
tay mà chấm mà thoa cho cùng, thoa ba bốn lần cho nó
thấm. Mới thoa vào thì nghe tăn tăn, một lát thì nghe
nóng rát.

Đa liền kêu : « Thầy ôi, sao nghe nó nóng rát lung lăm vậy ? »
Anh thầy nói : « Không hề chi, cứ việc thoa hoài. »

Một lát lâu lâu nó nóng và rát quá chừng, Đa nằm ngồi
không đặng, nó nóng và rát quá chịu không đặng, liền chửi
anh thầy. Đầu chửi bao nhiêu cũng không hết nóng rát,
Đa ngồi không đặng, rút cây rượu lão thầy mà đánh, lão
thầy chạy xung quanh nhà vài vòng rồi chạy thẳng về nhà
thở hào hèn.

Thím thầy ra hỏi : « Chạy đi đâu mà thở hung vậy ? »

Lão thầy nói : « chuyện tíc cười lắm, mày ôi ! Đề tao nói
chuyện cho mà nghe. Thằng cha trùm Đa nó đau sao
không biết mà rái nó sưng lớn bằng cái tó, tao coi rồi nó
biết tao hốt thuốc. Tao cố ý nói dối là đặng về mà kiểm
phương, mà nó không cho về, nó cứ biếu cho thuốc. Tao
nhứt định thứ gừng thì nó nóng, xức vào có khi nó xẹp,
tao biếu nó đâm nước gừng đem cho tao hòa thuốc. »

Vợ hỏi : « Vậy mình hòa thuốc gì ? »

Anh thầy nói : « Có thuốc gì đâu mà hòa ! Tao lấy thuốc hút

mà thuốc nát, tao bỏ vô chớ không có chi hết, rồi tao biếu nó thoa ba bốn bận nên thấm vào rát nóng quá, nó chửi, nó rượt tao nó đánh, tao chạy về đây. Còn nó ở đó làm sao không biết! »

Vợ nó nói: « Sao mà làm vậy? Sao không hốt thuốc cho nó? »

Lão thầy nói: « Thuở nay mình thường làm thuốc máu giỏi, làm thuốc cho đàn bà, chớ ai có làm bệnh lớn dai đau mà biết. »

Còn trùm Đa, nóng nảy quá, rát rao quá chịu không đặng, chạy bậy bạ chạy ra đồng rồi chạy vô kiểm bàu kiểm vũng đặng nhảy xuống cho nó mát, kiểm quanh quắt không có vũng bàu chi cả, liền ngó ngoài lại thấy trong chuồng trâu có nước cút trâu, và nhảy làm xuống nước cút trâu, lút khỏi lung quần, đứng giữa đó mà chửi lão thầy um sùm, một lát sao nghe êm mát, và thò tay xuống rờ thì xop khô, lấy làm mừng, vội vã đi lên tắm rửa sạch sẽ, vào nhà nằm nghỉ đi nghĩ lại tức cười, mà cảm thương lão thầy bị mình đánh chửi, nghĩ càng cảm ơn thầy Mầu lăm, liền biếu trẻ trong nhà đi mua một chai rượu, bắt một cặp vịt, biếu vợ đưa vài đồng bạc, bảo trẻ xách rượu vịt đi với mình tới nhà thầy đặng xin lỗi và đền ơn.

Đến nơi thầy Mầu ra chào hỏi thăm: « Căn bệnh anh bây giờ có khi đã mạnh rồi chăng? Còn bây giờ anh đi đâu mà ghé lại đây? »

Trùm Đa nói: « Tôi cố ý đến thầy. » Liền đè rượu với bạc nơi ghế và nói: « Tôi đem một chai rượu với một cặp vịt, đó là chút lẽ mọn xin thầy nhậm mà tha lỗi cho tôi, còn hai đồng bạc là tiền tôi trả tiền thuốc. »

Lão thầy nói: « Anh có lòng thảo thì tôi rất cảm ơn, mà anh thiệt nhất gan quá. »

Nói sơ sài rồi hai đằng cười, Đa kiễu thầy ra về.

Thầy Mầu ngẫm nghĩ tức cười, lại nghĩ không biết tại nước gì nóng mà xop, hay là nước gì với nước cứt trâu kị nhau mà làm xop, lấy làm khó biện luận thứ nào là hay.

ĐẶNG - LÊ - NGHI

(Ấy ngày xưa trị bệnh như vậy, một cách phỏng ứng và đúng là tiểu-lâm.)

199 | Hồn Gia-định, xác Bắc-thành

(số 42 tr. 84)

Xem truyện kia sứ nọ, thấy nhiều tích lạ lùng quái dị, khó mà luận biện giả chơn, là vì việc đã nhiều đời, tưởng lại những chuyện quái dị, tai biến thì đời nào cũng có, xưa thì truyện sử biên chép đẽ lại, còn như đời nay có việc kỳ quái biến vào nhựt trình cho thiên hạ xem.

Năm Quý-mão¹, xứ Hà-nội (Bắc-thành), có một chuyện rất quái dị, có thơ của người bằng hữu thuật lại rõ ràng. Tại châu thành Hà-nội, đường Hàng Buồm có một căn nhà mà hai chủ ở, ngăn làm hai, một người ở Gia-định làm thầy thông, một người Bắc-thành làm thợ rèn, hai người đều có vợ, ở chung như vậy đã lâu, một ngày kia hai người đàn bà đau bịnh, nội đêm ba mươi tháng năm lang-sa thì hai

1. Năm Quý-mão này là năm 1903, tức năm thứ 15 đời vua Thành-Thái.

người đàn bà đều chết một lượt, sáng ngày đi khai nới quan giám thành, quan giám thành xem xét rồi thì cho phép chôn.

Thầy thông là người Gia-định, có sẵn sàng tiền bạc lo tống táng vợ an bài. Còn người thợ rèn là người Bắc, còn đẽ xác vợ đó mà đi cho bà con thân tộc hay, lại cũng không có đủ tiền bạc mà dùng trong cuộc tống táng, đến chiều tối mới mua đặng quan quách mà liệm. Trong nhà đang sửa soạn liệm, thì chị thợ rèn sống lại, ngồi dậy tĩnh táo, bước xuống đất đi cùng nhà, anh thợ rèn thấy sự kỳ quái thì lấy làm sợ, không hiểu ý nào, trong lòng hò nghi ma quỉ nhập vào xác mà nhát, anh thợ rèn quì xuống lạy vợ mà hỏi. Chị thợ rèn ngó anh thợ mà xem ra bộ hồ ngươi mắc cỡ.

Người đàn bà sống lại đó nói rằng : « Tôi là vợ thầy thông ở Gia-định, chờ không phải là vợ thợ rèn, vốn tôi là người đàn bà ở Gia-định mà tâm tánh hiền lành trọn ngay trọn thảo với chồng nên cho sống lại mà ở với chồng cho trọn nghĩa cang thường. »

Mấy người Bắc-thành nghe nói thì lấy làm lạ lăm, và không hiểu chị thợ rèn nói giống gì lạ tai quá. Liền đi kêu thầy thông mà nói lại các việc, thầy thông nghe nói thì buồn rầu nhớ vợ, liền trả lời rằng : « Vợ tôi chết rồi chôn rồi, còn vợ nào đâu mà nói dí sự như vậy. »

Người đàn bà này cứ nắn nắn quyết một nói thầy thông đó là chồng thật của mình mà thôi, cứ theo mãi, thầy thông lấy làm lạ mà lại mắc cỡ, vì là cứ theo hoài, thầy thông tức mình liền nói rằng : « Như nói quả là vợ thì hãy nói tên cha mẹ ở Gia-định, ở làng nào tông nào, tên cha mẹ bên chồng bên vợ, việc cưới hỏi thuở xưa làm sao, đồ nữ trang khi cưới những món gì, vợ chồng ở với nhau lâu nay làm sao, có dư dả hay là thiếu thốn, hồi chôn đồ tần liệm những vật chi phải nói cho rõ cẩn cội. »

Thầy thông hỏi dứt lời, thì chị ta nói lại rõ ràng mỗi việc đều y kỵ, lại nói trúng những tiền bạc vợ chồng dành để mà chôn đâu để đâu đều nói trúng hết thảy. Thầy thông ngồi sững đông, không biết nói làm sao, thật lấy làm lạ quá lè, không biết lấy đâu mà luận biện cho mình bạch. Lời nói thì mỗi việc đều trùng, là người Gia-định vợ thầy thông, mà ngặt vì tay chơn mặt mũi hình vóc với lời nói thì là người Bắc-thành, thầy thông không chịu nhìn là vợ, chỉ thợ cứ việc theo thầy thông, anh thợ rèn cứ theo bắt vợ. Việc rất nên là liệu điệu, không ai biết đâu mà công luận, sự rất nên quái dị, không ai xử đặng.

ĐẶNG - LỄ - NGHI

200 | Tà bất cảm chánh

(số 30 tr. 55)

Xứ Bắc-thành, tỉnh Bắc-ninh, có một người tên là Nguyễn Chánh-Bình, tâm tính cang cường khí khái lầm, bình sanh không ưa sự dị đoan, ưa chánh ghét tà, việc văn chương người cũng thông, người đã vào hàng học sanh, vợ người khoản sớm đẻ lại hai đứa con trai, đứa lớn nên mười một tuổi, đứa nhỏ nên chín tuổi. Chánh-Bình ngày đêm lo dạy hai con cũng thông minh lầm. Ngày kia Bình đem hai con xuống Hà-nội mướn phố ở mà học đặng đến khoa mà thi cho luôn thê. Cha con tới Hà-nội mà không có chỗ ở, liền dạo theo thiềng thị kiếm phố mà mướn, vừa thấy một dãy phố, có một căn đóng cửa không có người ở, hỏi thăm nhà chủ phố đến mướn.

Chủ phở nói : « Phở tôi rất nhiều mà có một căn không ai mướn, dầu có mướn thì ở cũng không đặng, vì là ma yêu trong phở phá lăm, không ai dám ở. »

Bình nghe nói thì cười và nói rằng : « Nếu không ai ở thì cho tôi ở. »

Chủ phở nói : « Tôi không tiếc chi mà sợ e chú ở không đặng, nếu chú ở đặng thì tôi cho ở không, tôi không ăn tiền. »

Bình nói : « Không hề chi mà chú ngại, cho tôi ở nó làm sao tôi thì tôi chịu ». Chủ phở thấy than thỉ lăm thì biếu người đi đến phở đó mà quét dọn tử tế cho Bình ở.

Nguyễn Chánh Bình vào phở ở đã hai đêm không có sự chi cả, qua đêm thứ ba, cha con đang ngồi đọc sách, thì nghe tiếng giày lộp cộp trên tấm bừng, tức thì nghe tiếng thòi vo vo, đèn tắt. Nguyễn Chánh Bình tự nhiên lo thắp đèn, vừa xong thì lại thòi tắt đi, nó cứ làm vậy ba bốn lần, mà Bình cũng không sợ, cứ lo đọc sách, đang đọc sách thì nghe có tiếng con gái nói thanh thao rằng : « Nhà này là của tôi ở thuê nay, người ở đâu dám đến mà choán chỗ của ta ? Nếu người không đi thì ta sẽ làm hại. »

Bình nghe nói thì trả lời rằng : « Phở này ta mướn có chủ, ta chả đi đâu. »

Qua đêm sau cha con cũng đọc sách, liền nghe tiếng lộp cộp, ngó lại thì thấy trên vách thông xuống một cái thang, có một người con gái tác chứng mười tám mười chín tuổi, nhan sắc đẹp đẽ lăm, đi xốc túi trước mặt Bình mà nói rằng : « Ta biếu đi sao không đi ? Nếu trong ba bữa mà không đi thì ta sẽ bắt con lớn của ngươi chết. »

Bình nghe nói vậy nồi nóng lên, cầm quạt đánh vào mặt người con gái, tức thì con gái biến mất.

Cách ba ngày thì thằng con lớn đau bụng mà chết, Bình than khóc rồi lo chôn con. Tối lại còn một cha một con,

cũng ngồi đọc sách, liền nghe tiếng kêu trên không mà rắng : « Sao ngươi không đi ? »

Bình đáp rắng : « Tao chả đi đâu, tao ở đây, mi giỏi làm chi thì làm. »

Con gái ma nói rắng : « Nếu năm ngày nữa mà ngươi không đi, thì ta sẽ bắt thác con ngươi. »

Bình tự nhiên không sợ sệt chi, cứ việc lo học mà thôi. Đủ năm ngày thì đứa con đau mê man một buổi rồi chết.

Bình than khóc và nói rắng : « Số mạng nơi trời. » Lo chôn con an rồi, tối ngồi một mình mà học thì buồn vì là vắng con, trong một giây phút thì con ma lại kêu mà nói : « Sao ngươi không đi, còn đợi ta bắt ngươi, nữa sao ? »

Bình nói : « Mi giỏi thì bắt ta, chờ ta nổ đi. »

Con ma nói : « Nếu ngươi không đi thì ngươi hãy coi ta ! »

Qua đêm sau, Bình đang ngồi học nghe tiếng động lộp cộp trên vách rồi nghe một cái đui, ngó lại thấy một cái đui người ta coi bộ như sinh mà tái xanh. Bình ngồi xem chờ không sợ chi, rồi rót xuống một cánh tay cũng tái xanh, một hồi lại rót cái mình.

Bình ngồi tự nhiên và rắng : « Lũ ma này thật là quái lăm. Bay cỗ ý làm như vậy mà nhát tao, song tao nő sợ, trối kệ nhà mi làm gì thì làm. »

Tức thì nó rót liền liền đủ cả thân mình, ráp lại thành người liền bước tới trước mặt Nguyễn Chánh Bình, xem ra hình cung kính.

Bình ngó nó thì nó vòng tay lại mà lạy Bình và nói : « Xin quan lớn chờ chấp kẻ tiện ti. »

Bình nghe vậy thì lấy làm lạ liền hỏi lại rắng : « Mi đã bắt hai con ta sao mi không bắt ta cho luôn, nay lại đến mà xin lỗi ? Còn phận ta là một người bần sĩ sao gọi ta là quan lớn ? Có chi vậy hãy nói cho ta nghe ? »

Con ma nói : « Tôi không phải bắt con ông chết, đó là số

mạng nơi trời. Vốn tôi là ma quỉ biết rõ ngày chết nên tôi mượn đó mà nhát cho ông sợ mà đi cho khỏi nơi đây, chờ ở lện theo thì tôi sợ lắm. Thường yêu ma hay sợ người chánh khí, còn sự kêu bằng quan lớn là đến khoa thi đây, ông sẽ đậu đầu tần sĩ, vì lòng trung nghĩa chánh khí thì ông đặng chức thiếu-bảo. Bây giờ tôi xin nói một điều xin quan lớn nhậm lời : tại chỗ quan lớn ngồi, đó là cái hòm của tôi, khi chồng tôi chôn tôi thì có bỏ theo mười lăm nén bạc, xin ngài mướn người đào lên đem dời nơi khác, lấy mười lăm nén bạc đó mà tiêu xài nội cuộc, còn dư thì ngài tiêu xài, phận tôi tuy là ở nơi chín suối song cũng cảm đội ơn ngài, và tôi cũng hết lòng theo mà giúp ngài mọi việc. » Nói rồi biến mất.

Nguyễn Chánh Bình ngồi nghĩ một hồi rồi nói : « Ma quỉ rất nêu kỳ quái. »

Sáng ngày Bình đi đến nhà chủ phố mà nói lại các việc đầu đuôi cho chủ phố nghe và xin chủ phố cho mình đào phố mà lấy cốt y như lời con ma xin.

Chủ phố chịu cho, Bình về mướn người đào xuống sâu hơn mười thước thì đúng một cái hòm bằng đá, trên nắp có khắc bốn chữ « Mã-Viện thứ thê »,¹ xem điệu chữ giống điệu chữ đời Hán, dỡ nắp hòm thì thấy xác một người con gái mặt mày xinh tốt, một chặp lầu hơi gió vào thì tan lìa, xem lại cho kỹ thì có mười lăm nén bạc liệm theo. Nguyễn Chánh Bình lấy bạc mướn người đem dời hài cốt nơi khác, lại đắp xây mồ mà tử tế, lấy mười lăm nén bạc đó mà trả tiền tồn phí cho mấy người làm công còn dư tiền bao nhiêu thì Bình mua giấy tiền, vàng bạc mà đốt hết, không lấy một đồng trong số tiền đó.

Qua năm sau tới hội khoa thi, thì Nguyễn Chánh Bình ra thi

1. Nếu thật Mã-Viện thì là một viên đại tướng đời Đông Hán.

đậu đầu tần sỹ, làm quan đến chức Thiếu-bảo y như lời con ma đã nói với mình năm trước.

Gãm lại xưa nay chẳng khác, hẽ người ở công bình chánh trực khí khái, dầu cho thần thánh cũng vì, còn loài ma quỉ thì kinh sợ, như đời xưa, đời Tam-Quốc, có Tôn Bá-Phù (Tôn Sách) thật cũng là chánh khí, thầy Vu-Kiết dùng tà thuật mà có dám làm chi đâu, saú Tôn Sách bị bình mà chết.

ĐẶNG - LÊ - NGHI

201 | Chuyện ma trong Chợ-lớn

Nhơn kẽ chuyện ma xen chuyện Tiểu-lâm, tôi xin kẽ nốt chuyện sau đây vốn là bài cắt trong báo MIỀN NAM ngày 20-5-1964, dưới ngòi bút của Ông Bạch-Ngọc, và tiện đây tôi xin có lời cảm ơn tác giả, vì không rõ địa chỉ nên không thể biên tho hoặc xin phép tận nhà. V. h. S.

«*Ma Chợ-Lớn*.— Bạn Tôn Ngô, hiện là một công chức cao cấp tại sở Ngoại-kiều, có kẽ cho tôi nghe một chuyện ma hiện hình mà anh đã mục kích như dưới đây ở hai mươi năm về trước.

— «Đêm hôm ấy tôi có việc phải đi thăm một người bà con đau nặng ở vùng Chợ Thiết (Chợ-Lớn). Lúc đi trời không mưa, lúc trở về dọc đường thì trời đồ mưa xuống như trút nước. Tôi phải chạy nấp vào một gốc cây da sát vách tường rào của bệnh viện Chợ Rẫy. Lúc ấy trời khuỷa không có một bóng người qua lại. Chỉ thỉnh thoảng một chiếc xe hơi chạy vút qua rồi mất hút. Chỉ còn lại con đường rợp bóng lá, mờ mờ dưới những ánh đèn đường vàng vọt qua mưa rơi... Độ nửa giờ sau, mưa dứt hột, tôi lách mình ra chỗ nấp định đi dài theo đường chờ xe đi qua, đón đi về nhà ở Đất Hộ.

Đang đi, tôi vụt có cảm giác như sắp có ai sẽ đi ngược về phía tôi. Tôi vội đưa tay gạt những hạt mưa còn bám đầy mắt cho dễ nhìn. Quả thật đúng vậy, không hiểu tự bao giờ có hai người xuất hiện và sắp đến gần tôi. Họ vận toàn trắng, có lẽ đây là hai kẻ mặc tang phục. Tôi ức đoán có lẽ hai kẻ có thân nhơn chết tại nhà thương Chợ Rẫy, họ đi chôn xác vừa về. Vì lúc ấy, họ đang đi qua khỏi cửa nhà xác độ vài chục thước. Tôi cũng yên trí bước đều...

Hai bóng trắng vừa vượt qua tôi. Lúc ấy tôi chợt muốn hút thuốc cho đỡ lạnh, nhưng không quẹt đem theo. Tôi lật đật quay lại định hỏi hai bóng trắng vừa đi qua, để hỏi lửa. Nhưng bỗng nhiên tôi thấy lạnh xương sống vì quay lại thì tuyệt nhiên sau lưng tôi không có một bóng người nào nữa. Mặc dù cái xoay lưng của tôi không đầy một phút. Tôi đứng phân vân, tim bấn loạn muốn vụt bỏ chạy, thì từ đằng xa, thấp thoáng hai bóng trắng ban nãy chợt hiện ra và bước mau trở về phía tôi. Tuy điểng hồn, tôi cũng cố đứng chờ họ đến. Nhưng rồi cả hai người ấy như hai cái bóng bắng mây khói, tan biến, dần dần trước mắt tôi, không còn thấy nữa. Đường khuya lạnh uất và rùng rợn như nghĩa địa hoang vu. Tôi vụt bỏ chạy bất kể về hướng đường trước mắt, nơi ấy tôi thoáng thấy có ánh đèn đường hiện ra mở cho tôi một lối thoát.

BẠCH-NGỌC (báo Miền Nam)

Tôi chép đến đây, chuyện ma đang giòn, nhơn còn hai chuyện sốt dẻo, tôi xin kể luôn đang khi ngon miệng, vì biết mai này có còn sống để in tập khác tiếp theo tập này nữa không, và mặc dù tôi đã hứa kể hết tập Đồi cò kỳ quan của ông Đặng-Lê-Nghi là bắt qua kể chuyện tiểu-lâm tản thời. Đó là hai chuyện lựa rút trong bộ «*truyện đời*

xura » của ông Đinh-Thái-Sơn, in lần ba tại Sài-Gòn nhà in Phát-Toán, năm 1908 :

- Hồn Trương Hoa, ma hàng thịt ;
- Chuyện Thủ Huồn.

202 | Hồn Trương Hoa, ma hàng thịt

(chuyện số 31 tr. 48)

Anh Trương Hoa là người đánh cờ tướng giỏi lắm, những người thê gian không ai đánh lại. Một ngày kia đánh cờ với một người kia, thì người kia phải túng nước ngồi mà nghĩ hoài, không biết đi nước nào mà gỡ cho khỏi thua. Anh Trương Hoa mới nói với người kia rằng : « Cờ này có một mình ông tiên là ông Đế-Thích, gỡ đặng mà thôi, chờ không ai gỡ đặng. »

Nói rồi một chặp thì có một ông già ăn mày đến nhà Trương Hoa mà xin, thấy hai người đương ngồi mà đánh cờ, ông ấy bước lầm đến mà coi, ông thấy anh kia túng nước, ông nói với Trương Hoa cho ông đi thử một nước coi. Anh Trương Hoa cười mà nói rằng : « Cờ này có ông Đế-Thích gỡ được cùng chặng, chờ ông làm gì được mà nói. »

Ông già nói rằng : « Xin anh hãy cho tôi đi thử một nước coi, như không đặng thì thôi. »

Anh Trương Hoa bỗng lòng mà cho ông ấy đi một nước cờ. Ông đi một nước thì gỡ đặng mà anh Trương Hoa lại phải thua.

Anh Trương Hoa tức mình, lấy làm lạ, mà nhìn ông già ấy hoài, rồi mời ông già ấy lên ngồi, anh ta mới bước xuống đất lạy ông già ấy mà nói rằng : « Tôi chắc ông là ông Đế-Thích, chẳng phải là người phàm. »

Ông già ấy từ chối không chịu, nói mình là người bần nhơ.

Anh Trương Hoa không nghe cứ lạy ông ấy hoài, ông ấy phải chịu : « Tôi là Đế-Thích, tôi nghe anh nói đến tên tôi, nên tôi phải đến đây mà coi anh đánh cờ thê nào, thì thiệt anh cũng là người giỏi, tôi lấy làm bằng lòng lắm ; nay có một sự, số anh đã gần ngày chết, mà chưa biết bùa nào, bây giờ tôi phải về trời. Nay tôi dặn anh một điều, anh phải nói lại cho vợ anh biết, hễ đến khi anh chết rồi, thì phải thắp nhang lên mà vái tên tôi, thì tôi sẽ xuống mà cứu cho anh sống lại. »

Đó rồi ông ấy đi mất. Anh Trương Hoa tin lời ông nói là thiệt, mới dặn lại người vợ, hễ khi anh chết rồi phải làm như vậy. Người vợ cũng tin nhớ lời Trương Hoa dặn.

Cách một ít lâu thì anh Trương Hoa chết, người vợ than khóc mà lo sự chôn cất, quên lời ông Đế-Thích dặn. Cách chừng một tháng, người vợ đi quét trong buồng, ngó thấy bàn cờ tướng mới nhớ sực lại lời ông Đế-Thích dặn trong khi đánh cờ. Lật đật thắp nhang vái mà kêu tên ông Đế-Thích. Được một chặp thì ông Đế-Thích đến, ông hỏi sự tình thì người vợ nói : « Chết đã được một tháng rồi, mà mắc lo chôn cất nên quên lời ông dặn, bây giờ tôi thấy bàn cờ thì nhớ sực lại mà vái ông, xin ông tĩnh làm sao cho chồng tôi sống lại. »

Ông Đế-Thích rằng : « Anh Trương Hoa chết đã lâu thì thịt nát xương tan rời, làm sao nhập xác cho đặng ? »

Chị ta lạy ông Đế-Thích hoài không cho ông về, biếu ông làm sao cho chồng sống lại.

Mà may ngày đó, lối xóm có anh bán thịt heo mới chết. Ông Đế-Thích mới nói với vợ Trương Hoa rằng : « Bay giờ phải nhập hồn cho thằng bán thịt, chị có bằng lòng chăng ? » Chị ta nghe nói làm vậy không biết tính làm sao, cũng phải bằng lòng.

Đó rồi ông làm phép đem hồn Trương Hoa nhập vào xác thằng bán thịt mà sống lại. Thì vợ con thằng bán thịt mừng rõ lắm, mà thằng bán thịt không biết vợ con mình là ai, coi nhà cửa thì lạ hết, cứ nói nhà Trương Hoa hoài. Vừa gặp vợ anh Trương Hoa đến, thì thằng bán thịt chạy đến ôm vợ Trương Hoa mà mừng rõ. Vợ anh Trương Hoa đã nghe lời ông Đế-Thích nói rồi, cũng mừng rõ đem chồng mình về nhà. Vợ con thằng bán thịt chạy theo niu lại mà nói rằng : « Người này là chồng tôi, mà sao chị dắt đi ? » Vợ Trương Hoa lại nói rằng : « Chồng của tôi, làm sao chị theo giành ? »

Rồi hai người đàn bà đánh lộn với nhau kiện đến quan.

Quan hỏi thằng bán thịt : « Vợ con mày là ai ? »

Thì nó nhè vợ Trương Hoa nó chỉ là vợ nó. Còn hỏi đàn bà kia là ai, thì nó nói vợ anh bán thịt cùng xóm với nó. Quan lại hỏi cách làm heo buôn bán làm sao, thì nó không biết chi hết, mà biếu nó đánh cờ tướng thì nó đánh giỏi lắm.

Quan lấy làm khó xử vì hồn người này xác người kia.

Quan lại hỏi vợ Trương Hoa : « Trong khi chồng mày còn sống có làm điều gì nhơ nhét lớn không ? »

Vợ Trương Hoa nói rằng : « Chồng tôi không có làm nhơ nhét gì, có một sự đang đánh cờ tướng thì có ông Đế-Thích xuống, thương yêu chồng tôi lắm. Ông mới dặn khi chồng tôi chết thì kêu ông, ông cứu giúp cho, rủi thi tôi quên đi. Đến một tháng tôi mới kêu ông, ông đến thi chồng tôi chết đã nát thịt rồi. Khi ấy vừa có anh bán thịt này mới chết,

nên ông đem hồn chồng tôi mà nhập với xác anh bán thịt này. »

Ông quan đòi thắng bán thịt ra một nơi riêng kia mà hỏi có biết ông Đế-Thích không, thì nó nói y như lời vợ Trương Hoa nói, nên quan cho nó về nhà Trương Hoa.

(Chép y nguyên văn bài số 31, trang 48-49-50 của tập “Truyện đời xưa” in lần thứ ba do ông Đinh-Thái-Sơn tự Phát-Toán xuất bản năm 1908 tại Sài-Gòn nơi nhà in Phát-Toán, 55-57 đường d’Ormay.)

203 | Truyện Thủ Huồn

(bài số 25 tr. 41)

Có một người tên là Thủ Huồn¹, ở tỉnh Gia Định, làm việc thợ-lại, thì làm nhiều sự bất nhơn muôn lợi cho mình mà hại người ta, cho đến khi già thì giàu có lắm. Người vợ chết đi, anh ta mới thôi làm thợ-lại. Mà không có con, ngồi buồn mòn tinh thần giàu có mà không con, chẳng dễ của làm chi cho nhiều, phải đi ra xứ Bắc-kỳ đặng mà mua đồ chơi. Té ra đến đó là xứ Quảng-yên, vừa gặp nhóm chợ Mạnh-ma, đủ cả người dương-gian âm-phủ đến đó, anh ta mới đến chợ ấy mà chơi, vừa gặp người vợ ở âm-phủ lên đi chợ. Lúc ấy vợ chồng gặp nhau mừng rỡ lắm.

1. *Huồn*: đây là tôi chép nguyên văn trong sách ra. Theo Việt-nữ chánh-tả tự-vị của ông bạn Lê-Ngọc-Trụ, chữ *Huồng* (viết có g), căn cứ theo tài-liệu nhà học-giả tiền bối Trương-Vĩnh-Ký đề lại, là do đọc trại tên ông này, viết *Võ-Thủ-Hoằng*.

Anh ta mới hỏi người vợ rằng : « Mày chết xuống âm-phủ bấy lâu nay mày làm nghề gì ? »

Người vợ nói rằng : « Tôi chết xuống tôi ở vú nuôi con cho vua, tôi sung sướng lắm. »

Anh ta lại nói rằng : « Tình nghĩa vợ chồng ở với nhau đã lâu, từ khi mày chết đến nay, thì tao thương nhớ mày lắm, bây giờ mà gặp mày đây, thì mày phải đem tao đi với, xuống mà coi thử cho biết làm sao. »

Người vợ nói : « Đi thì đi, mà không đặng ở lâu, trong năm ba bữa thì về mà thôi. »

Đó rồi vợ chồng dắt nhau đi. Đến nơi rồi, người vợ giấu anh ta ở dưới nhà bếp.

Anh ta mới nói với người vợ rằng : « Mày phải đem tao đi mẩy cửa ngực mà coi thử những người ở dương-gian làm sự chi, mà chết xuống mắc tội chi cho biết. »

Khi ấy người vợ đem anh ta đi đến cửa ngực kia, thấy có một cái gông lớn lắm, anh ta sợ lắm. Mới biếu người vợ đem lại chỗ anh chủ-ngực ở mà hỏi cái gông lớn đó, để phạt tội chi làm vậy mà không thấy ai mang ?

Anh chủ ngực mới nói : « Cái gông đó đề dành, đặng sau làm tội Thủ-Huồn. »

Anh ta mới hỏi : « Vậy cho Thủ-Huồn ở trên dương-gian làm những tội chi ? »

Chủ ngực nói rằng : « Vì tên Thủ-Huồn ở trên dương-gian làm việc thơ-lại, người ta có tội sống làm ra chết, tội phải làm ra quấy, cho vay đặt nợ một vốn ăn không biết mấy lớp lời, ăn ở nhiều sự bất nhơn bất nghĩa, trong bụng muốn tham lợi cho nhiều. »

Anh ta lại hỏi : « Như vậy thi vợ nó có tội chăng ? »

Chủ ngực nói : « Sự ấy là tại người chồng bất nhơn, thì làm tội một người chồng mà thôi, chờ vợ khỏi tội. »

Anh ta lại hỏi : « Tôi như vậy, phải làm sao cho hết ? »

Chủ ngục trả lời : « Phải làm chay cho lớn, và bỗ thi của ấy cho hết, thì khỏi tội. »

Anh ta mới nói với người vợ mau mau đem trở lên dương-gian, chỗ chợ Mạnh-ma, rồi anh ta mau mau trở về Gia-dinh, mới rước thầy làm chay, và làm việc bỗ thi đến ba năm, của anh ta mười phần hết bảy. Anh ta lại trở lại chỗ chợ Mạnh-ma một lần nữa, đặng chờ người vợ lên mà đi theo về âm-phủ mà coi thử cái gông đó làm sao. Vừa gặp người vợ lên, mới đem anh ta xuống âm-phủ một lần nữa, anh ta mới đến chỗ cái gông mà coi, thì thấy cái gông mười phần nhỏ hết chín phần, còn một. Anh ta thấy cái gông nhỏ lại làm vậy thì mừng lắm, mới hỏi anh chủ ngục làm sao mà cái gông đó, trước khi lớn, bây giờ nhỏ như vậy ? Anh chủ ngục nói : « Vì tên Thủ-Huồn ở trên dương-gian làm chay bỗ thi, thi tội nó giảm đi, cho nên cái gông nó nhỏ lại. Phải chi nó bỗ thi cho hết của nó đi, thì cái gông ấy tiêu mòn hết. »

Người vợ liền đem anh ta về dương-gian. Anh ta lại làm chay một lần nữa, và làm một cái nhà bè ở giữa sông (bây giờ là sông Nhà Bè) để mà thí tiền gạo, cùng nồi niêu trách trã và những đồ ăn, bỗ thi hoài hết của thi thôi. Lại làm rà một kiêng chùa tại tỉnh Biên-hòa, tục kêu là chùa Thủ-Huồn.

Lúc ấy anh ta nắm thấy chiêm bao, có một người đến nói rằng : « Mày có lòng bỗ thi đã nhiều, lại làm một kiêng chùa mà thờ phật, thì mày đã đặng khỏi tội, mà kiếp sau mày đặng phước lớn. »

Thấy như vậy hay vậy, chờ không biết làm sao. Té ra sau lại đến đời vua Đạo-Quang ở bên Tàu, có giấy qua hỏi nước An-nam tỉnh Gia-dinh có ai tên là Thủ-Huồn chẳng ? Khi ấy vua An-nam trả lời lại nói có, và hỏi vua Tàu vì có gì mà hỏi tên Thủ-Huồn làm chi ?

Bên Tàu trả lời lại nói : « Vì vua Đạo-Quang sanh ra, nơi bàn tay có chữ son đẽ rắng : « NAM VIỆT GIA-ĐỊNH THỦ-HUỒN ».

Thì hiểu là anh ta đầu thai kiếp khác được làm vua Tàu : cho nên vua Đạo-Quang có cúng ba cốt phật bằng vàng tại chùa Thủ-Huồn tỉnh Biên-Hòa.

(sao y nguyên văn bài số 25 trang 41-42-43 «Truyện Thủ-Huồn» của tập «Truyện đời xưa» do ông Đinh-Thái-Sơn tự Phát-Toán xuất bản lần thứ ba tại Sài-Gòn và in tại nhà in Phát-Toán 55-57 đường d'Ormay, năm 1908 không thấy đề tên tác giả. Đường d'Ormay nay đổi lại là đường Nguyễn-văn-Thinh, và nhà in Phát-Toán nay là nhà in cổ cựu nhứt ở Sài-Gòn Joseph Nguyễn-văn Viết).

Lời chú. Chuyện Thủ Huồn hay Võ - Thủ - Hoảng cho ta biết gốc tích sự thành lập nơi có địa danh là « Nhà Bè » nay còn đó. Chuyện có đáng tin hay không, chợ Mạnh-ma ở Quảng-Yên có hay chăng, tôi không dám phê bình. Vì cốt truyện là khuyễn thiện trùng tham, nên đẽ dành trong sách. Duy vua Đạo-Quang là có thật, ông tức vị năm Tân-tị (1821) băng năm 1851 (Tân hợi), thọ 69 tuổi miếu hiệu Tuyên-tông Thành hoàng-đế (Siuen tsong Tch'eng hoang-ti). Việc ông vua này là hậu kiếp ông Võ-Thủ-Hoảng tôi không dám biết.

Nhà Bè còn đó, còn chùa Thủ Huồng ở Biên-Hòa có còn chăng, là một vấn đẽ thiển sót, tôi chưa được nghiên cứu và ước mong người thức giả xứ bưởi ngọt chỉ giáo.

MỤC LỤC

SỐ THỨ TỰ	TRANG
1 Chuyện Ký Viên (<i>Huỳnh-tịnh Của</i>)	19
2 Cây đơn (<i>G. Cordier</i>)	20
3 Ông điếc mừng tuổi (<i>G. Cordier</i>)	21
4 Sửa mũ mấn (<i>P.H.S. số 1</i>)	22
5 Dương phù âm trợ (<i>Thợ-An số 24</i>)	24
6 Ông thần bia (<i>P.H.S. số 2</i>)	24
7 Ăn nói khoan thai (<i>Thợ-An số 29</i>)	25
8 Tánh người chậm lụt (<i>P.H.S. số 13</i>)	26
9 Tánh trầm tĩnh của người Hồng mao (<i>T.S.V.P.</i>)	27
10 Lửa cháy nhà (<i>tiểu lâm Tây</i>)	29
11 Từ hôn (<i>T.L.T.</i>)	29
12 Mảng lo viết văn (<i>T.L.T.</i>)	29
13 Nghe qua thì biết (<i>P.H.S. số 3</i>)	31
14 Cha dạy con (<i>P.H.S. số 5</i>)	31
15 Thằng bé ngu tối (<i>Thợ-An số 28</i>)	33
16 Giấu cày (<i>P.H.S. số 17</i>)	34
17 Ông già thiệt thà (<i>Thợ-An số 36</i>)	35
18 Tướng là gì (<i>Thợ-An số 1</i>)	35
19 Hai anh sờ vợ (<i>P.H.S. số 22</i>)	36
20 Thơ cóc (<i>Thợ-An số 38</i>)	37
21 Ba anh dốt làm thơ (<i>Trương Vĩnh-Ký số 49</i>)	38
22 Bụng không	39
23 Không chịu thua (chuyện cờ tướng) (<i>P.H.S. số 7</i>)	40
24 Chỉ nước cờ (chuyện cờ tướng) (<i>P.H.S. số 21</i>)	41
25 Cờ ngoài bài trong (<i>Thợ-An số 82</i>)	41
26 Ông đồ Nghệ làm thơ (<i>Thợ-An số 61</i>)	42
27 Bốn anh học trò đặt thơ trong chùa (<i>Trương Vĩnh-Ký số 50</i>)	43

28	Chẽ giấm (<i>P.H.S.</i> số 8)	44
29	Phép trị rượu chua (<i>P.H.S.</i> số 12)	44
30	Hùn vốn đặt rượu (<i>P.H.S.</i> số 28)	45
31	Uống rượu bằng chén con mà chết hóc (<i>Tho-An</i> số 108)	45
32	Cạo váy (<i>P.H.S.</i> số 33)	47
33	Thầy hù (<i>P.H.S.</i> số 9)	47
34	Cái gì không xài nó dài ra (<i>V.h.S</i> 2n)	51
35	Vấn đề râu.— Mặt dày (<i>Tho-An</i> số 100)	52
36	— Mặt dày (<i>P.H.S.</i> số 10)	53
37	— Ông rậm râu (<i>Tho-An</i> số 8)	54
38	— Ông già không miệng (<i>P.H.S.</i> và <i>D.D.</i> số 40)	54
39	— Giống ông bộ râu (<i>V.h.S.</i>)	55
40	— Thầy pháp râu đỏ, (số 14 <i>Trương Vĩnh-Ký</i>)	56
	Lời giải bày	57
41	— Thuốc nhuộm râu (<i>Tho-An</i> số 92)	58
42	— Lấy giống râu (<i>Tho-An</i> số 59)	59
43	— Râu quai nón (<i>Tho-An</i> số 44)	60
44	— Lấy thuốc mọc râu (<i>Tho-An</i> số 60)	61
45	— Thuốc trồng râu (<i>P.H.S.</i> số 39)	63
46	— Trên dưới thông đồng (<i>P.H.S.</i> số 35)	63
47	— Liên-hữu-hội (<i>P.H.S.</i> số 38)	64
48	— Truyện người râu ba chòm, người râu ria (<i>Phát-Toán</i> số 47)	65
49	Tho ngựa hay (<i>P.H.S.</i> số 6)	66
50	Chó ngáp (<i>P.H.S.</i> số 11) (so sánh với bài số 3 trong lập)	67
51	Kết lương hữu (<i>P.H.S.</i> số 14)	68
52	Chiêm bao rủi (<i>P.H.S.</i> số 15)	68
53	Coi sách (bài số 16 <i>P.H.S.</i>)	69
54	Ông đánh cháu (<i>P.H.S.</i> số 18)	70
55	Làm biếng hai kiếp (<i>P.H.S.</i> số 19)	70
56	Dời nhà (<i>P.H.S.</i> số 20)	71
57	Tuổi sụt (<i>P.H.S.</i> số 22)	72
58	Rẽ bất lợi (<i>P.H.S.</i> số 23)	72
59	Muron dày tớ không tiền (<i>P.H.S.</i> số 24)	73
60	Hai ánh em làm ruộng (<i>P.H.S.</i> số 25)	74
61	Không đái khách (<i>P.H.S.</i> số 26)	74

62	Một món cưng đù (<i>P.H.S.</i> số 27)	75
63	Hà tiễn (<i>P.H.S.</i> số 29)	75
64	Xin nước lạnh (<i>P.H.S.</i> số 30)	76
65	Cho đùi cắp (<i>P.H.S.</i> số 31)	76
66	Đòi nợ (<i>P.H.S.</i> số 32)	77
67	Mỗi ăn nhà (<i>P.H.S.</i> số 33)	77
68	Mua phân (<i>P.H.S.</i> số 34)	78
69	Chuột cắn (<i>P.H.S.</i> số 35)	78
70	Dốt hay nói chữ (<i>P.H.S.</i> số 36)	79
71	Nói láo như bò (<i>P.H.S.</i> số 37)	79
72	Đi làm rề (<i>P.H.S.</i> số 38)	81
73	Lò mò (<i>P.H.S.</i> số 39)	81
74	Con rắn vuông (<i>P.H.S.</i> số 40)	82
75	Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ (<i>P.H.S.</i> số 41)	83
76	Kính mang coi sách (<i>P.H.S.</i> số 42)	83
77	Giáu đồ kéo chúng giựt (<i>P.H.S.</i> số 43)	84
	Bài tựa truyện ông Ó	87
78	Cho mượn trâu (<i>B.Q.N.</i> số 1)	90
79	Nói láo gạt người hàng thịt (<i>B.Q.N.</i> 2)	91
80	Nói láo có sách (<i>B.Q.N.</i> 3)	92
81	Nói láo tới Huế (<i>B.Q.N.</i> 4)	93
82	Nói láo gạt các quan (<i>B.Q.N.</i> 5)	94
83	Nói láo gạt quân lính (<i>B.Q.N.</i> 6)	94
84	Nói láo gạt ông quan hưu tri (<i>B.Q.N.</i> 7)	95
85	Nói láo trong dinh Đông-cung (<i>B.Q.N.</i> 8)	96
86	Từ Huế về Nam (<i>B.Q.N.</i> 9)	97
87	Câu Ông (<i>B.Q.N.</i> 10)	98
88	Nói láo tinh tuồng, đàn bà hoảng kinh (<i>B.Q.N.</i> 11)	99
89	Người chết của hết (<i>B.Q.N.</i> 12)	100
90	Đặt rượu bằng khoai thui và khoai súng (<i>B.Q.N.</i> 13)	101
91	Chó săn (<i>B.Q.N.</i> 14)	103
92	Khi ông Ó về tới nhà (<i>B.Q.N.</i> 15)	105
93	Sứa mủ mẫn (<i>bài số 1 Phung-hoàng-San và Dịong-Diếp</i>) (xem số 4)	111
94	Chim đồng độc (số 2)	111
95	Không bỏ thói cũ (xem số 236 tr. 218 <i>Kieu ngao den chet khong chira</i>)	112
96	Nghẹt lối (số 4)	112
97	Dâu giọi cha chồng (số 5)	113

98	Mượn ngựa — (số 6)	114
99	Thuốc mắc cỗ (số 7)	114
100	Hồi chô làm (số 8)	115
101	Coi đầu mua nón (số 9)	115
102	Giáo tập — (số 10)	116
103	Thầy say rượu (số 11)	116
104	Nói chữ An-nam ra chữ Tây (số 12)	117
105	Thầy dốt (số 13)	117
106	Thuốc ngừa (số 14)	118
107	Đánh cha già (số 15)	119
108	Ngồi lâu phải đổi (số 20)	119
109	Sớm đỗ tối đèn (số 21)	120
110	Học lội (số 22)	120
111	Địa lý (số 23)	120
112	Chó cắn tay (số 16)	121
113	Mới dựng kê (số 17)	121
114	Đừng cho thuốc người mập (số 18)	122
115	Thầy thuốc hay (số 19)	123
116	Hết gạo (số 24)	123
117	Đi thú (số 25)	124
118	Tánh không chừng (số 26)	125
119	Thuốc rất linh nghiệm (số 27)	125
120	Mau phai (số 28)	126
121	Cũng chết (số 29)	126
122	Cũng một môn (số 30)	127
123	Hết trị (số 31)	127
124	Đói ăn (số 32)	128
125	Cạo vây (xem bài số 31 trong tập)	128
126	Tá thơ ngu, huờn thơ ngu (số 34)	128
127	Trên dưới thông đòng (xem số 45 trong tập)	129
128	Cho sống lại (số 36)	129
129	Thầy thuốc đánh lộn (số 37)	130
130	Liên-hữu-hội (xem số 46 trong tập)	130
131	Thuốc tròng râu (xem bài số 44 trong tập)	131
132	Ông già không có miệng (xem số 37 trong tập)	131
133	Bị mắng (số 41)	131
134	Người lùn hun vợ (số 42)	132
135	Cũng là thằng đui sướng (số 43)	132
136	Tiếng không xa (số 44)	133
137	Cận thị (số 45)	133

138	Bay nón (số 46)	134
139	Địt hay (số 47)	134
140	Ăn trộm địt (số 48)	134
141	Cửa chẳng lìa mình (số 49)	135
142	Dám cho thua (số 50)	135
	Lời bàn dẫn qua chuyện vui của ông Trương Vĩnh-Ký	137
143	Cũng vậy (số 1 <i>Chuyện vui T.V.K.</i>)	143
144	Thơ ngày tết (số 2)	144
145	Tú Suất lật váy bà quan (số 3)	144
146	Tú Suất lấy quần phoi ngoài sào (số 4)	145
147	Tú Suất giành mèn ông Huyện (số 5)	146
148	Chữ Thiên trời đầu (số 6)	147
149	Thơ hòa-thượng (số 7)	147
150	Đối thần làn với khỉ gió (số 8)	148
151	Đối được vợ (số 9)	148
152	Câu đối có chi khí (số 10)	150
153	Than kinh (số 11)	150
154	Bè cau (số 12)	151
155	Hóc lưỡi búa (số 13)	151
156	Cá rô cây (số 14)	152
157	Nửa trụ cột, nửa trụ canh (số 15)	153
158	Yả vật (số 16)	153
159	Ăn hàng không trả tiền (số 17)	154
160	Nghe trống ném ki đi về (số 18)	154
161	Con học trò cứu thầy già Sáu (số 19)	155
162	Cứu Cụ cho khỏi bị bắt (số 20)	156
163	Anh kè cào (số 21)	156
164	Thầy kiện (số 22)	157
165	Khẳng khái (số 23)	158
166	Cấp trí (số 24)	159
167	Tú Suất bỏ cùi giải nạp về tĩnh thành (số 25)	159
168	Tú Suất chọc con gái ông Tông-đốc (số 26)	160
169	Đánh phách (số 27)	161
170	Làm bộ chị thợ làm bánh (số 28)	162
171	Thợ chum rồng trổ phụng (số 29)	163
172	Làm xay (số 30)	164
173	Chó có sừng (số 31)	164
174	Dụng mưu làm thuốc (số 32)	165
175	Thầy rờ (số 33)	165

176	Ông Huyện với ông Đồ (số 34)	166
177	Ngô-Thi-Sĩ với ông Tân-lý Thường (số 35)	167
178	Người cang đầm (số 36)	168
179	Cà xốc (số 37)	168
180	Tú Suất bắt mụ nữ-tu (số 38)	169
	Lời bàn	170
181	Chuyện Cổng Quỳnh (<i>Trương Vĩnh-Ký</i> số 30)	171
182	Giấu đầu ra đuôi (<i>bài số 10 Đổi cô kỵ quan</i> <i>Đặng-Lê-Nghi</i> 1910)	182
183	Cóc cắn bẽ nòi vồ (<i>bài số 22</i>)	n.t. 183
184	Tham thi thảm (<i>bài số 26</i>)	n.t. 186
185	Ông chảng (<i>heo rừng lớn</i> , số 27)	n.t. 191
186	Bà già hóa ra nắp hòm (số 35)	n.t. 195
187	Tử sanh hữu mạng (số 11)	n.t. 201
188	Ma liệng ban ngày (số 12)	n.t. 202
189	Một đêm ma nhát hai lần (số 14)	n.t. 204
190	Ông bà bắt con cháu, con cháu bắt ông bà (số 23)	n.t. 207
191	Nàng dâu chí hiếu (số 24)	n.t. 210
192	Cop oán (số 32)	n.t. 213
193	Cá ông cứu người (số 34)	n.t. 220
194	Cop hóa ra chó (số 36)	n.t. 222
195	Nước nóng trừ bệnh điên (số 37)	225
196	Xà-niên (số 38)	229
197	Trâu khôn sáu linh (số 39)	232
198	Nước gừng trừ bệnh bôn đòn (<i>lớn dài</i>) (số 40)	235
199	Hồn Gia-định, xác Bắc-thành (số 42)	239
200	Tà bất cảm chánh (số 30)	241
201	Chuyện ma trong Chợ-lớn của ông Bạch Ngọc	245
202	Hồn Trương Hoa, ma hàng thịt (<i>Chuyện đời xưa</i> <i>Đinh-Thái-Sơn</i> 1908)	247
203	Chuyện Thủ Huồn (<i>Chuyện đời xưa</i> <i>Đinh-Thái-Sơn</i> in năm 1908)	250

Từ nhà kho Quán Ven Đường